

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 239 /PDV - CBTT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 08 năm 2024

V/v: Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - Quý Cổ đông.
- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics);
 - Mã chứng khoán: PDV
 - Trụ sở chính: Lầu 8, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM;
 - Điện thoại: (028) 62911 281; Fax: (028) 62911 280; Email: info@pvtlogistics.vn;
 - Người công bố: ông Hồ Sĩ Thuận – TV HĐQT Công ty/Giám đốc Công ty
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần 18 ngày 27/11/2023 (lần đầu ngày 20/04/2007);
 - Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt nhận được **Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 119/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/08/2024**. Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu ra công chúng như sau:

- Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 119/GCN-UBCK ngày 02/08/2024;
- Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Thông tin được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt tại website <http://pvtlogistics.vn/>

PVT Logistics cam kết các thông tin công bố là đúng với sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKTKH, Tổ CBTT;
- Lưu: VT, TH (2b).

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Hồ Sĩ Thuận

Số: 119 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 8 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

– Tên nước ngoài: PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION

– Trụ sở chính: Lầu 8, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0304934883 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

– Vốn điều lệ: 430.873.310.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu ba trăm mười nghìn đồng).



Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt được đăng ký chào bán thêm ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán: 23.008.635 cổ phiếu (Hai mươi ba triệu không trăm linh tám nghìn sáu trăm ba mươi lăm cổ phiếu);
4. Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán tính theo mệnh giá: 230.086.350.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ không trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ.

Điều 4. Giấy Chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy Chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. *M*

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thu

Số: 235./PDV-TCKTKH

TPHCM, ngày 06 tháng 08 năm 2024

THÔNG BÁO

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 119/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/08/2024)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
- Tên viết tắt: PVT Logistics
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, cao ốc Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.62911281 Fax: 028.62911280 Website: www.pvtlogistics.vn
- Vốn điều lệ: 430.873.310.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: PDV
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Tây Sài Gòn
Số hiệu tài khoản: 1576777879
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0304934883 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2023
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển. Mã ngành: 5012
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh vận tải biển và kinh doanh thương mại; Khai thác tàu; Đại lý tàu biển; Quản lý và cung ứng thuyền viên; Quản lý tàu.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): không có.

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để: bổ sung vốn hoặc bù đắp vốn đã sử dụng để đầu tư đội tàu theo kế hoạch đầu tư 2024.



III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 23.008.635 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 23.008.635 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động: 230.086.350.000 đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 230.086.350.000 đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
6. Phương thức phân phối (*thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, đấu giá...*): chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 1.000:534 (Cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền được hưởng 01 quyền mua, cứ 1.000 quyền mua được quyền mua 534 cổ phiếu mới của đợt chào bán này). Phương án chi tiết nêu trong Bản cáo bạch.
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: không có
8. Thời gian nhận đăng ký mua: **Từ ngày 26/08/2024 đến ngày 16/09/2024.**
9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
 - Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa đặt mua chứng khoán.
10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: **Từ ngày 26/08/2024 đến ngày 16/09/2024.**
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
 - Số tài khoản: **7976777879**
 - Người thụ hưởng: **Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt**
 - Mở tại: **NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn**
12. Các tổ chức liên quan
 - Tổ chức tư vấn:
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM:



Trụ sở chính : Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Điện thoại : (+84-24) 3936 6990 Fax : (+84-24) 3936 0262
Chi nhánh HCM : Tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (+84-28) 3820 8116 Fax: (+84-28) 3820 8117
Website : www.vcbs.com.vn

– Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ : Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam - Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57 - 69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 3910 0751 Fax: (028) 3910 0750
Website : www.deloitte.com.vn

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

– Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, cao ốc Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
– Điện thoại: 028.62911281 Fax: 028.62911280
– Website: www.pvtlogistics.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

– Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
– Điện thoại: 028 3820 8116 Fax: 028 3820 8116
– Website: www.vcbs.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
GIÁM ĐỐC**



HỒ SĨ THUẬN

Số: 236/PDV-TCKTKH

TPHCM, ngày...06 tháng 08 năm 2024

V/v: Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền và
thực hiện quyền mua cổ phiếu cho
cổ đông hiện hữu.

THÔNG BÁO

**(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức
năm 2023 bằng tiền và thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)**

Kính gửi: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG
ĐÔNG VIỆT**

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Trụ sở chính: : Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 6291 1281. Fax: 028 6291 1280.

**Chúng tôi thông báo đến Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
(VSDC) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán
sau:**

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Mã chứng khoán: PDV.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Sàn giao dịch: UPCOM.
- Ngày đăng ký cuối cùng: **19/08/2024**

1. Lý do và mục đích

- Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền và thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2. Nội dung cụ thể

2.1. Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền

- Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng).
- Ngày thanh toán: **29/8/2024**.
- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Văn phòng Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt, địa chỉ: Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ 2 đến thứ 6) bắt đầu từ ngày 29/8/2024. Cổ đông hoặc người được ủy quyền làm thủ tục nhận cổ tức cần xuất trình CMND/CCCD/Hộ chiếu, Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, Giấy ủy quyền hợp lệ và CMND/CCCD/Hộ chiếu của người được ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền)

2.2. Thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 23.008.635 cổ phiếu.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 1.000:534 (Cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền được hưởng 01 quyền mua, cứ 1.000 quyền mua được quyền mua 534 cổ phiếu mới của đợt chào bán này).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):
 - + Thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
 - + Đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bao gồm: cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng từ chối mua hoặc không nộp tiền mua hết cổ phiếu chào bán: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động giữ chức danh chủ chốt hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - + Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu nêu trên khi được chào bán tiếp theo quyết định của Hội đồng quản trị theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
 - + Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 100 Cổ phiếu, sẽ được hưởng 100 quyền mua. Khi đó, số Cổ phiếu chào bán thêm Cổ đông A được mua như sau: $(100/1.000) \times 534 \text{ CP} = 53,4 \text{ CP}$. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế cổ đông A được mua là 53 cổ phiếu.
 - + Công ty cam kết không phân phối cổ phiếu cho các Công ty con, Công ty con trong cùng công ty mẹ đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”.


- + Trường hợp cổ đông hoặc nhà đầu tư (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị) mua cổ phiếu cần phân phối theo phương án chào bán này dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết vượt quá tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì đối tượng đó có trách nhiệm thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật. Công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật..
- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:
 - + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: **Từ ngày 26/08/2024 đến ngày 13/09/2024.**
 - + Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định, nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người khác).
 - + Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác trong trường hợp dẫn đến vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.
 - + Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối
- Quy định về chứng khoán đặt mua:
 - + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: **Từ ngày 26/08/2024 đến ngày 16/09/2024.**
 - + Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng.
- Địa điểm thực hiện:
 - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa đặt mua chứng khoán.
- Thông tin về tài khoản phong tỏa đặt mua chứng khoán:
 - + Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
 - + Số tài khoản: 7976777879
 - + Nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

Đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng): Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt - Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: accounting@pvtlogistics.vn

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCK Hà Nội;
- Lưu VT. 

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
GIÁM ĐỐC**



HỒ SĨ THUẬN

*** Tài liệu đính kèm:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/4/2024 kèm
 - o Phụ lục 05 – Tờ trình v/v phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ năm 2023 và phương án chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2023;
 - o Phụ lục 12 – Tờ trình v/v phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng;
- Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/07/2024 của Hội đồng quản trị v/v thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán;
- Bản sao Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp;
- Bản sao Bản cáo bạch đã được UBCKNN phê duyệt.



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304934883 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 20/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 119./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../2024, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Trụ sở chính : Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 6291 1281 - Fax: 028 6291 1280
Website : www.pvtlogistics.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Điện thoại : (+84-24) 3936 6990 Fax : (+84-24) 3936 0262
Chi nhánh HCM : Tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (+84-28) 3820 8116 Fax: (+84-28) 3820 8117
Website : www.vcbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Ông **Hồ Sĩ Thuận** - Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 028 6291 1281 - Fax: 028 6291 1280

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán : 23.008.635 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá : 230.086.350.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty : **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, phường Bến
Nghe, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 7101 4555 - Fax: 028 3910 0750

Website : www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn
Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : (+84-24) 3936 6990 Fax : (+84-24) 3936 0262

Chi nhánh HCM : Tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (+84-28) 3820 8116 Fax: (+84-28) 3820 8117

Website : www.vcbs.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
1.	Tổ chức phát hành	1
2.	Tổ chức tư vấn	1
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro về kinh tế	1
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro đặc thù	8
4.	Rủi ro về đợt chào bán	9
5.	Rủi ro pha loãng	10
6.	Rủi ro quản trị công ty	12
7.	Rủi ro khác	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM	13
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành	15
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	19
3.	Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	21
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	21
5.	Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	26
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	27
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	32
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	32
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	32
10.	Hoạt động kinh doanh	33
11.	Chính sách đối với người lao động	56
12.	Chính sách cổ tức	58

13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	58
14.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành:	59
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	59
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	59
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	59
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	59
2.	Tình hình tài chính	62
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	67
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	68
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	71
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	71
2.	Thông tin về cổ đông lớn	71
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.....	82
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	114
1.	Loại cổ phiếu.....	114
2.	Mệnh giá cổ phiếu.....	114
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	114
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	115
5.	Giá chào bán dự kiến	115
6.	Phương pháp tính giá	115
7.	Phương thức phân phối	116
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	117

9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	118
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	119
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ phiếu	119
12.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	119
13.	Hủy bỏ đợt chào bán	119
14.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	120
15.	Các loại thuế có liên quan	120
16.	Thông tin về các cam kết	122
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	122
1.	Mục đích chào bán	122
2.	Phương án khả thi:	123
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	132
1.	Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán	132
2.	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	133
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	134
1.	Các đối tác liên quan đến đợt chào bán	134
2.	Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán.....	134
XI.	THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	135
XII.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN:	136
XIII.	PHỤ LỤC.....	138

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông: **Lê Trúc Lâm** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: **Hồ Sĩ Thuận** - Chức vụ: Giám đốc
- Ông: **Nguyễn Thái Đạo** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

- Đại diện được ủy quyền: Ông **Trần Quốc Việt** – Chức vụ: **Giám đốc chi nhánh**

(Giấy ủy quyền số: 15/2024/UQ-VCBS-KSNB, ngày 23/2/2024 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số: 04/2023/VCBS-TVTCND ký ngày 20/12/2023 và phụ lục số 01 ngày 24/6/2024 với Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại. Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi

ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Nhằm hỗ trợ tăng trưởng, Chính phủ tiếp tục thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định...

Những tháng đầu năm 2024, kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương đã quyết liệt thực hiện giải pháp trong Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế – xã hội nhằm đạt kết quả cao nhất các mục tiêu của kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024.

GDP 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của 6 tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%.

Biểu đồ II.1: Tốc độ tăng trưởng GDP 6 tháng so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2020- 2024 (%)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp duy trì tăng trưởng ổn định, sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước, nuôi trồng thủy sản tăng khá. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước; ngành lâm nghiệp tăng 5,34%; ngành thủy sản tăng 3,76%.

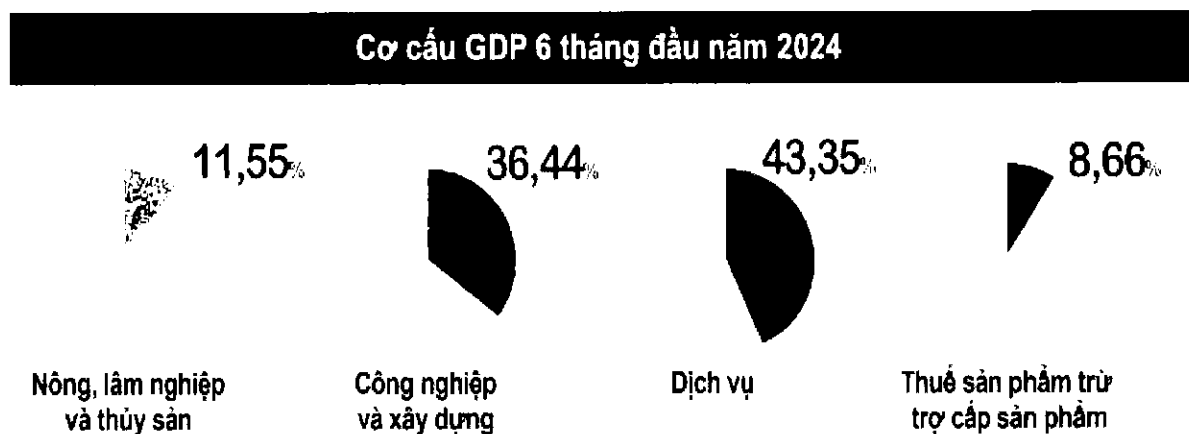
Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp duy trì đà tăng trưởng, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực tăng khá, đáp ứng nhu cầu đơn hàng mới của doanh nghiệp. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng 7,54% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,32% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,67%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,26%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,13%; riêng

ngành khai khoáng giảm 7,22%. Ngành xây dựng tăng 7,34%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024.

Trong khu vực dịch vụ, xuất khẩu tăng cao theo xu hướng phục hồi nhu cầu tiêu dùng thế giới, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,64% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 1,18% và 5,06% của cùng kỳ các năm 2020 và năm 2021. Đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,34% so với cùng kỳ năm trước; ngành vận tải, kho bãi tăng 11,02%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,18%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,94%.

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,55%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,44%; khu vực dịch vụ chiếm 43,35%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,66% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2023 là 11,64%; 36,46%; 43,10%; 8,80%).

Biểu đồ II.2: Cơ cấu GDP 6 tháng đầu năm 2024



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 11,63 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,44 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,35 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 23,98 tỷ USD.

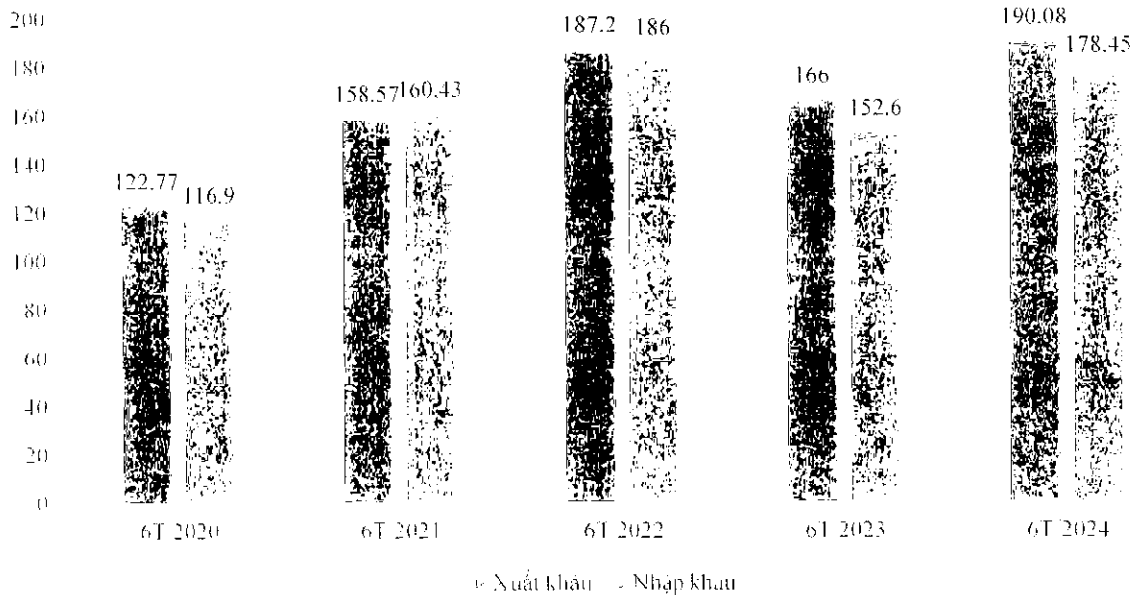
Về xuất khẩu: kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 190,08 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 53,39 tỷ USD, tăng 20,6%, chiếm 28,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 136,69 tỷ USD, tăng 12,3%, chiếm 71,9%. Xét về nhóm ngành, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 166,79 tỷ USD, chiếm 87,7% tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm.

Về nhập khẩu: kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 178,45 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 65,74 tỷ USD, tăng 22,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 112,71 tỷ USD, tăng 14,1%. Xét về nhóm

ngành, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 167,73 tỷ USD, chiếm 94% tổng kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 54,3 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 67 tỷ USD.

Biểu đồ II.3: Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng giai đoạn 2020 – 2024



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong 6 tháng đầu năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 4,8% cùng kỳ 6 tháng 2023, phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh trong nước trong nửa đầu năm 2024 phục hồi rõ nét ở nhiều ngành, lĩnh vực, tạo động lực cho thu hút và thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức cao nhất 6 tháng đầu năm của các năm từ 2020 đến nay.

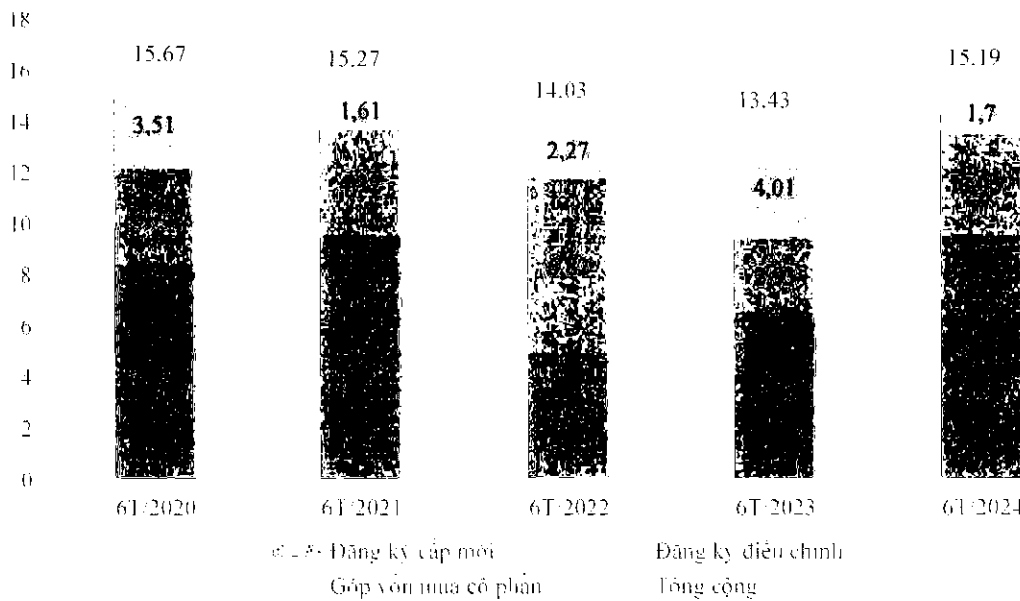
Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành 6 tháng đầu năm ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, (quý II/2024 ước đạt 834,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước), bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 392,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 27% tổng vốn và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 799,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,1% và tăng 6,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 259,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,9% và tăng 10,3%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,19 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: 1.538 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 9,54 tỷ USD, tăng 18,9% về số dự án và tăng 46,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; 592 lượt

dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 3,95 tỷ USD, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước; 1.420 lượt với tổng giá trị góp vốn 1,7 tỷ USD, giảm 57,7% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, có 501 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 696,7 triệu USD và 919 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1 tỷ USD).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ II.4: Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/6 các năm 2020-2024 (Tỷ USD)

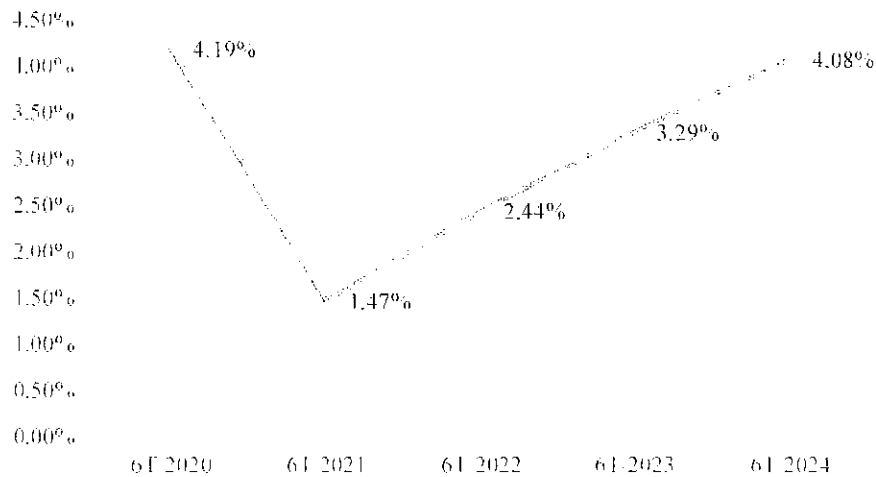


(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1.2. Lạm phát

Trong quý II/2024, lạm phát cơ bản bình quân tăng 2,75% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,08%) chủ yếu do nguyên nhân chính là giá thịt lợn tăng (do dịch tả lợn châu Phi tại một số địa phương), giá dịch vụ y tế của một số tỉnh/thành phố được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế..

Biểu đồ II.5: Tốc độ tăng CPI bình quân 6 tháng so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2020 - 2024 (%)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải dầu, hóa chất như PDV, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nhiên liệu, nhân công, lãi vay...

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung cũng như của PDV nói riêng, giúp PDV kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

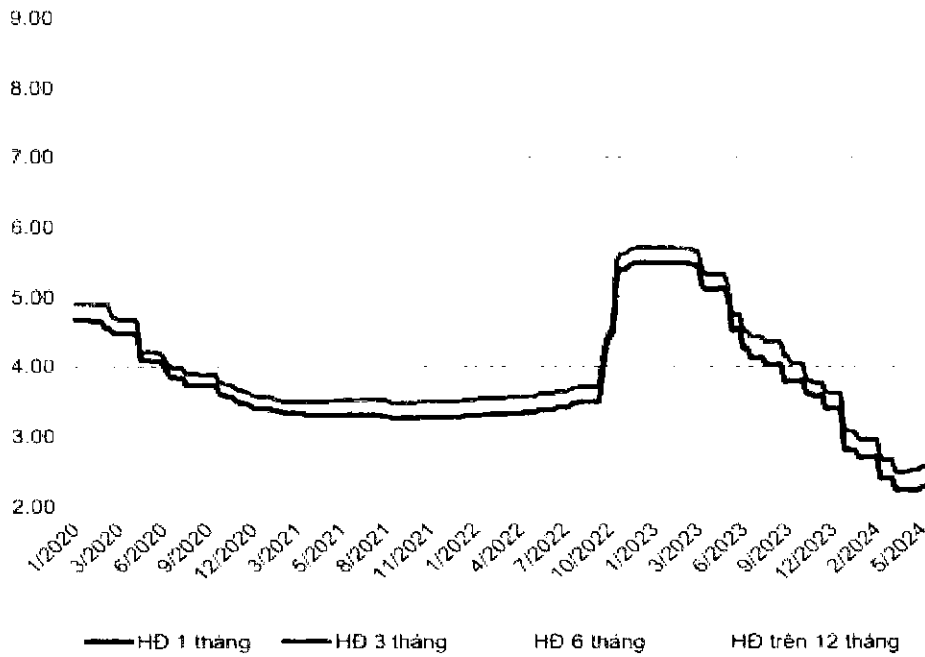
1.3. Lãi suất

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, từ đầu năm 2024 đến nay, lãi suất huy động giảm nhẹ 5-10 điểm chủ yếu tại các kỳ hạn ngắn dưới 12 tháng. Lãi suất huy động giảm trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng chỉ mới tăng nhẹ trở lại. Đối với các kỳ hạn trên 12 tháng, số ít các ngân hàng có điều chỉnh tăng nhẹ 10 điểm nhưng chưa đủ đảo ngược xu hướng lãi suất thấp

Có thể thấy mặt bằng lãi suất huy động bình quân đã kết thúc xu hướng giảm và có tín hiệu cho thấy các ngân hàng có thể điều chỉnh lãi suất huy động tăng trở lại trong quý 3.

Biểu đồ II.6: Lãi suất huy động tiền gửi bình quân (đơn vị %)



(Nguồn: VCBS)

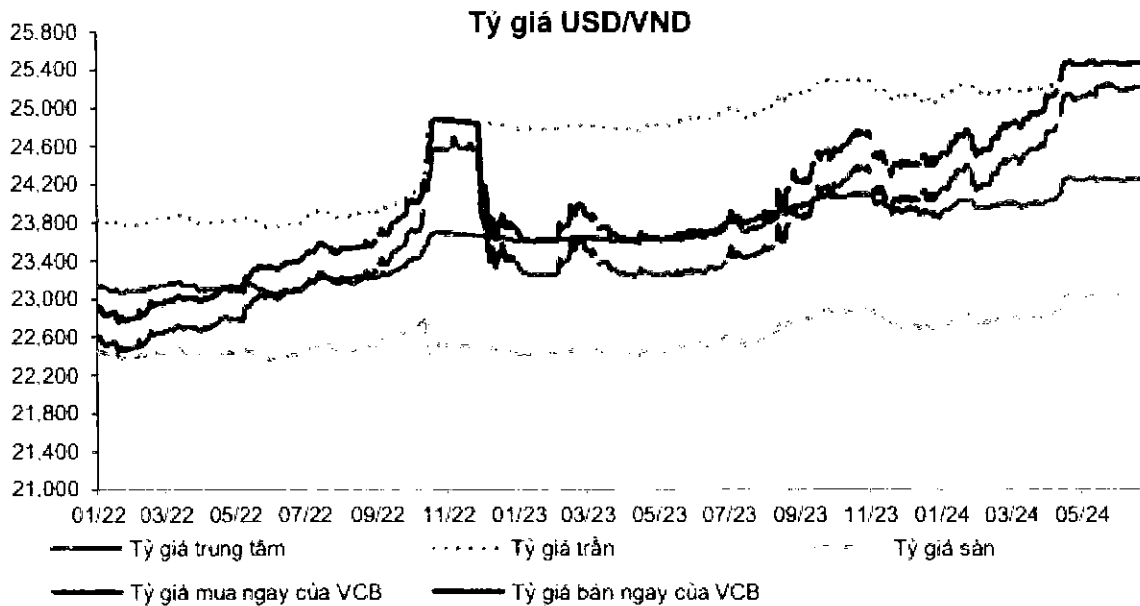
Mặc dù không phải trong giai đoạn lãi suất cao, nhưng để chuẩn bị các phương án hạn chế rủi ro lãi suất, Công ty luôn theo sát diễn biến lãi suất thị trường để có kế hoạch tài chính phù hợp với từng giai đoạn. Bên cạnh đó, PDV có lợi thế là công ty đại chúng, có cổ phiếu giao dịch trên sàn giao dịch Upcom, có tính minh bạch cao, có năng lực tài chính tốt, hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng cao, do đó PDV nhận được nhiều sự quan tâm và những chính sách hỗ trợ, hợp tác của các tổ chức tín dụng giúp cho các hoạt động của PDV được diễn ra thông suốt và tạo nên những giá trị lớn về kinh tế, xã hội.

1.4. Tỷ giá

Từ đầu năm 2024, các chuyên gia kinh tế tiếp tục dự báo về sự duy trì sức mạnh của đồng USD. Điều này bắt nguồn từ kỳ vọng Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ sẽ chỉ hạ lãi suất trong 6 tháng cuối năm 2024 vì nền kinh tế Mỹ phục hồi chưa đạt kỳ vọng. Và việc này gây áp lực lớn đến tỷ giá USD/VND trong 6 tháng đầu năm 2024. Từ giữa tháng 4/2024 đến nay, tỷ giá luôn được giao dịch ở sát ngưỡng trần, mức giảm giá tiền đồng lên tương đương 5% so với USD.

Để phần nào giảm áp lực cho tỷ giá, đảm bảo nhu cầu ngoại tệ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã triển khai một số biện pháp như nâng dần lãi suất tín phiếu và mua kỳ hạn trên thị trường nhằm thu hẹp khoảng cách lãi suất giữa VND và USD, đồng thời thực hiện bán ngoại tệ can thiệp.

Biểu đồ II.7: Diễn biến tỷ giá giai đoạn 2022 - 2024



(Nguồn: VCBS, Ngân hàng Nhà nước)

Hiện tại toàn bộ đội tàu của PDV hoạt động khai thác tại thị trường quốc tế, do vậy nguồn thu chính của công ty từ các hợp đồng chạy tàu tuyến quốc tế và PDV có thể chủ động cân đối ngoại tệ để hoàn trả các khoản vay ngoại tệ của mình. Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

PDV là Công ty đại chúng và có Cổ phiếu giao dịch trên sàn giao dịch Upcom, do đó Công ty chịu tác động của hệ thống văn bản pháp luật bao gồm: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, một số quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động... Để thích nghi với những thay đổi trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Công ty đã bố trí nhân sự chủ động cập nhật các văn bản pháp luật mới được ban hành nhằm hạn chế rủi ro xuống mức thấp nhất và đảm bảo tính ổn định khi vận hành doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Công ty luôn coi việc tuân thủ pháp luật là điều kiện tiên quyết trong công tác quản trị và là một trong những mục tiêu trọng yếu trong việc phát triển Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về giá nguyên liệu và giá cước vận tải

PDV là Công ty chuyên kinh doanh về vận tải, do đó việc biến động giá dầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành vận tải nói chung và PDV nói riêng. Những rủi ro này sẽ được PDV giảm thiểu đến mức thấp nhất từ việc theo dõi sát sao tình hình kinh tế thế giới để có những dự báo về xu hướng giá dầu trong thời gian sắp tới từ đó đề ra chiến lược ứng phó kịp thời. Trong thời gian giá dầu tăng cao như vừa qua, Công ty tăng cường hình thức cho thuê tàu định hạn, khi đó chi phí nhiên liệu sẽ do bên thuê chịu. Với tình hình giá dầu biến động như hiện nay, nếu giá dầu giảm sẽ gây tác động hai chiều đến tình

hình kinh doanh của PDV như sau: giúp PDV tiết kiệm chi phí nhiên liệu vận hành tàu, nhưng giá dầu giảm sẽ có thể làm ảnh hưởng đến giá cước vận tải do làm giảm doanh thu/lợi nhuận của các khách hàng lớn của PDV trong lĩnh vực dầu khí. Do đó, việc đưa ra các kịch bản để phân tích độ nhạy và theo dõi tình hình diễn biến giá dầu là điều rất cần thiết và thường xuyên trong tình hình hiện nay.

3.2. Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp cùng ngành trong nước cũng như các công ty nước ngoài có quy mô lớn. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của công ty nhỏ cũng là một hạn chế lớn cho Công ty trong việc cạnh tranh cung cấp dịch vụ. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải có chính sách đầu tư phù hợp, đẩy mạnh đầu tư trẻ hóa đội tàu, con người, hệ thống quản lý để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, đồng thời có chiến lược hợp lý để tăng quy mô vốn hoạt động nhằm tăng khả năng tài chính, nâng cao hiệu quả cạnh tranh, hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, với lợi thế là một trong các Công ty thành viên chủ lực của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tại khu vực Nam Bộ thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đội ngũ cán bộ các cấp có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải dầu khí, có trách nhiệm và mẫn cán, cùng với đội ngũ thuyền viên giàu kinh nghiệm, PDV đã xây dựng được thương hiệu và khẳng định uy tín trên thị trường vận tải sản phẩm xăng dầu tại Việt Nam và quốc tế.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện bổ sung vốn phương án mua tàu đã được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại. Trường hợp sau khi kết thúc thời gian gia hạn đợt chào bán mà tỷ lệ chào bán thấp hơn 70%, đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ theo quy định.
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, nguồn khấu hao lũy kế tính đến thời điểm thực hiện đầu tư và các nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, thời gian qua Công ty có tỷ suất lợi nhuận cao, giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách, điều này giúp giảm thiểu rủi ro không thành công của đợt chào bán.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Phương án sử dụng vốn của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty nói riêng và xu hướng của thị trường vận tải biển nói chung. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán có thể bắt nguồn từ việc hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh không như kỳ vọng. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn nghiên cứu, đánh giá triển vọng thị trường vận tải cũng như biến động của giá tàu để nâng cao hiệu quả trong các quyết định đầu tư.

Năm 2024 tình hình kinh tế thế giới vẫn đối mặt với khó khăn do suy thoái kinh tế, tác động của áp lực lạm phát, xung đột giữa Nga và Ukraine, cuộc chiến tranh giữa Israel và phong trào hồi giáo Hamas, Palestin đồng thời lại xuất hiện khủng bố của phe nổi dậy Houthi tại Yemen đã bắn vào nhiều tàu biển hàng hải qua khu vực Biển Đỏ nhằm cảnh cáo Israel, Mỹ và các nước đồng minh. Để hành trình từ khu vực Châu Á qua Châu Âu các hãng vận tải lớn bắt buộc phải chọn giải pháp đưa tàu đi vòng qua mũi hảo vọng xa hơn rất nhiều so với tuyến truyền thống qua kênh đào Suez.

Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) cho biết, theo thống kê về chỉ số giá vận chuyển container của trang Drewry (thuộc trung tâm nghiên cứu hàng hải độc lập, cung cấp thông tin về thị trường hàng hải), giá dịch vụ vận tải container từ châu Á đi châu Âu, châu Mỹ trong thời gian qua biến động lớn. So với thời điểm cuối năm 2023, giá cước tăng khoảng 60%; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 25%. Hiện tại, mức giá cao hơn khoảng 88% so với mức trước thời điểm xảy ra đại dịch Covid-19. Cụ thể, mức giá từ cảng Thượng Hải (Trung Quốc) đi cảng Tây Mỹ (Hoa Kỳ) tăng 30%, từ 2.100USD/container 40 feet lên 2.726USD/container 40 feet; đi cảng Rotterdam (Hà Lan) tăng 115%. Tình hình chung của thế giới cũng tác động làm tăng giá cước vận tải biển từ Việt Nam đi châu Âu, châu Mỹ.

Về triển vọng của thị trường vận tải hàng rời quốc tế dự báo các năm 2023-2025 đều ổn định. Cụ thể sản lượng luân chuyển các mặt hàng chính như quặng sắt năm 2023 - 2025 tăng 3,0%, than trong năm 2025 giảm 4,0% so với năm 2023, hàng nông sản tăng ở mức 5,1% so trong giai đoạn 2023-2025.

Qua các báo cáo, dự báo của các Nhà môi giới có uy tín phân tích ở trên cho thấy thời điểm 2024-2025 sẽ là cơ hội để tái cấu trúc đội tàu, tăng hiệu quả khai thác, thay thế các tàu lớn tuổi có hiệu quả khai thác kém, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Công ty đánh giá việc tăng vốn điều lệ để đầu tư thêm tàu là phù hợp với bối cảnh thị trường và định hướng phát triển của Công ty, giúp gia tăng lợi thế cạnh tranh và mang lại giá trị kinh tế đóng góp cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

5.1. Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Công thức tính EPS như sau: $EPS = \frac{LNST}{Số\ lượng\ Cổ\ phiếu\ lưu\ hành\ bình\ quân}$.

Trong đó:

$$\text{Số lượng Cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*12 + Y*t}{12}$$

- ✓ X : Số lượng Cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành.
- ✓ Y : Số lượng Cổ phiếu phát hành thêm.
- ✓ t : Thời gian lưu hành thực tế trong năm của Cổ phiếu phát hành thêm.

Dự kiến mức độ pha loãng EPS sau phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty năm 2024 như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 (dự kiến)	Đồng	64.000.000.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành	Cổ phần	43.087.331
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành (dự kiến từ tháng 7/2024)	Cổ phần	66.095.966
5	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2024 (dự kiến) khi chưa phát hành	Đồng	1.485
6	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2024 (dự kiến) khi hoàn thành đợt phát hành	Đồng	1.172

Việc tăng số lượng cổ phiếu từ việc phát hành thêm đã làm cho EPS dự kiến năm 2024 giảm từ 1.485 đồng/cổ phiếu xuống 1.172 đồng/cổ phiếu sau đợt phát hành. Việc EPS dự kiến năm 2024 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời do đặc thù các dự án đầu tư tàu những năm đầu tiên có chi phí lãi vay cao, chi phí nhận tàu phát sinh. Tuy nhiên, với nguồn vốn thu được từ đợt phát hành thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả dài hạn và sẽ tạo được sự tăng trưởng dài hạn EPS trong những năm tiếp theo.

5.2. Đánh giá mức độ pha loãng giá cổ phiếu

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, giá thị trường của cổ phiếu PDV sẽ được điều chỉnh theo công thức như sau:

Trong đó:

$$P_{1c} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1}$$

- P_{1c} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR_{t-1} : Giá tham chiếu trước điều chỉnh
- P_{R1} : Giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua Cổ phiếu

Công ty thực hiện chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực

hiện quyền mua với tổng số lượng: 23.008.635 cổ phiếu. Phần vốn điều lệ tăng thêm tương ứng với tỷ lệ 53,4% vốn điều lệ trước khi thực hiện đợt phát hành. Vì vậy, với phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng như trên sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu giảm xuống nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

Cụ thể, giả định giá đóng cửa cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền nhận quyền mua cổ phiếu của đợt chào bán là (Giá tham chiếu trước điều chỉnh): 11.000 VND/cổ phiếu. Giá điều chỉnh tham chiếu vào ngày giao dịch không hưởng quyền của đợt chào bán được tính như sau:

$$P_{TC} = \frac{11.000 + (53,4\% \times 10.000)}{1 + 53,4\%} = 10.652 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi chào bán được điều chỉnh và làm tròn là: 10.600 đồng/cổ phiếu, giảm 400 đồng/cổ phiếu so với giá của cổ phiếu trước ngày chào bán. Trong trường hợp, giá tham chiếu của cổ phiếu PDV ngay trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (giả định là: giá tham chiếu 9.000 VND/cổ phiếu thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 VND/cổ phiếu) thì không thực hiện điều chỉnh kỹ thuật thị giá cổ phiếu theo quy định tại quy chế giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá trị sổ sách mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

Giả định PDV chào bán thành công 23.008.635 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, giá trị sổ sách của cổ phiếu PDV sẽ thay đổi như sau:

Đvt: Đồng

	Trước khi chào bán (30/6/2024)	Sau khi chào bán (Dự kiến)
Vốn chủ sở hữu	644.254.950.294	874.341.300.294
Số lượng cổ phiếu lưu hành	43.087.331	66.095.966
Giá trị sổ sách/cổ phần	14.952	13.228

Việc chào bán thêm cổ phiếu đã làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành, đồng thời tăng giá trị vốn chủ sở hữu của PDV. Điều này dẫn đến giá trị sổ sách mỗi cổ phần của PDV sau khi chào bán thêm cổ phiếu sẽ có sự điều chỉnh giảm.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty sẽ xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao

động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Để kiểm soát rủi ro về quản trị như trên, Công ty thường xuyên rà soát hoàn thiện các quy chế hoạt động, nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ngoài ra, Công ty chủ động trong việc minh bạch thông tin hoạt động doanh nghiệp thông qua việc công bố thông tin trên hệ thống website, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số yếu tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý an toàn, phòng cháy chữa cháy... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản, đội tàu của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cổ đông** : Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
- Điều lệ** : Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt thông qua.
- Vốn điều lệ** : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
- Cổ phần** : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu** : Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

Người có liên quan : Được hiểu như tại Quy định của Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

PDV/Công ty	: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
BKS	: Ban Kiểm soát.
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông.
HĐQT	: Hội đồng Quản trị.
CTCP	: Công ty Cổ phần.
VSĐC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
ĐVT	: Đơn vị tính.
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh.
SXKD	: Sản xuất kinh doanh.
HĐLĐ	: Hợp đồng lao động.
VCBS HCM	: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
BCTC	: Báo cáo tài chính.
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
VNĐ	: Đơn vị tiền tệ của Việt Nam.
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên.
CMND	: Chứng minh nhân dân.
CCCD	: Căn cước công dân.
CP	: Cổ phần.
TSCĐ	: Tài sản cố định.
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội.
GD	: Giám đốc.
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tp. : Thành phố.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

Tên viết bằng tiếng nước ngoài : Phuong Dong Viet Shipping and Logistics Corporation.

Tên viết tắt : PVT Logistics.

Trụ sở chính : Lầu 8, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 6291 1281

Website : www.pvtlogistics.vn

Logo :



PVT LOGISTICS

Vốn điều lệ : 430.873.310.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu ba trăm mười nghìn đồng*)

Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304934883 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 20/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2023.

Mã số thuế : 0304934883

Người đại diện theo pháp luật : Ông Hồ Sĩ Thuận – Chức vụ: Giám đốc

Mã cổ phiếu : PDV

Sàn đăng ký giao dịch : UPCOM

1.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
1.	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan (ngoại trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến)
2.	4312	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)
3.	5012 (chính)	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển</i>
4.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)</i>
5.	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá đường thủy nội địa</i>
6.	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá <i>Chi tiết: Dịch vụ môi giới hải quan</i>
7.	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Đại lý hàng hải</i> (Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)
8.	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) <i>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở)</i>
9.	7710	Cho thuê xe có động cơ <i>Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải; tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới</i>
10.	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - (không hoạt động tại trụ sở)
11.	0910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
12.	4632	Bán buôn thực phẩm <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>

STT	Mã ngành	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
		(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
13.	4633	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: bán buôn đồ uống không cồn</i>
14.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất; công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến</i> (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
15.	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn xi măng, clanhke</i>
16.	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc mạnh); Sản xuất vật liệu bảo ôn cách nhiệt, chế tạo các thiết bị nhiệt</i> - (không hoạt động tại trụ sở).
17.	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa</i> (Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)
18.	5224	Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển</i>
19.	7020	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn quản lý, kỹ thuật</i>
20.	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết: - Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải; - Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTĐ).</i>

STT	Mã ngành	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
		(trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
21.	3700	Thoát nước và xử lý nước thải <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
22.	3812	Thu gom rác thải độc hại <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i> (trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình)
23.	3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
24.	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
25.	3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
26.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển</i>
27.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa. Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp. Bán buôn vật liệu bảo ôn cách nhiệt</i> (Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
28.	7820	Cung ứng lao động tạm thời (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
29.	7810	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm <i>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm</i> (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).
30.	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)
31.	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
32.	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

STT	Mã ngành	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
		(Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
33.	5820	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, hoạt động với số vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) và tên tiếng Anh viết tắt là PDC Shipping J.S.C.
- Ngày 11/08/2008, tại cuộc họp của ĐHĐCĐ, Công ty quyết định thông qua phương án thay đổi tên và chuyển trụ sở cũng như bổ sung các chức năng ngành nghề kinh doanh của Công ty. Theo Giấy CNĐKDN số 4103006478 đăng ký thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/03/2009, Công ty hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt và đổi tên Tiếng Anh viết tắt thành PV Oil Shipping J.S.C.
- Ngày 04/05/2010, theo Giấy CNĐKDN số 0304934883 đăng ký thay đổi lần thứ 6, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 140 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu và một số cổ đông khác.
- Thực hiện chiến lược tái cấu trúc của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, tại kỳ họp ĐHĐCĐ ngày 16/06/2011, tên công ty viết tắt (Tiếng Anh) được thống nhất đổi từ PV Oil Shipping J.S.C thành PV Trans Oil.
- Ngày 29/11/2011, Công ty đã nhận được công văn số 4025/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán nhà nước về hồ sơ công ty đại chúng của Công ty.
- Năm 2013, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 140 tỷ đồng lên 170 tỷ đồng.
- Năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 170 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.
- Ngày 20/04/2017, Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM, theo Quyết định số 252/QĐ-SGDHN ngày 13/04/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Năm 2018, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ

từ 200 tỷ đồng lên 266 tỷ đồng.

- Năm 2019, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 266 tỷ đồng lên 295 tỷ đồng.
- Năm 2021, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2020 cho cổ đông, nâng vốn điều lệ từ 295 tỷ đồng lên hơn 311,1 tỷ đồng.
- Ngày 28/3/2022, tại cuộc họp của ĐHĐCĐ, Công ty quyết định thông qua phương án thay đổi tên công ty. Theo Giấy CNĐKDN 0304934883 đăng ký thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2022, Công ty chính thức hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt và đổi tên Tiếng Anh viết tắt thành PVT Logistics.
- Năm 2023, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 311,1 tỷ đồng lên 430,8 tỷ đồng
- Qua hơn 15 năm thành lập và phát triển, đến nay Công ty đã xây dựng được đội tàu dầu/ hoá chất có trọng tải khoảng từ 8.000 DWT đến 20.000 DWT và tàu hàng rời loại Supramax 56.000 DWT. Ngoài ra, Công ty cũng đã xây dựng được mối quan hệ gắn bó lâu dài và cung cấp dịch vụ vận tải cho các khách hàng lớn trong nước như Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), Petec, Saigon Petro và các khách hàng nước ngoài như Daewoo, SK Energy, SJ Shipping Corporation, Petronas, Vitol Asia, PetroChina...

2.2. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi:

- *Tầm nhìn:* Là đối tác tin cậy hàng đầu khu vực cung cấp dịch vụ vận tải xăng dầu, hóa chất và dịch vụ logistics với giá trị tốt nhất cho khách hàng.
- *Sứ mệnh:* Hàng hóa của khách hàng được chúng tôi vận chuyển tuyệt đối an toàn theo đúng tiến độ, bảo quản bằng chính sự trân trọng, trách nhiệm; chăm lo đời sống CBNV; đảm bảo quyền lợi cổ đông; đóng góp cho xã hội.
- *Giá trị cốt lõi:*
 - + Hướng đến khách hàng: Lắng nghe, thấu hiểu và trao đổi với khách hàng, nhà cung cấp, thực hiện dịch vụ chất lượng cao, giá cả hợp lý làm hài lòng khách hàng; giúp khách hàng giải quyết các vấn đề của họ.
 - + An toàn: Đảm bảo công tác quản lý, vận hành đội tàu tuyệt đối an toàn và bảo vệ môi trường.
 - + Tinh thần trách nhiệm; tính tổ chức – kỷ luật: Mỗi người được giao quyền và trách nhiệm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; tuân thủ các quy định của hệ thống; luôn luôn hành xử trước hết vì lợi ích của công ty, khách hàng.
 - + Tính chuyên nghiệp: Thành thạo công việc, năng động, sáng tạo và hiệu quả.
 - + Sự tôn trọng: Tôn trọng và biết lắng nghe đồng nghiệp, khách hàng, đối tác, tôn trọng sự khác biệt, những đóng góp,...

+ Tính cách: Tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Sơ đồ II.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty

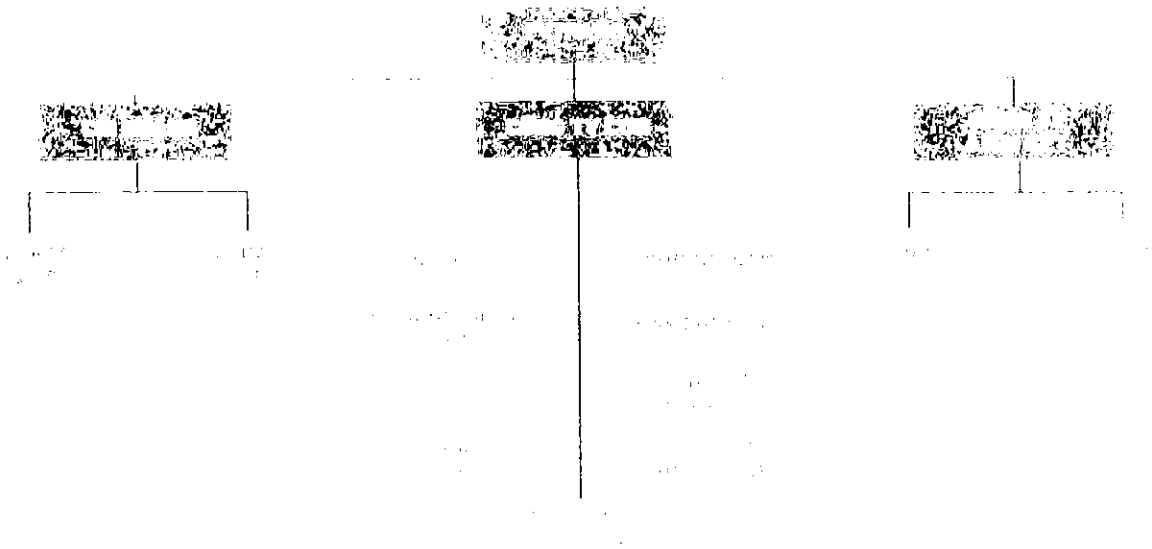


Nguồn: PDV

Công ty đặt trụ sở chính tại: Lầu 08, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Công ty có 01 (một) Trung Tâm Thuyền Viên PVTrans, địa chỉ: 232 Đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam.

Vị trí của Công ty trong nhóm công ty thuộc PV Trans:



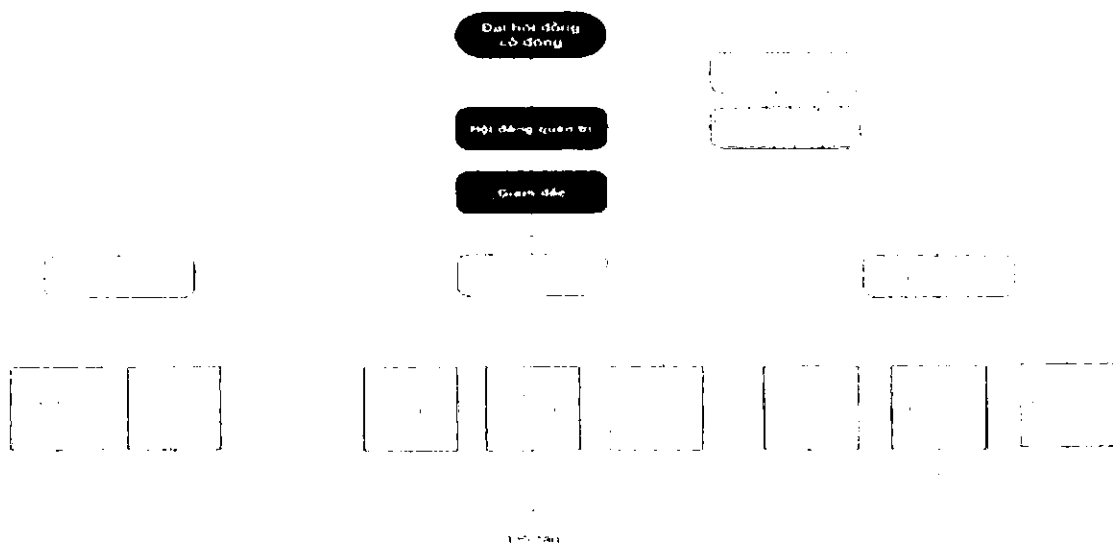
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, trụ sở chính là nơi làm việc, tổ chức hợp của các cơ quan quan trọng của Công ty. Bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc điều hành và các phòng ban, bộ phận chức năng.

Sơ đồ IV.2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: PDV

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo của HĐQT; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty gồm 05 (năm) thành viên do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ HĐQT là 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Các quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Bảng IV.3: Danh sách thành viên HĐQT

Họ và tên	Chức danh
Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: PDV

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm (năm); thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Giám đốc Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Bảng IV.4: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh
Bà Bùi Lan Anh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên

Nguồn: PDV

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty gồm 04 (bốn) người: (01) Giám đốc và (03) Phó Giám đốc. Nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được Giám đốc phân công.

Bảng IV.5: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh
Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc

Nguồn: PDV

❖ **Phòng Khai thác thương vụ**

- Giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc tổ chức, điều hành, kinh doanh đội tàu của Công ty;

- Thực hiện các công việc sau:
- + Công tác thuê và cho thuê tàu vận chuyển hàng hoá bao gồm cả tàu Công ty sở hữu và tàu thuê ngoài (Chartering out/in);
- + Công tác quản lý khai thác đội tàu vận chuyển hàng hoá bao gồm cả tàu Công ty sở hữu và tàu thuê ngoài (Operation);
- + Công tác mua bán đầu tư phát triển đội tàu;
- + Công tác tổng hợp, thị trường (Marketing);
- + Các công tác khác trong lĩnh vực khai thác thương vụ;
- + Phối hợp với các phòng ban khác trong Công ty trong việc quản lý tàu.

❖ **Phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch**

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo dõi đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán để tham mưu và đề xuất các giải pháp kinh tế phục vụ kế hoạch kinh doanh, sản xuất của Công ty;
- Thu xếp vốn, đảm bảo nguồn tài chính cho đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Cùng với các bộ phận khác tạo nên mạng lưới thông tin quản lý năng động, hữu hiệu;
- Tham gia xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng, Hệ thống Quản lý môi trường và Hệ thống Quản lý Trách nhiệm xã hội.
- Tham gia công tác kế hoạch đầu tư của Công ty.

❖ **Phòng Nhân sự thuyền viên**

- Tham mưu cho Giám đốc và tổ chức thực hiện các công việc về công tác tổ chức cán bộ, thuyền viên; công tác quản lý dịch vụ cung ứng thuyền viên; lao động tiền lương, chế độ chính sách và thi đua khen thưởng.
- Thực hiện tìm kiếm, tuyển dụng, đào tạo, điều động, luân chuyển về nhân sự và thuyền viên; đảm bảo nguồn lực đội tàu và công ty luôn đủ định biên hoạt động theo quy định.

❖ **Phòng kinh doanh dịch vụ hàng hải**

- Tổ chức kinh doanh thương mại và dịch vụ hàng hải,... đề xuất phương án kinh doanh, chính sách chăm sóc khách hàng, tìm kiếm khách hàng, nguồn hàng, mở rộng các dịch vụ kinh doanh nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận đảm bảo tuân theo pháp luật, quy định của công ty và bảo toàn nguồn vốn;
- Lập kế hoạch, báo cáo kết quả kinh doanh (khách hàng, nguồn hàng, công nợ, chất lượng, số lượng, hao hụt, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, vốn,...) theo tháng, quý,

năm, hoặc theo yêu cầu;

- Phát triển mở rộng thị trường, dịch vụ, nguồn hàng, nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, bảo toàn vốn kinh doanh. Tham mưu cho Ban Giám đốc để ký kết hợp đồng, hợp tác với các đối tác có uy tín;
- Chủ động giải quyết, đề xuất và báo cáo Ban Giám đốc mọi vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh;
- Phối hợp với các phòng ban/bộ phận trong Công ty và các đối tác nhằm phát triển hoạt động kinh doanh;
- Thực hiện công tác phát triển khách hàng, tàu biển, theo kế hoạch kinh doanh và khả năng tiếp cận khách hàng.

❖ Phòng An toàn pháp chế

- Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác pháp chế hàng hải, an toàn chất lượng, sức khỏe, bảo vệ môi trường; trực tiếp điều tra khắc phục các tai nạn sự cố và giải quyết xử lý các tranh chấp luật pháp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Triển khai thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sáng kiến - sáng chế - sở hữu trí tuệ trong toàn Công ty.
- Thực hiện công tác bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người và pháp chế hàng hải.
- Đào tạo, huấn luyện khối thuyền viên.

❖ Phòng Kỹ thuật vật tư

- Đảm bảo cho đội tàu có đủ điều kiện để đáp ứng các quy định, quy phạm của đăng kiểm tàu và của công ước quốc tế, đồng thời thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng;
- Làm đầu mối quản lý công tác an toàn và xử lý các trường hợp khẩn cấp của đội tàu;
- Chủ trì việc xây dựng và áp dụng Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (ISM Code) và Bộ luật quốc tế về an ninh cho tàu biển và bến cảng (Bộ luật ISPS);
- Quản lý và cung cấp nhiên liệu, nhớt, vật tư và phụ tùng thay thế với chất lượng, số lượng phù hợp với nhu cầu sử dụng và giá cả cạnh tranh cho đội tàu;

❖ Văn phòng

- Tham mưu cho Giám đốc và tổ chức thực hiện công tác hành chính văn phòng; ứng dụng công nghệ thông tin; đối ngoại và an ninh quốc phòng của Công ty.
- Quản lý, hỗ trợ các phòng ban và đội tàu trong công tác hành chính văn phòng; công nghệ thông tin và an ninh quốc phòng.

❖ **Đội tàu**

- Tổ chức quản lý trực tiếp đưa tàu vào khai thác theo yêu cầu của Công ty;
- Tham gia thực hiện hệ thống Quản lý an toàn theo tiêu chuẩn để Đội tàu hoạt động tốt;
- Vận hành và thực hiện trực tiếp vận tải hàng hóa cho các khách hàng;
- Phối hợp với các phòng ban của Công ty để đảm bảo Đội tàu được hoạt động liên tục và an toàn trong quá trình khai thác.

❖ **Trung tâm thuyền viên:**

- Đảm bảo nguồn lực thuyền viên (cả số lượng và chất lượng) cho đội tàu của Công ty, các Đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty PV Trans và cung ứng cho đội tàu bên ngoài, xuất khẩu thuyền viên.
- Đào tạo trực tiếp hoặc liên kết đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức ngành nghề cho CBNV văn phòng và thuyền viên.
- Liên kết với các trường hàng hải tuyển dụng, đào tạo sinh viên ngành đi tàu để đầu mối cung cấp cho các ĐVTV.
- Phát triển phần mềm quản lý dữ liệu thuyền viên

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách Công ty mẹ của Tổ chức phát hành

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ.

- Tên viết tắt: PVTrans Corp.
- Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngày thành lập: 27/05/2002
- Giấy CNĐKKD số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/10/2008, thay đổi lần thứ 16 ngày 12/06/2024.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển dầu thô; Vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất; Vận tải khí hóa lỏng; Vận tải hàng rời (than); Dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Dịch vụ hàng hải và logistics.
- Vốn điều lệ (theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2023): 3.236.512.460.000 đồng (Ba ngàn hai ba mươi sáu tỷ, năm trăm mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).
- Tỷ lệ sở hữu tại PDV (theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2023): 51,87% vốn điều lệ của PDV.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2023): 51,87%

vốn điều lệ của PDV.

5.2. Danh sách Công ty con của Tổ chức phát hành

Không có.

5.3. Danh sách những Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.4. Danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

CÔNG TY TNHH TÂN LONG

- Tên viết tắt: TANLONG CO.,LTD.
- Trụ sở chính: Số 535 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngày thành lập: 08/11/1994.
- Giấy CNĐKKD số 0100285599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/11/1994, thay đổi lần thứ 16 ngày 29/04/2022.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan .
- Vốn điều lệ (theo BCTC năm/2023): 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).
- Tỷ lệ sở hữu tại PDV (theo BCTC năm 2023): 25,84% vốn điều lệ của PDV.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (theo BCTC năm 2023): 25,84% vốn điều lệ của PDV.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

6.1. Quá trình tăng vốn

Bảng IV.6: Quá trình tăng vốn của Công ty

Thời gian	SL cổ phiếu tăng	Giá trị vốn tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau tăng (tỷ đồng)	Hình thức Tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp
Thành lập ngày 20/04/2007			100	Vốn điều lệ ban đầu thành lập	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 đăng ký lần đầu ngày 20/04/2007.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM

Thời gian	SL cổ phiếu tăng	Giá trị vốn tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau tăng (tỷ đồng)	Hình thức Tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 1: Năm 2009	4.000.000	40	140	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/07/2009 của ĐHĐCĐ năm 2009; - Nghị quyết số 09/2009/NQ-HĐQT ngày 22/10/2009 của HĐQT Công ty v/v thông qua triển khai góp vốn tăng vốn điều lệ của công ty từ 100 tỷ - 200 tỷ; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 04/05/2010. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM
Lần 2: Năm 2013	3.000.000	30	170	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2013 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013; - Công văn số 2117/UBCK-QLPH ngày 28/05/2013 v/v chào bán Cổ phần riêng lẻ của UBCKNN; - Công văn số 3062/UBCK-QLPH ngày 24/06/2013 v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ; - Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 11 ngày 17/12/2013. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM, UBCKNN

Thời gian	SL cổ phiếu tăng	Giá trị vốn tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau tăng (tỷ đồng)	Hình thức Tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 3: Năm 2014	3.000.000	30	200	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014; - Công văn số 3575/UBCK-QLPH ngày 17/06/2014 v/v chào bán Cổ phần riêng lẻ của UBCKNN; - Công văn số 4655/UBCK-QLPH ngày 15/08/2014 v/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ; - Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 12 ngày 04/11/2014. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM, UBCKNN
Lần 4: Năm 2018	6.600.000	66	266	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 27/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 64/GCN-UBCK ngày 02/11/2018; - Văn bản số 788/UBCK-QLCB ngày 28/01/2019 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14 ngày 09/03/2019. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM, UBCKNN
Lần 5: Năm 2019	2.900.000	29	295	Chào bán cổ phiếu ra công	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 04/4/2019 của 	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM,

Thời gian	SL cổ phiếu tăng	Giá trị vốn tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau tăng (tỷ đồng)	Hình thức Tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 7: Năm 2023	11.977.345	119,7	430,8	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	năm 2020; - Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 16 ngày 31/8/2021. - Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022; - Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của ĐHĐCĐ thường niên 2023; - Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 20/10/2023 của HĐQT v/v thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 269/GCN-UBCK ngày 23/08/2023; - Văn bản số 7267/UBCK-QLCB ngày 27/10/2023 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM, UBCKNN

Nguồn: PDV

6.2. Quá trình giảm vốn:

Kể từ khi thành lập đến nay, PDV không có lần giảm vốn điều lệ nào.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng IV.7: Cơ cấu cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	1.292	43.083.866	99,99%
1	Tổ chức	6	33.485.819	77,72%
2	Cá nhân	1.286	9.598.047	22,27%
II	Cổ đông nước ngoài	1	3.465	0,01%
1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
2	Cá nhân	1	3.465	0,01%
	Tổng cộng	1.293	43.087.331	100%

Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách Cổ đông của PDV ngày 18/03/2024 do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Căn cứ theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài năm 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, trên cơ sở danh mục ngành nghề kinh doanh tại Điều lệ hoạt động ngày 01/07/2024, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

UBCKNN đã có công văn số 4661/UBCK-PTTT ngày 25/7/2024, thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt ở mức là 49%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ (nếu có): Không quy định.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất (ngày 18/03/2024), nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 3.465 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn Điều lệ Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PDV bao gồm:

- Vận chuyển xăng dầu sản phẩm/hóa chất;
- Kinh doanh thương mại;
- Đại lý tàu biển;
- Hoạt động khác (dịch vụ logistics, quản lý và cung ứng thuyền viên, quản lý tàu).

❖ Địa bàn kinh doanh

Công ty thực hiện kinh doanh tại thị trường trong nước và quốc tế. Cụ thể:

- Thị trường trong nước:
 - + Miền Bắc: Hải Phòng, Hà Nội.
 - + Miền Trung: Đà Nẵng, Quảng Ngãi.
 - + Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Cần Thơ, An Giang
- Thị trường quốc tế: tất cả các khu vực Châu Á, Châu Âu, Mỹ, Châu Phi, Úc... ngoại trừ các khu vực rủi ro chiến tranh, các quốc gia bị cấm vận..

a) Sản phẩm, dịch vụ của công ty

❖ Hoạt động vận chuyển xăng dầu bằng tàu của công ty

Được thành lập từ tháng 4 năm 2007 với chức năng chính là vận tải dầu sản phẩm cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL), Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans) và Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). PDV cũng là một trong những đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí (PV Trans) – một trong những chủ tàu và nhà khai thác tàu hàng dầu của Việt Nam.

PDV đang sở hữu và khai thác đội tàu dầu/ hóa chất size từ 10.000 – 20.000 DWT khai thác tuyến quốc tế. Đội tàu của công ty được tất cả các Oil Major lớn như Chevron, Exxon Mobil, Shell, Petronas... chấp nhận. Theo chiến lược phát triển của PDV, bên cạnh tập trung phát triển đội tàu chở dầu/hóa chất, công ty đang phát triển đội tàu hàng rời Supramax/Handysize với mục tiêu trở thành một Công ty lớn trong khu vực với đội tàu trẻ, hiện đại.

Tên tàu	DWT	Nơi đóng	Kiểu tàu	Ghi chú
PVT Neptune	13.056,00	KOREA	Tanker, Chemical	Trực tiếp sở hữu
PVT Venus	13.149,00	KOREA	Oil/ Chemical Tanker	Trực tiếp sở hữu
PVT Saturn	13.159,70	KOREA	Oil/ Chemical Tanker	Thuê tàu trần (bareboat)
PVT Diamond	55.623,00	JAPAN	Bulk Carrier	Thuê tàu trần (bareboat)
PVT Synergy	13.126,00	KOREA	Oil Tanker	Trực tiếp sở hữu
PVT Flora	19.956,00	JAPAN	Chemical Tanker	Thuê tàu trần (bareboat)
PVT Jupiter	20.832,00	JAPAN	Chemical Tanker	Trực tiếp sở hữu
PVT PEARL	57.334,00	KOREA	Bulk Carrier	Thuê tàu trần (bareboat)

Nguồn: PDV

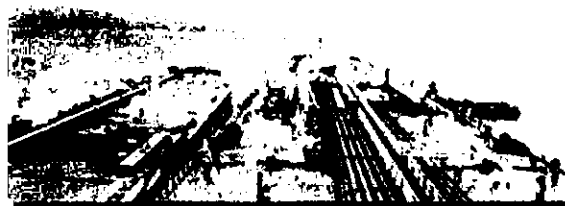
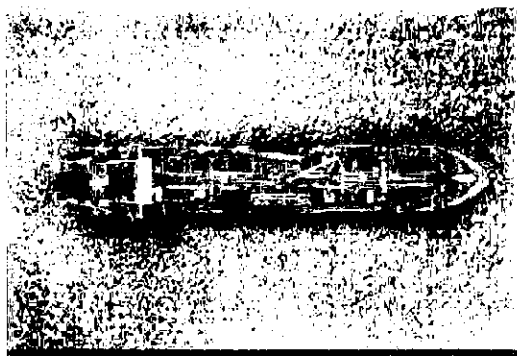
Với đội ngũ cán bộ các cấp có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải dầu khí, có trách nhiệm và mẫn cán, cùng với đội ngũ thuyền viên giàu kinh nghiệm, PDV đã xây dựng được thương hiệu và khẳng định uy tín trên thị trường vận tải sản phẩm xăng dầu tại Việt Nam và quốc tế, luôn được các khách hàng lớn tin tưởng sử dụng dịch vụ trong suốt thời gian qua như PV OIL, Petec, PV Trans, Petrolimex, Saigon Petro, Petimex, Mipenco, Daewoo, STO, SK Energy, SJ Shipping Corporation, Petronas, Vitol Asia, PetroChina ...

❖ **Hoạt động thương mại**

PDV triển khai các sản phẩm dịch vụ gia tăng khác như kinh doanh hạt nhựa với các sản phẩm PP, PE, LDPE, LLDPE phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất bao bì, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG). Nguồn hàng chính của PDV được cung cấp từ các đơn vị đầu mối của PVN và các đối tác có uy tín trên thị trường.

❖ **Đại lý tàu biển**

Với mạng lưới hoạt động tại các cảng chính của Việt Nam và với sự hiểu biết phong tục tập quán ở địa phương, cùng mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền cảng trong khu vực đã tạo thuận lợi cho PDV thực hiện tốt công tác đại lý cho đội tàu của Công ty cũng như khách hàng trong nước và quốc tế trong suốt thời gian qua. Khi sử dụng dịch vụ của PDV, chắc chắn khách hàng sẽ được hỗ trợ tối đa trong công tác giải phóng tàu ra vào cảng nhanh chóng với chi phí thấp nhất.



Ngoài ra, PDV đã tạo dựng được mối quan hệ tốt với các công ty khai thác cảng, giàn khoan ngoài khơi như Vietsovpetro - mỏ Bạch Hổ, CuuLong JOC - mỏ Sư Tử Đen, Truong Son JOC - mỏ Sông Đốc, JVPC Vungtau - mỏ Rạng Đông, Petronas - mỏ Ruby, HoangLong JOC - mỏ Tê Giác Trắng, Premier Oil - mỏ Chim Sáo. Trong thời gian qua, PDV cũng đã thực hiện dịch vụ đại lý cho hàng ngàn lượt tàu vào nhận dầu thô an toàn tại các mỏ này.

PDV rất lấy làm vinh dự đã và đang cung cấp dịch vụ đại lý cho các công ty mua bán và kinh doanh dầu mỏ lớn như Shell, SK Energy, Vitol, BP, Petrosummit, Mitsubishi, Phillips 66, Sinochem, Idemitsu, China Oil, Unipet, Trafigura, Chevron, Glenco... cùng với các khách hàng lớn là các chủ tàu BP Shipping, Teekay Shipping, AET Tankers, Sanko Line, "K" Line, Tanker Pacific Singapore, Diamond Tanker, China Shipping Tankers, Phoenix Tanker Singapore, SK Shipping...

❖ Hoạt động kinh doanh khác

- *Quản lý và cung ứng thuyền viên:*

Với bề dày kinh nghiệm trong việc tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện thuyền viên, qua phương châm "Xây dựng uy tín bằng chất lượng thuyền viên", mỗi thuyền viên làm việc cho chủ tàu đều được thể hiện năng lực của mình, đáp ứng yêu cầu của các chủ tàu. Đặc biệt, PDV đã và đang triển khai áp dụng Công ước MLC 2006 nhằm đảm bảo và bảo vệ quyền lợi của thuyền viên Việt Nam trong thị trường lao động tiêu chuẩn hóa toàn cầu.

Đội ngũ sỹ quan thuyền viên của PDV được huấn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, trình độ ngoại ngữ tốt và thường xuyên được cọ xát qua các đợt vetting tàu của các hãng dầu lớn đáp ứng mọi yêu cầu của chủ tàu và sẵn sàng làm việc trên bất cứ con tàu nào với những điều kiện phù hợp.

Ngoài ra, PDV có đội ngũ quản lý an toàn, kỹ thuật và huấn luyện, đào tạo thuyền viên về chuyên môn, Hệ thống quản lý an toàn/chất lượng, SOLAS, Marpol, ISGOTT, VIQ, kỹ năng vetting,... là những thuyền trưởng, máy trưởng có nhiều kinh nghiệm làm việc trên các tàu dầu, hóa chất... đảm nhận.

- **Quản lý tàu:**

PDV là một trong những đơn vị tiên phong trong cung cấp dịch vụ quản lý tàu chuyên nghiệp, luôn đảm bảo tính an toàn cao và sự ổn định bền vững.

Vì sự cam kết đó, PDV luôn chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV làm việc chuyên nghiệp cũng như áp dụng hiệu quả Hệ thống Quản lý An toàn (ISM) và Hệ thống Quản lý Chất lượng (ISO 9001:2008) nhằm nâng cao năng lực của chính mình, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển ổn định, bền vững.

Đội tàu của PDV do chính PDV tự quản lý kể từ khi được thành lập đến nay và được các công ty dầu khí lớn quốc tế đánh giá rất cao như PTT, ENOC, Petronas, BP, Vitol, PetroChina, SK Energy, Shell,...

- **Dịch vụ logistics:**

Công ty cũng đang phát triển cung cấp dịch vụ logistics trong lĩnh vực chế tạo ống thép dầu khí, điện gió,...

b) Trình độ công nghệ

Công ty sở hữu và khai thác đội tàu biển hiện đại, có tuổi đời còn trẻ, công suất lớn. Thông tin một số tàu biển như sau:

i. Các tàu thuộc sở hữu của Công ty:

❖ **PVT Neptune:**

- Ship No./IMO: CSN-243 /9404900
- Builder: Century Shipbuilding Co. Ltd, S. Korea
- Flag/ Call Sign: VietNam/ XVGQ7
- Class & Class No.: VR/ VR084395/ 08177772
- DWT/GT/LW:13056.48/ 8581/ 4416
- L x B x D (m):128.6x20.4x11.5
- Khu vực hoạt động: WorldWide



❖ **PVT Venus:**

- Ship No./IMO: H1182/9414333
- Builder: SEKWANG HEAVY INDUSTRIES CO., LTD
- Flag/ Call Sign: PANAMA/H3YO
- Class & Class No.: ABS & 10180451
- DWT/GT/LW: 13149.09/8625.00/4324,39
- L x B x D (m): 120.40 X 20.40 X 11.80
- Khu vực hoạt động: Worldwide



❖ **PVT Synergy:**

- Ship No./IMO: KYH-104 /9404144
- Builder: KOREA
- Flag/ Call Sign: Panama / 3FKT9
- Class & Class No.: DNV GL & 29129
- DWT/GT/LW: 13126.77/ 8542/ 4345.616
- L x B x D (m): 120.40 x 20.40 x 11.50
- Khu vực hoạt động: World Wide



❖ **PVT Jupiter:**

- Ship No./IMO: 9408803
- Builder: Shin Kurushima Dockyard Co., Ltd
- Flag/ Call Sign: Panama/ 3E5015
- Class & Class No.: ClassNK,NK 082385
- DWT/GT/LW: 20.832/ 12.105/ 5.674
- L x B x D (m): 141.20/ 24.20/ 12.85
- Khu vực hoạt động: Worldwide



ii. **Các tàu được Công ty đang thuê lại:**

❖ **PVT Flora:**

- Ship No./IMO:9477517
- Builder: (Usuki Shipbuilding Co.,LTD-Japan)
- Flag/ Call Sign: Panama/3EVU7
- Class & Class No.: NK /NK101927
- DWT/GT/LW:19,956 /11,568 / 6,060
- L x B x D (m):137,920 x 23.700 x 13.350
- Khu vực hoạt động: WORLDWIDE



❖ **PVT Diamond**

- Ship No./IMO: 9438640
- Builder: MITSUI ENGINEERING & SHIPBUILDING CO., LTD
- Flag/ Call Sign: PANAMA/3FKP3
- Class & Class No.: ClassNK & 111572
- DWT/GT/LW: 55623/31230/8949
- L x B x D (m): 182.97 X 32.26 X 17.90
- Khu vực hoạt động: WORLDWIDE



❖ **PVT Pearl:**

- Ship No./IMO: 9558892
- Builder: STX SHIPBUILDING CO.LTD., Korea
- Flag/ Call Sign: Vietnam/XVWT7
- Class & Class No.: NK /
- DWT/GT/LW: 57334.4/ 33218 / 10461.2
- L x B x D (m): 190.00m/32.26m/18.50m
- Khu vực hoạt động: WORLDWIDE



❖ **PVT Saturn:**

- Ship No./IMO: 9432385
- Builder: SEKWANG SHIPBUILDING CO. LTD
- Flag/ Call Sign: Vietnam/3WMA7
- Class & Class No.: VR-ABS & VR084255
- DWT/GT/LW: 13159.67/8530.00/4340.65
- L x B x D (m): 120.40 X 20.40 X 11.50
- Khu vực hoạt động: Worldwide



c) Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Bảng IV.8: Cơ cấu doanh thu thuần các mảng qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Doanh thu thương mại	114.414	11,76%	271.958	25,26%	157.648	22,40%
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	811.078	83,36%	775.089	72,00%	534.097	75,90%
Doanh thu dịch vụ đại lý tàu biển	384	0,04%	418	0,04%	290	0,04%
Doanh thu hoạt động khác	47.119	4,84%	29.117	2,70%	11.695	1,66%
Tổng	972.995	100%	1.076.582	100%	703.730	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

Trong năm 2023, tuy hoạt động kinh doanh khó khăn trong bối cảnh thương mại toàn cầu sụt giảm, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.076,6 tỷ đồng, tăng 10% so với

năm 2022 và vượt kế hoạch năm 2023 là 2,53%. Một phần là nhờ Công ty tăng sức cạnh tranh cho Công ty bằng cách phát triển thêm đội tàu hàng rời nhằm đa dạng hóa đơn hàng.

Doanh thu dịch vụ vận chuyên năm 2023 sụt giảm khoảng 4,4% so với năm 2022 nhưng vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu năm 2023 (đạt 775,1 tỷ đồng và chiếm 72% tổng doanh thu).

Đối với hoạt động đại lý tàu biển, Công ty thực hiện tốt các chuyến làm đại lý đồng thời thực hiện làm đại lý cho đội tàu của Công ty, góp phần tiết kiệm một phần đáng kể chi phí hoạt động của đội tàu. Trong năm 2023, doanh thu phí đại lý tàu biển từ chủ tàu biển ngoài đạt 418 triệu đồng, tăng 19,1% so với năm 2022.

Doanh thu hoạt động thương mại của Công ty trong năm 2023 đạt 272 tỷ đồng, chiếm tới 25,26% tổng doanh thu và tăng gấp 2,3 lần so với năm 2022.

Ngoài ra, dịch vụ khác trong năm 2023 đạt doanh thu 29,1 tỷ đồng, chiếm 2,70% tổng doanh thu và giảm 38,2% so với năm 2022.

Tuy nhiên, tính đến hết Quý 2 năm 2024, doanh thu thuần của Công ty đạt 703,7 tỷ đồng, tăng 92,59% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó doanh thu dịch vụ vận chuyên đóng góp tỷ trọng lớn nhất 75,9% (tăng 52%, tương đương 182,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước) và doanh thu thương mại đóng góp 22,4% (tăng 157,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước).

Bảng IV.9: Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Lợi nhuận gộp thương mại	90	0,04%	- 181	- 0,13%	143	27,12%
Lợi nhuận gộp dịch vụ vận tải	215.634	97,03%	133.705	96,17%	123.645	70,67%
Lợi nhuận gộp dịch vụ đại lý tàu biển	-27	-0,01%	- 7	- 0,01%	42	0,04%
Lợi nhuận gộp hoạt động khác	6.525	2,94%	5.520	3,97%	(936)	2,17%
Tổng	222.222	100%	139.037	100%	122.894	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

Trong năm 2023, tổng lợi nhuận gộp của Công ty có phần sụt giảm khoảng 37,7% so với năm 2022 (đạt 139 tỷ đồng). Nguyên nhân chính xuất phát từ việc thị trường vận tải hàng rời duy trì mức cước thấp trong năm 2023, Công ty phải điều chỉnh giá cước phù hợp để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường. Mặt khác, trong năm 2023 Công ty có 6/8 tàu phải dừng sửa chữa định kỳ với thời gian sửa chữa bình quân từ 25-30 ngày/tàu.

Về mặt cơ cấu lợi nhuận, mặc dù lợi nhuận từ hoạt động dịch vụ vận tải trong năm 2023 giảm khoảng 38% so với năm 2022 nhưng mảng dịch vụ vận tải vẫn chiếm một phần lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty (tỷ lệ 96,17% tổng lợi nhuận gộp năm 2023).

Tuy nhiên, tính đến hết Quý 2 năm 2024 lợi nhuận gộp của Công ty đạt 122,9 tỷ đồng, tăng 60 tỷ đồng, tăng tương ứng 96% so với lũy kế 6 tháng đầu năm 2023.

d) Chi phí sản xuất kinh doanh:

Bảng IV.10: Cơ cấu Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
1.	Giá vốn hàng bán	750.773	89,03%	936.403	90,49%	580.836	90,40%
2.	Chi phí tài chính	27.765	3,29%	45.270	4,38%	31.320	4,87%
-	Chi phí lãi vay	16.938	2,01%	35.250	3,40%	20.986	3,27%
-	Chênh lệch tỷ giá	10.827	1,28%	10.020	0,97%	10.333	1,61%
3.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.580	7,66%	52.583	5,08%	30.128	4,69%
4.	Chi phí khác	196	0,02%	551	0,05%	211	0,04%
	Tổng cộng	843.314	100%	1.034.382	100%	642.495	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

Trong năm 2023, do công ty đầu tư thêm 1 tàu PVT Jupiter và đưa vào hoạt động từ tháng 05/2023 làm cho tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty là 1.034,4 tỷ đồng, tăng 22,7% so với năm 2022.

Giá vốn hàng bán năm 2023 là 936,4 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2022. Chi phí tài chính năm 2023 là 45 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2022, trong đó chi phí lãi vay năm 2023 của Công ty là 35 tỷ đồng, tăng gần gấp 2 lần so với năm 2022. Ở chiều ngược lại, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm đi 19% so với năm 2022 còn 52,6 tỷ đồng.

Về mặt cơ cấu, ngoài trừ chi phí quản lý doanh nghiệp, tỷ trọng các nhóm chi phí khác của Công ty tương đối ổn định. Giá vốn hàng bán năm 2023 của Công ty tiếp tục duy trì xấp xỉ 90% tổng chi phí hoạt động kinh doanh. Tỷ trọng chi phí tài chính năm 2023 tăng 4,4%. Riêng tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp giảm, chỉ chiếm hơn 5% trong tổng chi phí.

Tính đến hết 30/06/2024, tỷ trọng chi phí tài chính và giá vốn hàng bán tăng so với 6 tháng đầu năm 2023, chiếm lần lượt là 4,87% và 90,40 % tổng chi phí. Trong khi

đó tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm mạnh so với 2023 khi tỷ trọng chỉ chiếm 4,69%.

10.2. Tài sản

Bảng IV.11: Thông tin về các tài sản lớn của Công ty tại thời điểm 30/06/2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1.	Tàu PVT SYNERGY	218.589.434.394	120.107.866.444
2.	Tàu PVT NEPTUNE	204.943.501.469	124.278.585.168
3.	Tàu PVT VENUS	177.349.132.274	126.974.208.862
4.	Tàu PVT JUPITER	432.590.626.232	384.331.188.166

Nguồn: PDV

10.3. Thị trường hoạt động

Bảng IV.12: Doanh thu của từng thị trường

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Thị trường	Năm 2022	Năm 2023	Quý 2/2024
1	Thương mại	114.414	271.958	157.648
-	Nội địa	114.414	271.958	157.648
-	Quốc tế	-	-	-
2	Dịch vụ vận chuyển	811.078	775.089	534.097
-	Nội địa	-	-	-
-	Quốc tế	811.078	775.089	534.097
3	Dịch vụ đại lý tàu biển	384	418	290
-	Nội địa	-	-	-
-	Quốc tế	384	418	290
4	Hoạt động khác	47.119	29.117	11.695
-	Nội địa	-	-	-
-	Quốc tế	47.119	29.117	11.695
	Tổng cộng	972.995	1.076.582	703.730

Nguồn: PDV

Bảng IV.13: Lợi nhuận gộp của từng thị trường

STT	Thị trường	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
1	Thương mại	90	-181	143
-	Nội địa	90	-181	143
-	Quốc tế	-	-	-
2	Dịch vụ vận tải	215.634	133.705	123.645
-	Nội địa	-	-	-
-	Quốc tế	215.634	133.705	123.645
3	Dịch vụ đại lý tàu biển	-27	-7	42
-	Nội địa	-	-	-
-	Quốc tế	-27	-7	42
4	Hoạt động khác	6.525	5.520	-936
-	Nội địa	-	-	-
-	Quốc tế	6.525	5.520	-936
	Tổng cộng	222.222	139.037	122.894

Nguồn: PDV

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

❖ Về công tác phát triển kinh doanh, hiệu quả kinh doanh:

- Đối với vận tải trong nước: thị trường vận tải trong nước không có nhiều biến động, phần lớn nhu cầu vận chuyển nội địa phụ thuộc vào Tổng Công ty Dầu PV Oil/Tổng Công ty Xăng Dầu Petrolimex,... các lô hàng thường có khối lượng nhỏ với giá cước không hấp dẫn nên trong năm 2023, Công ty PDV không tham gia thị trường vận tải các tuyến nội địa trong nước.
- Vận tải quốc tế: Để giảm bớt rủi ro về thị trường cũng như ổn định nguồn doanh thu, nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu của Công ty, Ban lãnh đạo công ty đã xác định mục tiêu ngay từ khi xây dựng kế hoạch là tập trung đưa các tàu ra khai thác tại thị trường quốc tế với hình thức tham gia liên minh Womar Pool hoặc cho thuê định hạn.
- Dịch vụ vận tải logistics: Công ty phát triển lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng không mang lại thêm hiệu quả thêm doanh thu và lợi nhuận trong năm 2023;
- Tổng doanh thu khai thác đội tàu và air cargo đạt 775,09 tỷ đồng, bằng 96% so với thực hiện của năm 2022.
- Kinh doanh thương mại hạt nhựa PP: Trong năm Công ty tiếp tục thực hiện hoạt động thương mại hạt nhựa PP, trong năm hoạt động thương mại đã khởi sắc sau

thời gian ảnh hưởng Covid nên tổng doanh thu kinh doanh thương mại đạt 271,96 tỷ đồng, tương đương 238% so với thực hiện năm 2022.

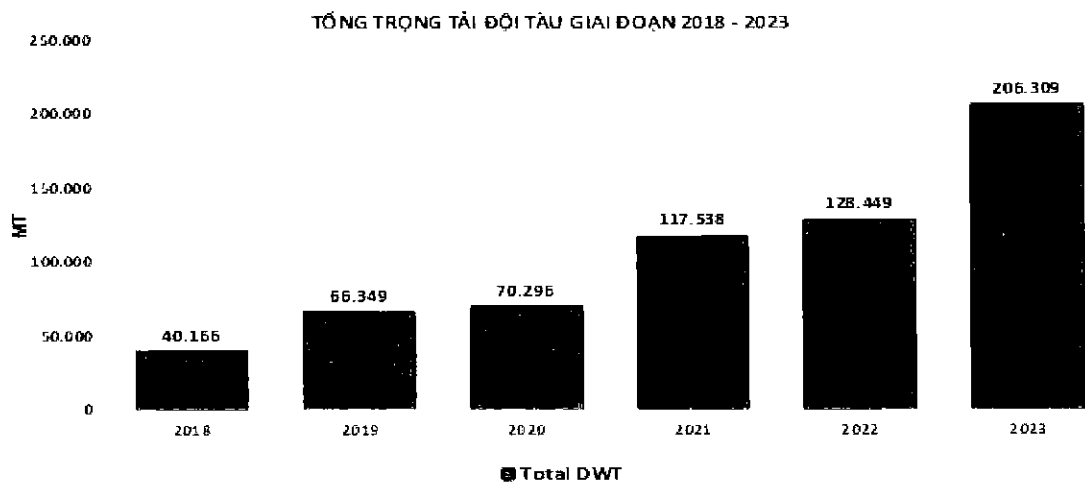
- Cung cấp dịch vụ hàng hải và đại lý tàu biển: Công ty luôn bám sát nhu cầu của khách hàng, thực hiện tốt các chuyến làm đại lý đồng thời thực hiện làm đại lý cho đội tàu của Công ty, góp phần tiết kiệm một phần đáng kể chi phí hoạt động của đội tàu. Trong năm 2023, doanh thu phí đại lý chủ tàu bên ngoài thực hiện 0,42 tỷ đồng, tương đương 109% so với thực hiện năm 2022.

❖ **Về công tác đầu tư và tài chính:**

- Tháng 05/2023, Công ty đã đầu tư kịp thời đúng thời điểm thị trường mua bán tàu thuận lợi, Công ty đã tạm sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để đầu tư thành công tàu PVT Jupiter trước trong tháng 05/2023 đưa vào khai thác kịp thời và đến tháng 10/2023, sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ đợt 1 thêm 120 tỷ đồng thuộc phương án tăng vốn 200 tỷ đồng, số vốn tăng thêm đã bù đắp số vốn đã tạm sử dụng nêu trên;
- Quý 4/2023, Công ty đã ký kết thành công Hợp đồng thuê Bareboat tàu hàng rời PVT Pearl của Tổng Công ty PV Trans, bàn giao và nhận tàu vào tháng 09/2023 đưa vào khai thác kịp thời;
- Kế hoạch đầu tư hoặc thuê mua thêm 01 tàu dầu/ hóa chất khoảng 19.000-25.000 DWT chưa thực hiện do thị trường ít Chủ tàu rao bán tàu có điều kiện đáp ứng yêu cầu của công ty với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Dự án được chấp thuận chuyển sang năm 2024
- Kế hoạch đầu tư thêm 01 tàu Handysize/Ultramax khoảng 25.000-75.000 DWT của hồ sơ tăng vốn điều lệ đợt 2: 80 tỷ đồng còn lại thuộc phương án tăng vốn 200 tỷ đồng từ 311 tỷ đồng lên 511 tỷ đồng chưa hoàn thành do một số yếu tố khách quan và chủ quan liên quan đến thị trường mua bán tàu không thuận lợi và thủ tục xét duyệt hồ sơ tăng vốn tại các cơ quan có thẩm quyền chậm do đơn vị phải giải trình việc sử dụng vốn của đợt tăng vốn 120 tỷ đồng để đầu tư tàu PVT Jupiter trước khi hoàn thành tăng vốn. Do vậy, các dự án đầu tư đang được chuyển tiếp sang năm 2024;



Nhận bàn giao tàu PVT Pearl tại Trung Quốc ngày 27/9/2023



Biểu đồ Tổng trọng tải đội tàu giai đoạn 2018 - 2023

- Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức bằng tiền mặt 8% đã được ĐHCĐ năm 2023 thông qua;
- Công ty đã chuyển đổi 6.000.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức thành cổ phiếu phổ thông, trong năm 2023 là đợt Chia cổ tức ưu đãi cuối. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh có Công văn số 4862/CNVSDC-ĐK.NV, ngày 31/8/2023 thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức sang cổ phiếu phổ thông đối với 6.000.000 cổ phiếu cho 02 cổ đông Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty TNHH Tân Long từ ngày 31/8/2023. Công ty đã thực hiện công bố thông tin và báo cáo UBCKNN.
- Trong năm 2023, Công ty đã trả các khoản nợ:
 - + Trả nợ vay mua tàu PVT Synergy, PVT Venus khoảng 1.909.887,39 USD cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (TP Bank) (bao gồm trả nợ gốc: 1.318.564,91 USD; trả lãi vay 591.322,48 USD). Hiện nay, dư nợ vay phải trả cho TP Bank là: 6,06 triệu USD tương đương 148,11 tỷ đồng;

- + Trả nợ vay mua tàu PVT Neptune khoảng 933.865,76 USD cho ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông (OCB) (bao gồm trả nợ gốc: 613.368,00 USD; trả lãi vay 320.497,76 USD). Hiện nay, dư nợ vay phải trả cho OCB là: 3,53 triệu USD tương đương 86,01 tỷ đồng.
- + Trả nợ vay mua tàu PVT Jupiter khoảng: 47,58 tỷ đồng ~ 1.948.605 USD cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (VCB) (bao gồm trả nợ gốc: 35,69 tỷ đồng, lãi vay phải trả: 15,34 tỷ đồng, lãi vay được hoàn lại: -3.45 tỷ đồng). Hiện nay dư nợ vay phải trả cho VCB là : 263,48 tỷ đồng tương đương 10,79 triệu USD.

Trong năm này Công ty tiếp tục tập trung theo dõi, từng bước xử lý các công nợ tồn đọng và thu hồi vốn cho Công ty.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng IV.14: Các hợp đồng Công ty đã ký

STT	Tên hợp đồng	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng (*)	Điều khoản khác trong hợp đồng
Hợp đồng đã ký kết và đang thực hiện:								
1.	HĐ số: 100/HD2017 /PVT-PDV Thuê tàu PVT SATURN	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	80.478.000 đồng/ngày	Thuê tàu chở Dầu/ hóa chất	22/06/2017	Tháng 06/2017 đến nay	ĐHĐCD phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCD, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 51 NQ-HĐQT ngày 23/06/2017	Khi hết thời hạn thuê tàu, PVTrans có quyền quyết định bán tàu hoặc cho thuê tiếp và PDV phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PDV có thể tham gia mua theo
2.	HĐ số: 50/HD2021/ PVT-PVOS Thuê tàu PVT DIAMOND	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	92.000.300 đồng /ngày	Thuê tàu chở tàu hàng rời	19/04/2021	Từ tháng 04/2021 đến nay	ĐHĐCD phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCD, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại Quyết định số 11/QĐ-HĐQT, ngày 09/03/2021	

3.	HĐ số: 143/HD2021 /PVT-PVOS Thuê tàu PVT FLORA	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	125.125.000 đồng/ngày	Thuê tàu chờ Dầu/ hóa chất	29/10/2 021	Từ tháng 3/2022 đến nay	DHĐCĐ phê duyet tại NQ số: 01/NQ- PĐV-DHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyet tại QĐ số 79/QĐ-HĐQT, ngày 26/10/2021	giá thị trường. Nếu tại thời điểm bán tàu, giá bán thấp hơn giá trị số sách của tàu thì PDV có nghĩa vụ mua lại tàu với giá không thấp hơn giá trị số sách của tàu và/hoặc giá do bên thẩm định đưa ra (theo giá cao hơn)
4.	HĐ số: 152/HD2023 /PVT-PVTL Thuê tàu trần M/V PVT PEARL	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	165.716.000 đồng/ngày	Thuê tàu chờ tàu hàng rời	27/09/2 023	Từ tháng 09/2023	DHĐCĐ phê duyet tại NQ số: 01/NQ- PĐV-DHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyet tại QĐ số 40/QĐ-HĐQT, ngày 25/09/2023	
5.	Hợp đồng cho thuê định hạn tàu PVT SATURN (**)	Marida Tankers Inc Petco Trading Labuan Company Ltd (Ptcl)	10.000 USD/ngày 13.800 USD/ngày	Cho Thuê tàu chờ Dầu/ hóa chất Cho Thuê tàu chờ Dầu/ hóa chất	02/2023 05/03/2 024	03/2023 đến 05/2024 05/2024 đến năm 2025	Không có Không có	Không có Không có
6.	Hợp đồng cho thuê định hạn tàu PVT SYNERGY	Trafigira Maritime	13.800 USD/ngày	Cho thuê tàu chờ Dầu/ hóa chất	05/2023	05/2023 Đến 09/2024	Không có	Không có
7.	Hợp đồng cho thuê định hạn tàu PVT VENUS	Marida Tankers Inc	10.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chờ Dầu/ hóa chất	11/2021	12/2021 đến 12/2024	Không có	Không có
8.	Hợp đồng cho thuê định hạn tàu PVT NEPTUNE	Marida Tankers Inc	10.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chờ Dầu/ hóa chất	05/2021	06/2021 đến 12/2024	Không có	Không có
9.	Hợp đồng cho thuê	Stainless Tankers Inc	20.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chờ	02/2022	03/2022	Không có	Không có

	định hạn tàu			Dầu/ hóa		đến		
	PVT FLORA (**)			chất		12/2024		
10.	Hợp đồng cho thuê định hạn tàu PVT JUPITER	Womar Tankers	18.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Dầu/ hóa chất	05/2023	05/2023 đến 12/2024	Không có	Không có
11.	Hợp đồng cho thuê định hạn tàu PVT DIAMOND (**)	Stone Shipping	12.050 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	05/2023	05/2023 đến 07/2024	Không có	Không có
		Jade Alliance Shipping Pte. Ltd	13.750 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	07/2024	07/2024 đến năm 2025	Không có	Không có
		Jade Union Pte. Ltd.	6.300 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	11/2023	11/2023 đến 01/2024	Không có	Không có
		Pacific Basin Supramax Ltd	8.300 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	02/2024	01/2024 đến 19/02/2024	Không có	Không có
		Oceanic Spirit Shipping Co., Ltd	9.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	02/2024	19/02/2024 đến 29/02/2024	Không có	Không có
12.	Hợp đồng cho thuê định hạn/TCTrip tàu PVT PEARL (**)	Tongli Shipping Pte. Ltd.	11.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	02/2024	29/02/2024 đến 01/04/2024	Không có	Không có
		China Steel Express Corporation	12.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	04/2024	01/04/2024 đến 15/04/2024	Không có	Không có
		One Ocean Maritime Co Ltd	12.800 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	04/2024	15/04/2024 đến 03/05/2024	Không có	Không có
		Jade Alliance Shipping Pte. Ltd	15.000 USD/ngày	Cho thuê tàu chở Hàng rời	05/2024	03/05/2024 đến 08/2024	Không có	Không có

Nguồn: PDV

(*): Mọi quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành.

(**): Bốn tàu: PVT Flora, PVT Diamond, PVT Saturn, PVT Pearl là các tàu do Công ty thuê của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí để kinh doanh, không phải tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng IV.15: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

STT	Tên	Giá trị giao dịch trong năm 2023 (USD hoặc Tỷ đồng)	Giá trị giao dịch trong 6 tháng năm 2024 (USD/Tỷ đồng)	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp lớn (*)
I.	Khách hàng				
1.	TRAFIGIRA MARITIME	4.434.283,97 USD	2.488.225,62 USD	Cho thuê tàu chở dầu/ hóa chất	Không có
2.	STAINLESS TANKERS INC	6.826.520,54 USD	3.942.623,60 USD	Cho thuê tàu chở dầu/ hóa chất	Không có
3.	MARIDA TANKERS INC	11.139.857,62 USD	5.203.101,24 USD	Cho thuê tàu chở dầu/ hóa chất	Không có
4.	WOMAR TANKERS PTE LTD	3.577.677,55 USD	3.200.324,83 USD	Cho thuê tàu chở dầu/ hóa chất	Không có
5.	STONE SHIPPING	4.788.558,01 USD	1.550.131,77 USD	Cho thuê tàu chở hàng rời	Không có
6.	PETCO TRADING	-	880.837,46 USD	Cho thuê tàu chở dầu/ hóa chất	Không có
7.	TONGLI SHIPPING PTE LTD	-	635.616,16 USD	Cho thuê tàu chở hàng rời	Không có
8.	PACIFIC BASIN SHIPPING LIMITED	-	680.830,90 USD	Cho thuê tàu chở hàng rời	Không có
9.	OCEANIC SPIRIT SHIPPING CO., LTD	-	420.082,15 USD	Cho thuê tàu chở Hàng rời	Không có
10.	ONE OCEAN	-	608.504,74 USD	Cho thuê tàu chở Hàng rời	Không có
11.	JADE ALLIANCE	-	1.235.076,26 USD	Cho thuê tàu chở Hàng rời	Không có
II.	Nhà cung cấp				
1.	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ GLC	-	2.550 Tỷ	Dầu nhờn/Son	Không có
2.	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VOSCO	-	8.114 Tỷ	Dầu nhờn	Không có
3.	HOLY CHINA SHIPPING MARINE SERVICE CO., LIMITED	-	3.060 Tỷ	Vật tư	Không có

4.	CHENGXI SHIPYARD CO., LTD	-	14.740 Tỷ	Nhà máy sửa chữa	Không có
5.	SIN KOWA PTE LTD	-	1.713 Tỷ	Cung cấp phụ tùng vật tư	Không có
6.	FRAMO SINGAPORE PTE. LTD.	-	2.315 Tỷ	Cung cấp phụ tùng vật tư	Không có
7.	CAN MARINE SYSTEMS PTE LTD	-	2.466 Tỷ	Cung cấp thiết bị xử lý nước dằn	Không có
8.	CÔNG TY CỔ PHẦN INTER PETRO	-	3.741 Tỷ	Dầu nhờn	Không có
9.	ORIENTAL MARINE SERVICES (HONG KONG) LIMITED	-	2.011 Tỷ	Nhà máy sửa chữa	Không có

Nguồn: PDV

(*): Mọi quan hệ giữa khách hàng/nhà cung cấp lớn với các đối tượng là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Uy tín Thương hiệu của Công ty

Lợi thế lớn nhất của PDV là một trong các Công ty thành viên chủ lực của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí tại khu vực Nam Bộ thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong những năm qua, PDV cũng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Với đội ngũ cán bộ các cấp có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải dầu khí, có trách nhiệm và mẫn cán, cùng với đội ngũ thuyền viên giàu kinh nghiệm, PDV đã xây dựng được thương hiệu và khẳng định uy tín trên thị trường vận tải sản phẩm xăng dầu tại Việt Nam và quốc tế.

❖ Kinh nghiệm trong ngành vận tải biển

Sở hữu đội ngũ quản lý và đội ngũ nhân viên hoạt động nhiều năm trong ngành vận tải biển cùng với việc nhận được sự hỗ trợ to lớn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, trong những năm qua, PDV đã hoàn thành được nhiều thương vụ vận tải lớn đòi hỏi về mặt chất lượng và thời gian với các khách hàng lớn trong và ngoài nước như: PV OIL, Petec, PVTrans, SJ Shipping, Petronas Trading, PTT, Golden Agriecture, Petcherm, Monjasa, ...

❖ Chất lượng sản phẩm

Từ những ngày đầu thành lập đến nay, PDV luôn nỗ lực mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, nhằm đem đến hệ thống dịch vụ đa dạng, phong phú và hoàn thiện hơn, đem đến sự hài lòng cho khách hàng thông qua những sản phẩm, dịch vụ với

chất lượng được đảm bảo tuyệt đối, với mức giá cạnh tranh. Góp phần cho sự phát triển của Việt Nam bằng việc quảng bá sản phẩm, dịch vụ Hàng hải - Dầu khí tại Việt Nam với khách hàng trên thế giới, bằng việc áp dụng Hệ thống Quản lý An toàn ISM, Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001: 2008, TMSA và luôn duy trì, đảm bảo tình trạng an toàn và kỹ thuật của đội tàu trong trạng thái tốt nhất, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng.

❖ **Đội ngũ cán bộ công nhân viên**

Chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên được coi là yếu tố nòng cốt để mang lại sự thành công trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ của Công ty đến với khách hàng. Nhận thức được điều đó, trong những năm qua, Ban lãnh đạo PDV luôn chú trọng trong công tác huấn luyện, sửa đổi cải tiến các chương trình đào tạo, tăng cường huấn luyện, nâng cao trình độ của sỹ quan, thuyền viên để lấy được giấy chứng nhận của các hãng dầu khí lớn quốc tế (Sire Report/ Oil Major Approval).

❖ **Mức độ cạnh tranh**

Cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải biển và kinh doanh thương mại ngày càng gia tăng giữa các đơn vị trong cùng ngành, giữa các ngành với nhau, ngoài ra còn có sự tham gia của các công ty nước ngoài có nhiều kinh nghiệm, tiềm lực tài chính mạnh và trình độ quản lý cùng với công nghệ hiện đại khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển trong nước gặp phải nhiều khó khăn. Do vậy, công ty thường xuyên cập nhật kiến thức, xu thế mới của thế giới để cải tiến nâng cao công tác quản lý, quản trị, tối ưu hóa chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh.

❖ **So sánh các chỉ tiêu tài chính cơ bản của PDV với các doanh nghiệp cùng ngành khác**

Bảng 11.16: So sánh PDV và các doanh nghiệp khác cùng ngành

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	PDV	VIP	GSP	VFC	PJT
1	Vốn CSH	Tỷ đồng	594	1.275	759	723	299
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.077	550	1.765	1.272	707
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	140	117	154	92	64
4	LNST	Tỷ đồng	64	87	85	44	18
5	EPS	Đồng	1.987	1.142	1.661	959	797

Nguồn: BCTC kiểm toán (hợp nhất) năm 2023 của các Công ty

b) Triển vọng phát triển của ngành

❖ **Xu hướng phát triển ngành Logistics toàn cầu**

Hiện tại, nền kinh tế thế giới đang chịu nhiều tác động từ lạm phát, lãi suất USD

tăng, sức mua chưa thể hồi phục đồng thời sự căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các xu hướng logistics toàn cầu trong thời gian tới. Cùng với đó là những tác động lớn khác có thể đến từ Brexit, vai trò của WTO đối với thương mại toàn cầu, xung đột địa chính trị tại Đông Âu và khu vực Biển Đỏ hoặc việc làm thế nào để thu thuế đối với các sản phẩm và dịch vụ số và xu hướng Logistics trong thời gian được tóm gọn như sau:

- Thương mại điện tử (TMĐT) nở rộ trong bối cảnh người dân tăng cường mua hàng trực tuyến cũng là yếu tố đáng chú ý giúp thị trường phục vụ TMĐT phát triển mạnh. Hành vi mua hàng và kỳ vọng của người tiêu dùng thay đổi với những yêu cầu cao hơn về hàng nhanh, miễn phí giao hàng với cước ngắn, giá cả cạnh tranh và “logistics thu hồi” thuận tiện. Lịch trình giao hàng khắt khe thách thức các mô hình chuỗi cung ứng và logistics truyền thống, buộc các Công ty phải điều chỉnh chiến lược của mình để cung cấp dịch vụ giao hàng theo yêu cầu với chi phí thấp, thị phần thương mại điện tử trong thị trường bán lẻ ngày càng tăng, thậm chí là theo cấp số nhân;
- Các giải pháp trực tuyến sáng tạo, tùy chỉnh, đáp ứng yêu cầu đặc thù của khách hàng... sẽ hình thành phân khúc dịch vụ logistics cao cấp;
- Quá trình tự động hóa trong lĩnh vực logistics (từ vận chuyển, dịch vụ cảng, kho bãi, vận tải...) đang được thúc đẩy với các ứng dụng từ trí tuệ nhân tạo, blockchains sẽ trở thành xu hướng chính trong thời gian tới. Các tác nhân trong toàn bộ chuỗi giá trị sẽ ưu tiên nâng cao hiệu quả hoạt động bằng cách đầu tư vào công nghệ.

Ngành kho bãi dự kiến sẽ chuyển đổi đáng kể với quá trình tự động hóa để đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử xuyên biên giới và nhu cầu ngày càng tăng về các giải pháp chuỗi cung ứng tích hợp:

- Để hỗ trợ các Doanh nghiệp trong ngành đổi mới bắt kịp xu hướng chung, thị trường phát triển và ứng dụng các phần mềm Logistics sẽ là một trong những điểm sáng của lĩnh vực Logistics toàn cầu trong thời gian tới.
- Xu hướng logistics “xanh” tiếp tục là điểm nhấn quan trọng. Thiên tai và dịch bệnh trong những năm gần đây và đặc biệt là năm 2020 không chỉ còn là hồi chuông cảnh báo mà như sự khẳng định cho việc thế giới phải quyết tâm hơn nữa trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Là một trong những lĩnh vực gây ô nhiễm lớn (bên cạnh sản xuất công nghiệp), ngành logistics nói chung và vận tải nói riêng sẽ bị siết chặt hơn các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động trong thời gian tới.

Với các xu hướng trên, để tận dụng tối đa mọi cơ hội, các nhà cung cấp Dịch vụ Logistics nên tập trung nhiều hơn vào các phân khúc tăng trưởng nhanh như vận tải đa phương thức, Logistics trong TMĐT, Logistics chuỗi lạnh... đồng thời hợp tác chặt chẽ hơn để đảm bảo các mục tiêu về “xanh hóa” theo các quy định, cam kết quốc tế cũng như

vì sự phát triển bền vững của chính mình.

❖ **Triển vọng ngành vận tải biển ở Việt Nam**

- Nhu cầu vận chuyển hóa chất công nghiệp tăng trưởng mạnh dài hạn trong thời gian vừa qua và được dự báo còn tăng trưởng trong thời gian tới.
- Với việc đàm phán và ký kết thành công các Hiệp định thương mại trong các năm qua như CTPP, Việt Nam-EU, RCEP, Việt Nam- Hàn Quốc, Việt Nam- Á Âu, thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam đã được mở rộng đáng kể, hứa hẹn một năm nhộn nhịp của các cảng biển. Xuất nhập khẩu hàng hóa dự báo tăng trưởng nhanh nhờ các nền kinh tế Mỹ, EU hồi phục, tăng sức mua các hàng hóa xuất khẩu chính của Việt Nam như quần áo, may mặc, giày dép hay thủy sản, mở ra cơ hội lớn việc làm cho các doanh nghiệp vận tải biển.

❖ **Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

Việt Nam có vị trí địa lý quan trọng trong khu vực châu Á, nằm trong khu vực có mạng lưới vận chuyển hàng hóa bằng đường biển năng động vào bậc nhất trên thế giới. Mặt khác, với hơn 3.260 km bờ biển, Việt Nam có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển vận tải biển và các dịch vụ khác liên quan đến biển.

Phát triển vận tải biển theo hướng hiện đại hóa với chất lượng ngày càng cao, chi phí hợp lý, an toàn, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; tăng sức cạnh tranh của vận tải biển để chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và trên thế giới” - đó là một trong những mục tiêu của Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số: 1601/QĐ-TTg, ngày 15/10/2009.

Cùng với chủ trương quan tâm và tạo điều kiện của Nhà nước vào ngành vận tải biển nói riêng và ngành vận tải nói chung, hoạt động của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Hoạt động marketing của Công ty được thực hiện, thường xuyên cập nhật thông qua các kênh như website Công ty, fanpage. Công ty cũng định kỳ tham gia các chương trình quảng bá thương hiệu cho ngành vận tải dầu của Hiệp hội chủ tàu, chủ hàng và môi giới liên quan đến lĩnh vực dầu mỏ, hóa chất quốc tế... Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín không chỉ tại thị trường trong nước mà các đối tác nước ngoài cũng đánh giá rất cao sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt:



PVT LOGISTICS

Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

- Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ mới là một yêu cầu cấp bách để đi trước và đón bắt được nhu cầu của thị trường, nhằm thực hiện chủ trương phát triển bền vững của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí/ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty PDV;
- Quá trình đưa ra sản phẩm dịch vụ mới trong tương lai, đòi hỏi PDV phải có kế hoạch đầu tư lớn, kết hợp với việc xác định các tiêu chuẩn dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng và tình hình tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế;
- Dự kiến trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thăm dò, khảo sát nghiên cứu thị trường vận tải hóa chất, lên kế hoạch đầu tư tàu, huấn luyện và tuyển dụng đội ngũ thuyền viên để triển khai cung cấp dịch vụ vận chuyển hoá chất bằng tàu biển chuyên dụng;
- Để tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân sự và phát triển hoạt động quản lý, cung ứng thuyền viên, Công ty sẽ xúc tiến thành lập Trung tâm thuyền viên để đào tạo thuyền viên cho đội tàu Công ty, tiến tới cung cấp cho các đơn vị thành viên của PVTrans và các chủ tàu trong, ngoài nước;
- Để nâng cao công tác quản trị Công ty, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, Công ty tiếp tục nghiên cứu và áp dụng có chọn lọc các mô hình quản lý chuyên nghiệp của các công ty vận tải quốc tế vào mô hình quản lý của đơn vị.

10.11. Chiến lược kinh doanh

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị vận tải dầu, hóa chất lớn của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí (PVTrans) trở thành thương hiệu mạnh trong khu vực, mở rộng lĩnh vực hoạt động trong nước và quốc tế;
- Nâng cao năng lực quản lý, công tác quản trị, năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, bằng cách sử dụng tối ưu mọi nguồn lực sẵn có, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả;

- Duy trì sản xuất, ổn định việc làm cho người lao động, ra sức tiết kiệm các khoản chi phí để hạ giá thành dịch vụ. Thực hiện duy trì quan hệ tốt với khách hàng, trên cơ sở đó khai thác thêm các thị trường mới, có tiềm năng khác;
- Công ty phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản được Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2024.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tập trung mở rộng quy mô đội tàu dầu/ hóa chất loại khoảng 13.000 – 25.000 DWT, tàu hàng rời khoảng 25.000 – 75.000 DWT, phát triển lĩnh vực dịch vụ logistics, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng mạnh doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao;
- Xây dựng các giải pháp để vận hành an toàn và kết hợp khai thác đội tàu hiệu quả tuyến quốc tế và trong nước trong đó thị trường quốc tế là chủ yếu.
- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông;
- Chú trọng hoàn thiện công tác quản lý: bổ sung cán bộ quản lý có năng lực, trẻ nhiệt huyết với Công ty để sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao;
- Đảm bảo Hệ thống quản lý an toàn được thực hiện đầy đủ, hoàn thiện và sửa đổi để áp dụng, tuân thủ hệ thống quản lý TMSA.

❖ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Phối hợp với địa phương làm tốt công tác an ninh quốc phòng, tham gia tích cực các hoạt động an sinh xã hội. Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

Không có

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty bình quân các năm như sau:

Bảng IV.17: Tình hình lao động của Công ty

STT	Chỉ tiêu phân loại	Năm 2022		Năm 2023		Quý 2/2024	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1.	Đại học và trên Đại học	151	44.67%	159	40,77%	150	37,41%

STT	Chỉ tiêu phân loại	Năm 2022		Năm 2023		Quý 2/2024	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
2.	Cao đẳng, trung cấp	135	39.94%	142	36,41%	147	36,66%
3.	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	48	14.20%	85	21,79%	101	25,19%
4.	Lao động khác	4	1.18%	4	1,03%	3	0,75%
TỔNG CỘNG		338	100%	390	100%	401	100

Nguồn: PDV

11.2. Các chính sách đối với người lao động

PDV đã xây dựng chính sách đối với người lao động như sau:

- PDV rất quan tâm và coi trọng việc đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhằm tạo điều kiện cho CBCNV thực hiện công việc một cách hiệu quả, phát triển sự nghiệp. Ngoài ra, chú trọng đào tạo và phát triển sự nghiệp đối với nguồn cán bộ nội bộ có nhiệt huyết, trách nhiệm trong công việc và có năng lực đáp ứng yêu cầu;
- PDV luôn đảm bảo mọi quyền lợi của Người lao động. CBCNV làm việc tại PDV được hưởng mức lương cạnh tranh so với mặt bằng thị trường và chế độ nâng lương theo đúng quy định. Chính sách khen thưởng kịp thời, công bằng, công khai đã động viên, khuyến khích CBCNV nỗ lực cống hiến và phấn đấu cho sự phát triển của PDV. CBCNV được thưởng vào các dịp lễ tết tùy thuộc vào kết quả SXKD của PDV;
- CBCNV khi ký HĐLĐ với PDV sẽ được tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của Pháp luật, ngoài ra CBCNV khi ký HĐLĐ còn được PDV mua gói bảo hiểm tai nạn, chăm sóc sức khỏe. Hàng năm, PDV đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan kết hợp team building để CBCNV có điều kiện giao lưu, thư giãn nghỉ ngơi. PDV luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của Người lao động, thường xuyên quan tâm, hỗ trợ cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn/ốm đau...; tặng quà cho CBCNV nhân dịp sinh nhật, các ngày hiếu hi, ngày 20/10 và 08/03 cho CBCNV nữ; tổ chức vui chơi, tặng quà cho con CBCNV nhân ngày tết Trung thu, 01/06, các cháu có thành tích cao trong học tập;
- Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tiền lương và thu nhập trong Công ty. Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty luôn luôn được xem xét điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBCNV đồng thời thu hút nhân tài cho Công ty và gắn kết CBCNV lâu dài với Công ty. Mức thu nhập bình quân của CBCNV PDV trong Quý 2/2024 là: 33.5 triệu đồng/ người/ tháng.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do HĐQT xây dựng, đề xuất và ĐHĐCĐ quyết định trên các nguyên tắc sau:

- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp;
- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng IV.18: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty qua các năm

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023 (*)
Cổ tức/ mệnh giá	6%	8%	10%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt

Nguồn: PDV

(*) Tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức năm 2023 đã được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua tại nghị quyết số 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024. Việc chia cổ tức đã được ĐHĐCĐ giao cho HĐQT thực hiện vào thời điểm phù hợp nhưng không trái với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Tóm tắt tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng, theo Báo cáo kiểm toán số 0067/VN1A-HC-BC, ngày 24/06/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- + Vào tháng 5 năm 2023 Công ty đã sử dụng nguồn vốn của Công ty và nguồn vốn vay để đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.832 DWT (tàu PVT Jupiter) với tổng giá trị là 432.567.807.700 đồng để phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- + Vào tháng 10/2023, sau khi hoàn thành đợt chào bán, Công ty đã sử dụng số tiền thu được để bù đắp lại nguồn vốn của Công ty đã sử dụng để mua tàu PVT Jupiter.

Ngày 24/4/2024, tại nghị quyết số 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ đã đồng ý phê duyệt điều chỉnh mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán như sau: toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán là 119.773.450.000 đồng được dùng để bù đắp nguồn vốn đã sử

dụng để mua 01 tàu chở dầu/ hóa chất size khoảng 19.000 – 25.000 DWT phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty (PVT Jupiter).

Ngày 01/7/2024, UBCKNN đã có quyết định số 710/QĐ-XPHC về việc xử phạt hành chính đối với Công ty liên quan đến việc thay đổi Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng nhưng không thông qua ĐHĐCĐ. Hình thức xử phạt: phạt tiền và buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc thay đổi mục đích hoặc Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều 10 Nghị định 156/2020/NĐ-CP (Công ty đã thực hiện báo cáo việc thay đổi Phương án sử dụng vốn tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024).

Ngày 05/07/2024, Công ty đã thực hiện việc nộp phạt vi phạm hành chính theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành:

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 1.19: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	% tăng/giảm	Năm 2023	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2024
Tổng giá trị tài sản	921.264	5,23%	1.311.386	42,35%	1.292.061

Chỉ tiêu	Năm 2022	% tăng/giảm	Năm 2023	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu thuần	972.995	18,02%	1.076.582	10,65%	703.730
Lợi nhuận gộp	222.222	233,29%	140.179	-36,92%	122.894
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	143.289	403,79%	65.060	-54,60%	68.625
Lợi nhuận khác	14.352	619,76%	15.093	5,17%	1.109
Lợi nhuận trước thuế	157.642	417,95%	80.153	-49,15%	69.734
Lợi nhuận sau thuế	125.284	415,57%	64.068	-48,86%	56.195
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	19,87%	-74,14%	67,25%	238,55%	N/A
Tỷ lệ cổ tức	8%	33,33%	10%	25,00%	N/A

Nguồn: PDV

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

❖ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký chào bán

○ Khó khăn và thuận lợi của năm 2022:

Khó khăn:

- Tình hình thị trường vận chuyển tài dầu/hóa chất đang duy trì ở mức ổn định khi xung đột Nga – Ukraine chưa có dấu hiệu kết thúc.;
- Tình hình thị trường hàng rời từ quý III năm 2022 suy giảm do các nguyên nhân như tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm sút; nhu cầu hàng hóa thiếu ổn định của Trung Quốc cũng như các chính sách bảo hộ để hỗ trợ nền kinh tế nội địa của nhiều quốc gia dẫn đến giảm nhu cầu hàng nhập khẩu; sự thắt chặt chi tiêu công để đối phó với lạm phát dẫn đến giảm lượng hàng rời, container lưu thông giảm mạnh... Các yếu tố này làm giá cước thuê tàu rời giảm mạnh.
- Mặc dù tình hình tài chính của đơn vị đã có nhiều cải thiện trong thời gian qua, nhưng đơn vị quy mô còn nhỏ, rất cần nguồn vốn để đầu tư phát triển nâng cao năng lực của đội tàu;
- Việc cấp phụ tùng vật tư, sửa chữa, bảo dưỡng, thay ca thuyền viên vẫn gặp rất nhiều khó khăn làm gia tăng chi phí và giảm ngày tàu khai thác;
- Các quy định, các tiêu chuẩn của ngành ngày càng cao sẽ có tác động lớn đến công tác quản lý kỹ thuật, an toàn, trình độ chuyên môn của đội ngũ thuyền viên... dẫn đến chi phí quản lý sẽ gia tăng trong các năm hoạt động.

Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ từ Tổng công ty PV Trans và các cổ đông lớn;
 - Uy tín và thương hiệu của Công ty ngày càng được nâng lên đã đáp ứng các điều kiện khắt khe khi tham gia liên minh Pool Womar với các khách hàng là các Oil Major, Tập đoàn thương mại lớn... sẽ tạo cơ hội cho đội tàu công ty có nguồn hàng chuyên chở đa dạng;
 - Việc thanh lý thành công tàu Phuong Dong Star trong tháng 3/2022, đồng thời tiếp nhận và đưa vào khai thác trong Pool Womar tàu PVT Flora từ ngày 22/3/2022 đã giúp mang lại doanh thu và lợi nhuận rất tốt cho công ty; Bên cạnh đó, với việc đưa cả 2 tàu PVT Neptune và PVT Venus khai thác trong Pool đã giúp mang lại hiệu quả cao hơn nhiều so với phương án tự khai thác truyền thống;
 - Thị trường tài chính trong nước và thế giới tương đối ổn định, tỷ giá USD/VND tăng so với đầu năm, tuy nhiên, chi phí CLTG vẫn nằm trong kế hoạch kiểm soát của Công ty.
- **Khó khăn và thuận lợi của năm 2023:**

Khó khăn:

- Nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều diễn biến phức tạp, tốc độ phục hồi còn chậm và khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Điều này kéo theo xu hướng phi toàn cầu hóa của các nước, tăng cường chính sách bảo hộ đồng thời dịch chuyển nguồn cung về gần thị trường tiêu thụ để giảm rủi ro cung ứng.
- Tình hình địa chính trị tiếp tục bất ổn khi xung đột Nga – Ukraine kéo dài. Cùng lúc đó là diễn biến leo thang của xung đột Israel – Hamas tại khu vực Biển Đỏ và kênh đào Suez kéo theo sự bất ổn trên các tuyến vận tải tại khu vực này. Việc lựa chọn tuyến vận tải an toàn hơn sẽ mất nhiều thời gian và chi phí hơn cho các đội tàu vận tải. Ngoài ra, việc tắc nghẽn tại kênh đào Panama do hạn hán cũng làm ảnh hưởng và thay đổi tuyến hành hải quốc tế.
- Công ty phải tiến hành sửa chữa định kỳ cho 06 tàu trên tổng số 08 tàu đang sở hữu, gây ảnh hưởng về doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Thuận lợi:

- Nâng cao năng lực đội tàu thông qua việc bổ sung 2 tàu PVT Jupiter (mua) và PVT Pearl (thuê trần bareboat);
- Ngoài đội tàu chở dầu, hóa chất, Công ty định hướng phát triển thêm đội tàu hàng rời nhằm đa dạng hóa đơn hàng, tăng sức cạnh tranh cho Công ty trên thị trường vận tải và tăng doanh thu;
- Tiếp tục duy trì tình trạng đáp ứng các yêu cầu từ hội Pool Wolmar, đồng thời nỗ lực duy trì TMSA ở mức 2.6 và các tàu hóa chất đảm bảo đạt CDI tối thiểu 98%;

- Nâng cao chất lượng nhân sự thông qua việc hoàn thiện Trung tâm Thuyền viên PVTrans nhằm chủ động trong đào tạo đội ngũ nhân sự phù hợp với nhu cầu của Công ty;
- Hoàn thành kế hoạch tăng vốn lên 430,8 tỷ đồng.
- ❖ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2023**
Không phát sinh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- ❖ **Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

Bảng 1.20: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Vốn điều lệ	311.100	430.873	430.873

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

Cập nhật đến 31/12/2023, sau khi hoàn thành đợt phát hành thêm 11.977.345 cổ phiếu ra công chúng, vốn điều lệ của Công ty là 430.873.310.000 đồng.

Bảng 1.21: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	6 tháng đầu năm 2024
I. Vốn chủ sở hữu	446.620	594.472	644.254
Vốn góp của chủ sở hữu	311.100	430.873	430.873
Thặng dư vốn cổ phần	10	(162)	(167)
Quỹ đầu tư phát triển	10.150	97.850	113.866
LNST chưa phân phối	125.360	65.911	99.682
II. Nợ phải trả	474.643	716.914	647.806
Nợ ngắn hạn	245.335	266.473	239.585
Nợ dài hạn	229.308	450.441	408.221
Tổng nguồn vốn kinh doanh	921.264	1.311.386	1.292.060

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

Bảng V.22: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.126	99.441	169.907
Đầu tư tài chính ngắn hạn	196.000	81.000	50.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	109.825	78.259	88.016
Hàng tồn kho	17.415	22.645	24.041
Tài sản ngắn hạn khác	38.306	70.314	58.670
Các khoản phải thu dài hạn	4	14.794	14.794
Tài sản cố định	431.593	803.217	756.132
Tài sản dở dang dài hạn	5.636	12	1.038,28
Tài sản dài hạn khác	72.360	141.705	129.463

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

❖ **Trích khấu hao TSCĐ:**

Bảng V.23: Tình hình tài sản cố định của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Tài sản cố định hữu hình	431.593	803.102	756.041
- Nguyên giá	586.812	1.034.782	1.034.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	(155.218)	(231.680)	(278.741)
Tài sản cố định vô hình	-	113,8	90,48
- Nguyên giá	218	358	358,00
- Giá trị hao mòn lũy kế	(218)	(244)	(267,52)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, BCTC Quý 2 năm 2024 của PDV

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

Bảng V.24: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10
2	Phương tiện vận tải	08 - 12
3	Thiết bị văn phòng	03 - 05

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của PDV

- Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

❖ **Mức lương bình quân**

Bảng V.25: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng năm 2024
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	31	33.5	33.5

Nguồn: PDV

Mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức tương đương so với các doanh nghiệp cùng ngành và ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng địa bàn.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- **Các khoản phải thu:**

Bảng V.26: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	109.825	78.259	88.016
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	62.431	45.950	40.178
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.763	4.495	8.124
3	Phải thu ngắn hạn khác	45.887	47.070	58.971
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(19.257)	(19.257)	(19.257)
II	Các khoản phải thu dài hạn	4	14.794	14.794
1	Phải thu dài hạn khác	4	14.794	14.794
	Tổng cộng	109.829	93.053	102.810

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

- Các khoản nợ phải trả:

Bảng V.27: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty

Đvt: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
I	Nợ ngắn hạn	245.335	266.473	239.584
1	Phải trả người bán ngắn hạn	95.301	101.430	69.085
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.344	38	1.082
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.645	2.359	7.334
4	Phải trả người lao động	25.782	32.682	34.116
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	21.055	7.124	11.567
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	6.807	18.829	15.286
6	Phải trả ngắn hạn khác	13.574	16.116	20.431
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	59.955	82.864	72.445
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	872	5.029	8.238
II	Nợ dài hạn	229.308	450.441	408.221
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	229.308	450.441	408.221
	Tổng cộng	474.643	716.914	647.805

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ đến hạn thanh toán. Công ty không có khoản nợ quá hạn tính tới thời điểm hiện tại.

❖ Tổng dư nợ vay

Công ty hiện tại có thực hiện vay nợ ngân hàng, cụ thể:

Bảng V.28: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm

Đvt: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
1	Vay và nợ ngắn hạn	59.955	82.865	72.445
2	Vay và nợ dài hạn	229.308	450.441	408.221
	Tổng Cộng	289.263	533.306	480.666

❖ Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước.

Bảng V.29: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
1	Thuế thu nhập cá nhân	622	376	432
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.023	1.983	6.902
	Tổng cộng	12.645	2.359	7.334

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng V.30: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty qua các năm

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	872	5.029	8.238
Quỹ đầu tư phát triển	10.150	97.850	113.866
Tổng cộng:	11.022	102.879	122.104

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023, và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV

❖ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

- Tỷ giá trong đầu năm 2024 tăng mạnh so với những năm trước khiến chi phí nhiên liệu của Công ty tăng cao, ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính của Công ty;
- Sự bất ổn về địa chính trị tại khu vực Biển Đỏ đe dọa đến an ninh hàng hải trên tuyến đường vận tải qua kênh đào Suez. Điều này có thể ảnh hưởng đến các tuyến vận tải qua khu vực Trung Đông.
- Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn như Mỹ và Châu Âu vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp dẫn đến thương mại và nhu cầu vận tải sụt giảm, có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty;
- Nguồn lực thuyền viên có chất lượng trong nước còn thiếu, bên cạnh đó sự phát triển mạnh của đội tàu Việt Nam và các Chủ tàu trong khu vực cũng như tại Trung Quốc/ Ấn Độ, dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt và chi phí trả cho thuyền viên, chi phí thuê thuyền viên ngoài tăng cao. Nguồn lực cán bộ quản lý tại văn phòng có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực vận tải hóa chất quốc tế còn mỏng có thể ảnh hưởng hoạt động điều hành.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng V.31: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2022 – 6 tháng đầu năm 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,68	1,32	1,63
	- Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,45	1,23	1,53
2	Cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,52	0,55	0,50
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,06	1,21	1,01
3	Năng lực hoạt động				
	- Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,08	0,96	0,54
	- Vòng quay vốn lưu động: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Lần	2,82	2,82	1,90
	- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	50,78	46,75	24,88
4	Khả năng sinh lợi				
	- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (LNST/Doanh thu thuần)	%	12,88%	5,95%	7,99%
	- Hệ số LNST trên vốn kinh doanh (ROA): (LNST/Tổng tài sản bình quân)	%	13,95%	5,74%	4,32%
	- Hệ số LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE): (LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	31,69%	12,31%	9,07%
	- Thu nhập trên Cổ phần (EPS)	Đồng/cp	4.570	1.727	1.304

Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC quý 02 năm 2024 của PDV.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC năm 2022: Theo Báo cáo kiểm toán số: 0572/VN1A-HC-BC, ngày 29/03/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm

toán Deloitte Việt Nam cho Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC năm 2023: Theo Báo cáo kiểm toán số: 0337/VN1A-HC-BC, ngày 29/2/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam cho Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024

Dựa vào tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, PDV đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2024 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng V.32: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính năm 2024

Chỉ tiêu	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.250.000	12%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	64.000	0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (***) (%)	5,12%	-11%
Vốn chủ sở hữu (***) (triệu đồng)	661.100	11%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (***) (%)	9,68%	-10%
Tỷ lệ cổ tức (%)	8-10%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/04/2024 của PDV

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/04/2024.

(***) : Chỉ tiêu này được tính toán dự kiến dựa trên Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

4.2. Căn cứ để đạt được kết quả doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

a) Giải pháp thị trường khai thác tàu và các hoạt động kinh doanh khác:

- Tiếp tục chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng các phương án khai thác tàu linh hoạt trong đó kết hợp tham gia liên minh Pool tàu hóa chất với cho thuê định hạn, chuyển. Nắm bắt nhanh các thông tin của thị trường nhằm có các biện pháp ứng phó phù hợp trong bối cảnh tình hình thị trường biến động nhanh. Tăng cường công tác marketing, hợp tác với các nhà môi giới, các chủ tàu và liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước để hợp tác đầu tư (thuê bareboat, định hạn...) nhằm mở rộng thị trường, và nâng cao năng lực vận tải, mở rộng thị trường và giảm chi phí quản lý/tàu.
- Mở rộng khu vực hoạt động của đội tàu, tiếp tục tham gia sâu vào hoạt động vận chuyển hóa chất tại thị trường quốc tế có mức cước cao nhưng đòi hỏi năng lực, kinh nghiệm của cả cán bộ trên văn phòng và thuyền viên cần được nâng cao;
- Hoạt động kinh doanh mảng đại lý: Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt và duy trì các dịch vụ đại lý cho các chủ mỏ dầu khí hiện nay, cũng như sự ủng hộ của Tổng công ty PV Oil hiện nay. Tăng cường mở rộng quan hệ tìm kiếm các chủ tàu/ mỏ dầu khí (khách hàng mới) để tham gia làm dịch vụ đại lý và các dịch vụ phụ trợ khác như cấp nhiên liệu, nước ngọt;
- Vận hành ổn định Trung tâm thuyền viên PVTrans để đào tạo, đào tạo lại và cung ứng Thuyền viên;
- Tiếp tục dịch vụ Quản lý kỹ thuật tàu: quản lý các tàu dầu/ hóa chất khoảng 13.000 - 25.000 DWT.

b) Về công tác đầu tư và tài chính:

- Triển khai hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm 230 tỷ đồng từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng của năm 2024 để đầu tư, thuê mua tàu, bổ sung vốn hoạt động trong lúc giá tàu đang ở giai đoạn phù hợp để nâng cao năng lực vận tải, và sức cạnh tranh trên thị trường;
- Tùy tình hình thị trường PDV sẽ xem xét thêm cơ hội bán tàu PVT Synergy để có thêm nguồn vốn thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cao năng lực đội tàu chú trọng vào trọng tải tàu dầu/hóa chất khoảng 19.000-25.000 DWT hoặc tàu hàng rời trọng tải khoảng 25.000-75.000 DWT;
- Đầu tư 01 tàu dầu/ hóa chất khoảng 19.000-25.000 DWT hoặc tàu hàng rời khoảng 25.000-75.000 DWT (PDV-HC/HR-04/24) đầu tư mới giúp nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Đầu tư 02 tàu gồm 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT và 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax khoảng 25.000-75.000 DWT thuộc kế hoạch năm 2023 chuyển tiếp sang;
- Thực hiện chuyển tiếp chuyển Cổ phiếu niêm yết sang sàn HOSE khi đủ điều

kiện;

- Trong năm 2024, Công ty dự kiến sẽ chia cổ tức tỷ lệ 10% Vốn điều lệ bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận để lại;
- Tổ chức xây dựng kế hoạch dòng tiền, thực hiện kiểm soát chặt chẽ trong các hoạt động thu chi. Tiếp tục tập trung xử lý các công nợ tồn đọng, nhằm thu hồi và bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.

c) Về công tác tổ chức, quản lý

- Đảm bảo hệ thống quản lý an toàn luôn được kiểm soát, cải tiến và đổi mới, tình trạng kỹ thuật và các trang thiết bị an toàn luôn trong tình trạng tốt nhằm duy trì SIRE/Oil Major Approval cho đội tàu công ty trên hệ thống OCIMF. Không để xảy ra các trường hợp gây ô nhiễm, cháy nổ, đắm va và thương tật đối với thuyền viên. Duy trì TMSA tối thiểu 2.6.
- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.
- Huấn luyện và tuyển dụng đội ngũ thuyền viên có chất lượng tốt để phù hợp với việc phát triển đội tàu trong năm 2024 và những năm tới, đặc biệt đáp ứng được yêu cầu vận chuyển hóa chất.
- Tổ chức xây dựng môi trường văn hóa làm việc theo 04 phương châm hành động “đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả”
- Nâng cao công tác quản trị Công ty, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, quy trình, quy chế. Chú trọng đào tạo, duy trì tính ổn định và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, trách nhiệm và nhiệt huyết với công việc. Lấy phương châm tự đào tạo trong đó cấp trên đào tạo cấp dưới, người có chuyên môn tốt hướng dẫn người mới, xây dựng đội ngũ kế cận cho các cấp quản lý. Đặc biệt kiên trì triển khai hoạt động của Trung tâm đào tạo nhân lực hàng hải ổn định hiệu quả.
- Đẩy mạnh tuyên truyền toàn thể cán bộ, nhân viên toàn Công ty thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người trong công tác thực hành tiết kiệm. Duy trì ổn định hiệu quả hoạt động SXKD là nhiệm vụ thiết thực quyết định sự sống còn của đơn vị.
- Tiếp tục triển khai các ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động SXKD để từng bước nâng cao năng suất lao động, minh bạch và đặc biệt nâng cao hiệu quả hoạt động.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, VCBS HCM xin đưa ra đánh giá về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của PDV trong năm 2024 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty.

Trong năm 2023, PDV đã đạt được một số điểm quan trọng như: chào bán thành

công 11.977.345 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 430.873.310.000 đồng; hoàn thành công tác đầu tư tàu PVT Jupiter đồng thời hoàn thành tiếp nhận tàu PVT Pearl và đưa 2 tàu này vào khai thác. Ngoài ra, Công ty cũng đã ký kết được các hợp đồng cho thuê tàu dài hạn với khách hàng đảm bảo hiệu quả trong năm 2023 và là tiền đề cho kế hoạch năm 2024; thực hiện hoàn thành docking sửa chữa định kỳ 06 tàu trong tổng số 08 tàu công ty đang sở hữu và khai thác đúng tiến độ đã mang lại hiệu quả rõ rệt như tăng ngày tàu khai thác, tăng doanh thu giúp tăng lợi nhuận đáng kể cho công ty.

Tuy nhiên, trong bối cảnh ngành vận tải biển năm 2024 được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn do tốc độ phục hồi kinh tế còn chậm, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thương mại cũng như sản lượng vận tải biển, tuy nhiên với những bất ổn địa chính trị như chiến tranh Nga – Ukraine, chiến tranh Israel – Hamas và Houthi tấn công các tàu hoạt động tại khu vực Biển Đỏ làm thay đổi tuyến đường hành hải và hành trình tàu kéo dài. Các vấn đề này đã được Công ty đánh giá cụ thể và có biện pháp ứng phó thích hợp.

VCBS HCM cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của PDV dự kiến trong năm 2024 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Các hạn chế với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

- *Đối với cổ đông lớn là cá nhân:* Không có.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

- Đối với cổ đông lớn là tổ chức:

STT	Tên	Năm thành lập	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Quốc tịch	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại PDV	Cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn						Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)				
									Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến cổ phiếu sau chào bán		Số lượng (cp)	Tỷ lệ năm giữ		Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng (cp)	Tỷ lệ năm giữ	Tỷ lệ biểu quyết
									Số lượng (cp)	Tỷ lệ năm giữ	Tỷ lệ năm giữ	Tỷ lệ năm giữ							
I	CỔ ĐÔNG LỚN																		
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	27-05-2002	0302743192	Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam	3.237	Nguyễn Duyệt Hiếu – Chức vụ: Tổng Giám đốc	Lê Trúc Lâm (Chủ tịch HĐQT)	9.424.045	21,87%	21,87%	14.456.485	21,87%	21,87%	21,87%	21,87%	21,87%	Công ty mẹ - Công ty con.	
								Hồ Sĩ Thuận (Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc)	8.617.466	20,00%	20,00%	13.219.192	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	Lợi ích liên quan được thể hiện ở phần (II) dưới đây	
								CP phó thông	8.617.466	20,00%	20,00%	13.219.192	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%		
								Đoàn Đình Hiếu (Thành	4.308.733	10,00%	10,00%	5.110.157	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%		

STT	Tên	Năm thành lập	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Quốc tịch	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại PDV	Cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn						Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)	
									Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến cổ phiếu sau chào bán		Lợi ích liên quan được thể hiện ở phần (II) dưới đây.			
									Số lượng (cp)	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng (cp)		Tỷ lệ năm giữ		Tỷ lệ biểu quyết
								viên HĐQT) CP phó thông	4.308.733	10,00%	10,00%	5.110.157	10,00%	10,00%		
							Tổng cộng CP phó thông		22.350.244	51,87%	51,87%	34.285.273	51,87%	51,87%	51,87%	
2	Công ty TNHH Tân Long	07-08-1998	100285599	353 Kim Mã, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội	Việt Nam	300	Nguyễn Hoài Phương	Nguyễn Hoài Phương (Thành viên HĐQT) CP phó thông	11.135.400	25,84%	25,84%	17.081.703	25,84%	25,84%	25,84%	
II	NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN															
1	Những người có liên quan của PVTrans															
									0	0%	0%	0	0%	0%	0%	
									81.300	0,07%	0,07%	124.714	0,19%	0,19%	0,19%	
									0	0%	0%	0	0%	0%	0%	
									0	0%	0%	0	0%	0%	0%	
									0	0%	0%	0	0%	0%	0%	
									0	0%	0%	0	0%	0%	0%	
									0	0%	0%	0	0%	0%	0%	
									81.300	0,07%	0,07%	124.714	0,19%	0,19%	0,19%	



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

STT	Tên	Năm thành lập	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Quốc tịch	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại PDV	Cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn						Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)	
									Cổ phiếu đang nắm giữ			Dự kiến cổ phiếu sau chào bán				
									Số lượng (cp)	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng (cp)	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết		
	Bà Nguyễn Linh Giang								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Ông Hoàng Đức Chính								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Ông Đoàn Đình Thái								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Bà Nguyễn Thị Thu Hương								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Bà Trương Thị Anh Đào								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Ông Ngô Thị Thu Linh								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Bà Nguyễn Thị Nhung								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Ông Nguyễn Quốc Thịnh								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Ông Nguyễn Việt Long								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Ông Lê Mạnh Tuấn								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Ông Đỗ Đức Hùng								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	Công ty Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	CTCP Vận tải Dầu khí Phương Nam								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	CTCP Vận tải Nhật Việt								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	CTCP Hàng hải Thăng Long								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%
	CTCP Vận tải Dầu khí Quang Ngãi								0	0%	0%	0	0%	0%	0%	0%



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

STT	Tên	Năm thành lập	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Quốc tịch	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại PDV	Cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn						Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)					
									Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến cổ phiếu sau chào bán		Tỷ lệ năm giữ	Số lượng (cp)		Tỷ lệ năm giữ	Tỷ lệ biểu quyết			
									Số lượng (cp)	Tỷ lệ năm giữ	Số lượng (cp)	Tỷ lệ năm giữ						Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết	
	CTCP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC – Công ty liên kết của PVTrans																			
	Những người có liên quan khác																			
2	Những người có liên quan của Công ty TNHH Tân Long																			
	Ông Nguyễn Hoài Phương – Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Tân Long, người đại diện phân vốn của Công ty TNHH Tân Long tại PDV																			
	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Thành viên HĐQT của Công ty TNHH Tân Long																			
	Ông Nguyễn Hồ Hải – Giám đốc điều hành																			
	Ông Nguyễn Tùng Sâm – Kế toán trưởng																			
	Những người có liên quan khác																			

- Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành và những người liên quan của họ, các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với các đối tượng này bao gồm:

STT	Tên Hợp đồng	Tên tàu	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch năm 2023	Giá trị giao dịch Quý 2/2024	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền phê duyệt
Giao dịch với Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí							
1.	HĐ số: 100/HD2017/PV T-PDV giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	PVT SATURN	Cho thuê tàu (HĐ nguyên tắc 5 năm)	30.345 triệu đồng	15.531 triệu đồng	Khi hết thời hạn thuê tàu, PVTrans có quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và PDV phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PDV có thể tham gia mua theo giá thị trường. Nếu tại thời điểm bán tàu, giá bán thấp hơn giá trị sổ sách của tàu thì PDV có nghĩa vụ mua lại tàu với giá không thấp	ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 51 NQ-HĐQT ngày 23/06/2017
2.	HĐ số: 50/HD2021/PV T-PVOS giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	PVT DIAMOND	Cho thuê tàu (HĐ nguyên tắc 7 năm)	37.098 triệu đồng	18.440 Triệu đồng		ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại Quyết định số 11/QĐ-HĐQT, ngày 09/03/2021

STT	Tên Hợp đồng	Tên tàu	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch năm 2023	Giá trị giao dịch Quý 2/2024	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền phê duyệt
3.	HĐ số: 143/HD2021/PV T-PVOS giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	PVT FLORA	Cho thuê tàu (HĐ nguyên tắc 6 năm)	47.497 triệu đồng	22.840 Triệu đồng	hơn giá trị sổ sách của tàu và/hoặc giá do bên thẩm định giá độc lập đưa ra (theo giá nào cao hơn)	ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại QĐ số 79/QĐ-HĐQT, ngày 26/10/2021
4.	HĐ số: 152/HD2023/PV T-PVTL giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt	PVT PEARL	Cho thuê tàu trần (bareboat)	27.462 triệu đồng	31.672 Triệu đồng		ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại QĐ số 40/QĐ-HĐQT, ngày 25/09/2023
Giao dịch với Công ty TNHH Tân Long							
5.	Thỏa thuận nguyên tắc mua bán SupraMax số 01/HD2021/PV TO-TL giữa Công ty TNHH Tân Long và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	PVT DIAMOND	Thỏa thuận mua bán	4,5 triệu USD (giá trị giao dịch dự kiến nếu phát sinh)		Công ty TNHH Tân Long cam kết mua lại tàu khi PDV có nhu cầu bán lại.	ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại QĐ số 11/QĐ-HĐQT, ngày 09/03/2021

STT	Tên Hợp đồng	Tên tàu	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch năm 2023	Giá trị giao dịch Quý 2/2024	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền phê duyệt
6.	Thỏa thuận nguyên tắc mua bán tàu Dầu hóa chất 20.000 DWT số 01/HD21/PVTO -TL giữa Công ty TNHH Tân Long và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	PVT FLORA	Thỏa thuận mua bán	5 triệu USD (giá trị giao dịch dự kiến nếu phát sinh)			ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020. HĐQT phê duyệt tại QĐ số 79/QĐ-HĐQT, ngày 26/10/2021
Giao dịch với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội							
7.	HD "Shipman 98" ngày 14/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	SUNRISE	Quản lý tàu	16.595 triệu đồng	6.938 triệu đồng	Không có	ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020.
Giao dịch với Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long							
8.	HD "Shipman 2009" Hợp đồng quản lý tàu PVT Estella giữa Công ty CP Hàng hải Thăng Long và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	PVT Estella	Quản lý tàu	4.228 triệu đồng	Không có	Không có	ĐHĐCĐ phê duyệt tại NQ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 19/6/2020.

Nguồn: PDV

- Lợi ích liên quan của Tổng Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí và Công ty TNHH Tân Long tại Công ty: nhận cổ tức theo phương án chi trả cổ tức được ĐHĐCĐ thường niên thông qua hàng năm.
- Lợi ích liên quan của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:

+ Tên doanh nghiệp: CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu,

kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.

- Mỗi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 61.200.000 cổ phần, chiếm 64,92% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Tên doanh nghiệp: CTCP Vận tải Dầu khí Phương Nam

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.

- Mỗi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 40.563.200 cổ phần, chiếm 69,63% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Phương Nam.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Dầu khí Phương Nam đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Tên doanh nghiệp: CTCP Vận tải Nhật Việt

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ đại lý tàu biển.

- Mỗi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh

ngành: PVTrans đang sở hữu 53.550.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ của CTCP Nhật Việt.

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Nhật Việt đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Tên doanh nghiệp: CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

- Mối quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 37.932.347 cổ phần, chiếm 67,98% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Tên doanh nghiệp: CTCP Hàng hải Thăng Long

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu thô, sản phẩm khí và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.

- Mối quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 23.088.000 cổ phần, chiếm 99,85% vốn điều lệ của CTCP hàng hải Thăng Long.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Hàng hải Thăng Long đều được ĐHCĐ hoặc

HDQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Tên doanh nghiệp: CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội

• Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu thô, sản phẩm khí và kinh doanh vận tải biển trong nước.

Địa bàn hoạt động: Nội địa

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.

- Mọi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 13.608.003 cổ phần, chiếm 50,50% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội đều được ĐHĐCĐ hoặc HDQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Tên doanh nghiệp: CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương

• Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các khách hàng doanh nghiệp Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải

- Mọi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 8.919.900 cổ phần, chiếm 54,08% vốn điều

lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- + Tên doanh nghiệp: CTCP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các khách hàng kinh doanh trong lĩnh vực Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt).

- Mỗi quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: PVTrans đang sở hữu 1.266.667 cổ phần, chiếm 50,67% vốn điều lệ của CTCP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi.
 - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Lợi ích liên quan của Công ty TNHH Tân Long tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Thành viên Hội đồng Quản trị

Tại thời điểm báo cáo, HĐQT Công ty gồm có những thành viên sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập
<p>❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên: Lê Trúc Lâm - Giới tính: Nam. - Ngày sinh: 25/10/1981. - CCCD: số 001081013933 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 26/12/2021. - Quốc tịch: Việt Nam. - Dân tộc: Kinh. - Địa chỉ thường trú: 14B9 Đường Ngô Tất Tố, P19, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. - Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân thương mại, Thạc sĩ quản trị dự án. - Kinh nghiệm công tác: 	

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2005 - 11/2006	Công ty chuyên nhất phan Alpha T&M	Nhân viên kinh doanh
Từ 11/2006 – 03/2013	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí	Chuyên viên phòng Tổng hợp pháp chế, Phó phòng Thương mại (Ban Tàu thuyền) kiêm Trợ lý Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Kế hoạch (Ban Kế hoạch Đầu tư)
	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí	Phó Ban Kế hoạch Đầu tư
	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Thành viên HĐQT
	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Quảng Ngãi	Thành viên HĐQT
Từ 03/2013 – 12/2018	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	Thành viên Ban kiểm soát
	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Vũng Tàu	Thành viên Ban kiểm soát
	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Cửu Long	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 12/2018 – 07/2020	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	Phó Giám đốc
Từ 08/2020 – 09/2020	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Giám đốc Khởi Khai thác

		Kinh doanh Đầu tư
Từ 09/2020 – 01/2022	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Giám đốc
Từ 01/2022 28/11/2023	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Phó Giám đốc thường trực
Từ 29/11/2023 24/04/2024	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Phó Giám đốc
Từ 04/2023 24/04/2024	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên HĐQT độc lập
Từ 29/11/2023 24/04/2024	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên HĐQT phụ trách HĐQT
Từ 24/04/2024 - nay	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Chủ tịch HĐQT.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ;
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí: 9.424.045 cổ phần, chiếm tỷ lệ 21,87% vốn điều lệ;
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Lê Minh Thắng	Bố đẻ	0	0%
2	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Mẹ đẻ	0	0%
3	Hoàng Bá Vinh	Bố vợ	0	0%
4	Nguyễn Thị Thanh Hương	Mẹ vợ	0	0%
5	Hoàng Thanh Hoài Phương	Vợ	0	0%
6	Lê Hoàng Kim Ngân	Con đẻ	0	0%
7	Lê Hoàng Công Minh	Con đẻ	0	0%
8	Lê Hoàng Uyên Vy	Con đẻ	0	0%
9	Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Đại diện phần vốn của PVTrans tại PDV	22.350.244	51,87%
Tổng cộng			22.350.244	51,87%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát

Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
- Năm 2022: 0 đồng.
 - Năm 2023: 80.000.000 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 207.775.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:
- + Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí
- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.
 - Mỗi quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Ông Lê Trúc Lâm người đại diện vốn của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tại Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt. Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí đang sở hữu 22.350.244 cổ phần, chiếm 51,87% vốn điều lệ của CTCP Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt.
 - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

❖ **Thành viên HĐQT**

- Tên: **Hồ Sĩ Thuận**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 27/03/1978.
- CMND: 034078004063 do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 22/11/2021.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 236/19 đường Tân Mỹ, P.Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp.HCM.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2000 - 09/2004	Công ty Vận Tải và lai dắt tàu biển Falcon	Nhân viên
Từ 10/2004 - 07/2006	Công ty Vận Tải và lai dắt tàu biển Falcon	Trưởng phòng khai thác thương vụ
Từ 08/2006 - 04/2007	Công ty Vận Tải và lai dắt tàu biển Falcon	Phó giám đốc
Từ 05/2007- 08/2008	Công ty Vinalines Tp.HCM	Trưởng phòng khai thác thương vụ
Từ 09/2008 - 2012	Công ty Vinalines Tp.HCM	Phó Giám đốc
Từ 2012 - 01/2018	Tổng Công ty CP Vận Tải Dầu Khí – PV Trans	Trưởng ban kinh doanh
Từ 08/2018 - Nay	Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Tháng 7/2021 - nay	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí : 8.617.466 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 22.920.864 cổ phần, chiếm 53,19% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Hồ Sĩ Thụ	Bố đẻ	0	0%
2	Đỗ Thị Mơ	Mẹ đẻ	0	0%
3	Hồ Thị Thanh Huyền	Chị ruột	0	0%
4	Hồ Sĩ An	Em ruột	0	0%
5	Võ Thị Minh Ngọc	Vợ	570.620	1,32%
6	Đỗ Trọng Quang	Anh rể	0	0%
7	Đào Thị Ngọc Anh	Em dâu	0	0%
8	Hồ Thanh Trúc	Con	0	0%
9	Hồ Thanh Trà	Con	0	0%
10	Hồ Sỹ Bách	Con	0	0%
11	Võ Minh Đức	Bố vợ	0	0%
12	Phạm Thị Ngọc Dung	Mẹ vợ	0	0%
13	Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Đại diện phần vốn của PVTrans tại PDV	22.350.244	51,87%
14	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	0	0%
Tổng cộng			22.920.864	53,19%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội và Tổ Chức Phát Hành được trình bày tại Điểm 2 Mục VI.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2022: 970.774.333 đồng.
- Năm 2023: 1.418.490.908 đồng.
- Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 821.800.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội;

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu thô, sản phẩm khí và kinh doanh vận tải biển trong nước

Địa bàn hoạt động: Nội địa

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.

- Mối quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Ông Hồ Sĩ Thuận là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội. Tổng Công ty Vận tải dầu khí là cổ đông lớn, sở hữu 13.608.003 cổ phần, chiếm tỷ lệ 50,50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội đều được ĐHDCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí

- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

- Mỗi quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Ông Hồ Sĩ Thuận là đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tại Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt. Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí đang sở hữu 22.350.244 cổ phần, chiếm 51,87% vốn điều lệ của CTCP Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt. Đồng thời ông Hồ Sĩ Thuận là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội – công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

❖ **Thành viên HĐQT**

- Tên: **Đoàn Đình Hiếu**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 02/06/1967.
- CCCD: 046067000109 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 10/04/2017
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 100/9a1 Thích Quảng Đức, P.5, Q Phú Nhuận, HCM.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1995-02/1999	Xí nghiệp May 2 – Công ty May & Xây dựng Huy Hoàng – Quận Phú Nhuận	Kế toán
Từ 03/1999-12/2000	Công ty May Việt Tiến – XN Thành Việt- Quận Tân Bình	Kế toán tổng hợp
Từ 01/2001-12/2004	Công ty May Việt Tiến – Khu B – Quận Tân Phú	Kế toán tổng hợp
Từ 01/2005-09/2006	Công ty May Việt Thịnh (Khu B của Công ty May Việt tiến Cổ phần hóa)	Kế toán tổng hợp; Phó phòng kế toán
Từ 10/2006-02/2007	Phụ giúp gia đình tại 4 Xuân Diệu, Phường 4, Quận Tân Bình	
Từ 03/2007-06/2007	Công ty Cổ phần Chứng khoán Cao Su	Kế toán tổng hợp
Từ 07/2007-12/2007	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Kế toán công nợ hoạt động tàu
Từ 01/2008-05/2010	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Kế toán tổng hợp

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2010-04/2015	Công ty CP Vận tải dầu khí Vũng Tàu	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 05/2010-05/2015	Công ty CP Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 06/2010-05/2018	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Kế toán tổng hợp; Phó Ban tài chính kế toán
Từ 05/2019-06/2020	Công ty CP Vận tải dầu khí Quảng Ngãi	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 08/2018 – 05/2024	Công ty CP Hàng hải Thăng Long	Thành viên HĐQT
Từ 05/2018 - Nay	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
Từ 04/2021 - Nay	Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí: 4.308.733 cổ phần, chiếm 10,0% vốn điều lệ;
 - + Người có liên quan: 22.350.244 cổ phần, chiếm 51,87% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Đoàn Đình Hùng	Bố đẻ	0	0%
2	Lâm Thị Hoa	Mẹ đẻ	0	0%
3	Nguyễn Thị Hồng Nga	Vợ	0	0%
4	Đoàn Nghĩa	Con	0	0%
5	Đoàn Minh Nghi	Con	0	0%
6	Đoàn Thị Minh Thảo	Em ruột	0	0%
7	Đoàn Đình Tài	Em ruột	0	0%
8	Đoàn Đình Tân	Em ruột	0	0%
9	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Đại diện phần vốn của PVTrans tại PDV	22.350.244	51,87%
Tổng cộng			22.350.244	51,87%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long và Tổ Chức Phát Hành được trình bày tại Điểm 2 Mục VI.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: 120.000.000 đồng.
 - Năm 2023: 260.000.000 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 180.000.000 đồng
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
 - Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:
 - + Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí
 - Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.
 - Mọi quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Ông Đoàn Đình Hiếu là Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

❖ **Thành viên HĐQT**

- Tên: **Nguyễn Hoài Phương**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 25/07/1962.
- CMND: 036062000145 do Cục ĐKQLCT và DLQG về DC cấp ngày 15/07/2016.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Phạm Đình Hồ, P.Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Toán.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1987 - 1991	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	Kỹ sư điện toán
Từ 1991 - 1994	Công ty TNHH Đổi Mới	Giám đốc
Từ 1994 - Nay	Công ty TNHH Tân Long	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Từ 2008 - Nay	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Tân Long.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền của Công ty TNHH Tân Long: 11.135.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,8% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 11.135.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,84% vốn điều lệ.

Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Chính Hoan	Bố đẻ	0	0%
2	Hồ Thị Lan	Mẹ đẻ	0	0%
3	Nguyễn Thanh Thủy	Vợ	0	0%
4	Nguyễn Trọng Nghĩa	Con trai	0	0%
5	Nguyễn Ngọc Linh	Con dâu	0	0%
6	Nguyễn Thị An Khanh	Con gái	0	0%
7	Nguyễn Phương Anh	Con gái	0	0%
8	Nguyễn Hồ Tuấn	Anh trai	0	0%
9	Nguyễn Hồ Hải	Anh trai	0	0%
10	Công ty TNHH Tân Long	Chủ tịch HĐQT	11.135.400	25,84%
Tổng cộng			11.135.400	25,84%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty TNHH Tân Long và Tổ Chức Phát Hành được trình bày tại Điểm 2 Mục VI.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: 120.000.000 đồng.
 - Năm 2023: 290.000.000 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 210.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực

với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Tân Long

• Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: các doanh nghiệp trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Địa bàn hoạt động: nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Mối quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Hoài Phương là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Tân Long.

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty TNHH Tân Long đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

❖ **Thành viên HĐQT độc lập**

- Tên: **Hoàng Minh Tuấn**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 25/08/1980.
- CCCD: 042080000091 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 10/05/2021
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: T1A3206 Chung cư Masteri Thảo Điền, P. Thảo Điền, TP Thủ Đức, HCM.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2003 - 4/2006	Công ty Kinh doanh Thạch Cao Xi Măng - TP Huế.	Chuyên viên Lao động tiền lương
07/2006 10/2007	Công ty PV Gas South.	Chuyên viên Lao động tiền lương

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2007 - 8/2008	Công ty PV Gas South.	Trưởng phòng Hành chính Nhân sự Chi nhánh Sài Gòn
9/2008 - 11/2008	Công ty PV Gas South	Phó phòng phụ trách phòng Tổ chức Hành chính
12/2008 - 3/2010	Công ty PV Gas South	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
4/2010 - 7/2011	Công ty PV Gas South	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh
8/2011 - 6/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông thuộc Công ty PV Gas South	Phó Giám đốc
7/2014 - 3/2016	Công ty PV Gas South	UV BCH Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng Phòng Tổ chức - Nhân sự,
4/2016 - 09/2019	Công ty PV Gas South	UV BCH Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Chi nhánh Bình Khí UV BTV Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Chi nhánh Bình Khí
10/2019 - 05/2020	Công ty PV Gas South	Giám đốc
06/2020 - 05/2021	Công ty cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh	Giám đốc Khối Dịch vụ Bán buôn
06/2021 - 06/2022	Tập đoàn Dầu Khí Anpha	Thành viên HĐQT độc lập
06/2022 - 07/2022	Tổng Công ty Petec - PVOIL	Thành viên HĐQT độc lập
07/2022 - 04/2023	Tổng Công ty Petec - PVOIL	Phó giám đốc
07/2022 - nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	Thành viên HĐQT độc lập
04/2024 - nay	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên HĐQT độc lập.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu theo ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Hoàng Nghĩa Thông	Bố đẻ	0	0%
2	Nguyễn Thị Đức	Mẹ đẻ	0	0%
3	Nguyễn Thị Mai Hương	Vợ	0	0%
4	Hoàng Minh Khôi	Con	0	0%
5	Hoàng Nam Khánh	Con	0	0%
6	Hoàng Thị Hồng Minh	Chị ruột	0	0%
7	Phạm Cao Truyền	Anh rể	0	0%
8	Hoàng Nghĩa Dũng	Anh ruột	0	0%
9	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Chị dâu	0	0%
10	Hoàng Vĩnh Lâm	Anh ruột	0	0%
11	Phùng Thị Huyền	Chị dâu	0	0%
12	Nguyễn Xuân Anh	Bố vợ	0	0%
13	Chu Thị Lý	Mẹ vợ	0	0%
14	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	Phó giám đốc	0	0%
Tổng cộng			0	0%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế và Tổ Chức Phát Hành được trình bày tại Điểm 2 Mục VI.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Năm 2022: 0 đồng.
- Năm 2023: 0 đồng.
- Từ 01/01/2024 – 30/6/2024: 10.000.000 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:
 - + Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế;
 - Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu thô, sản phẩm khí và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Dịch vụ vận tải LPG, dầu/hóa chất bằng tàu biển; Dịch vụ vận tải LPG nội thủy đường sông; Dịch vụ vận tải LPG bằng xe bồn; Dịch vụ kinh doanh thương mại LPG; Dịch vụ cho thuê tàu;
 - Mối quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Ông Hoàng Minh Tuấn là Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế. Tổng Công ty Vận tải dầu khí là cổ đông lớn, sở hữu 37.932.347 cổ phần, chiếm tỷ lệ 67,98% vốn điều lệ của CTCP Vận tải sản phẩm khí quốc tế
 - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP Vận tải sản phẩm khí quốc tế đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3.2. Thành viên Ban Giám đốc

Tại thời điểm hiện nay, Ban Giám đốc Công ty gồm có những thành viên sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc

❖ **Giám đốc**

- Tên: **Hồ Sĩ Thuận**

(Đã trình bày tại mục Thành viên HĐQT)

❖ **Phó Giám đốc**

- Tên: **Nguyễn Xuân Lộc**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 24/9/1966.
- CMND: 036066008376, cấp ngày 25/04/2021 tại Cục CSDKQL Cư trú và DLQG về Dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 18 Hoa Huệ, Phường 07, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Kỹ sư khai thác máy tàu biển.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1991-02/1998	Công ty vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	Thợ máy, Sỹ quan quản lý
Từ 02/1998-11/2005	Trung tâm giám định khoa học công nghệ và hàng hóa, Viện Khoa học Việt Nam	Chuyên viên Trưởng phòng Phó Giám đốc
Từ 11/2005-07/2007	Công ty CP Giám định hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, CN TP. HCM	Giám định viên bậc cao
Từ 09/2007-06/2012	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, CN TP. HCM	Phó trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Phó phòng phụ trách phòng Kỹ thuật
Từ 07/2012-11/2018	Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư
Từ 12/2018-08/2021	Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư
Từ 08/2021 - Nay	Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Phó Giám đốc phụ trách mảng Kỹ thuật vật tư và An toàn

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,12% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 123.148 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,28% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Giáp	Bố đẻ	Đã mất	
2	Trần Thị Lan	Mẹ đẻ	Đã mất	
3	Dương Ngọc Ân	Bố vợ	Đã mất	
4	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Mẹ vợ	Đã mất	
5	Dương Thị Tuyết Anh	Vợ	0	0%
6	Nguyễn Dương Minh	Con ruột	0	0%
7	Nguyễn Minh Quang	Con ruột	0	0%
8	Nguyễn Danh Khoa	Anh trai	0	0%
9	Nguyễn Danh Khôi	Anh trai	0	0%
10	Nguyễn Xuân Quyền	Anh trai	56.657	0,13%
11	Trần Thúy Hằng	Chị dâu	65.441	0,15%
12	Nguyễn Thị Phụng	Chị gái	0	0%
13	Nguyễn Thị Loan	Chị gái	0	0%
14	Nguyễn Thị Hoa Dung	Chị gái	1.050	0,003%
Tổng cộng			123.148	0,28%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: 796.450.315 đồng.
 - Năm 2023: 919.208.254 đồng.

• Từ 01/01/2024 – 30/6/2024: 551.624.000 đồng

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

❖ **Phó Giám đốc**

- Tên: **Vũ Trọng Độ**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 25/07/1977.
- CMND: 030077023052 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 55/3 đường 39 khu phố 5, phường Bình Trưng Tây, Q2, HCM.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/2001 - 8/2007	Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Chuyên viên tiếp thị phòng kinh doanh
Từ 09/2007 – 6/2008	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh	Chuyên viên khai thác – Phòng Khai thác thương vụ
Từ 06/2008 – 02/2012	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh	Phó Phòng Khai thác thương vụ
Từ 03/2012 – 01/2016	Công ty CP Vận tải Hà Tiên	Trợ lý Tổng giám đốc
Từ 01/2016 – 11/2017	Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Phó Phòng Phát triển kinh doanh – Ban Kinh doanh
Từ 12/2017 – 03/2020	Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Phó Ban Kinh doanh
Từ 04/2020 - nay	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 152.770 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,35% vốn điều lệ.

- + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Dương Hòa	Bố đẻ	0	0%
2	Đỗ Thị Châm	Mẹ đẻ	0	0%
3	Lê Hùng An	Bố vợ	0	0%
4	Dương Thị Cúc	Mẹ vợ	0	0%
5	Lê Dương Hồng Thảo	Vợ	0	0%
6	Vũ Dương Lê Phong	Con	0	0%
7	Vũ Lê Thủy Tiên	Con	0	0%
8	Vũ Trọng Đạt	Anh trai	0	0%
9	Vũ Trọng Định	Em trai	0	0%
Tổng cộng			0	0%

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: 794.698.864 đồng.
 - Năm 2023: 929.055.054 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 521.624.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực

với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

❖ **Phó Giám đốc**

- Tên: **Trần Hồng Kiên**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 08/11/1981.
- CCCD: 001081022260 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 04/11/2021.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 03 Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2006 – 07/2007	Tổng Công ty Thăm dò khai thác dầu khí	Chuyên viên dự án
Từ 08/2007 – 11/2007	Tổng công ty Tài chính dầu khí	Chuyên viên tín dụng
Từ 12/2007 – 05/2008	Công ty đầu tư Openasia Group	Chuyên viên đầu tư
Từ 06/2008 – 01/2009	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	Phó phòng quản lý rủi ro
Từ 01/2009 – 04/2009	Tổng Công ty Thăm dò khai thác dầu khí	Phó phòng thu xếp vốn
Từ 04/2009 – 12/2019	Công ty liên doanh điều hành dầu khí VietGazprom	Phó giám đốc tài chính
Từ 12/2019 – 06/2023	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí	Ủy viên HĐQT quản trị độc lập
Từ 07/2023 - nay	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,12% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Trần Ngọc Cảnh	Bố đẻ	0	0%
2	Trần Thị Bích Hiền	Mẹ đẻ	0	0%
3	Nguyễn Thu Hường	Vợ	0	0%
4	Trần Ngọc Bảo Hân	Con	0	0%
5	Trần Hồng Nam	Anh trai	0	0%
6	Nguyễn Hữu Thụ	Bố vợ	0	0%
7	Nguyễn Kim Hạnh	Mẹ vợ	0	0%
Tổng cộng			0	0%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: 0 đồng.
 - Năm 2023: 365.830.605 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 401.400.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực

với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

3.3. Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh
Bà Bùi Lan Anh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên

❖ **Trưởng ban Kiểm soát**

- Tên: **Bùi Lan Anh**
- Giới tính: Nữ.
- Ngày sinh: 12/07/1992.
- CCCD: 033192012465 cấp ngày 24/04/2023 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Chung cư Vista Verde, số 2 Nguyễn Thanh Sơn, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/2014 – 11/2017	Công ty TNHH EY Việt Nam	Trưởng nhóm kiểm toán Dịch vụ tài chính
Từ 12/2017 – 10/2019	Công ty TNHH PWC Việt Nam	Chuyên viên cao cấp Dịch vụ tư vấn Thương vụ
Từ 11/2019 – nay	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	Phó Phòng Đổi mới và Quản lý doanh nghiệp thuộc Ban Kế hoạch Đầu tư
Từ 06/2020 – 24/04/2024	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 06/2022 – 06/2024	CTCP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 24/04/2024 - nay	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Trưởng Ban kiểm soát
Từ tháng 06/2024 - nay	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Trưởng Ban Kiểm soát.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Phó Phòng Đổi mới và Quản lý doanh nghiệp thuộc Ban Kế hoạch Đầu tư đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
 - + Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt
 - Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 22.350.244 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51,87% vốn điều lệ.
- Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Đức Thành	Bố đẻ	0	0%
2	Nguyễn Thị Hòa	Mẹ đẻ	0	0%
3	Nguyễn Trung Đức	Chồng	0	0%
4	Nguyễn Đức Minh	Con trai	0	0%
5	Bùi Thị Diễm Kiều	Em ruột	0	0%
6	Bùi Hoàng Anh	Em ruột	0	0%
7	Nguyễn Anh Dũng	Bố chồng	0	0%
8	Đinh Thị Lãnh	Mẹ chồng	0	0%
11	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Phó Phòng Đổi mới và Quản lý doanh nghiệp thuộc Ban Kế hoạch Đầu tư	22.350.244	51,87%
Tổng cộng			22.350.244	51,87%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50%

vốn điều lệ: Không có.

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Tổ Chức Phát Hành được trình bày tại Điểm 2 Mục VI.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
- Năm 2022: 39.500.000 đồng.
 - Năm 2023: 58.000.000 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 38.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:
- + Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí
- Hoạt động chính của doanh nghiệp:
Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.
Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế
Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.
 - Mối quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Bà Bùi Lan Anh là Phó Phòng Đối mới và Quản lý doanh nghiệp thuộc Ban Kế hoạch Đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
 - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổng CTCP Vận tải dầu khí đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- + Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt.
- Hoạt động chính của doanh nghiệp:
Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.

Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ đại lý tàu biển.

- Mỗi quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Bà Bùi Lan Anh là Thành Viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát**

- Tên: **Vũ Thị Phụng**
- Giới tính: Nữ.
- Ngày sinh: 02/09/1981.
- CMND: 036181020169 cấp ngày 20/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 9/8D, đường số 1, Khu phố 1, đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Tây, Tp Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 03/2000 - 06/2000	Công ty Thăng Long (Bộ Công an)	Nhân viên bán hàng
Từ 06/2000 - 04/2003	Công ty Dịch vụ kinh doanh và quản lý chợ Tp. Nam Định	Nhân viên
Từ 04/2003 - 04/2006	Công ty Vận tải Dầu khí – Chi nhánh Vũng Tàu	Nhân viên
Từ 04/2006 - nay	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Chuyên viên ban Kế hoạch Đầu tư
Từ tháng 04/2024 - nay	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chuyên viên Ban Kế hoạch Đầu tư Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện

theo ủy quyền và những người liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Ngọc Đam	Bố đẻ	0	0%
2	Nguyễn Thị Tám	Mẹ đẻ	0	0%
3	Nguyễn Thị Len	Mẹ chồng	0	0%
4	Phạm Trung Thành	Chồng	0	0%
5	Vũ Văn Điệp	Em ruột	0	0%
6	Vũ Thị Thơm	Em ruột	0	0%
7	Vũ Thị Nga	Em ruột	0	0%
8	Phạm Viết Trình	Anh chồng	0	0%
9	Phạm Thị Thơm	Chị chồng	0	0%
10	Phạm Thị Oanh	Chị chồng	0	0%
11	Phạm Chí Trung	Con	0	0%
12	Phạm Ngọc Minh	Con	0	0%
13	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Chuyên viên Ban Kế hoạch Đầu tư	22.350.244	51,87%
Tổng cộng			22.350.244	51,87%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50%

vốn điều lệ: Không có.

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: không có.
 - Năm 2023: không có.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 5.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:
 - + Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí
 - Hoạt động chính của doanh nghiệp:
Phân khúc khách hàng mục tiêu: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu và kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế.
Địa bàn hoạt động: Nội địa và quốc tế
Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.
 - Mọi quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Bà Vũ Thị Phượng là chuyên viên Ban Kế hoạch Đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
 - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổng CTCP Vận tải dầu khí đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- ❖ **Thành viên Ban Kiểm soát**
 - Tên: **Nguyễn Đức Quân**
 - Giới tính: Nam.
 - Ngày sinh: 30/10/1981.
 - CMND: 001081029524 cấp ngày 29/11/2019 tại Cục CS QLHC về TTXH.

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 16, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán, Thạc sĩ Tài chính ứng dụng.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 - 2004	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	Kiểm toán viên
Từ 2004 - 2006	Công ty TNHH ERAS	Kế toán trưởng – Tư vấn tài chính
Từ 2006 - 2008	Công ty TNHH RedWood Builders (New Zealand)	Kế toán trưởng – quản lý
Từ 2008 - 2010	Công ty Price Water House Coopers	Chuyên viên tài chính
Từ 2011 – 2012	NHTMCP Quân đội	Khối thẩm định – Phòng thẩm định DN nước ngoài
Từ 2012 – 2019	Tập đoàn Siêu thị FoodStuff (New Zealand)	Trưởng phòng tài chính
Từ 2020 – 2021	CTCP DeSilk	Giám đốc tài chính
Từ 2021 – Nay	Công ty TNHH Tân Long	Trưởng phòng tài chính
Từ 04/2022 – Nay	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên Ban Kiểm soát.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng tài chính tại Công ty TNHH Tân Long.
 - Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 11.135.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,84% vốn điều lệ.
- Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	Mẹ đẻ	0	0%
2	Nguyễn Anh Quốc	Anh ruột	0	0%

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
3	Đỗ Mai Hồng	Vợ	0	0%
4	Nguyễn Thu Hằng	Chị dâu	0	0%
5	Đỗ Thành Phương	Bố vợ	0	0%
6	Vũ Thị Ngoan	Mẹ vợ	00	0%
7	Công ty TNHH Tân Long	Trưởng phòng tài chính	11.135.400	25,84%
Tổng cộng			11.135.400	25,84%

- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty TNHH Tân Long và Tổ Chức Phát Hành được trình bày tại Điểm 2 Mục VI.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: 22.500.000 đồng.
 - Năm 2023: 31.000.000 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/06/2024: 35.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Tân Long

• Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Phân khúc khách hàng mục tiêu: các doanh nghiệp trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Địa bàn hoạt động: nội địa và quốc tế

Sản phẩm, dịch vụ: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

- Môi quan hệ giữa cá nhân và những người có liên quan với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Đức Quân là Trưởng phòng tài chính tại Công ty TNHH Tân Long.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty TNHH Tân Long đều được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3.4. Kế toán trưởng

- Tên: **Nguyễn Thái Đạo**
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 13/10/1982.
- CMND: 040082019915, cấp ngày 25/12/2022 tại Cục CSQLHC về Trật tự XH.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 17, Khu phố 3A, P.Tràng Dài, Tp.Biên Hoà, Đồng Nai.
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2005 - 11/2008	Cty TNHH Kiểm toán A.B.B Việt Nam	Trợ lý Kiểm toán
Từ 12/2008 - 10/2010	Cty TNHH Kiểm toán Việt Úc	Trưởng nhóm Kiểm toán
Từ 02/2011 - 03/2012	Cty TNHH Kiểm toán & Kế toán Biên Hòa	Trưởng bộ phận Kiểm toán
Từ 03/2012 - 02/2013	Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái	Chuyên viên Kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Bình Dương	
Từ 02/2013 - 10/2013	Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Phó Phòng Kế toán Kế hoạch
Từ 10/2013 - 08/2015	Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Phụ trách Kế toán kiêm Phó phụ trách Phòng Kế toán Kế hoạch
Từ 08/2015 - 05/2018	Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Kế toán trưởng/ Phụ trách Phòng Kế toán Kế hoạch
Từ 06/2018 - Nay	Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Kế toán trưởng/ Trưởng phòng Phòng Tài chính Kế toán kế hoạch

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Kế toán trưởng/ Trưởng phòng Phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ Chức Phát Hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 160.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,37% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Thuyên	Bố đẻ	0	0%
2	Tạ Thị Sâm	Mẹ đẻ	0	0%
3	Đinh Viết Phong	Bố vợ	0	0%
4	Phan Thị Soa	Mẹ vợ	0	0%
5	Nguyễn Thị Kim Dung	Chị gái	0	0%
6	Nguyễn Thị Hoài Hương	Chị gái	0	0%
7	Lê Trung Tú	Anh rể	0	0%
8	Nguyễn Duy Hưng	Em ruột	0	0%
9	Lê Thị Loan	Em dâu	0	0%
10	Đinh Thị Lan	Vợ	0	0%

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần tại Công ty (CP)	Tỷ lệ (%)
11	Nguyễn Thái Đức Nhân	Con	0	0%
12	Nguyễn Đan Linh	Con	0	0%
Tổng cộng			0	0%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Năm 2022: 725.122.298 đồng.
 - Năm 2023: 698.780.217 đồng.
 - Từ 01/01/2024 – 30/6/2024: 326.883.600 đồng
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: **23.008.635 cổ phiếu**

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: **230.086.350.000 đồng.**

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

(Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ- PĐV-DHĐCD, ngày 24/04/2024).

6. Phương pháp tính giá

Giá chào bán của cổ phiếu phát hành được xác định dựa trên các phương pháp sau đây:

- Mệnh giá cổ phiếu.
- Phương pháp Giá trị sổ sách (BV).
- Phương pháp Giá thị trường.

6.1. Phương pháp Giá trị sổ sách (BV)

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022:

Stt	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn chủ sở hữu	446.620.373.032
2	Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2022	31.109.986
3	Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (đồng/Cổ phần)	14.356

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023:

Stt	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn chủ sở hữu	594.471.128.603
2	Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2023	43.087.331
3	Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (đồng/Cổ phần)	13.797

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2024:

Stt	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn chủ sở hữu	644.254.950.294
2	Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 30/06/2024	43.087.331
3	Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (đồng/Cổ phần)	14.952

6.2. Phương pháp giá thị trường

Giá trị cổ phiếu giao dịch bình quân 10 phiên gần nhất tính đến ngày 31/12/2023 tại Upcom: 9.000 đồng/ Cổ phiếu.

Giá trị cổ phiếu giao dịch bình quân 10 phiên gần nhất tính đến ngày 26/07/2024 tại Upcom: 15.900 đồng/ Cổ phiếu.

6.3. Xác định giá bán

Mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua mức giá này tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/04/2024.

7. Phương thức phân phối

- Khối lượng cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. Tỷ lệ thực hiện quyền là 1.000:534 (Cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền được hưởng 01 quyền mua, cứ 1.000 quyền mua được quyền mua 534 cổ phiếu mới của đợt chào bán này).
- Phương thức xử lý số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ:
 - + Thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
 - + Đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bao gồm: cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng từ chối mua hoặc không nộp tiền mua hết cổ phiếu chào bán: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động giữ chức danh chủ chốt hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - + Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu nêu trên khi được chào bán tiếp theo quyết định của Hội đồng quản trị theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
 - + Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 100 Cổ phiếu, sẽ được hưởng 100 quyền mua. Khi đó, số Cổ phiếu chào bán thêm Cổ đông A được mua như sau: $(100/1.000) \times 534 \text{ CP} = 53,4 \text{ CP}$. Theo nguyên tắc làm

tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế cổ đông A được mua là 53 cổ phiếu.

- + Công ty cam kết không phân phối cổ phiếu cho các Công ty con, Công ty con trong cùng công ty mẹ đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”.
- + Trường hợp cổ đông hoặc nhà đầu tư (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị) mua cổ phiếu cần phân phối theo phương án chào bán này dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết vượt quá tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì đối tượng đó có trách nhiệm thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật. Công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Thời hạn đăng ký mua

Thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông tối thiểu là 20 ngày. Thời gian đăng ký cụ thể thực hiện theo Thông báo phát hành của Công ty.

8.2. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu

Tiền mua chứng khoán phải được chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa được Công ty mở nhận tiền chào bán cổ phần ra công chúng cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

8.3. Chuyển giao cổ phiếu

- Đối với cổ đông đã lưu ký tại VSDC: Sau khi VSDC gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các Thành viên lưu ký, Thành viên lưu ký hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty.

8.4. Quyền lợi người mua cổ phiếu

- Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (chỉ được chuyển nhượng một lần, không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.
- Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát

hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ, trừ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng đối với những cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ được phân phối lại cho các đối tượng khác.

8.5. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không có.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán dự kiến: Trong năm 2024.

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xem xét báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày. Lịch trình phân phối dự kiến như sau:

Stt	Công việc	Thời gian thực hiện
1.	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN.	T
2.	Công bố thông tin phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T + 1 đến T + 3
3.	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu.	T + 1 đến T + 3
4.	Ngày đăng ký cuối cùng.	T + 12
5.	Phân bổ và thông báo quyền mua.	T + 13 đến T + 16
6.	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua.	T + 17 đến T + 31
7.	Tổng hợp danh sách.	T + 32 – T + 34
8.	HDQT ra quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ (nếu có)	T + 35 đến T + 42
9.	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN.	T + 47
10.	UBCKNN ra thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán	T+54
11.	Lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	T+55 đến T + 64
12.	Trao giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư mua	T + 64 đến T + 74

Stt	Công việc	Thời gian thực hiện
	thành công.	
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu <ul style="list-style-type: none">- Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác trong trường hợp dẫn đến vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định;- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối;- Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) được ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động giữ chức danh chủ chốt hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu đảm bảo quy định tại Điều 42 Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.	
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ phiếu <ul style="list-style-type: none">- Tên tài khoản : Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt- Số tài khoản : 7976777879- Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	
12.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành <p>Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc tăng vốn điều lệ.</p>	
13.	Hủy bỏ đợt chào bán <ul style="list-style-type: none">- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho nhà đầu tư không đạt tối thiểu 70% tổng số cổ phiếu phát hành thêm của đợt chào bán. Cụ thể, số lượng cổ phiếu phát hành tối thiểu đảm bảo 16.106.044 cổ phiếu.- Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28, Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ thực hiện công bố việc hủy bỏ trên 01	

tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Quá thời hạn thanh toán, Công ty sẽ thanh toán khoản tiền đã nộp của nhà đầu tư và khoản lãi cho số ngày quá hạn với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 01 (một) tháng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

- Phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho cổ đông, nhà đầu tư: Đối với các cổ đông đã nộp tiền mua cổ phần qua các thành viên lưu ký, Công ty sẽ phối hợp với VSDC và các thành viên lưu ký để hoàn trả tiền đã nộp cho các cổ đông. Đối với các cổ đông chưa lưu ký, nhà đầu tư mua cổ phần nộp tiền trực tiếp vào Tài khoản phong tỏa, Công ty sẽ hoàn trả tiền trực tiếp cho các cổ đông, nhà đầu tư. Công ty sẽ chịu toàn bộ phí chuyển khoản (nếu có).

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật, Công ty sẽ:

- Phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông và đảm bảo việc chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông không dẫn đến vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.
- Không phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu dôi dư (nếu có) của đợt chào bán cho các nhà đầu tư nước ngoài dẫn đến vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán

❖ Thuế thu nhập cá nhân:

Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán: Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản liên quan. Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% giá trị chuyển nhượng.

❖ Thuế giá trị gia tăng:

- Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng. theo Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số

14/2008/QH12;

- Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, như được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017;
- Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, như được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/5/2015; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015; Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

Căn cứ các quy định trên, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán đối với nhà đầu tư là tổ chức là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

15.2. Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12) - Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12). Công ty phải nộp thuế suất thuế TNDN hiện hành đang áp dụng là 20%.

❖ Thuế giá trị gia tăng:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

❖ Các loại thuế khác:

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

16. Thông tin về các cam kết

16.1. Cam kết về việc thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Công ty cam kết đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

16.2. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

- Công ty cam kết đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.
- Công ty cam kết về việc sẽ thực hiện việc xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không được phân phối hết theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155. Trường hợp số cổ phiếu này được phân phối cho nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán năm 2019. Công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
- Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28, Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ thực hiện công bố việc hủy bỏ trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Quá thời hạn thanh toán, Công ty sẽ thanh toán khoản tiền đã nộp của nhà đầu tư và khoản lãi cho số ngày quá hạn với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 01 (một) tháng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

16.3. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Đợt chào bán được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/NQ-HĐQT ngày 01/7/2024. Theo đó, mục đích của đợt chào bán là bổ sung vốn hoặc bù đắp nguồn vốn đầu tư đội tàu theo kế hoạch đầu tư năm 2024.

2. Phương án khả thi:

2.1. Dự án mua tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22)

2.1.1. Giới thiệu

- Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương: Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2022, Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023; Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024;
- Cấp thẩm quyền phê duyệt: Hội đồng quản trị theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 23/04/2024;
- Mục đích:
 - + Tái cấu trúc đội tàu của PDV theo hướng đa dạng về chủng loại, size tàu và trẻ hóa đội tàu nhằm duy trì và đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế;
 - + Tận dụng thời điểm giá mua bán tàu biển đang ở mức hợp lý, giá cước vận tải đang có dấu hiệu phục hồi;
 - + Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phương thức thực hiện: Mua tàu đã qua sử dụng (Tuổi tàu tuân thủ qui định tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020 sửa đổi, bổ sung của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển theo đó tuổi tàu không vượt quá 15 năm).

2.1.2. Tổng mức đầu tư

Đơn vị tính : USD

STT	Nội dung	Tổng cộng
1	Giá mua tàu (đã bao gồm các loại thuế và phí liên quan, hệ thống xử lý nước ballast)	11.828.700
2	Chi phí khảo sát, giám định tàu, giao nhận tàu và chi phí khác	171.300
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	12.000.000

2.1.3. Nguồn vốn và cơ cấu đầu tư

STT	Nội dung	Đvt	Giá trị
1	Tổng mức đầu tư (gồm VAT, nếu có)	USD	12.000.000
2	Vốn vay ngân hàng (đến khoảng 70 % giá mua tàu)	USD	8.280.090
3	Vốn chủ sở hữu: = (1) - (2)	USD	3.719.910

a) Nguồn vốn chủ sở hữu

Tổng mức đầu tư khoảng 12.000.000 USD, trong đó vốn vay vào khoảng 8.280.090 USD còn lại là vốn chủ sở hữu 3.719.910 USD.

Theo kế hoạch năm 2024: Công ty tiếp tục hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ 230 tỷ đồng, từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng để bổ sung vốn hoặc bù đắp vốn đã sử dụng đối ứng đầu tư mua tàu (bao gồm: 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT thuộc danh mục đầu tư năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024 và 01 tàu chở dầu/ hóa chất size khoảng 19.000 - 25.000 DWT thuộc kế hoạch năm 2024 hoặc 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT) và bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty;

b) Nguồn vốn vay

Với cơ cấu vốn đầu tư dự kiến sẽ vay ngân hàng tối đa 70% trên giá mua tàu, theo hình thức vay dài hạn với thời gian vay khoảng 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Và mức vốn cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng (TCTD) cho các dự án đầu tư của PDV hiện nay khoảng 70% giá mua tàu, cơ cấu này phù hợp với tính toán hiệu quả của dự án đầu tư tàu và nằm trong khung điều kiện cho vay thông thường của các Tổ chức tín dụng.

2.1.4. Kế hoạch khai thác

Trên cơ sở nhu cầu vận tải hàng rời bằng phân khúc tàu Handysize nội địa chưa nhiều, tàu Handysize dự kiến đầu tư mới sẽ hướng tới thị trường khai thác quốc tế nơi có nhu cầu vận tải lớn và đa dạng hơn. Từ kinh nghiệm khai thác tàu vận chuyển hàng rời của PVT Logistics và của Tổng công ty PVTrans/các đơn vị thành viên trong thời gian vừa qua, trên cơ sở phân tích thị trường nêu trên và đánh giá mô hình quản lý hiện nay của PVT Logistics thì các phương án khai thác tàu có thể thực hiện cho thuê định hạn trên thị trường quốc tế để đảm bảo tính ổn định của dự án, trong thời gian chưa tìm kiếm được hợp đồng cho thuê định hạn, có thể khai thác tàu theo hình thức Spot vẫn đảm bảo hiệu quả dự án.

2.1.5. Hiệu quả kinh tế

Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của Dự án không thấp hơn:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị Tàu trọng tải 25.000-29.000 DWT	Giá trị Tàu trọng tải 29.001-35.000 DWT
1	Suất thu lợi nội tại (IRRmin)	%	8,52	8,52
2	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV)	USD	55.652	21.049
3	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án	%	8,61	8,55
4	Hiện giá dòng ngân lưu thuần NPV vốn CSH	USD	373.393	338.789

5	Suất sinh lời trên vốn chủ đầu tư (ROE)	%	9,74	9,76
---	---	---	------	------

2.1.6. Thời gian thực hiện

Thời gian dự kiến triển khai đầu tư từ Quý III, IV/2024.

2.1.7. Thông tin về tình hình triển khai dự án

a) Phê duyệt dự án

- Nghị quyết số 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2022 đã phê duyệt phương án đầu tư mua tàu.
- Nghị quyết số 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2023 đã phê duyệt danh mục đầu tư năm 2023 (trong đó có kế hoạch đầu tư 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2022)
- Nghị quyết số 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2024 đã phê duyệt danh mục đầu tư năm 2024 trong đó có việc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư 01 tàu hàng rời trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (Mã số dự án : PDV-HR-02/22) (dự án chuyển tiếp);
- Nghị quyết 11/NQ-HĐQT ngày 23/04/2024 của Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 - 35.000 DWT (theo thẩm quyền của Hội Đồng Quản trị được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty)

b) Tình hình triển khai Dự án đầu tư

- PDV đang làm việc với các ngân hàng để lựa chọn Ngân hàng tài trợ phù hợp sau khi lựa chọn được Ngân hàng tài trợ sẽ tiến hành hoàn thiện thủ tục vay bổ sung vốn mua tàu với một số điều kiện vay cơ bản như sau:
 - + Mức vốn cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng (TCTD) cho các dự án đầu tư của PVT Logistics hiện nay đến khoảng 70% giá mua tàu, cơ cấu này phù hợp với tính toán hiệu quả của dự án đầu tư tàu và nằm trong khung điều kiện cho vay thông thường của các Tổ chức tín dụng;
 - + Thời hạn vay là vay dài hạn với thời gian vay khoảng 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Về lựa chọn tàu: công ty đang nghiên cứu và đánh giá các hồ sơ chào hàng, PDV đã lựa chọn các hồ sơ tàu đáp ứng các tiêu chí cơ bản về loại tàu; độ tuổi; nơi đăng kiểm; thiết kế tàu; tính đồng bộ của tàu và thiết bị; kết cấu thân vỏ; khả năng kiểm soát khí thải; quản lý nước dẫn; tàu hoặc chủ tàu không nằm trong danh sách cấm hoặc bị IG Club từ chối hoặc bị cấm vận; lịch sử khai thác tàu. Công ty sẽ tiếp tục lựa chọn từ danh sách rút gọn này các hồ sơ phù hợp nhất với yêu cầu thực tế của

Công ty để đánh giá lựa chọn.

c) Tình hình thu xếp vốn

STT	Công việc	Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đã sẵn sàng
2	Vốn huy động từ ngân hàng	Giải ngân dự kiến trong Quý III, IV năm 2024
3	Nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu ra công chúng	Dự kiến trong Quý III, IV năm 2024

2.2. Dự án mua tàu hàng rời có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (PDV-HR-04/24)

2.2.1. Giới thiệu

- Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Cấp thẩm quyền phê duyệt: Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2024.
- Mục đích:
 - + Tái cấu trúc đội tàu của PDV theo hướng đa dạng về chủng loại, size tàu và trẻ hóa đội tàu nhằm duy trì và đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế;
 - + Tận dụng thời điểm giá mua bán tàu biển đang ở mức hợp lý, giá cước vận tải đang có dấu hiệu phục hồi;
 - + Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phương thức thực hiện: Mua tàu đã qua sử dụng (Tuổi tàu tuân thủ qui định tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020 sửa đổi, bổ sung của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển).

2.2.2. Tổng mức đầu tư

Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị
1	Giá mua tàu (đã bao gồm thuế, phí trước bạ,...(nếu có).	USD	21.800.000
2	Chi phí khảo sát, giám định tàu, giao nhận tàu và khác...	USD	200.000
-	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (GỒM VAT, NẾU CÓ):	USD	22.000.000

2.2.3. Nguồn vốn và cơ cấu đầu tư

Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị
1	Tổng mức đầu tư (gồm VAT, nếu có)	USD	22.000.000
2	Vốn vay ngân hàng (đến khoảng 70 % giá mua tàu)	USD	15.260.000
3	Vốn chủ sở hữu: = (1) - (2)	USD	6.740.000

a) Nguồn vốn chủ sở hữu

Dự kiến tàu hàng rời sẽ được đầu tư trong năm 2024, với nguồn vốn đối ứng của dự án 6,74 triệu USD. Trên cơ sở cân đối dòng tiền và nguồn vốn dùng cho đầu tư của PVT Logistics thì dự kiến nguồn vốn chủ sở hữu của công ty vẫn có thể đáp ứng đủ nguồn vốn đối ứng cho dự án mua tàu hàng rời trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT.

b) Nguồn vốn vay

Về cơ cấu vốn đầu tư dự kiến sẽ vay ngân hàng đến khoảng 70% trên giá mua tàu, theo hình thức vay dài hạn với thời gian vay là 7 năm;

Mức vốn cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng cho các dự án đầu tư của PDV hiện nay khoảng 70% giá mua tàu, cơ cấu này phù hợp với tính toán hiệu quả của dự án đầu tư tàu và nằm trong khung điều kiện cho vay thông thường của các tổ chức tín dụng.

2.2.4. Kế hoạch khai thác

- Lộ trình khai thác: tập trung khai thác tuyến quốc tế;
- Cho thuê định hạn trên thị trường quốc tế hoặc khai thác theo hình thức spot.

2.2.5. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1	Trọng tải tàu hàng rời	DWT	25.000-75.000
2	Tổng mức đầu tư	USD	22.000.000
3	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV) không thấp hơn	USD	0
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án không thấp hơn	%	8,5%
5	Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển		

2.2.6. Thời gian thực hiện

Thời gian dự kiến triển khai đầu tư trong Quý III, IV/2024.

2.2.7. Thông tin về tình hình triển khai dự án

a) Phê duyệt dự án

- Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông

thường niên Công ty năm 2024 đã phê duyệt phương án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24).

- Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án mua tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24).

b) Tình hình triển khai Dự án đầu tư

- PDV đang làm việc với các ngân hàng để lựa chọn Ngân hàng tài trợ phù hợp. Sau khi lựa chọn được Ngân hàng tài trợ PDV sẽ tiến hành hoàn thiện thủ tục vay bổ sung vốn mua tàu với một số điều kiện vay cơ bản như sau:
 - + Mức vốn cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng (TCTD) cho các dự án đầu tư của PVT Logistics hiện nay đến khoảng 70% giá mua tàu, cơ cấu này phù hợp với tính toán hiệu quả của dự án đầu tư tàu và nằm trong khung điều kiện cho vay thông thường của các Tổ chức tín dụng;
 - + Thời hạn vay là vay dài hạn với thời gian vay khoảng 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Về lựa chọn tàu:

Trên cơ sở Phương án đầu tư được ĐHCĐ thường niên 2024 thông qua, trước nhu cầu vận tải của khách hàng ngày càng lớn, đồng thời giá tàu trên thị trường giao dịch đang ở mức hợp lý, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, HĐQT đã chủ động lựa chọn tàu theo các tiêu chí cơ bản đã được ĐHCĐ thường niên 2024 thông qua.

HĐQT đã thống nhất lựa chọn tàu và ban hành Nghị quyết HĐQT số 31/NQ – HĐQT ngày 10/7/2024 đã phê duyệt kết quả lựa chọn tàu thuộc Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 55.000-65.000 DWT (Mã số Dự án: PDV-HR-04/24) với thông tin cơ bản như sau:

- o Tên tàu: CEBIHAN - IMO No. 9504308
- o Chủ tàu: ORCA SHIPPING B.V.
- o Các thông số kỹ thuật chính của tàu:
 - Trọng tải: 57.318 DWT
 - Năm đóng: 2009
 - Nơi đóng: Hàn Quốc
 - Treo cờ: Bồ Đào Nha
 - Loại tàu: Hàng rời
 - Hầm hàng: 5 hầm; 04 cần cẩu * 4 grab loại 12 CBM
 - Đăng kiểm: Nippon Kaiji Kyokai
- + Giám đốc Công ty đã ký kết hợp đồng mua tàu (MOA) với chủ tàu vào ngày 10/7/2024.

- + Thời gian dự kiến giao tàu: từ ngày 10/8/2024 đến ngày 10/9/2024.
- + Theo Phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua tại nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024, trong trường hợp hoàn thành các thủ tục mua tàu trước khi kết thúc đợt chào bán, HĐQT sẽ sử dụng các nguồn vốn khác (vốn lưu động, dòng tiền nhân rồi, dòng tiền khác....) để thực hiện việc mua tàu. Sau khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo UBCKNN, HĐQT sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bù đắp nguồn vốn đã sử dụng;

c) Tình hình thu xếp vốn

Stt	Công việc	Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đã sẵn sàng
2	Vốn huy động từ ngân hàng	Giải ngân dự kiến trong Quý III, IV năm 2024
3	Nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu ra công chúng	Dự kiến trong Quý III, IV năm 2024

2.3. Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (PDV-HC-04/24)

Do PDV chưa thực hiện nhận tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT từ chủ tàu, PDV xây dựng đồng thời Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (PDV-HC-04/24) như sau:

2.3.1. Giới thiệu

- Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Cấp thẩm quyền phê duyệt: Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2024.
- Mục đích:
 - + Tái cấu trúc đội tàu của PDV theo hướng đa dạng về chủng loại, size tàu và trẻ hóa đội tàu nhằm duy trì và đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế;
 - + Tận dụng thời điểm giá mua bán tàu biển đang ở mức hợp lý, giá cước vận tải đang có dấu hiệu phục hồi;
 - + Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phương thức thực hiện: Mua tàu đã qua sử dụng (Tuổi tàu tuân thủ qui định tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020 sửa đổi, bổ sung của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển).

2.3.2. Tổng mức đầu tư

Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị
1	Giá mua tàu (đã bao gồm thuế, phí trước bạ, ... (nếu có))	USD	21.800.000
2	Chi phí khảo sát, giám định tàu, giao nhận tàu và khác...	USD	200.000
-	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (GỒM VAT, NẾU CÓ):	USD	22.000.000

2.3.3. Nguồn vốn và cơ cấu đầu tư

Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị
1	Tổng mức đầu tư (gồm VAT, nếu có)	USD	22.000.000
2	Vốn vay ngân hàng (đến khoảng 70 % giá mua tàu)	USD	15.260.000
3	Vốn chủ sở hữu: = (1) - (2)	USD	6.740.000

a) Nguồn vốn chủ sở hữu

Dự kiến tàu chở dầu/hóa chất sẽ được đầu tư trong năm 2024, với nguồn vốn đối ứng của dự án 6,74 triệu USD. Trên cơ sở cân đối dòng tiền và nguồn vốn dùng cho đầu tư của PVT Logistics thì dự kiến nguồn vốn chủ sở hữu của công ty vẫn có thể đáp ứng đủ nguồn vốn đối ứng cho dự án mua tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT.

b) Nguồn vốn vay

Về cơ cấu vốn đầu tư dự kiến sẽ vay ngân hàng đến khoảng 70% trên giá mua tàu, theo hình thức vay dài hạn với thời gian vay là 7 năm;

Mức vốn cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng cho các dự án đầu tư của PDV hiện nay khoảng 70% giá mua tàu, cơ cấu này phù hợp với tính toán hiệu quả của dự án đầu tư tàu và nằm trong khung điều kiện cho vay thông thường của các tổ chức tín dụng.

2.3.4. Kế hoạch khai thác

- Lộ trình khai thác: tập trung khai thác tuyến quốc tế;
- Cho thuê định hạn trên thị trường quốc tế hoặc khai thác theo hình thức spot.

2.3.5. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế:

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1	Trọng tải tàu dầu/ hóa chất	DWT	19.000-25.000
2	Tổng mức đầu tư không vượt quá	USD	22.000.000
3	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV) không thấp hơn	USD	0
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án không thấp hơn	%	8,5%
5	Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung của chính phủ.		

2.3.6. Thời gian thực hiện

Thời gian dự kiến triển khai đầu tư trong Quý III, IV/2024.

2.3.7. Thông tin về tình hình triển khai dự án

a) Phê duyệt dự án

- Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCD ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2024 đã phê duyệt phương án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24).
- Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (PDV-HC-04/24)

b) Tình hình triển khai Dự án đầu tư

- PDV đang làm việc với các ngân hàng để lựa chọn Ngân hàng tài trợ phù hợp sau khi lựa chọn được Ngân hàng tài trợ sẽ tiến hành hoàn thiện thủ tục vay bổ sung vốn mua tàu với một số điều kiện vay cơ bản như sau:
 - + Mức vốn cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng (TCTD) cho các dự án đầu tư của PVT Logistics hiện nay đến khoảng 70% giá mua tàu, cơ cấu này phù hợp với tính toán hiệu quả của dự án đầu tư tàu và nằm trong khung điều kiện cho vay thông thường của các Tổ chức tín dụng;
 - + Thời hạn vay là vay dài hạn với thời gian vay khoảng 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Về lựa chọn tàu: hiện tại công ty đang nghiên cứu thị trường tàu để xem xét các tàu phù hợp, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh thực tế và ngân sách đã được ĐHĐCD thông qua.

c) Tình hình thu xếp vốn

Stt	Công việc	Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đã sẵn sàng
2	Vốn huy động từ ngân hàng	Giải ngân dự kiến trong Quý III, IV năm 2024
3	Nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu ra công chúng	Dự kiến trong Quý III, IV năm 2024

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để mua tàu theo kế hoạch đầu tư 2024 cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VND)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Mua thêm 01 “tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24)”	150.000.000.000	Từ Quý III, IV năm 2024
2	Mua thêm 01 “tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22)”	80.086.350.000	Từ Quý III, IV năm 2024
Tổng cộng		230.086.350.000	

- Trường hợp thời gian chào bán kéo dài và thị trường mua bán tàu biển động (giá bán, tỷ giá...) ảnh hưởng đến chi phí dự kiến mua tàu theo phương án được ĐHCĐ thông qua, HĐQT sẽ tạm thời sử dụng các nguồn vốn khác (vốn lưu động, dòng tiền nhân rồi, dòng tiền khác...) để thực hiện việc mua tàu. Sau khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo UBCKNN, HĐQT sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bù đắp nguồn vốn đã sử dụng;
- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán sau khi sử dụng để đầu tư tàu còn dôi dư, HĐQT sẽ bổ sung vốn dôi dư đó cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 28/NQ-HĐQT ngày 01/07/2024, Hội đồng quản trị đã thông qua chi tiết Phương án sử dụng vốn như sau:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền dự kiến (VND)
Đầu tư mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24).	22.000.000 USD, tương đương 561.000.000.000 VND (*)	Từ Quý III, IV năm 2024	1. Nguồn vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu ^(***)	150.000.000.000
			2. Nguồn vốn khác (Vốn vay ngân hàng, vốn chủ sở hữu...)	411.000.000.000
Đầu tư mua 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22).	12.000.000 USD, tương đương khoảng 306.000.000.000 VND (**)	Từ Quý III, IV năm 2024	1. Nguồn vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu ^(***)	80.086.350.000
			2. Nguồn vốn khác (Vốn vay ngân hàng, vốn chủ sở hữu...)	225.913.650.000
Tổng cộng				867.000.000.000

(*) Tỷ giá USD áp dụng tạm tính là: 25.500 VND/USD. Số tiền bằng VND (đồng) có thể thay đổi tùy theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm giải ngân, tuy nhiên vẫn đảm bảo tổng mức đầu tư mua tàu tính theo đồng USD không vượt quá 22.000.000 USD.

(**) Tỷ giá USD áp dụng tạm tính là: 25.500 VND/USD. Số tiền bằng VND (đồng) có thể thay đổi tùy theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm giải ngân, tuy nhiên vẫn đảm bảo tổng mức đầu tư mua tàu tính theo đồng USD không vượt quá 12.000.000 USD.

(***) HĐQT sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn hoặc bù đắp nguồn vốn đã sử dụng để mua tàu.

Trường hợp kết thúc đợt chào bán, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến, để bổ sung nguồn vốn cho dự án mua tàu, HĐQT sẽ thực hiện các giải pháp sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại. Trường hợp sau khi kết thúc thời gian gia hạn đợt chào bán mà tỷ lệ chào bán thấp hơn 70%,

đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ theo quy định.

- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, nguồn khấu hao lũy kế tính đến thời điểm thực hiện đầu tư và các nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty : **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**
 Địa chỉ : Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam -Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM
 Điện thoại : 028 7101 4555 - Fax: 028 3910 0750
 Website : www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**
 Trụ sở chính : Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
 Điện thoại : (+84-24) 3936 6990 Fax : (+84-24) 3936 0262
Chi nhánh HCM : Tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại : (+84-28) 3820 8116 Fax: (+84-28) 3820 8117
 Website : www.vcbs.com.vn

2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

- Mục đích của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu lần này nhằm huy động vốn để bổ sung cho mua tàu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng vốn điều lệ, PDV vừa có thể nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh trên thị trường, đồng thời giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Khối lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này là 23.008.635 cổ phần. Giá chào bán cổ phiếu PDV cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần, thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022 và giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023.

- Ngành vận tải đường biển có nhiều tiềm năng phát triển trong dài hạn và Công ty đã có uy tín, thương hiệu trên thị trường.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM cho rằng đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu của PDV là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

XI. THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

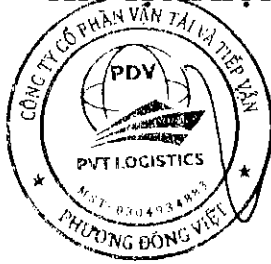
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30... tháng ... năm 2024

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

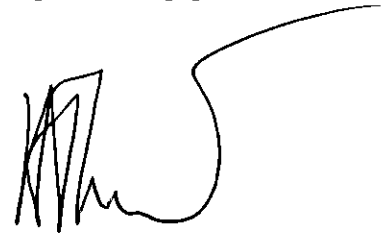
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LÊ TRÚC LÂM

GIÁM ĐỐC



HỒ SĨ THUẬN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THÁI ĐẠO

TP. Hồ Chí Minh, ngày ...30... tháng ...7... năm 2024

TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH**

GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC VIỆT

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/4/2007, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2023;
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 01/NQ-PĐV-DHĐCĐ, ngày 24/4/2024 đính kèm Phụ lục 06, Phụ lục 10, Phụ lục 11, Phụ lục 12, Phụ lục 15;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 01/NQ-PĐV-DHĐCĐ, ngày 26/4/2023 đính kèm Phụ lục 06;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 01/NQ-PĐV-DHĐCĐ, ngày 28/3/2022 đính kèm Phụ lục 06;
3. Quyết định của Hội đồng quản trị:
 - Nghị quyết 11/NQ-HĐQT, ngày 23/4/2024 về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000-35.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) đính kèm Báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/07/2024 của Hội đồng quản trị v/v thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán; đính kèm công bố thông tin đính chính ngày 23/7/2024;
 - Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 01/07/2024 của Hội đồng quản trị v/v thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
 - Nghị quyết số 31/NQ – HĐQT ngày 10/7/2024 phê duyệt kết quả lựa chọn tàu thuộc Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 55.000-65.000 DWT (Mã số Dự án: PDV-HR-04/24)
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động;
5. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, 2023 và Báo cáo tài chính Quý 2/2024;
6. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 được kiểm toán tại ngày 25/04/2024;



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0304934883

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 04 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 27 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG DONG VIET SHIPPING AND
LOGISTICS CORPORATION

Tên công ty viết tắt: PVT LOGISTICS

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.62911281

Email: info@pvtlogistics.vn

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 5.1.0.7.3. Quyền số: 01 SCT/BS

Website: www.pvtlogistics.vn

3. Vốn điều lệ: 430.873.310.000 đồng.

Ngày: 28-11-2023

Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu ba trăm
mười nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 43.087.331

Văn Phòng Công Chứng Nguyễn Kim Chi

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HỒ SĨ THUẬN

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/03/1978

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Bùi Xuân Việt Hưng

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034078004063

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 236/19 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 236/19 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Võ Cẩm Tú

Số: 01/NQ - PĐV- ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

NGHI QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số 01/BB - PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024 của Ban điều hành công ty (Phụ lục 01);
2. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 02);
3. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động 2024 của Ban kiểm soát (Phụ lục 03);
4. Tờ trình phê duyệt kết quả SXKD năm 2023 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (Phụ lục 04);
5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ năm 2023 và phương án chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 (Phụ lục 05);
6. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư năm 2024 (Phụ lục 06);
7. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty (Phụ lục 07);

8. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024 (Phụ lục 08);
9. Tờ trình về việc Phê duyệt kế hoạch SXKD 5 năm và tái cấu trúc giai đoạn 2021-2025 của Công ty (Phụ lục 09).
10. Tờ trình sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (Phụ lục 10);
11. Tờ trình về việc Báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng; Điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter (Phụ lục 11);
12. Tờ trình về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng (Phụ lục 12);
13. Tờ trình về việc chuyển tiếp đăng ký giao dịch Cổ phiếu của Công ty trên Upcom sang niêm yết Cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đã thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 13);
14. Tờ trình thông qua việc chuyển tiếp dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) thuộc kế hoạch năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 14);
15. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 15);
16. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-05/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-05/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 16);
17. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 đối với ông Hồ Sĩ Thuận do hết nhiệm kỳ;
 - Miễn nhiệm chức Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đối với ông Lê Trúc Lâm do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT độc lập.
 - Miễn nhiệm chức Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Trọng Quý do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT.
 - Bầu ông Hồ Sĩ Thuận vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Lê Trúc Lâm vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Hoàng Minh Tuấn giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2024-2029.

18. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát như sau:

- Miễn nhiệm chức Thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Võ Thị Thanh Tùng do có đơn xin từ nhiệm.
- Bầu bà Vũ Thị Phượng vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024-2029.


Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị Quyết này trên cơ sở tuân thủ qui định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVT Logistics
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- UBCKNN, SGDCK (để b/c)
- Lưu: HĐQT, TH (2b).

TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Trúc Lâm

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 06

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024)

Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt

AV
PĐV
T L
7: 03
ONG

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v: thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
và danh mục đầu tư năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận Tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

Căn cứ vào diễn biến thực tế, các phân tích, đánh giá xu hướng thị trường vận tải trong năm 2024, dựa vào các nguồn lực thực tế của đơn vị, công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt triển khai xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024 như sau:

1. Về Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.250,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80,0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	64,0
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	17,5

2. Về kế hoạch đầu tư năm 2024:

- Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư 01 tàu tàu hàng rời trọng tải khoảng 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) (dự án chuyên tiếp);
- Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) (dự án chuyên tiếp);
- Đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) (dự án đầu tư mới);
- Đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-05/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-05/24).

HDQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư năm 2024 nêu trên, trong trường hợp có thay đổi, ĐHĐCĐ giao cho Hội đồng Quản trị phê duyệt điều chỉnh, cập nhật kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024 cho phù hợp với thực tế trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và báo cáo ĐHĐCĐ tại lần họp kế tiếp.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Lê Trúc Lâm

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 10

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số: 01/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024)

Tờ trình sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

1930
ĐÔNG

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua điều chỉnh sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Hiện nay, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics) là 0%. Để nâng cao vị thế và uy tín của Công ty PVT Logistics trên thị trường quốc tế, mở rộng quy mô vốn và phát triển đầu tư đội tàu của Công ty, thu hút sự tham gia góp vốn của nhà đầu tư vào Công ty trong đó có nhà đầu tư nước ngoài. Để các nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn vào Công ty thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty không vượt quá hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành, nghề có hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp nhất. Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics), Hội đồng Quản trị Công ty kính đề nghị ĐHCĐ xem xét thông qua việc điều chỉnh sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của PVT Logistics như sau:

1. Điều chỉnh sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty sau:

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh hiện nay	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sửa đổi
(1)	(2)	(3)
1.	4661 (Chính) <i>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan</i> <i>Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu; nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas). Bán buôn dầu khí hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành Phố Hồ Chí Minh)</i>	4661 Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan (ngoại trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến)
2.	4312 Chuẩn bị mặt bằng	4312 Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)
3.	5012 Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển</i>	5012 (Chính) Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển</i>

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh hiện nay	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sửa đổi
4.	5229 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Đại lý hàng hải</i>	5229 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Đại lý hàng hải</i> (Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)
5.	0810 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - (không hoạt động tại trụ sở)
6.	8532 Giáo dục nghề nghiệp <i>Chi tiết: Dạy nghề</i>	8532 (Bỏ ngành nghề này) Giáo dục nghề nghiệp <i>Chi tiết: Dạy nghề</i> Lý do bỏ: Lý do ngành này hiện tại đã không còn nằm trong Hệ thống ngành Việt Nam theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018
7.	4632 Bán buôn thực phẩm <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>	4632 Bán buôn thực phẩm <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i> (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh hiện nay	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sửa đổi
8.	<p>4659</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p><i>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất; công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến</i></p>	<p>4659</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p><i>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất; công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến</i></p> <p>(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</p>
9.	<p>3290</p> <p>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc mạnh); Sản xuất vật liệu bảo ôn cách nhiệt, chế tạo các thiết bị nhiệt</i></p>	<p>3290</p> <p>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc mạnh); Sản xuất vật liệu bảo ôn cách nhiệt, chế tạo các thiết bị nhiệt</i></p> <p>- (không hoạt động tại trụ sở).</p>
10.	<p>5222</p> <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</p> <p><i>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa</i></p>	<p>5222</p> <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</p> <p><i>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa</i></p> <p>(Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)</p>
11.	<p>7830</p> <p>Cung ứng và quản lý nguồn lao động</p> <p><i>Chi tiết: - Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải; - Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH); - Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH).</i></p>	<p>7830</p> <p>Cung ứng và quản lý nguồn lao động</p> <p><i>Chi tiết: - Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải;</i></p> <p><i>- Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH).</i></p> <p>(trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)</p>

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh hiện nay	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sửa đổi
12.	3812 Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812 Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở) (trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình)
13.	4669 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa. Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp. Bán buôn vật liệu bảo ôn cách nhiệt</i>	4669 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa. Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp. Bán buôn vật liệu bảo ôn cách nhiệt</i> (Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
14.	7820 Cung ứng lao động tạm thời	7820 Cung ứng lao động tạm thời (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
15.	7810 Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm <i>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.</i>	7810 Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm' <i>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm</i> (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).
16.	8559 Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559 Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)
17.	4651 Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651 Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)

2. Giao cho Hội đồng quản trị của PVT Logistics thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký của PVT Logistics tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 “ngành, nghề kinh doanh của Công ty” trong Điều lệ Công ty với các ngành nghề kinh doanh sửa đổi, bổ sung như trên.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Trúc Lâm

Số: 01/NQ - PĐV- ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

NGHI QUYẾT

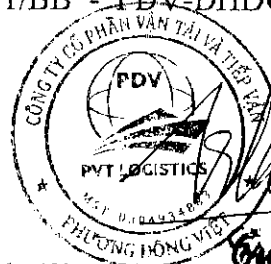
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số 01/BB - PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.



QUYẾT NGHỊ:



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Hồng Kiên

Điều 1. Thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024 của Ban điều hành công ty (Phụ lục 01);
2. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 02);
3. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động 2024 của Ban kiểm soát (Phụ lục 03);
4. Tờ trình phê duyệt kết quả SXKD năm 2023 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (Phụ lục 04);
5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ năm 2023 và phương án chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 (Phụ lục 05);
6. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư năm 2024 (Phụ lục 06);
7. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty (Phụ lục 07);

Handwritten mark

8. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024 (Phụ lục 08);
9. Tờ trình về việc Phê duyệt kế hoạch SXKD 5 năm và tái cấu trúc giai đoạn 2021-2025 của Công ty (Phụ lục 09).
10. Tờ trình sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (Phụ lục 10);
11. Tờ trình về việc Báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng; Điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter (Phụ lục 11);
12. Tờ trình về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng (Phụ lục 12);
13. Tờ trình về việc chuyển tiếp đăng ký giao dịch Cổ phiếu của Công ty trên Upcom sang niêm yết Cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đã thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 13);
14. Tờ trình thông qua việc chuyển tiếp dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) thuộc kế hoạch năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 14);
15. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 15);
16. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-05/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-05/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 16);
17. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 đối với ông Hồ Sĩ Thuận do hết nhiệm kỳ;
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đối với ông Lê Trúc Lâm do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT độc lập.
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Trọng Quý do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT.
 - Bầu ông Hồ Sĩ Thuận vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Lê Trúc Lâm vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Hoàng Minh Tuấn giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2024-2029.



18. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát như sau:

- Miễn nhiệm chức Thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Võ Thị Thanh Tùng do có đơn xin từ nhiệm.
- Bầu bà Vũ Thị Phượng vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024-2029.

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị Quyết này trên cơ sở tuân thủ qui định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVT Logistics
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- UBCKNN, SGDCK (để b/c)
- Lưu: HĐQT, TH (2b)

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Trúc Lâm



**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 11

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCD ngày 24/04/2024)

Tờ trình về việc Báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng; Điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt



Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng; Điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông;
Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics).

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 28/3/2022;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2023.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung như sau:

I. Báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng:

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2023 về việc tiếp tục Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng, số lượng cổ phiếu phát hành thêm được chia làm 2 đợt: (i) Đợt 1 chào bán thêm 11.977.345 cổ phiếu; (ii) Đợt 2 chào bán thêm 8.022.655 cổ phiếu. Chi tiết thực hiện như sau:

1. Thực hiện chào bán Đợt 1:

Ngày 17/7/2023, Công ty đã gửi hồ sơ đăng ký chào bán thêm 11.977.345 cổ phiếu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) bao gồm Giấy đăng ký chào bán số: 158/PDV-TCKT.

Ngày 23/8/2023, Công ty nhận được Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu số: 269/GCN-UBCK, ngày 23/8/2023 do UBCKNN cấp.

Ngày 19/10/2023, Công ty đã hoàn thành việc chào bán đợt 1 và báo cáo với UBCKNN về kết quả chào bán, số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành thêm cho các Cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư là: 11.977.345 cổ phiếu với tổng số tiền thu về từ đợt chào bán là: 119.773.450.000 đồng. Sau chào bán đợt 1, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 430.873.310.000 đồng.

2. Thực hiện chào bán Đợt 2:

Tiếp theo kế hoạch tăng vốn từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng, nhằm đảm bảo số vốn điều lệ tăng thêm đạt như kế hoạch, ngày 26/12/2023 Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán thêm 8.022.655 cổ phiếu lên UBCKNN.

Ngày 19/01/2024, Công ty đã nhận được công văn số: 529/UBCK-QLCB về Hồ sơ đăng ký chào bán và đang chuẩn bị tài liệu giải trình và bổ sung lên UBCKNN.

Tuy nhiên, từ ngày 19/01/2024 đến nay, do tình hình thị trường diễn ra không thuận lợi và nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng đến nhu cầu huy động vốn của Công ty cũng như tiến độ đợt chào bán. Do đó, để đảm bảo tiến độ kế hoạch tăng vốn lên 661 tỷ đồng trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty quyết định thông qua việc tạm dừng triển khai Hồ sơ đăng ký chào bán Công ty và đề xuất điều chỉnh phương án chào bán thêm cổ phiếu đã ban hành tại Nghị quyết số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2023 như sau:

- Dừng việc chào bán thêm 8.022.655 cổ phiếu ra công chúng;
- Để đảm bảo tiến độ tăng vốn điều lệ lên 661 tỷ đồng trong năm 2024, Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua phương án chào bán thêm 23.008.635 cổ phiếu trong năm 2024 trong đó đã bao gồm 8.022.655 cổ phiếu theo phương án chào bán được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.

II. Điều chỉnh phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm 11.977.345 cổ phiếu ra công chúng (Đợt 1) cụ thể như sau:

Theo phương án chào bán thêm cổ phiếu được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 28/03/2022 và nghị quyết số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2023:

- Mục đích sử dụng vốn: theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua, mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn mua thêm 01 tàu chở dầu/ hóa chất size khoảng 10.000-25.000 DWT phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty;
- Kết quả đợt chào bán: Công ty đã hoàn thành việc chào bán thêm cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu chào bán thực tế là 11.977.345 cổ phiếu. Tổng số tiền thu về là 119.773.450.000 đồng;
- Tình hình triển khai việc mua tàu: trong năm 2023 trước tình hình thị trường mua bán tàu thay đổi liên tục về giá tàu và tỷ giá USD/VND, để đảm bảo chi phí đầu tư không vượt quá chi phí dự kiến được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã thông qua việc chủ động sử dụng các nguồn vốn khác như vốn lưu động, dòng tiền nhân rồi, dòng tiền khác,... để mua 01 tàu chở dầu/ hóa chất size khoảng 19.000-25.000 DWT (PVT Jupiter). Sau khi hoàn tất việc mua tàu, Công ty không còn nhu cầu mua thêm tàu trong năm 2023. Các tàu chưa đầu tư sẽ được chuyển tiếp sang năm 2024.

Do đó, kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán là 119.773.450.000 đồng được dùng để bù đắp nguồn vốn đã sử dụng để mua 01 tàu chở dầu/ hóa chất size khoảng 19.000-25.000 DWT phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty (PVT Jupiter).

III. Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter:

1. Về kế hoạch đầu tư tàu

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 28/03/2022 và Nghị quyết: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2023 kế hoạch đầu tư tàu đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua như sau:

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư (USD)
-	Đầu tư thêm 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 10.000-25.000 DWT	19.000.000

2. Về kết quả thực hiện đầu tư mua tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (PDV-HC-01/22) (được đặt tên là tàu PVT Jupiter):

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư mua 01 tàu chở dầu/ hóa chất (PDV-HC-01/22) và đã hoàn thành nhận tàu trong tháng 05 năm 2023. Công ty đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định để thực hiện việc chào giá cạnh tranh và lựa chọn được tàu phù hợp nhất về các tiêu chí: kỹ thuật, tuổi tàu và giá cả cạnh tranh nhất đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua. Do thị trường mua bán tàu ở mức thấp nên giá mua tàu thấp hơn so với giá mua đã được ĐHCĐ phê duyệt. Tàu CELSIUS MALAGA (Năm đóng: 2008, Xuất xứ: Japan, Treo cờ: Marshall Islands, Số IMO: 9408803) (đã đổi tên thành PVT Jupiter) của Celsius Malaga LLC, Marshall Islands phù hợp với các tiêu chí lựa chọn. HĐQT và Ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ theo sự ủy quyền/giao của ĐHCĐ.

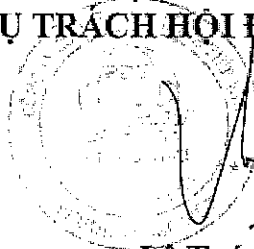
Chi tiết giá mua tàu thực hiện so với kế hoạch đã được ĐHCĐ phê duyệt như sau:

Đơn vị: USD

Stt	Nội dung	Kế hoạch đã phê duyệt	Thực hiện	Thấp hơn so với phê duyệt
A	B	1	2	3=2-1
-	Tổng giá trị đầu tư mua tàu (PVT Jupiter)	19.000.000	18.283.978	(716.022)

Kính trình Đại hội thông qua./.

✓ **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Trúc Lâm



Số: 01/NQ - PĐV- ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

NGHI QUYẾT

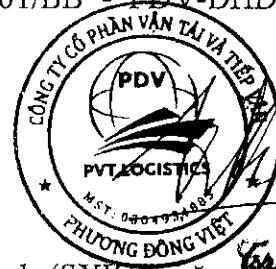
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số 01/BB - PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT NGHỊ:



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Hồng Kiên

Điều 1. Thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Ban điều hành công ty (Phụ lục 01);
2. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 02);
3. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động 2024 của Ban kiểm soát (Phụ lục 03);
4. Tờ trình phê duyệt kết quả SXKD năm 2023 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (Phụ lục 04);
5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ năm 2023 và phương án chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 (Phụ lục 05);
6. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư năm 2024 (Phụ lục 06);
7. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty (Phụ lục 07);

8. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024 (Phụ lục 08);
9. Tờ trình về việc Phê duyệt kế hoạch SXKD 5 năm và tái cấu trúc giai đoạn 2021-2025 của Công ty (Phụ lục 09).
10. Tờ trình sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (Phụ lục 10);
11. Tờ trình về việc Báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng; Điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter (Phụ lục 11);
12. Tờ trình về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng (Phụ lục 12);
13. Tờ trình về việc chuyển tiếp đăng ký giao dịch Cổ phiếu của Công ty trên Upcom sang niêm yết Cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đã thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 13);
14. Tờ trình thông qua việc chuyển tiếp dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) thuộc kế hoạch năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 14);
15. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 15);
16. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-05/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-05/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 16);
17. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 đối với ông Hồ Sĩ Thuận do hết nhiệm kỳ;
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đối với ông Lê Trúc Lâm do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT độc lập.
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Trọng Quý do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT.
 - Bầu ông Hồ Sĩ Thuận vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Lê Trúc Lâm vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Hoàng Minh Tuấn giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2024-2029.



18. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát như sau:

- Miễn nhiệm chức Thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Võ Thị Thanh Tùng do có đơn xin từ nhiệm.
- Bầu bà Vũ Thị Phượng vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024-2029.

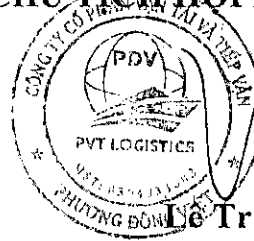
Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị Quyết này trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVT Logistics
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- UBCKNN, SGĐCK (để b/c)
- Lưu: HĐQT, TH (2b) *VL*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Trúc Lâm



**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 12

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCD ngày 24/04/2024)

Tờ trình về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v: Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ
từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông;

Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics).

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Tờ trình về việc báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng; Điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ từ: 430.873.310.000 đồng lên 660.595.660.000 đồng trong năm 2024 như sau:

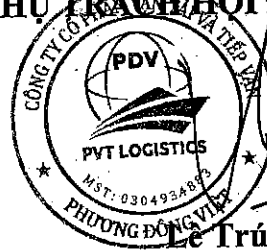
- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
- Mã cổ phiếu giao dịch : PDV
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- Vốn điều lệ trước khi chào bán : 430.873.310.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 43.087.331 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm : 23.008.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 230.086.350.000 (hai trăm ba mươi tỷ không trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng;
- Thời gian chào bán dự kiến : Trong năm 2024, sau khi hoàn thành thủ tục xin phép chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định
- Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán : 660.959.660.000 đồng.

- Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau đợt chào bán: 66.095.966 cổ phiếu.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua toàn bộ Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt theo chi tiết như đính kèm.

Trân trọng kính trình Đại hội./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trúc Lâm

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG ĐỂ TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình về việc: Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chứng để tặng vốn điều lệ Công ty từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

- Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số: 118/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, chào bán chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký Công ty đại chúng và hủy tư cách Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG ĐỂ TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
2. Mã cổ phiếu: PDV.
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Vốn điều lệ hiện hành: 430.873.310.000 đồng.
5. Số lượng cổ phiếu đã chào bán tại ngày lập phương án: 43.087.331 cổ phiếu,
Trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu phổ thông: 43.087.331 cổ phiếu.
 - + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 43.087.331 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm: 23.008.635 cổ phiếu.
8. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
9. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
10. Căn cứ xác định giá chào bán:
 - + Căn cứ giá trị sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2023 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 là 13.797 đồng/cổ phiếu;
 - + Giá đóng cửa của cổ phiếu PDV tại thời điểm 10/04/2024 là 11.800 đồng/cổ phiếu.

Để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thành công, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

11. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
12. Giá trị cổ phiếu chào bán thêm theo mệnh giá: 230.086.350.000 đồng.
13. Số tiền thu được dự kiến thu được từ đợt chào bán: 230.086.350.000 đồng .
14. Tỷ lệ số cổ phiếu chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 53,4%
15. Thời gian chào bán dự kiến: Trong năm 2024
16. Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến: 1.000:534 (Cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền được hưởng 01 quyền mua, cứ 1.000 quyền mua được quyền mua 534 cổ phiếu mới của đợt chào bán này), giao HĐQT chủ động điều chỉnh tỷ lệ thực hiện quyền đảm bảo số cổ phần thực tế chào bán không vượt quá số cổ phần dự kiến chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Phương án chào bán này.
17. Phương án xử lý Cổ phiếu lẻ phát sinh và Cổ phiếu còn dư do Cổ đông không thực hiện quyền (nếu có):
 - Thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
 - Đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bao gồm: cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng từ chối mua hoặc không nộp tiền mua hết cổ phiếu chào bán: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động giữ chức danh chủ chốt hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu nêu trên khi được chào bán tiếp theo quyết định của Hội đồng quản trị theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
18. Quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng.
19. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:
 - Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.
 - Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp kết thúc đợt chào bán mà tỷ lệ chào bán thấp hơn 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, để bổ sung nguồn vốn thực hiện dự án, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT cân nhắc thực hiện các giải pháp sau:
 - + Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;

+ Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, nguồn khấu hao lũy kế tính đến thời điểm thực hiện đầu tư và các nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng.

20. Hủy bỏ đợt chào bán: Đối với trường hợp không đảm bảo tỷ lệ chào bán tối thiểu là 70%, Công ty tiến hành các thủ tục trả lại tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư và hủy bỏ kết quả chào bán theo quy định của Pháp luật. ĐHĐCB Giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục hủy bỏ đợt chào bán và quyết định mức lãi suất phải trả cho nhà đầu tư đã tham gia nộp tiền mua cổ phần (nếu có).
21. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ủy quyền cho HĐQT xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và lên phương án cụ thể đảm bảo việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cũng sẽ không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận.
22. Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh Điều lệ hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ tiến hành thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu.
23. Đăng ký giao dịch và lưu ký cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công ra công chúng sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký lưu ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) sau khi hoàn tất việc chào bán.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để: bổ sung vốn hoặc bù đắp vốn đã sử dụng để đầu tư đội tàu theo kế hoạch đầu tư 2024 cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VND)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn để đầu tư mua thêm 01 “tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (PDV-HR-04/24)”	150.000.000.000	Từ Quý II năm 2024
2	Bổ sung vốn để đầu tư mua thêm 01 “tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (PDV-HR-02/22)”	80.086.350.000	Từ Quý II năm 2024
	Tổng cộng	230.086.350.000	

- Trường hợp thời gian chào bán kéo dài và thị trường mua bán tàu biển động (giá bán, tỷ giá...) ảnh hưởng đến chi phí dự kiến mua tàu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT sử dụng các nguồn vốn khác (vốn lưu động, dòng tiền nhân rồi, dòng tiền khác,...) để thực hiện việc mua tàu. Sau khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo UBCKNN, HĐQT được quyền sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bù đắp nguồn vốn đã sử dụng;
- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán sau khi sử dụng để đầu tư tàu còn dôi dư, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung vốn dôi dư đó cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

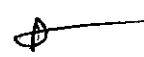
IV. THÔNG QUA VIỆC GIAO/ỦY QUYỀN HĐQT:

Ngoài các nội dung Giao/ủy quyền cụ thể tại từng phần trong phương án, ĐHĐCĐ Giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến đợt chào bán, cụ thể:

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai thực hiện đợt chào bán và chốt ngày thực hiện quyền;
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán chi tiết và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Phương án chào bán đã được duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh phương án chào bán này, lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu nhằm đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;
- Thực hiện việc xử lý Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu Cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua, cổ phiếu dôi dư: ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động giữ chức danh chủ chốt hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Thực hiện các thủ tục hủy bỏ đợt chào bán và quyết định mức lãi suất phải trả (nếu có) cho nhà đầu tư đã tham gia nộp tiền mua cổ phần trong trường hợp kết quả của đợt chào bán không đảm bảo tỷ lệ chào bán tối thiểu là 70%;
- Giao cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt chào bán;

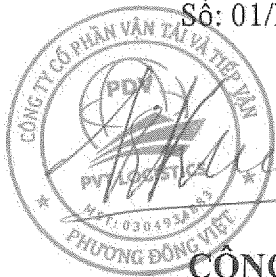
- Sửa đổi các điều liên quan đến Vốn điều lệ, Cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán Cổ phiếu theo đúng vốn điều lệ và số lượng cổ phiếu chào bán thực tế;
- Triển khai toàn bộ các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần chào bán thêm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Chủ động triển khai thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc chào bán cổ phiếu phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, lợi ích Công ty.





Số: 01/NQ - PĐV - ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024



NGHI QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Hồng Kiên

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số 01/BB - PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024 của Ban điều hành công ty (Phụ lục 01);
2. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 02);
3. Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động 2024 của Ban kiểm soát (Phụ lục 03);
4. Tờ trình phê duyệt kết quả SXKD năm 2023 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (Phụ lục 04);
5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ năm 2023 và phương án chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 (Phụ lục 05);
6. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư năm 2024 (Phụ lục 06);
7. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty (Phụ lục 07);

VP

8. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024 (Phụ lục 08);
9. Tờ trình về việc Phê duyệt kế hoạch SXKD 5 năm và tái cấu trúc giai đoạn 2021-2025 của Công ty (Phụ lục 09).
10. Tờ trình sửa đổi một số ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (Phụ lục 10);
11. Tờ trình về việc Báo cáo tình hình thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng; Điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter (Phụ lục 11);
12. Tờ trình về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng (Phụ lục 12);
13. Tờ trình về việc chuyển tiếp đăng ký giao dịch Cổ phiếu của Công ty trên Upcom sang niêm yết Cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đã thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 13);
14. Tờ trình thông qua việc chuyển tiếp dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) thuộc kế hoạch năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2023 (Phụ lục 14);
15. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 15);
16. Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-05/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-05/24) thuộc kế hoạch năm 2024 (Phụ lục 16);
17. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 đối với ông Hồ Sĩ Thuận do hết nhiệm kỳ;
 - Miễn nhiệm chức Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đối với ông Lê Trúc Lâm do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT độc lập.
 - Miễn nhiệm chức Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Trọng Quý do có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT.
 - Bầu ông Hồ Sĩ Thuận vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Lê Trúc Lâm vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029;
 - Bầu ông Hoàng Minh Tuấn giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2024-2029.



18. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát như sau:

- Miễn nhiệm chức Thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Võ Thị Thanh Tùng do có đơn xin từ nhiệm.
- Bầu bà Vũ Thị Phượng vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024-2029.

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị Quyết này trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVT Logistics
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- UBCKNN, SGDCK (để b/c)
- Lưu: HĐQT, TH (2b)

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trúc Lâm



**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 15

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024)

Tờ trình thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) thuộc kế hoạch năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt



CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) thuộc kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
 Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty;
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

Nhằm triển khai thực hiện thành công mục tiêu phát triển đội tàu và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và Quốc tế, giữ vững và phát triển thị phần thị trường vận tải, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT năm 2024 (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 25.000-75.000 DWT năm 2024 (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) với các nội dung như sau:

1. Thông qua dự án với các chỉ tiêu như sau:

1.1 Đối với Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT năm 2024 (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) chi tiết như phụ lục đính kèm với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1	Trọng tải tàu dầu/ hóa chất	DWT	19.000-25.000
2	Tổng mức đầu tư không vượt quá	USD	22.000.000
3	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV) không thấp hơn	USD	0
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án không thấp hơn	%	8,5%
5	Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung của chính phủ.		

1.2 Đối với Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 25.000-75.000 DWT năm 2024 (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) chi tiết như phụ lục đính kèm với các chỉ tiêu như sau:

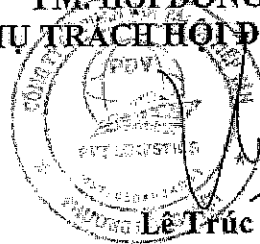
Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1	Trọng tải tàu hàng rời	DWT	25.000-75.000
2	Tổng mức đầu tư	USD	22.000.000
3	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV) không thấp hơn	USD	0
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án không thấp hơn	%	8,5%
5	Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển		

Tùy theo khả năng tài chính, thị trường mua bán và khai thác tàu, Công ty Phương Đông Việt sẽ lựa chọn trọng tải tàu đầu tư cho phù hợp.

- 2. Giao cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các quyền thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ trong việc phê duyệt, cập nhật Dự án mua tàu đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu trên, triển khai đầu tư, thu xếp vốn (từ tăng vốn, vốn tự có, vốn vay và /hoặc các nguồn vốn khả dụng khác) và các vấn đề khác liên quan đến việc đầu tư tàu.**

Trân trọng kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Trúc Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ (PV TRANS)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
(PVT LOGISTICS)



**DỰ ÁN MUA TÀU CHỞ HÀNG RỜI TRỌNG TẢI
KHOẢNG 25.000 - 75.000 DWT**

MÃ SỐ DỰ ÁN: PDV-HR-04/24

Tp. Hồ Chí Minh tháng 2/2024

I. NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

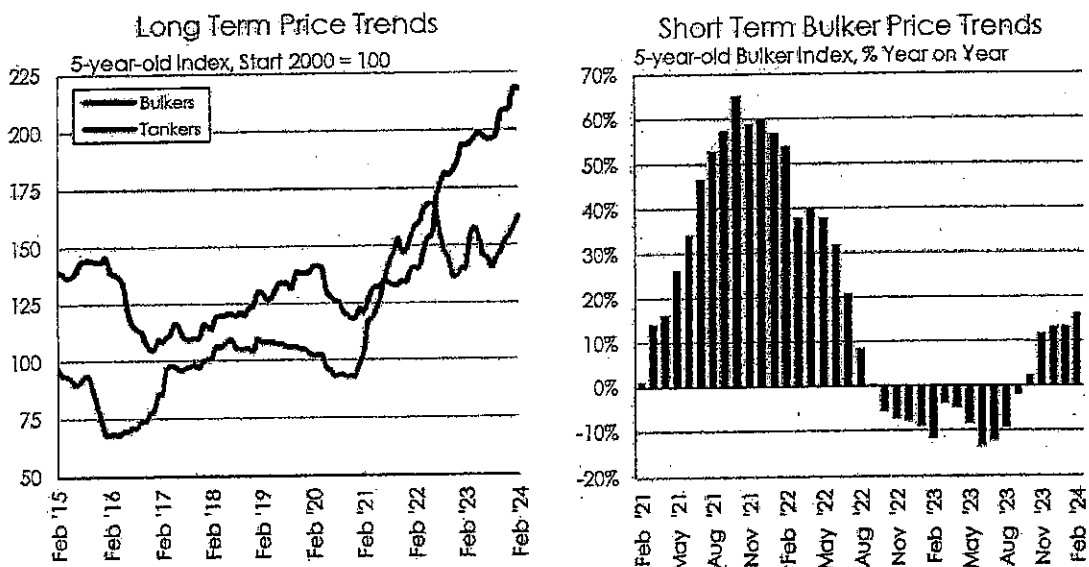
1.1. Đánh giá tình hình thị trường vận tải

Thị trường vận tải biển biến động liên tục và ghi nhận sự phân hóa mạnh giữa các phân khúc vận tải. Thị trường vận tải hàng lỏng gần đây đã điều chỉnh giảm nhưng vẫn duy trì xu hướng tích cực chủ yếu do nhu cầu vận chuyển tiếp tục tăng trưởng trong bối cảnh nguồn cung tàu giới hạn. Trong khi đó, phân khúc hàng rời tiếp tục đà suy giảm với giá cước thấp hơn nhiều so với đỉnh năm 2021 và nửa đầu năm 2022. Theo diễn biến giá cước, thị trường mua bán tàu chở hàng lỏng có xu hướng giảm trong khi tàu chở hàng rời biến động liên tục.

Thị trường vận tải hàng rời có dấu hiệu phục hồi từ đầu tháng 8/2023 nhưng giá cước ở các phân khúc vẫn thấp hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm 2022 do nhu cầu vận chuyển trì trệ dưới tác động kéo dài của cơn gió ngược tại các nền kinh tế lớn trong bối cảnh tình trạng tắc nghẽn cầu cảng suy giảm, kéo theo nguồn cung tàu dồi dào trên thị trường.

Bước sang Quý IV/2023, trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt, giá dầu thô dự báo tiếp tục gia tăng, có thể đạt mức 100 USD/thùng. Giá nhiên liệu (chiếm từ 40-42% chi phí vận hành) dự kiến vẫn còn biến động, phụ thuộc vào xu hướng giá dầu thô và tình hình kinh tế vĩ mô, gây khó khăn cho công tác điều hành, dự báo, cập nhật tình hình thị trường cho các hoạt động SXKD sắp tới. Năm 2023 tình hình vận tải biển vẫn đối mặt với khó khăn do suy thoái kinh tế, tác động của áp lực lạm phát, xung đột giữa Nga và Ukraine. Nổi bật trong năm 2023 là cuộc chiến tranh giữa Israel và phong trào hồi giáo Hamas, Palestin đồng thời xuất hiện lại khủng bố của phe nổi dậy tại khu vực Biển Đỏ đã bắn vào nhiều tàu biển hàng hải qua khu vực biển đỏ nhằm cảnh cáo Mỹ và các nước đồng minh. Để hành trình từ khu vực Châu Âu qua Châu Âu các hãng vận tải lớn bắt buộc phải chọn giải pháp đưa tàu đi vòng qua mũi hảo vọng xa hơn rất nhiều so với tuyến truyền thống qua kênh đào Suez. Do đó đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động thương mại cũng như sản lượng vận tải biển.

1.2. Thị trường mua bán tàu:



Nguồn: Clarksons 02/2024

Bulk carrier price	End Year, \$m			Three Month	
	2021	2022	2023	Feb	Trend
Capesize 182k dwt Resale	59.5	52.5	68.0	75.0	FIRMER... 11%
Capesize 182k dwt 5 yrs	47.0	43.0	52.25	59.0	FIRMER... 14%
Capesize 180k dwt 10 yrs	33.0	28.0	31.0	38.0	FIRMER... 18%
Capesize 180k dwt 15 yrs	21.0	18.5	20.5	25.0	FIRMER... 14%
Kamsarmax 82k dwt Resale	40.5	36.5	39.5	40.0	FIRM.... 5%
Kamsarmax 82k dwt 5 yrs	33.0	30.0	34.0	34.5	FIRM.... 6%
Kamsarmax 82k dwt 10 yrs	23.5	22.5	24.0	26.0	FIRMER... 12%
Kamsarmax 82k dwt 15 yrs	15.75	14.75	15.0	17.0	FIRM.... 6%
Ultramax 63.5k dwt Resale	37.0	35.5	37.0	39.5	FIRM.... 6%
Ultramax 63.5k dwt 5 yrs	30.0	28.0	30.5	33.0	FIRM.... 7%
Ultramax 61k dwt 10 yrs	21.0	18.0	19.5	25.25	FIRMER... 17%
Ultramax 61k dwt 15 yrs	15.75	14.75	13.75	15.25	FIRM.... 7%
Handysize 40k dwt Resale	30.0	27.5	33.0	34.0	FIRM.... 4%
Handysize 37k dwt 5 yrs	26.5	23.5	26.5	27.0	FIRM.... 5%
Handysize 37k dwt 10 yrs	17.0	16.0	17.0	19.0	FIRM.... 8%
Handysize 32k dwt 15 yrs	10.5	10.0	11.0	12.0	FIRMER... 10%
5-y-o Bulker Index	148	137	155	163	FIRM.... 7%
12 month Change	60%	-8%	13%	16%	

Nguồn: Clarksons tháng 2/2024

Theo thống kê của Clarksons Research trong giai đoạn 10 năm gần đây (2013 - 2022), giá mua bán tàu vận tải hàng rời loại Supramax 58.000 DWT, khoảng 10 tuổi có giá bình quân hàng năm dao động trong khoảng từ 8,0 - 21 triệu USD, giá tàu bình quân 10 năm là 13,83 triệu USD. Giá mua bán tàu khoảng 15 tuổi bình quân năm 2023 là 13,75 triệu USD, tương đương so với mức bình quân 10 năm gần đây và đã giảm khoảng 12,76% so với bình quân năm 2021 (15,75 triệu USD).

1.3. Thị trường thanh lý tàu:

Giá thanh lý tàu hàng rời theo thống kê của Clarksons tại thị trường Ấn Độ và Bangladesh bình quân 10 năm gần đây (2014 - 2023) là 422 USD/LDT tại thị trường Ấn Độ và 428 USD/LDT tại thị trường Bangladesh. Giá thanh lý đang giao dịch trong tháng 2/2024 ở mức 495 USD/LDT theo báo cáo của môi giới Clarkson. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng giá thanh lý áp dụng cho báo cáo này sẽ lấy mức giá thanh lý là 370 USD/LDT tương đương 87% mức bình quân giai đoạn 10 năm từ 2014 - 2023 là 425 USD/LDT.

Thống kê giá bán sắt vụn tàu hàng rời Handysize (USD/LDT)											
NĂM	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Bình quân
BANGLADESH	430	280	315	425	415	375	415	585	530	510	428
ẤN ĐỘ	420	282	290	430	420	365	405	565	530	510	422
B/Q 2 thị trường											425
Đơn giá tính trong FS											370

II. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công ty Phương Đông Việt đang lựa chọn size tàu hàng rời khoảng 25.000-75.000 DWT, trong đó lấy tàu hàng rời Ultramax khoảng 61.000 DWT làm cơ sở tính toán

2.1 Các thông số kỹ thuật cơ bản

Stt	Nội dung	Thông số
1.	Loại tàu (Type of vessel)	Bulk carrier
2.	Trọng tải tàu (Ship size)	25.000 - 75.000 DWT
3.	Tuổi tàu (Vessel age)	Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển
4.	Nơi đóng (Where built)	Japan/Korea
5.	Đăng kiểm (Class)	IACS

2.2 TMDT dự kiến như sau:

Đơn vị tính : USD

Stt	Nội dung	Tổng cộng
1	Giá mua tàu (đã bao gồm hệ thống xử lý nước Ballast; thuế, phí trước bạ ,... (nếu có)	21.800.000
2	Chi phí khảo sát, giám định tàu, giao nhận tàu và khác...	200.000
	Tổng mức đầu tư	22.000.000

2.3 Nguồn vốn chủ sở hữu:

Dự kiến tàu hàng rời sẽ được đầu tư trong năm 2024, với nguồn vốn đối ứng của dự án 6,74 triệu USD. Trên cơ sở cân đối dòng tiền và nguồn vốn dùng cho đầu tư của PVT Logistics thì dự kiến nguồn vốn chủ sở hữu của công ty vẫn có thể đáp ứng đủ nguồn vốn đối ứng cho dự án mua tàu hàng rời trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT.

Stt	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ TRỊ
1	Tổng mức đầu tư	USD	22.000.000
2	Vốn vay ngân hàng (đến khoảng 70 % giá mua tàu)	USD	15.260.000
3	Vốn chủ sở hữu (tăng vốn, vốn tự có) và/hoặc các nguồn vốn khả dụng khác: = (1) - (2)	USD	6.740.000

2.4 Nguồn vốn vay:

Với cơ cấu vốn đầu tư dự kiến sẽ vay ngân hàng tối đa 70% trên giá mua tàu, theo hình thức vay dài hạn với thời gian vay tối thiểu 7 năm.

III. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

3.1. Phương án khai thác:

Trên cơ sở nhu cầu vận tải hàng rời bằng phân khúc tàu Ultramax nội địa chưa nhiều, tàu Ultramax dự kiến đầu tư mới sẽ hướng tới thị trường khai thác quốc tế nơi có nhu cầu vận tải lớn và đa dạng hơn. Từ kinh nghiệm khai thác tàu vận chuyển hàng rời cùng loại của PVT Logistics và của Tổng công ty PVTrans/các đơn vị thành viên trong thời gian vừa qua, trên cơ sở phân tích thị trường nêu trên và đánh giá mô hình quản lý hiện nay của PVT Logistics thì các phương án khai thác tàu có thể thực hiện cho thuê định hạn trên thị trường quốc tế để đảm bảo tính ổn định của dự án, trong thời gian chưa tìm kiếm được hợp đồng cho thuê định hạn, có thể khai thác tàu theo hình thức Spot vẫn đảm bảo hiệu quả dự án.

3.2. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1	Tổng mức đầu tư	USD	22.000.000
2	Suất thu lợi nội tại (IRR min)	%	8,50%
3	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV)	USD	21.272
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án	%	8,52%

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá báo cáo nghiên cứu khả thi được trình bày ở
Trang 4

trên, Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT là dự án có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả kinh tế, khả năng trả nợ vay, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty PVT Logistics với các chỉ tiêu chính như sau:

- + Tổng mức đầu tư Dự án không vượt quá 22.000.000 USD;
- + Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung của chính phủ.
- + Hiệu quả kinh tế của Dự án: IRR không thấp hơn 8,5%; NPV>0;
- + Thời gian dự kiến triển khai đầu tư từ năm 2024 cho đến khi hoàn thành;
- + Nguồn vốn: từ tăng vốn, vốn tự có, vốn vay và/hoặc các nguồn vốn khả dụng khác.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông “Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT” (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) để xem xét và chấp thuận.

Trân trọng kính trình./.

CHỈ TIÊU

Hiện giữ đồng nghĩa lưu chuyển NPV
 Suất sinh lãi nội bộ của dự án IRR/ROE
 Thời gian hoàn vốn

CHỈ DẪU TỶ

600.788
 9,58%
 10 năm 9 th

A. Các chỉ tiêu tư

Yếu vey ~ 80% / GH 41TSCD
 Vốn đầu tư của CSXH
 6.740.000

B. TÍNH TOÁN

DOANH THU

TCE (USD/NĂM)
 Ngày khai thác

CHỈ PHÍ

TSCD thành lý (70 USD x 10.000 LĐT)

- 1. Chi phí hoạt động
- 2. Chi phí khấu hao
- 3. Chi phí lãi vay
- 4. CLTC, swap (USD/USD)
- 5. Chi phí quản lý phần bổ
- 6. Chi phí khác của Tên

23.000.000	5.411.990	5.089.000	4.755.625	4.464.010	4.755.625	3.232.613
15.199	15.331	15.191	15.331	13.588	13.446	13.520
337	358	335	350	352	350	355
5.206.884	5.158.090	4.859.208	4.407.665	4.158.068	4.158.068	3.700.000
1.780.318	1.784.538	1.792.503	1.802.428	1.808.618	1.818.638	1.983.118
2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
1.154.982	960.582	611.781	467.382	321.982	108.582	-
21.584	42.955	83.068	105.805	106.675	-	-
150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
(184.684)	253.730	229.792	702.675	600.282	305.972	6.249.404
	50.742	43.958	140.535	110.056	61.194	1.249.899
(184.684)	202.988	185.834	562.140	491.225	244.777	4.999.505
(2.350.318)	(1.585.295)	(2.957.522)	(2.826.475)	(2.771.253)	(2.085.076)	(3.253.817)
(1.839.318)	(1.585.295)	(1.983.522)	(2.085.475)	(2.019.253)	(2.085.076)	(3.253.817)
(69.000)	-	(690.500)	-	(702.000)	-	-
5.368.818	5.657.818	5.334.818	5.657.818	5.001.443	4.709.828	8.478.451
245.818	245.818	245.818	245.818	245.818	245.818	245.818
2.787.760	3.672.373	2.616.597	3.571.145	2.926.044	1.988.586	5.245.414
2.569.249	3.119.307	1.931.445	2.374.655	1.562.941	954.056	2.187.591
(19.430.700)	(16.311.453)	(13.468.109)	(11.531.650)	(9.565.470)	(4.359.454)	(2.116.319)

C. DOANH LỢI

Doanh thu sau (*)
 + Chi phí đầu tư ban đầu
 + Chi phí duy trì sản phẩm TMLN
 (đồng nghĩa: Bán hao + chi phí CLTC)
 + Chi phí dự án khác
 + Chi phí dự án sách vở khác
 Doanh thu vào (*)
 + Chi phí phần bổ docking
 + Chi phí phần bổ khác
 Doanh thu, lưu chuyển
 Doanh thu, lưu chuyển khác
 Thu nhập thuần túy kế thuật khác

(22.000.000)	(2.350.318)	(1.585.295)	(2.019.135)	(2.019.135)	(1.983.522)	(2.085.475)	(2.019.253)	(2.085.076)	(3.253.817)
(22.000.000)	(2.350.318)	(1.585.295)	(2.019.135)	(2.019.135)	(1.983.522)	(2.085.475)	(2.019.253)	(2.085.076)	(3.253.817)
(69.000)	-	(690.500)	-	(702.000)	-	(702.000)	-	-	-
5.368.818	5.657.818	5.334.818	5.657.818	5.001.443	4.709.828	5.001.443	5.001.443	5.001.443	8.478.451
245.818	245.818	245.818	245.818	245.818	245.818	245.818	245.818	245.818	245.818
2.787.760	3.672.373	2.616.597	3.571.145	2.926.044	1.988.586	2.926.044	2.926.044	2.926.044	5.245.414
2.569.249	3.119.307	1.931.445	2.374.655	1.562.941	954.056	1.562.941	1.562.941	1.562.941	2.187.591
(19.430.700)	(16.311.453)	(13.468.109)	(11.531.650)	(9.565.470)	(4.359.454)	(4.359.454)	(4.359.454)	(4.359.454)	(2.116.319)

D. CHỈ DẪU TỶ

Hiện giữ đồng nghĩa lưu chuyển NPV
 Suất sinh lãi nội bộ của dự án IRR
 Thời gian hoàn vốn

21.272	511.748	652.281	951.765	1.808.044	1.808.044	2.913.368	5.245.414
9,58%	444.678	510.655	620.912	1.521.175	954.056	1.299.079	2.187.591
10 năm 12 th	(6.809.716)	(6.299.081)	(5.775.417)	(5.303.111)	(3.779.938)	(2.825.881)	(1.536.302)

E. CÁN ĐỐI THỦ CHỈ

Khấu hao + LNST + Lãi vay
 Nghĩa vụ tài trợ khác
 Nghĩa vụ tài trợ khác

600.788	222.968	340.349	303.834	444.307	298.352	2.444.777	4.999.505
9,58%	3.383.550	3.328.531	3.015.616	2.907.289	2.584.934	2.444.777	4.999.505
10 năm 9 th	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)
(1.154.982)	(890.582)	(806.182)	(651.782)	(457.382)	(321.982)	(108.582)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
(PVT LOGISTICS)



DỰ ÁN MUA TÀU CHỞ DẦU/ HÓA CHẤT TRỌNG
TẢI KHOẢNG 19.000 - 25.000 DWT

MÃ SỐ DỰ ÁN: PDV-HC-04/24

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 02/2024

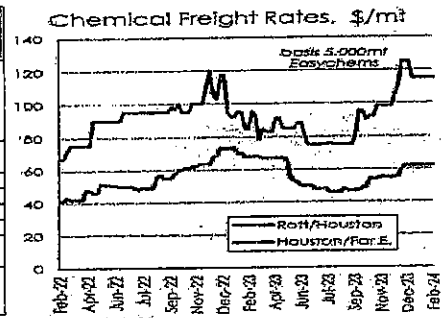
I. NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG :

1.1. Đánh giá tình hình thị trường vận tải dầu/hóa chất:

Thị trường vận tải dầu/hóa chất quốc tế được các chuyên gia hàng đầu như Clarkson Research, Maersk Broker, Fearnleys Brokers đánh giá ổn định, ít biến động hơn thị trường vận chuyển các loại hàng hóa khác. Nhu cầu và khối lượng vận chuyển đối với thị trường hóa chất và dầu sản phẩm đều được dự báo có sự tăng trưởng trong năm 2024. Nhiều dự báo nhận định sự mất cân bằng cung cầu trong thời gian tới sẽ là động lực để giúp giá cước tàu dầu/hóa chất giữ vững đà tăng ổn định.

Đối với thị trường cho thuê định hạn (T/C): Theo báo cáo đánh giá của một số nhà môi giới uy tín, tại thời điểm hiện nay mức giá cho thuê T/C của tàu khoảng 20.000 DWT loại hầm hàng stainless steel (SS) khoảng 19.250 USD/ngày, mức TC bình quân năm 2023 là 19.292 USD/ngày và bình quân năm 2022 là 15.385 USD/ngày. Nhìn chung giá cước tàu vận chuyển hóa chất luôn ở mức cao hơn so với vận chuyển xăng dầu và tương đối ổn định. Thống kê mức giá cho thuê T/C ở biểu đồ sau:

Commodity	Average		2023/2024		Chemical Rates		
	2022	2023	Dec	Jan	16 Feb	Rate	Market
Voyage Rates (\$/mt)							
10,000 MEG/WC India	45.67	49.71	49.00	50.25	52.00	FIRM	3%
15,000 MEG/Ulsan	70.02	65.44	62.00	65.00	68.00	FIRM	5%
15,000 MEG/Med*	123.63	105.08	85.00	112.00	127.00	FIRM	13%
15,000 MEG/Korea*	134.13	121.72	99.20	128.00	145.00	FIRM	13%
5,000 RoH/Houston	51.92	57.32	59.00	62.00	62.00	STEADY	0%
10,000 RoH/Houston	43.84	48.21	47.40	52.00	52.00	STEADY	0%
5,000 RoH/Ulsan*	93.75	100.88	101.00	114.25	135.00	FIRM	12%
5,000 Sing./RoH*	150.45	157.04	144.00	156.25	160.00	FIRM	15%
3,000 Sing./Houston	207.29	243.43	267.00	272.50	278.00	STEADY	2%
4,000 Ulsan/Houston	105.19	136.02	155.00	162.50	165.00	FIRM	3%
5,000 Houston/RoH	81.15	85.63	93.20	95.00	105.00	FIRM	11%
5,000 Houston/Ulsan	89.44	85.79	118.00	115.00	115.00	STEADY	0%
12-month TC, \$/day							
13,000 dwt IMO II	10,917	14,479	14,000	14,000	14,000	STEADY	0%
19,999 dwt S/2	15,385	19,292	19,250	16,500	19,250	FIRM	1%



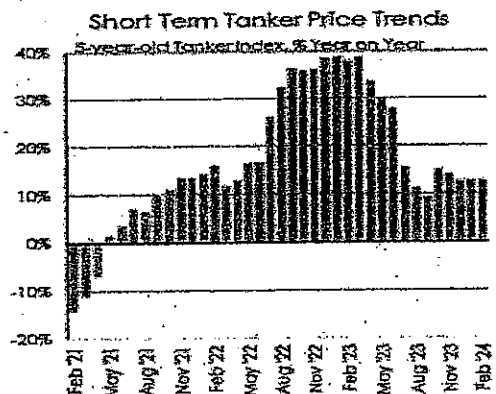
*Easychems except for: *Stainless Steel, *Bermeis. Freight rates back via CoGHamper: *19th Jan-24, *19th Jan-24, *2nd Feb-24.

Nguồn: Thống kê của môi giới Clarkson tháng 2/2024

1.2. Thị trường mua bán tàu:

Theo thống kê của Clarksons, thì giá bán tàu Chemical Tanker Stainless Steel 19.999 DWT 05 tuổi đã qua sử dụng là 23,16 triệu USD giai đoạn 2012-2019, không phải là tàu Eco Design. Cũng theo thống kê của Clarksons ở trên do nhu cầu thuê tàu hóa chất tăng cao giá TC năm 2023 tăng khoảng 48% so với năm 2021 nên giá bán tàu Chemical Tanker Stainless Steel 19.999 DWT (Eco Design) 05 tuổi tại thời điểm hiện nay 2/2024 là 35,5 triệu USD tăng 4,4% so với mức bình quân năm 2023 (34,0 triệu USD), và tăng 14,5% so với bình quân năm 2022 (31,0 triệu USD).

Ship Type	End Year, \$m			Price / dwt	
	2021	2022	2023	Feb	16 Feb
VLCC 310k dwt	98.0	125.0	130.0	139.0	FIRM... 9%
VLCC 310k dwt	70.0	95.0	105.0	109.0	FIRM... 10%
VLCC 310k dwt*	44.0	70.0	75.0	80.0	FIRM... 6%
VLCC 300k dwt	33.0	55.0	55.0	57.0	STEADY... 1%
Suezmax 140k dwt	69.0	85.0	95.0	99.0	FIRM... 3%
Suezmax 140k dwt	47.0	65.0	70.0	65.0	FIRM... 7%
Suezmax 158k dwt	31.0	48.0	60.0	68.0	FIRM... 6%
Affamax 115k dwt	54.0	75.0	82.0	85.0	STEADY... 2%
Affamax 115k dwt	41.0	60.0	70.5	72.0	FIRM... 5%
Affamax 115k dwt*	27.0	45.0	55.0	58.0	FIRM... 6%
LR1 75k dwt	43.0	57.5	63.0	63.0	STEADY... 0%
LR1 75k dwt	31.0	45.0	51.0	53.0	FIRM... 3%
LR1 75k dwt*	20.0	34.0	41.0	43.0	FIRM... 6%
MR 51k dwt	39.0	47.5	53.0	53.0	FIRM... 3%
MR 51k dwt	29.0	40.0	43.5	45.5	FIRM... 6%
MR 50k dwt	18.5	30.0	34.0	38.0	FIRM... 10%
MR 47k dwt	11.0	23.0	25.0	26.0	FIRM... 5%
Handy 37k dwt	25.0	34.0	38.5	40.5	FIRM... 7%
Handy 37k dwt	14.5	25.0	29.0	33.0	FIRM... 10%
19,999 dwt Chem S/2	28.75	31.0	34.0	35.5	FIRM... 3%
5-y Tanker Index	134	174	210	218	FIRM... 5%
12-month Change	13%	39%	13%	13%	



Nguồn: Thống kê của Clarkson tháng 2/2024

Còn theo thống kê của Maersk Broker trong tháng 01 năm 2024 giá tàu 20.000 DWT IMO II Stainless Steel 05 tuổi ở mức 34,0 triệu USD, 10 tuổi ở mức 26,1 triệu USD tăng 11,06% so với cuối năm 2023 (23,5 triệu USD) và 15 tuổi là 19.3 triệu USD tăng 4,3% so với cuối năm 2023 (18,5 triệu USD).

Rates & Prices

USD/day (rates), USD M. (price, monthly average)

	20k DWT IMO2 SS	16.5k DWT IMO 2 Ctd	13k DWT IMO 2 Ctd	8.5k DWT IMO 2 Ctd
1-year TC	20,375	18,750	15,000	14,500
3-year TC	19,375	16,500	13,375	13,500
Newbuilding	39.8	35.8	30.0	24.0
5-year-old	34.0	26.0	20.5	17.0
10-year-old	26.1	18.3	14.5	12.0
15-year-old	19.3	13.6	9.9	10.0

Nguồn: Thống kê của Maersk tháng 01/2024

1.3. Thị trường thanh lý tàu:

Theo số liệu thống kê và cập nhật về thị trường thanh lý tàu tankers (tàu tanker thông thường) giai đoạn 2014 - 2023 với mức giá bình quân ở thị trường Bangladesh là 429 USD/LDT và thị trường Ấn Độ là 426 USD/LDT. Giá thanh lý tại thị trường Bangladesh/Ấn Độ năm 2023 ở mức 500 USD/LDT (cập nhật bởi Clarksons 12/2023). Đối với tàu 20.000 DWT là tàu có hầm hàng Inox, giá bán sắt vụn thường cao hơn 20% so với mức bình quân 428 USD/LDT của tàu chở dầu/ hóa chất thông thường, tương đương 513 USD/LDT. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng giá thanh lý áp dụng cho báo cáo này sẽ lấy mức giá tương đương mức bình quân giai đoạn 10 năm từ 2014 - 2023 là 450 USD/LDT.

Oil/Chemical (USD/LDT)											
NAM	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Bình quân
BANGLADESH	455	295	295	435	425	390	415	560	520	500	429
ẤN ĐỘ	460	305	290	435	425	360	405	560	520	500	426
B/Q 2 thị trường											428
Đơn giá tạm tính trong FS (Tàu 20k hầm hàng Inox, giá thường cao hơn 120% so với tàu Dầu/ Hóa chất)											450

Nguồn: Clarksons tháng 12/2023

II. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ:

Công ty Phương Đông Việt đang lựa chọn size tàu chở dầu/ hoá chất khoảng 19.000- 25.000 DWT, trong đó lấy tàu khoảng 20.000 DWT làm cơ sở tính toán:

2.1. Các thông số kỹ thuật cơ bản:

Stt	Nội dung	Thông số
1.	Loại tàu (Type of vessel)	Oil/Chemical tanker
2.	Trọng tải tàu (Ship size)	Khoảng 19.000-25.000 DWT
3.	Tuổi tàu (Vessel age)	Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển
4.	Nơi đóng (Where built)	Nhật Bản/Hàn Quốc/EU
5.	Đăng kiểm (Class)	IACS

2.2. Tổng mức đầu tư:

Stt	NỘI DUNG	ĐVT	BIỂU NHỊ TIỀN
1	Giá mua tàu (đã bao gồm hệ thống xử lý nước Ballast; thuế, phí trước bạ,...(nếu có)	USD	21.800.000
2	Chi phí khảo sát, giám định tàu, giao nhận tàu và khác...	USD	200.000
-	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (đã bao gồm VAT nếu có)	USD	22.000.000

2.3. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Dự kiến tàu chở dầu/hóa chất sẽ được đầu tư trong năm 2024, với nguồn vốn đối ứng của dự án 6,74 triệu USD. Trên cơ sở cân đối dòng tiền và nguồn vốn dùng cho đầu tư của PVT Logistics thì dự kiến nguồn vốn chủ sở hữu của công ty vẫn có thể đáp ứng đủ nguồn vốn đối ứng cho dự án mua tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT.

Stt	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ TRỊ
1	Tổng mức đầu tư	USD	22.000.000
2	Vốn vay ngân hàng (đến khoảng 70 % giá mua tàu)	USD	15.260.000
3	Vốn chủ sở hữu (tăng vốn, vốn tự có) và/hoặc các nguồn vốn khả dụng khác: = (1) - (2)	USD	6.740.000

2.4. Nguồn vốn vay:

Dự án đầu tư tàu dự kiến vay ngân hàng tối đa 70% trên giá mua tàu, theo hình thức vay dài hạn với thời gian vay khoảng 7 năm.

III. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ HIỆU QUẢ DỰ ÁN:

3.1. Phương án khai thác

Từ kinh nghiệm khai thác tàu vận chuyển dầu/hóa chất cùng loại của PVT Logistics và của Tổng công ty PVTrans/các đơn vị thành viên trong thời gian vừa qua, trên cơ sở phân tích thị trường nêu trên và đánh giá mô hình quản lý hiện nay của PVT Logistics thì các phương án khai thác tàu có thể thực hiện như sau:

Cho thuê định hạn trên thị trường quốc tế để đảm bảo tính ổn định của dự án. Trong thời gian chưa tìm kiếm được hợp đồng cho thuê định hạn, có thể khai thác tàu theo hình thức Spot trên các tuyến từ Vùng Vịnh đi Ấn Độ/Trung Quốc/Đông Nam Á và chở dầu sản phẩm/dầu cò từ Đông Nam Á về lại Ấn Độ/ Maldives/ Trung Đông hoặc vận chuyển dầu sản phẩm kết hợp hóa chất trong khu vực Trung Đông hoặc từ Trung Đông đi Biển Đỏ/Đông Phi hoặc về chạy cho các NMLD/NMLHD trong nước.

3.2. Hiệu quả kinh tế của dự án:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng mức đầu tư	USD	22.000.000
2	Suất thu lợi nội tại (IRR min)	%	8,50%
3	Hiện giá đồng ngân lưu thuần (NPV)	USD	26.664
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án	%	8,53%

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá báo cáo nghiên cứu khả thi được trình bày ở trên, Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT là dự án có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả kinh tế, khả năng trả nợ vay, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty PVT Logistics với các chỉ tiêu chính như sau:

- + Tổng mức đầu tư Dự án không vượt quá 22.000.000 USD;
- + Tuổi tàu phù hợp với qui định tại Nghị Định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số: 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung của chính phủ;
- + Hiệu quả kinh tế của Dự án: IRR không thấp hơn 8,5%; NPV>0
- + Thời gian dự kiến triển khai đầu tư từ năm 2024 cho đến khi hoàn thành;
- + Nguồn vốn: từ tăng vốn, vốn tự có, vốn vay và/hoặc các nguồn vốn khả dụng khác.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông "Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT" (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) để xem xét và chấp thuận.

Trân trọng kính trình./.



CHỈ TIÊU
 Hạn gửi đồng nghĩa lưu khoản NPY
 Số dư sách Kế toán Bộ chỉ thị An IRR/ROE
 Thời gian hoàn vốn

DỰ ÁN
 26.664
 9,83%
 9 năm 12 th

CHỮ ĐẦU TƯ
 906.181
 9,89%
 9 năm 8 th

A. Các trị nền tư
 22.000.000
 15.350.000
 6.740.000

B. TÍNH TOÁN
DOANH THU
 TCR (ước tính)
 Ngày khai thác
 TSCĐ thanh lý (450 USD x 5.200 LDM)

CHI PHÍ
 1. Chi phí hoạt động
 2. Chi phí đầu tư
 3. Chi phí lãi vay
 4. CLTC, swap (ước tính)
 5. Chi phí quản lý phân bổ
 6. Chi phí khác của Tàu

C. ĐÓNG TIỀN
 Lãi/lỗ trước thuế
 Thuế TNDN: 20%
 Lãi/lỗ sau thuế
 8,50%

D. CHỮ ĐẦU TƯ
 Thu nhập thuần của chủ đầu tư
 Thu nhập thuần của chủ đầu tư
 Thu nhập thuần của chủ đầu tư
 Hạn gửi đồng nghĩa lưu khoản NPY
 Số dư sách Kế toán Bộ chỉ thị An IRR
 Thời gian hoàn vốn

E. CÁN ĐỐI TRỊ CHỈ
 Khoản hao + LNST & Lãi vay
 Nghĩa vụ tài trợ lãi vay
 Nghĩa vụ tài trợ lãi vay

5.805.063	6.281.206	5.370.813	4.395.073	4.755.025	4.395.073	6.798.275
17.594	17.737	15.659	13.442	13.588	13.442	13.510
330	353	330	317	350	337	330
5.333.316	5.184.540	4.885.095	4.785.031	4.424.228	4.131.905	2.940.000
1.806.550	1.811.004	1.815.037	1.825.818	1.828.971	1.831.905	1.837.875
2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
1.154.982	980.582	806.182	611.782	282.982	108.582	-
21.584	42.925	64.113	85.053	103.805	126.341	-
150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
473.746	1.076.066	1.225.974	286.117	840.051	(389.468)	2.610.401
94.549	215.333	245.175	37.023	108.210	64.279	572.080
378.197	861.333	980.800	249.094	731.841	453.746	2.038.320
(21.000.000)	(2.179.357)	(2.210.212)	(2.658.374)	(2.141.654)	(2.043.250)	(2.509.955)
(22.000.000)	(2.061.299)	(2.176.337)	(2.015.874)	(2.141.654)	(2.088.649)	(2.509.955)
(550.000)	-	-	(589.500)	-	(681.500)	-
6.076.463	6.531.006	6.531.006	5.441.213	5.852.081	4.666.073	7.068.675
270.400	270.400	270.400	270.400	270.400	270.400	270.400
3.375.163	4.355.270	4.311.394	2.745.839	3.710.437	2.887.755	1.937.244
(22.000.000)	3.110.806	3.383.583	1.981.114	2.497.272	1.684.782	1.929.400
(22.000.000)	(18.386.334)	(15.188.526)	(9.825.829)	(7.358.537)	(6.128.112)	(4.443.380)
26.664	-	-	(589.500)	-	(681.500)	-
8.2398	-	-	-	-	-	9,99
9,50%	-	-	-	-	-	-
(6.740.000)	40.181	1.104.638	1.335.213	(85.949)	1.073.045	1.937.244
(6.740.000)	37.032	1.014.779	1.045.265	(47.578)	(278.964)	1.524.080
(6.740.000)	(6.740.000)	(5.688.188)	(4.641.524)	(3.974.973)	(3.263.854)	(2.015.715)
606.181	328.197	881.333	1.000.000	696.840	277.118	9,70
9,89%	3.731.170	4.041.615	3.986.881	3.650.876	3.384.722	2.968.844
9 năm 8 th	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)	(2.180.000)
7 năm	(1.154.982)	(806.182)	(611.782)	(457.982)	(282.982)	(108.582)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ - PDV- ĐHĐCĐ



Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2023



NGHI QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

PHÓ GIÁM ĐỐC

Giám Hồng Hiên

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt số 01/BB - PDV-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 của công ty (Phụ lục 01);
2. Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 02);
3. Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động 2023 của BKS (Phụ lục 03);
4. Kết quả SXKD năm 2022 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (Phụ lục 04);
5. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ năm 2022 và phương án chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 (Phụ lục 05);
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư năm 2023 (Phụ lục 06);
7. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty (Phụ lục 07);
8. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023 (Phụ lục 08);

Handwritten mark

9. Báo cáo và đề xuất tiếp tục thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ - PDV- ĐHĐCĐ ngày 28/03/2022 (Phụ lục 09).
10. Báo cáo và đề xuất tiếp tục hoàn tất điều kiện để chuyển sàn giao dịch Cổ phiếu công ty sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2022 (Phụ lục 10);
11. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để phù hợp với một số điểm của Luật số 03/2022/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2022 (Phụ lục 11);
12. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh (khi thành lập trung tâm thuyền viên) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty (Phụ lục 12);
13. Báo cáo và đề xuất thực hiện chuyển tiếp đầu tư tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV- ĐHĐCĐ, ngày 28/03/2022 (Phụ lục 13);
14. Dự án đầu tư tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT thuộc kế hoạch năm 2023 (Phụ lục 14).
15. Việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Hoài Phương do hết nhiệm kỳ;
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Thế Anh do có đơn từ nhiệm;
 - Bầu ông Nguyễn Hoài Phương giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027;
 - Bầu ông Lê Trúc Lâm giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2023-2028;

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Điều 3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị Quyết này trên cơ sở tuân thủ qui định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVT Logistics
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- UBCKNN, SGDCK (đề b/c)
- Lưu: HĐQT, TTHH (2b).



Nguyễn Trọng Quý
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHỤ LỤC 06

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt số: 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023)

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v: thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
và danh mục đầu tư năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận Tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

Căn cứ vào diễn biến thực tế, các phân tích, đánh giá xu hướng thị trường vận tải trong năm 2023, dựa vào các nguồn lực thực tế của đơn vị, công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt triển khai xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2023 như sau:

1. Về Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.050.0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	55.0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	44.0
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	12.5

2. Về kế hoạch đầu tư năm 2023:

- Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT được phê duyệt thực hiện trong năm 2022 (tổng mức đầu tư khoảng 19 triệu USD);
- Đầu tư 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT (dự án chuyển tiếp);
- Đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (dự án đầu tư mới, tổng mức đầu tư khoảng 22 triệu USD).

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 nêu trên, trong trường hợp có thay đổi, ĐHĐCĐ giao cho Hội đồng Quản trị phê duyệt điều chỉnh, cập nhật kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2023 cho phù hợp với thực tế trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và báo cáo ĐHĐCĐ tại lần họp kế tiếp.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Quý

PHỤ LỤC 06

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch
đầu tư năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt.

Căn cứ vào phân tích, đánh giá xu hướng thị trường vận tải trong năm 2022, dựa vào các nguồn lực thực tế của đơn vị, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt triển khai xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022 như sau:



1. Về Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	900,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,0
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7,9

2. Về kế hoạch đầu tư năm 2022:

- Đầu tư 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT thay thế tàu PV Oil Jupiter đã bán giúp trẻ hóa đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đầu tư 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 10.000-25.000 DWT.
- Đầu tư 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax khoảng 25.000-75.000 DWT.

HDQT kính trình DIHDCD phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 nêu trên, trong trường hợp có thay đổi, DIHDCD ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt điều chỉnh, cập nhật kế hoạch năm 2022 cho phù hợp với thực tế trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và báo cáo DIHDCD tại lần họp kế tiếp.

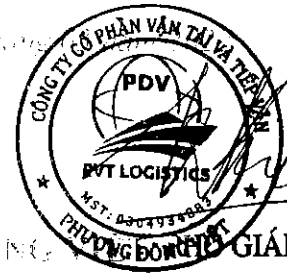
SS: L/NG-PDV-DH/

SỐ Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

11/12/2022 ngày 28 tháng 12 năm 2022

NGHIÊN QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÀO PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**



GIÁM ĐỐC
Trần Hồng Hải

- Căn cứ Văn Doanh nghiệp số 59/2010/QĐ14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 38/2010/QĐ14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định 155/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2010/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng vào Công ty đã đăng tại Nghị định số 15/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Đào Phương Đông Việt;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Căn cứ vào Biên bản Hội Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Đào Phương Đông Việt số 01/BB-PDV-DHDCĐ ngày 28/03/2022.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1. Thành lập ban kiểm soát**
1. Thông qua Ban kiểm soát kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát năm 2022 (BKS 2022).
 2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát (BKS 2022).
 3. Thông qua Báo cáo tình hình tài chính năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát (BKS 2022).
 4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát (BKS 2022).
 5. Thông qua Báo cáo tình hình quản trị nhân sự năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Đào Phương Đông Việt.
 6. Thông qua Báo cáo tình hình kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Đào Phương Đông Việt và kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Đào Phương Đông Việt.
 7. Thông qua Báo cáo tình hình kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Đào Phương Đông Việt.

8. Thông qua Tờ trình về báo cáo quyết toán thu lao năm 2021 và kế hoạch thu lao năm 2022 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (Phụ lục 08).

9. Thông qua Tờ trình về phương án thực hiện tăng vốn điều lệ 200 tỷ năm 2022 từ phát hành cổ phiếu ưu đãi Công ty (Phụ lục 09).

10. Thông qua Tờ trình chuyển đăng lý giao dịch cổ phiếu của Công ty từ Sàn IPO của sang niêm yết Cổ phiếu mã BVL trên thị trường chứng khoán (Tập 1 CM, HOSE) (Phụ lục 10).

11. Thông qua Tờ trình về việc chấp thuận các trường hợp miễn thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế trong năm 2021, tổng số 19.000.000 VNĐ (Phụ lục 11).

12. Thông qua Tờ trình về việc miễn thuế thu nhập cá nhân của thành viên Ban nhiệm vụ Cổ phiếu ưu đãi Công ty.

13. Xét qua Báo cáo công tác xã hội, môi trường và các nhân sự 2021-2022, phê duyệt

14. Thông qua Báo cáo đầu tư và Ngân sách Quốc gia Bà Rịa Vũng Tàu Thành Thành

15. Thông qua Báo cáo công tác xã hội, môi trường Công ty (Phụ lục 13).

16. Thông qua Báo cáo về việc chấp thuận công tác Thuế và Kế toán (Phụ lục 14).

17. Thông qua Báo cáo công tác xã hội, môi trường và các nhân sự của Công ty và đơn vị chi nhánh Công ty Cổ phần Máy móc Dầu Khí Công Nghiệp và các nhiệm vụ khác được Ủy ban Nhân sự Công ty phê duyệt.

Công ty và đơn vị chi nhánh đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về thuế, kế toán và các quy định pháp luật khác của Việt Nam, đồng thời chấp hành các quy định pháp luật khác của Việt Nam, đồng thời chấp hành các quy định pháp luật khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

Hà Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

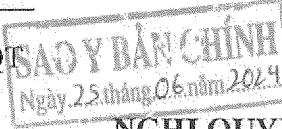
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/NQ - HĐQT



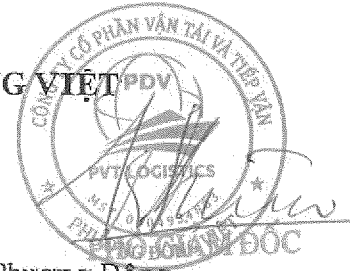
Tp.HCM, ngày 23 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 – 35.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Căn cứ quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Căn cứ Quy chế phối hợp giữa HĐQT và Ban Điều hành Công ty;
- Căn cứ Kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty CP Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt đối với tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT;
- Xét Tờ trình số 08/TTr-GĐ ngày 08/04/2024 của Giám đốc Công ty về việc “Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch mua tàu Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 – 35.000 DWT” (Mã số dự án: PDV-HR-02/22);
- Căn cứ biên bản tổng hợp ý kiến số: 08/BB-HĐQT ngày 23/04/2024 của các thành viên Hội đồng Quản trị.



Trần Hồng Kiên

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 – 35.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) theo tờ trình số: 08/TTr-GĐ ngày 08/04/2024 của Giám đốc Công ty với các nội dung chính như sau:

1. Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản:

- Loại tàu: Tàu chở hàng rời, hàng bách hoá.
- Trọng tải tàu: khoảng 25.000 - 35.000 DWT.
- Tuổi tàu: Không quá 15 tuổi và được xác định từ ngày đóng tàu ghi trong hồ sơ đăng kiểm (date of delivery/date of build) đến ngày dự kiến giao tàu (delivery time).
- Nơi đóng: Tàu được đặt đóng tại Nhật Bản/ Hàn Quốc.

2. Đăng ký cờ tàu: Sau khi đầu tư tàu sẽ tập trung khai thác tuyến quốc tế, dự kiến treo cờ nước ngoài và không treo cờ Việt Nam nên dự kiến sẽ không phát sinh thủ tục nhập khẩu, không phát sinh các khoản thuế Nhập khẩu và thuế VAT;

3. Tổng mức đầu tư dự án (đã bao gồm các loại thuế, phí liên quan) không vượt quá 12.000.000 USD;

4. Hiệu quả kinh tế của dự án:

- Đối với tàu trọng tải từ 25.000 đến 29.000 DWT, chỉ số hiệu quả của dự án không thấp hơn mức: IRR = 8,61%; NPV = 55.652 USD và chỉ số hiệu quả của chủ đầu tư không thấp hơn mức ROE = 9,74%; NPV = 373.393 USD.
- Đối với tàu trọng tải từ 29.001 đến 35.000 DWT, chỉ số hiệu quả của dự án không thấp hơn mức: IRR = 8,55%; NPV = 21.049 USD và chỉ số hiệu quả của chủ đầu tư không thấp hơn mức ROE = 9,76%; NPV = 338.789 USD.

5. Nguồn vốn: Vốn vay: Không quá 70% giá mua tàu; còn lại sử dụng vốn Chủ sở hữu và/hoặc các nguồn vốn khác;

6. Thời gian triển khai: Dự kiến trong năm 2024 cho đến khi hoàn thành.

Điều 2. Giao cho Giám đốc công ty chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện công tác đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế không thấp hơn các chỉ tiêu đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, đồng thời tuân thủ các qui định liên quan của pháp luật và các quy chế, quy định hiện hành của công ty.

Điều 3. Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

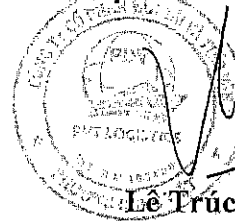
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TH (2b) ✓

Đính kèm:

- Báo cáo NCKT dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 – 35.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Trúc Lâm



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ (PV TRANS)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
(PVT LOGISTICS)



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU HÀNG RỜI
HANDYSIZE TRỌNG TẢI KHOẢNG 25.000 -
35.000 DWT

MÃ SỐ DỰ ÁN: PDV-HR-02/22

Tp. Hồ Chí Minh tháng 3/2024

I. NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

1.1. Tổng quan và dự báo thị trường vận tải hàng rời thế giới

Trong giai đoạn từ 2010 đến 2020 thị trường vận tải hàng rời tiếp tục có sự biến động với biên độ lớn, đặc biệt là với loại tàu tải trọng lớn do bị tác động bởi một số yếu tố như tình hình kinh tế thế giới bất ổn, chiến tranh thương mại Mỹ Trung, đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu hàng rời, chuỗi cung ứng của một số nước và khu vực thay đổi, yếu tố mùa vụ, nguồn cung đội tàu thế giới, nhu cầu vận chuyển vv... cộng với ảnh hưởng ban đầu của dịch bệnh Covid đã đẩy thị trường tàu hàng rời đi vào khủng hoảng, giá cước thậm chí ở mức thấp nhất kể từ 30 năm trở lại đây.

Từ cuối năm 2020 cho tới quý 3 năm 2022, khi đại dịch Covid có chiều hướng giảm, một số nước như Trung Quốc, Mỹ đã tích cực kích cầu nền kinh tế bằng các gói đầu tư hạ tầng làm nhu cầu xi măng, sắt thép, quặng kim loại, than đá...; căng thẳng chính trị giữa Trung Quốc và Úc dẫn đến thay đổi tuyến vận chuyển truyền thống làm tăng mạnh sản lượng vận chuyển tấn - dặm do hàng hóa phải vận chuyển xa hơn làm cho nhu cầu vận tải hàng rời tăng mạnh trong khi lượng tàu đóng mới bàn giao lại tăng không đáng kể, cộng hưởng với tình trạng kẹt cầu, thiếu hoa tiêu dẫn tàu tại các cảng biển Trung Quốc càng làm cho nguồn cung tàu thiếu hụt đã gây mất cân bằng cung cầu tàu nghiêm trọng. Thị trường cho thuê tàu hàng rời liên tục tăng cao với giá cho thuê định hạn (TC) tàu hàng rời và cước vận chuyển spot leo thang ở mức kỷ lục.

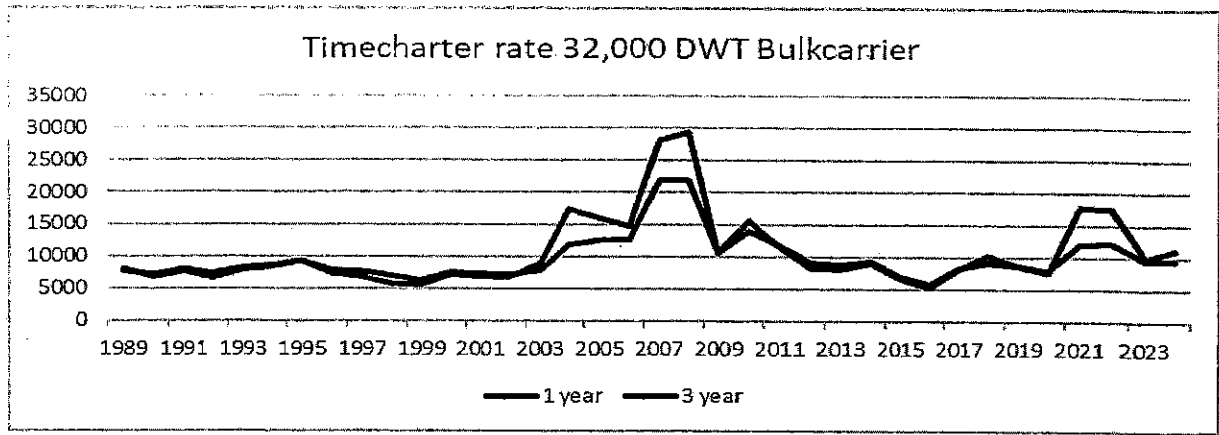
Chỉ số thuê tàu hàng rời BDI (Baltic Dry Index) bình quân năm 2021 đạt 2.943,38 điểm, tương đương 218% so với mức bình quân của năm 2019 và 276% của năm 2020, tương đương 234% so với chỉ số BDI bình quân của giai đoạn 2010 - 2020. Sự phục hồi của thị trường đã lan tỏa trên tất cả các phân khúc tàu hàng rời từ Handysize đến Capesize, kéo theo đó giá cước vận tải trên thị trường Spot và giá cước cho thuê định hạn các kỳ hạn gia tăng mạnh và duy trì ở mức cao, hầu hết các Chủ tàu hàng rời đạt được hiệu quả kinh doanh cao trong năm 2021. Bước sang năm 2022 thị trường có sự tương phản: từ đầu năm cho đến tháng 8/2022, thị trường tiếp tục duy trì ở mức cao theo xu hướng của năm 2021, trong khi từ tháng 9/2022 thị trường suy giảm mạnh do các nước lớn trên thế giới như Mỹ, Châu Âu... lạm phát tăng cao dẫn đến các quốc gia phải dừng việc kích cầu, tăng lãi suất dẫn đến nhu cầu hàng hóa giảm, cộng với đó là chính sách Zero Covid của Trung Quốc làm cho nhu cầu vận tải hàng rời giảm kéo theo cước thuê tàu, giá tàu giảm theo. Tuy vậy thị trường tàu hàng rời bình quân trong năm 2022 vẫn đạt ở mức tương đối cao so với giai đoạn 2010-2020. Theo số liệu cập nhật, thống kê của các công ty nghiên cứu thị trường, các công ty môi giới thì thị trường nhu cầu hàng năm 2024 và 2025 có xu hướng giảm hơn so với lượng cung tàu trong các năm 2024, 2025 và được dự báo ở trạng thái cân bằng hơn so với giai đoạn 2019 - 2020, đây sẽ là yếu tố hỗ trợ, duy trì sự ổn định của thị trường cước vận tải trong giai đoạn sắp tới.

Bulkcarrier Supply-Demand	% growth			Growth Trend		
	2021	2022	2023e	'24 (f)	'25 (f)	'23 vs '22
Trade, tonne-miles	3.5%	-1.1%	4.8%	2.1%	1.3%	UP....
Fleet Capacity, dwt	3.6%	2.0%	3.1%	2.7%	1.7%	UP....

Nguồn Clarkson DBTO tháng 02/2024

1.2. Thị trường cước vận tải tàu hàng rời:

Theo thống kê của môi giới Clarksons giá cước cho thuê TC kỳ hạn 01 năm đối với phân khúc tàu Handysize 32.000 DWT bình quân 17 năm giai đoạn 2007-2023 là 12.570 USD/ngày; TC bình quân năm 2023 là 9.885 USD/ngày, dự báo giá TC 01 năm là 11.750 usd/ngày (cập nhật tháng 03/2024 theo dự báo của Clarksons).



Biểu đồ Timecharter rate phân khúc tàu Handysize 32.000 DWT giai đoạn 1989 - 2023

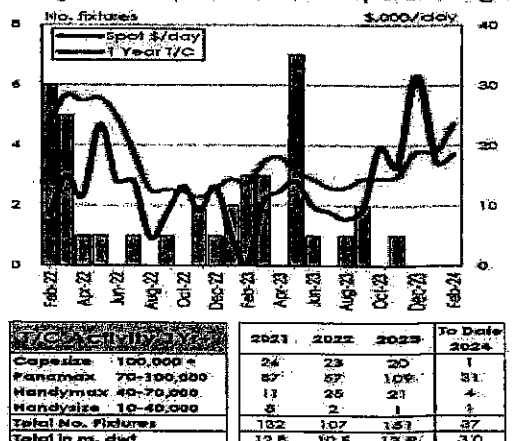
Thống kê giá cước cho thuê định hạn kỳ hạn phân khúc tàu 32.000 DWT 17 năm giai đoạn 2007-2024:

Year	1 Year Timecharter Rate 32.000 DWT (US\$/day)
2007	28.120
2008	29.486
2009	10.678
2010	15.662
2011	11.587
2012	8.234
2013	8.106
2014	9.012
2015	6.692
2016	5.264
2017	8.087
2018	10.207
2019	8.886
2020	8.285
2021	17.835
2022	17.659
2023	9.885
Giá thuê bình quân 17 năm	12.570
Tháng 3/2024	11.750

Bulkcarrier Timecharter Market

Timecharter C/C (T/C/C Dealings)	Average Rate \$/day				To Date	Mar
	2021	2022	2023	2024		
One Year Timecharter						
Capesize (Sec)	180,000 dwt	26,797	21,058	16,764	24,425	81,500
Capesize (Scrubber)	180,000 dwt	27,358	22,558	18,236	25,926	33,000
Capesize	180,000 dwt	24,297	19,558	15,264	22,925	30,000
Kamsarmax	82,000 dwt	23,306	21,628	14,674	16,295	18,500
Panamax	75,000 dwt	21,046	19,677	13,305	14,890	16,480
Ultramax	44,000 dwt	22,167	22,437	14,411	16,250	17,250
Supramax	58,000 dwt	20,458	19,899	12,826	14,175	18,000
Handysize	38,000 dwt	20,156	20,397	11,981	13,288	14,000
Handysize	32,000 dwt	17,835	17,659	9,885	13,075	11,750
Three Year Timecharter						
Capesize	180,000 dwt	20,137	18,250	15,648	20,425	24,000
Kamsarmax	82,000 dwt	16,737	16,407	13,490	13,805	14,800
Panamax	75,000 dwt	15,067	15,157	12,392	12,445	13,100
Ultramax	44,000 dwt	16,839	17,197	14,202	14,866	15,000
Supramax	58,000 dwt	14,568	15,014	12,029	12,600	12,750
Handysize	38,000 dwt	14,352	14,678	12,287	13,300	13,500
Handysize	32,000 dwt	11,975	12,216	9,471	9,500	9,500
Five Year Timecharter						
Capesize	180,000 dwt	17,939	17,500	15,793	19,475	22,000
Kamsarmax	82,000 dwt	15,160	15,623	12,997	12,895	13,500
Panamax	75,000 dwt	13,654	14,123	12,049	11,845	12,550
Ultramax	44,000 dwt	12,542	14,139	14,346	14,750	14,750
Supramax	58,000 dwt	10,479	11,149	12,169	12,100	12,250
Handysize	38,000 dwt	11,215	12,918	13,317	13,500	13,500

Long-Term Capesize T/C Activity & Earnings



Thống kê giá cước cho thuê định hạn kỳ hạn 1 năm và 3 năm phân khúc tàu 32.000DWT tháng 03/2024 (Nguồn môi giới Clarkson)

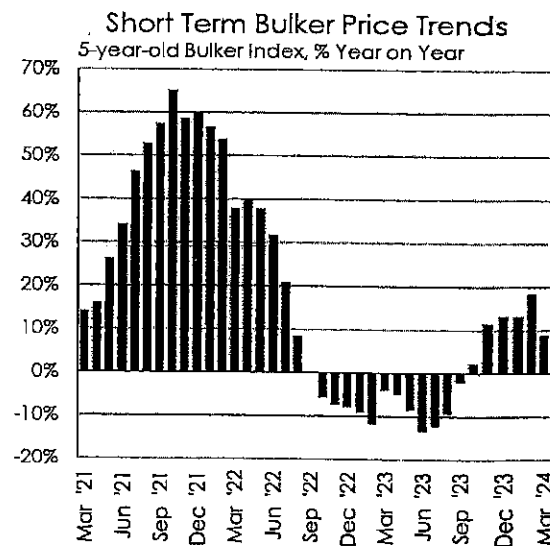
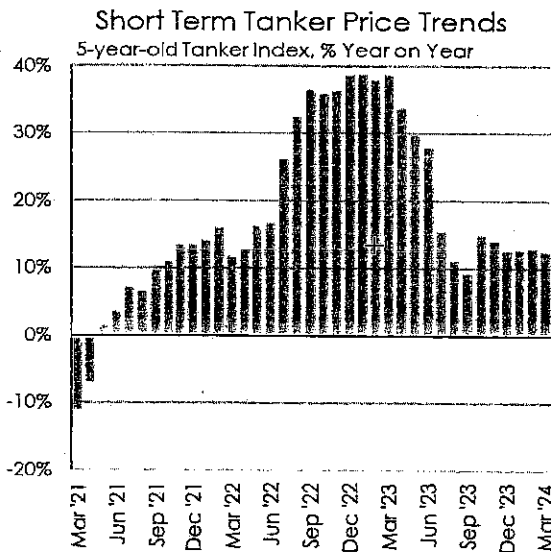
1.3. Thị trường mua bán tàu và lựa chọn phân khúc tàu hàng rời:

Từ cuối năm 2020 đến tháng 8/2022, giá cước vận chuyển hàng rời tăng đột biến đã đẩy giá tàu hàng rời tăng mạnh, cụ thể theo báo cáo của môi giới Clarkson giá tàu 28.000-32.000 DWT 10-15 tuổi trong năm 2021 khoảng 10,5-17,0 triệu USD, đến tháng 6/2022 khoảng 13,75- 19,5 triệu USD. Do thị trường cước tàu giảm từ tháng 9/2022 nên giá tàu Handysize đã giảm so với thời điểm đầu năm 2022, cụ thể giá tàu Handysize 32.000 DWT 15 tuổi giao dịch theo báo cáo trong tháng 03/2024 khoảng 12,5 triệu USD giảm khoảng 9% so với tháng 6/2022 (13,75 triệu USD).

Bulkcarrier Prices	End Year, \$m			Three Month		
	2021	2022	2023	Mar	Trend	
Capesize 182k dwt* Resale	59.5	52.5	68.0	76.0	FIRMER...	13%
Capesize 182k dwt* 5 yrs	47.0	43.0	52.25	62.0	FIRMER...	18%
Capesize 180k dwt 10 yrs	33.0	28.0	31.0	43.0	FIRMER...	33%
Capesize 180k dwt 15 yrs	21.0	18.5	20.5	28.5	FIRMER...	27%
Kamsarmax 82k dwt Resale	40.5	36.5	39.5	43.0	FIRM...	7%
Kamsarmax 82k dwt 5 yrs	33.0	30.0	34.0	37.0	FIRMER...	8%
Kamsarmax 82k dwt 10 yrs	23.5	22.5	24.0	28.0	FIRMER...	15%
Kamsarmax 82k dwt 15 yrs	16.75	14.75	15.0	18.0	FIRMER...	13%
Ultramax 63.5k dwt# Resale	37.0	35.5	37.0	41.5	FIRMER...	9%
Ultramax 63.5k dwt# 5 yrs	30.0	28.0	30.5	34.0	FIRMER...	10%
Ultramax 61k dwt 10 yrs	21.0	18.0	19.5	27.0	FIRMER...	33%
Supramax 56k dwt 15 yrs	15.75	14.75	13.75	15.75	FIRMER...	12%
Handysize 40k dwt Resale	30.0	27.5	33.0	34.0	FIRM...	4%
Handysize 37k dwt 5 yrs	25.5	23.5	26.5	27.0	FIRM...	3%
Handysize 37k dwt 10 yrs	17.0	16.0	17.0	20.0	FIRMER...	12%
Handysize 32k dwt 15 yrs	10.5	10.0	11.0	12.5	FIRMER...	11%
5-y-o Bulker Index	148	137	155	168	FIRMER...	8%
12 month Change	60%	-8%	13%	9%		

Pre-Jan 24 (dwt): *180k, ^176k dwt, #63k, 58k. All resale, 5yo and 10yo prices for bulkers Basis: eco vessels.

Giá tàu Handysize 32.000 DWT, nguồn Clarksons tháng 3/2024



Biểu đồ xu hướng thay đổi giá tàu đã qua sử dụng (5 tuổi, yoy) (nguồn Clarksons 03/2024)

Tham chiếu các xu hướng ngắn hạn và dài hạn về chỉ số index giá tàu hàng rời 05 tuổi cho thấy giá tàu cũ đã qua sử dụng thời gian gần đây thấp hơn giai đoạn năm 2021 nửa đầu năm 2022.

1.4. Thị trường thanh lý tàu:

Theo các cập nhật, báo cáo thống kê về giá tàu thanh lý của Clarkson Researchs đối với phân khúc tàu hàng rời tại các thị trường phá dỡ hàng đầu là Bangladesh và Ấn Độ giá tàu thanh lý bình quân 10 năm giai đoạn 2014 - 2023 cụ thể như sau:

Thống kê giá bán sắt vụn tàu hàng rời Handysize (USD/LDT)											
NAM	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Bình quân
BANGLADESH	430	280	315	425	415	375	415	585	530	510	428
ÁN ĐỘ	420	282	290	430	420	365	405	565	530	510	422
B/Q 2 thị trường											425
Đơn giá tính trong FS											370

Giá thanh lý đối với các tàu bulker (nguồn Clarksons 03/2024)

Giai đoạn 2014 - 2023, mức giá bình quân ở thị trường Bangladesh là 428 USD/LDT và thị trường Ấn Độ là 422 USD/LDT. Giá thanh lý hiện nay là 495 USD/LDT tại thị trường Bangladesh/ Ấn Độ (cập nhật ngày 08/03/2024). Để đảm bảo tính thận trọng trong xây dựng BCNCKT dự án đầu tư tàu với thời điểm thu hồi của dự án còn dài, dự kiến giá sắt vụn thanh lý áp dụng cho dự án được tính với giá thanh lý khoảng 87% giá bình quân năm 2014-2023 tại 2 thị trường Bangladesh, Ấn Độ là 370 USD/LDT. Trọng lượng giãn nước tịnh (lightship displacement tonnage) của tàu chở hàng rời loại Handysize khoảng 6.500 LDT.

Giá trị thanh lý tàu: $6.500 \text{ LDT} \times 370 \text{ USD/LDT} = 2.405.000 \text{ USD}$

1.5. Sự cần thiết phải đầu tư

Theo chiến lược phát triển Tổng Công Ty PVTrans và các Đơn vị thành viên, PVT Logistics có kế hoạch đầu tư tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT nhằm góp phần phát triển đa dạng hóa loại hình dịch vụ mới của Tổng công ty PVTrans đối với mảng vận tải hàng rời là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đón đầu nhu cầu vận chuyển hàng hóa sau thời gian khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài cũng như phục vụ cho xuất nhập khẩu tại Việt Nam ngày một tăng lên theo tình hình chung của Thế giới và riêng Việt Nam.

Hiện nay, PVT Logistics đang quản lý khai thác 02 tàu hàng rời Supramax: tàu PVT Diamond theo hình thức thuê mua từ chủ tàu Nhật thông qua Tổng công ty và tàu Supramax PVT Pearl thuê tàu trần từ Tổng công ty và 06 tàu dầu/ hóa chất khác đang khai thác hiệu quả. Vừa qua, nhu cầu vận chuyển hàng hóa của Việt nam gia tăng, đặc biệt là nhu cầu vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu như các loại hàng rời gồm than, quặng, gạo, phân bón, thép và xi măng, vv... Trong khi, đội tàu trong nước có độ tuổi trung bình cao, khả năng cạnh tranh kém, các công ty vận tải hàng rời do khó khăn về tài chính nên không có khả năng đầu tư đổi mới đội tàu. Thị trường vận chuyển hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam hầu hết phụ thuộc vào đội tàu quốc tế;

Với năng lực quản lý hiện có và kinh nghiệm khai thác tàu hàng rời trên cả tuyến vận tải quốc tế và nội địa, nên đây là điều kiện hết sức thuận lợi để mở rộng đầu tư, nắm bắt xu thế tăng trưởng của thị trường, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của đội tàu trong nước phục vụ vận chuyển hàng rời tuyến quốc tế cũng như hàng xuất nhập khẩu trong nước;

II. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công ty Phương Đông Việt đang lựa chọn size tàu hàng rời khoảng 25.000-35.000 DWT, trong đó lấy tàu hàng rời Handysize khoảng 32.000 DWT làm cơ sở tính toán.

2.1 Các thông số kỹ thuật cơ bản

Stt	Nội dung	Thông số
1.	Loại tàu (Type of vessel)	Tàu chở hàng rời, hàng bách hóa
2.	Trọng tải tàu (Ship size)	25.000 – 35.000 DWT
3.	Tuổi tàu (Vessel age)	Không quá 15 tuổi và được xác định từ ngày đóng tàu ghi trong hồ sơ đăng kiểm (date of delivery/date of build) đến ngày dự kiến giao tàu (delivery time).
4.	Nơi đóng (Where built)	Japan/Korea
5.	Đăng kiểm (Class)	IACS

2.2 TMĐT dự kiến như sau:

Đơn vị tính : USD

Stt	Nội dung	Tổng cộng
1	Giá mua tàu (đã bao gồm các loại thuế và phí liên quan, hệ thống xử lý nước ballast)	11.828.700
2	Chi phí khảo sát, giám định tàu, giao nhận tàu và chi phí khác	171.300
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	12.000.000

2.3 Nguồn vốn chủ sở hữu và/hoặc các nguồn vốn khác:

Tổng mức đầu tư khoảng 12.000.000 USD, trong đó vốn vay vào khoảng 8.280.090 USD còn lại là vốn chủ sở hữu 3.719.910 USD từ nguồn tăng vốn điều lệ trong năm 2024 và bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	THÀNH TIỀN
1	Tổng mức đầu tư	USD	12.000.000
2	Vốn vay ngân hàng (đến khoảng 70% giá mua tàu)	USD	8.280.090
3	Vốn chủ sở hữu và/hoặc các nguồn vốn khác: = (1) - (2)	USD	3.719.910

2.4 Nguồn vốn vay:

Với cơ cấu vốn đầu tư dự kiến sẽ vay ngân hàng tối đa 70% trên giá mua tàu, theo hình thức vay dài hạn với thời gian vay khoảng 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

III. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

3.1. Phương án khai thác:

Tàu Handysize dự kiến đầu tư mới sẽ hướng tới thị trường khai thác quốc tế nơi có nhu cầu vận tải lớn và đa dạng hơn. Từ kinh nghiệm khai thác tàu vận chuyển hàng rời của PVT Logistics và của Tổng công ty PVTrans/các đơn vị thành viên trong thời gian vừa qua, trên cơ sở phân tích thị trường nêu trên và đánh giá mô hình quản lý hiện nay của PVT Logistics thì các phương án khai thác tàu có thể thực hiện cho thuê định hạn trên thị trường quốc tế để đảm bảo tính ổn định của dự án.

3.2. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

STT	Nội dung	ĐVT	Tàu trọng tải từ 25.000-đến 29.000 DWT	Tàu trọng tải từ 29.001-đến 35.000 DWT
1	Tổng mức đầu tư không vượt quá	USD	12.000.000	12.000.000
2	Tuổi tàu khoảng	Tuổi	14	15
3	Giá cho thuê TC	USD/ngày		
	- TC đến hết năm tàu 15 tuổi		11.500	11.750
	- TC từ năm 16 tuổi đến hết năm 20 tuổi		10.300	10.800
	- TC từ năm 21 tuổi đến hết năm 25 tuổi		9.000	9.500
4	Hiện giá thuần (NPV) của Dự án	USD	55.652	21.049
5	Suất thu lợi nội bộ (IRR) của Dự án	%	8,61	8,55
6	Hiện giá thuần (NPV) của chủ đầu tư	USD	373.393	338.789
7	Tỷ suất sinh lợi của chủ đầu tư ROE	%	9,74	9,76

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá báo cáo nghiên cứu khả thi được trình bày ở trên, “Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000-35.000 DWT” (Mã số Dự án PDV-HR-02/22) là dự án có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả kinh tế, khả năng trả nợ vay, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty PVT Logistics với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản:

- Loại tàu: Tàu chở hàng rời, hàng bách hoá.
- Trọng tải tàu: khoảng 25.000 - 35.000 DWT.
- Tuổi tàu: Không quá 15 tuổi và được xác định từ ngày đóng tàu ghi trong hồ sơ đăng kiểm (date of delivery/date of build) đến ngày dự kiến giao tàu (delivery time).
- Nơi đóng: Tàu được đặt đóng tại Nhật Bản/ Hàn Quốc.

2. Đăng ký cờ tàu: Sau khi đầu tư tàu sẽ tập trung khai thác tuyến quốc tế, dự kiến treo cờ nước ngoài và không treo cờ Việt Nam nên dự kiến sẽ không phát sinh thủ tục nhập khẩu, không phát sinh các khoản thuế Nhập khẩu và thuế VAT;

3. Tổng mức đầu tư dự án (đã bao gồm các loại thuế, phí liên quan) không vượt quá 12.000.000 USD;

4. Hiệu quả kinh tế của dự án:

- Đối với tàu trọng tải từ 25.000 đến 29.000 DWT, chỉ số hiệu quả của dự án không thấp hơn mức: IRR = 8,61%; NPV = 55.652 USD và chỉ số hiệu quả của chủ đầu tư không thấp hơn mức ROE = 9,74%; NPV = 373.393 USD.
- Đối với tàu trọng tải từ 29.001 đến 35.000 DWT, chỉ số hiệu quả của dự án không thấp hơn mức: IRR = 8,55%; NPV = 21.049 USD và chỉ số hiệu quả của chủ đầu tư không thấp hơn mức ROE = 9,76%; NPV = 338.789 USD.

5. Nguồn vốn: Vốn vay: Không quá 70% giá mua tàu; còn lại sử dụng vốn Chủ sở hữu và/hoặc các nguồn vốn khác;

6. Thời gian triển khai: Dự kiến trong năm 2024 cho đến khi hoàn thành.

Kính trình Hội đồng Quản trị Báo cáo nghiên cứu khả thi “Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 - 35.000 DWT” (Mã số Dự án PDV-HR-02/22) để xem xét và phê duyệt.

Trân trọng./.

TM. TỔ CHUYÊN GIA DỰ ÁN



VŨ TRỌNG ĐỘ

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC



HỒ SĨ THUẬN

BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ KINH TẾ DỰ ÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU HÀNG RỒI HANDYSIZE 25.000 - 29.000 DWT [MS: PDV-HR-02/22]

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Giá trị đầu tư	12.000.000										
Vốn vay - 09% / Giá trị TSCĐ	8.200.000										
Vốn đầu tư của CSI	3.719.910										
B. TÍNH TOÁN											
DOANH THU		3.475.154	3.475.154	3.251.106	3.475.154	3.251.106	3.063.875	3.063.875	2.802.350	3.063.875	5.260.958
TCS (tính ngày)		10.868	9.845	9.705	9.845	9.705	8.583	8.583	8.441	8.583	8.525
Ngày khai thác		337	353	353	353	353	350	350	352	350	335
TSCĐ thành lý (70 USD x 6.500 LDT)											2.405.000
CHỈ PHÍ											
1. Chi phí hoạt động		3.350.457	3.261.008	3.171.446	3.081.771	2.991.984	2.907.503	2.812.481	2.805.908	2.805.908	1.553.011
2. Chi phí khấu hao	10 năm	1.394.650	1.445.085	1.438.785	1.432.485	1.419.885	1.409.081	1.402.481	1.455.908	1.455.908	1.401.011
3. Chi phí lãi vay	8,00%	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
4. CLTE, swap (tính ngày)	1%	62.689	532.065	437.435	342.805	248.176	153.546	58.917	-	-	-
5. Chi phí quản lý phần bổ	411	1.171	23.307	34.788	46.155	57.410	68.553	79.586	-	-	-
6. Chi phí khác của Tàu		150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
Lãi/lỗ trước thuế		280.073	124.897	214.145	79.680	394.383	259.122	191.394	(3.558)	197.967	3.709.926
Thuế TNDN : 20%		56.015	24.979	42.829	15.932	78.877	51.824	38.279	-	39.593	741.985
Lãi/lỗ sau thuế		224.058	99.918	171.316	63.748	314.706	207.297	153.116	(3.558)	158.374	2.967.941
		5.445	5.220	4.092	4.764	4.536	4.073	3.699	3.699	3.699	411
		9.267	9.179	8.934	8.639	8.443	8.107	7.703	7.697	7.697	4.349
	8,52%										
C. DỰ ÁN											
ĐỒNG TIỀN											
Đồng tiền ra (-)	(12.000.000)	(2.135.016)	(1.631.614)	(2.280.917)	(1.654.862)	(2.304.210)	(1.628.359)	(1.650.759)	(2.520.508)	(1.645.501)	(2.282.997)
+ Chi phí đầu tư ban đầu											
+ Chi phí dự án gồm thuế TNDN											
+ Chi phí dự án docking											
Đòng tiền vào (+)	(650.000)	(1.630.025)	(1.631.614)	(1.598.417)	(1.654.862)	(1.621.710)	(1.628.359)	(1.650.759)	(1.605.908)	(1.645.501)	(2.282.997)
+ Chi phí đầu tư (+)	3.910.751	3.723.336	3.723.336	3.499.288	3.723.336	3.499.288	3.252.057	3.252.057	3.050.532	3.252.057	5.509.119
+ Chi phí phần bổ docking	248.182	248.182	248.182	248.182	248.182	248.182	248.182	248.182	248.182	248.182	248.182
Đòng tiền lưu chuyển	(12.000.000)	1.660.646	2.103.311	2.091.721	2.068.474	1.950.078	1.623.718	1.601.297	739.624	1.606.555	3.216.123
Đòng tiền lưu chuyển thuần	(12.000.000)	1.530.324	1.786.143	1.656.903	1.774.617	1.731.871	1.516.356	1.522.705	349.668	709.511	1.368.887
Thu nhập thuần từ kế hoạch khác	(12.000.000)	(10.469.576)	(8.683.533)	(6.168.003)	(4.783.386)	(4.061.515)	(3.145.179)	(2.312.414)	(1.962.746)	(1.253.335)	55.652
CHỈ TIÊU DỰ ÁN											
Hiện giá đồng ngân lưu thuần NPV	55.652										
Suất sinh lợi nội bộ của dự án IRR	8,61%										
Thời gian hoàn vốn	10 năm 11 đ									10,96	
D. CHU ĐẦU TƯ											
Thu nhập thuần của chủ đầu tư	(3.719.910)	388.376	471.416	(307.305)	637.428	(141.338)	361.931	1.601.297	739.624	1.606.555	3.216.123
Thu nhập thuần chiết khấu của chủ đầu tư	(3.719.910)	329.811	368.913	(221.613)	423.607	(86.556)	215.541	832.765	349.668	709.511	1.508.887
Thu nhập thuần cộng dồn của chủ đầu tư	(3.719.910)	(3.237.330)	(3.156.418)	(3.380.030)	(2.956.424)	(3.042.979)	(2.827.439)	(1.994.673)	(1.645.005)	(935.493)	373.393
CHỈ TIÊU CHU ĐẦU TƯ											
Hiện giá đồng ngân lưu thuần NPV	373.393										
Suất sinh lợi nội bộ của dự án ROE	9,74%										
Thời gian hoàn vốn	10 năm 9 đ									10,71	
E. CÁN ĐỘ THU CHI											
Khấu hao + LNST & Lãi vay	241.188	116.887	188.446	80.858	331.836	234.427	54.164	1.353.116	1.196.442	1.358.374	2.967.941
Ngõ vào và ngõ ra khác	2.050.753	1.831.822	1.808.751	1.606.534	1.762.882	1.560.844	1.295.950	1.353.116	1.196.442	1.358.374	2.967.941
Ngõ ra và ngõ ra khác	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)
Ngõ vào và ngõ ra khác	(62.689)	(532.065)	(437.435)	(342.805)	(248.176)	(153.546)	(58.917)	(7.697)	(7.697)	(7.697)	(4.349)

Handwritten signature and initials.

BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ KINH TẾ DỰ ÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU HÀNG RƠI HANDYSIZE 29.001 - 35.000 DWT [MS: PDV-HR-02/22]

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0
A. Giá trị đầu tư	12.000.000										
Vốn vay - 60% / Giá trị TSCĐ	8.280.000										
Vốn đầu tư của CSH	3.719.910										
B. TÍNH TOÀN											
DOANH THU	3.718.641	3.645.035	3.645.035	3.412.325	3.645.035	2.962.125	3.172.313	3.172.313	2.962.125	3.422.156	
TCS (usd/ngày)	11.100	10.526	10.526	10.186	10.526	8.922	9.064	9.064	8.922	9.006	
Ngày hoạt động	335	343	353	335	353	332	350	350	332	335	
TSCĐ thành lý (70 USD x 6.500 LDY)										2.405.000	
CHI PHÍ											
1. Chi phí hoạt động	3.471.109	3.481.775	3.292.326	3.202.764	3.118.089	3.079.098	2.988.901	2.843.799	2.837.226	2.837.226	
2. Chi phí khấu hao	1.482.703	1.476.403	1.470.103	1.463.803	1.457.503	1.506.999	1.500.399	1.493.799	1.487.226	1.487.226	
3. Chi phí lãi vay	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	
4. C.I.T.C. swap (usd/year)	62.6694	532.065	437.435	342.805	248.176	153.546	58.917	-	-	-	
5. Chi phí quản lý phân bổ	1.171,2	23.307	34.788	46.155	57.410	79.586	101.762	123.948	146.134	168.320	
6. Chi phí khác của Tàu	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	
Lãi/lỗ trước thuế	247.531	263.260	352.709	209.561	531.946	(116.973)	183.411	328.514	174.899	2.584.930	
Thuế TNDN : 20%	49.506	52.652	70.542	41.912	106.389	(23.395)	36.682	65.703	34.980	516.986	
Lãi/lỗ sau thuế	198.025	210.608	282.167	167.649	425.557	(116.973)	146.729	262.811	99.919	2.067.944	
	5.448	5.220	4.092	4.784	4.336	4.307	4.073	3.690	3.699	3.699	
	9.310	9.367	9.030	3.773	8.329	3.456	3.189	2.791	2.773	2.773	
C. DỰ ÁN											
ĐỒNG TIỀN											
Đồng tiền ra (-)	(12.000.000)	(1.679.055)	(1.690.645)	(2.338.316)	(1.713.893)	(2.371.999)	(1.687.081)	(1.709.502)	(2.377.269)	(2.154.212)	
+ Chi phí đầu tư ban đầu	(12.000.000)										
+ Chi phí dự án gồm thuế TNDN		(1.679.055)	(1.690.645)	(2.338.316)	(1.713.893)	(2.371.999)	(1.687.081)	(1.709.502)	(2.377.269)	(2.154.212)	
+ Chi phí dự án docking	(682.500)										
Đồng tiền vào (+)	3.998.141	3.924.535	3.924.535	3.691.825	3.924.535	3.241.625	3.451.813	3.451.813	3.241.625	3.701.656	
+ Chi phí phân bổ docking	279.500	279.500	279.500	279.500	279.500	279.500	279.500	279.500	279.500	279.500	
Đồng nghĩa lưu khoản	1.633.431	2.245.480	2.233.890	1.533.609	2.210.642	869.626	1.784.731	1.742.311	884.419	3.547.444	
Đồng nghĩa lưu chiết khấu	1.505.245	1.906.873	1.748.158	976.155	1.469.096	532.503	995.917	906.100	414.268	1.566.675	
Tru nhập phân kỳ kế chính khác	(10.494.755)	(8.587.882)	(6.838.724)	(5.863.589)	(4.394.473)	(3.861.911)	(2.865.994)	(1.959.894)	(1.545.636)	21.049	
CHI TIÊU DỰ ÁN											
Hiện giá đồng nghĩa lưu khoản NPV	21.049										
Suất sinh lợi nội bộ của dự án IRR	8,55%										
Thời gian hoàn vốn	9 năm 12 th								9,99		
D. CHU ĐẦU TƯ											
Thu nhập thuần của chủ đầu tư	(3.719.910)	530.545	613.585	(12.066)	779.597	(466.790)	532.945	1.742.311	884.419	3.547.444	
Thu nhập thuần chiết khấu của chủ đầu tư	(3.719.910)	450.542	480.168	(124.085)	518.086	(385.864)	295.121	906.100	414.268	1.566.675	
Thu nhập thuần sống đầu tư của chủ đầu tư	(3.719.910)	(3.431.679)	(2.951.511)	(3.075.506)	(2.537.511)	(2.843.573)	(2.548.254)	(1.642.153)	(1.227.885)	358.789	
CHI TIÊU CHU ĐẦU TƯ											
Hiện giá đồng nghĩa lưu khoản NPV	338.789										
Suất sinh lợi nội bộ của dự án ROE	9,70%										
Thời gian hoàn vốn	9 năm 9 th								9,78		
E. CẢM ĐỘ THU CHI											
Khấu hao + LNST & Lãi vay	21.515	227.738	289.287	184.779	442.687	(99.843)	163.839	1.462.811	1.289.919	3.267.944	
Ngành vụ kế hoạch	202.4719	1.942.672	1.919.602	1.710.454	1.873.733	1.236.573	1.405.646	1.462.811	1.289.919	3.267.944	
Ngành vụ kế hoạch	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	(1.182.870)	
Ngành vụ trả nợ lãi vay	(62.6694)	(532.065)	(437.435)	(342.805)	(248.176)	(153.546)	(58.917)	-	-	-	

* TIẾT VẠN

Số: 28/NQ-HĐQT

Tp. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

*V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Công ty;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng quản trị số 21/BB-HĐQT ngày 01/07/2024;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (“Công ty”) theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/04/2024.

Điều 2. Thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết và Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn thực hiện dự án, cụ thể như sau:

1. Phương án sử dụng vốn:

- Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để bổ sung vốn hoặc bù đắp vốn đã sử dụng để đầu tư đội tàu theo kế hoạch đầu tư năm 2024 cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VND)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn để đầu tư mua thêm 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24).	150.000.000.000	Từ Quý III, IV năm 2024
2	Bổ sung vốn để đầu tư mua thêm 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22).	80.086.350.000	Từ Quý III, IV năm 2024
	Tổng cộng	230.086.350.000	

- Trường hợp thời gian chào bán kéo dài và thị trường mua bán tàu biển động (giá bán, tỷ giá...) ảnh hưởng đến chi phí dự kiến mua tàu theo phương án được ĐHCĐ thông qua, HĐQT sẽ tạm thời sử dụng các nguồn vốn khác (vốn lưu động, dòng tiền nhận rồi, dòng tiền khác...) để thực hiện việc mua tàu. Sau khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo UBCKNN, HĐQT sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bù đắp nguồn vốn đã sử dụng;
- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán sau khi sử dụng để đầu tư tàu còn dôi dư, HĐQT sẽ bổ sung vốn dôi dư đó cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phương án sử dụng vốn cụ thể:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền dự kiến (VND)
Đầu tư mua 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24)	22.000.000 USD, tương đương 561.000.000.000 VND (*)	Từ Quý III, IV năm 2024	1. Nguồn vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu(***)	150.000.000.000
			2. Nguồn vốn khác (Vốn vay ngân hàng, vốn chủ sở hữu...)	411.000.000.000
Đầu tư mua 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 - 75.000 DWT	12.000.000 USD, tương đương 306.000.000.000 VND (**)	Từ Quý III, IV năm 2024	1. Nguồn vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu(***)	80.086.350.000

(Mã số dự án: PDV-HR-02/22)			2. Nguồn vốn khác (Vốn vay ngân hàng, vốn chủ sở hữu...)	225.913.650.000
Tổng cộng				867.000.000.000

(*) Tỷ giá USD áp dụng tạm tính là: 25.500 VND/USD. Số tiền bằng VND (đồng) có thể thay đổi tùy theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm giải ngân, tuy nhiên vẫn đảm bảo tổng mức đầu tư mua tàu tính theo đồng USD không vượt quá 22.000.000 USD.

(**) Tỷ giá USD áp dụng tạm tính là: 25.500 VND/USD. Số tiền bằng VND (đồng) có thể thay đổi tùy theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm giải ngân, tuy nhiên vẫn đảm bảo tổng mức đầu tư mua tàu tính theo đồng USD không vượt quá 12.000.000 USD.

(***) HĐQT sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn hoặc bù đắp nguồn vốn đã sử dụng để mua tàu.

2. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn:

Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến, để bổ sung nguồn vốn cho dự án mua tàu, HĐQT sẽ quyết định thực hiện các giải pháp sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại. Trường hợp sau khi kết thúc thời gian gia hạn đợt chào bán mà tỷ lệ chào bán thấp hơn 70%, đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ theo quy định.
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, nguồn khấu hao lũy kế tính đến thời điểm thực hiện đầu tư và các nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng.

Điều 3. Thông qua các cam kết của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng như sau:

- Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Công ty cam kết triển khai thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC, đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi kết thúc đợt chào bán;
- Công ty cam kết về việc sẽ thực hiện việc xử lý cổ phiếu lẻ theo quy định tại Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp số cổ phiếu này được phân phối cho nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Khoản 1, Điều 35, Luật Chứng khoán năm 2019, công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;
- Công ty cam kết về bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho nhà đầu tư trong trường hợp quá hạn quy định tại khoản 3, Điều 28, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14. Quá

thời hạn thanh toán, Công ty sẽ thanh toán khoản tiền đã nộp của nhà đầu tư và khoản lãi cho số ngày quá hạn với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 01 (một) tháng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Điều 4. Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tuân theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, ngày 17/6/2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật, Công ty sẽ:

- Phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông và đảm bảo việc chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông không dẫn đến vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.
- Không phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu dôi dư (nếu có) của đợt chào bán cho các nhà đầu tư nước ngoài dẫn đến vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.


Điều 5. Ủy quyền/Giao:

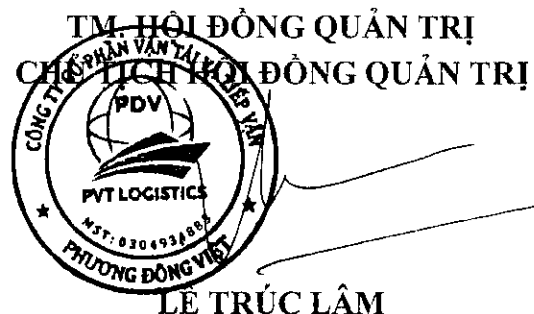
HDQT ủy quyền/giao cho Giám đốc công ty kiêm Người đại diện theo Pháp luật tổ chức chỉ đạo, triển khai ký kết các văn bản liên quan bao gồm cả các văn bản giải trình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) để hoàn tất đợt chào bán, đăng ký bổ sung cổ phiếu, đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu và thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 6. Hiệu lực: Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Thi hành: Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết số 25/NQ-HDQT ngày 24/06/2024. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 7;
- Lưu: HDQT, TH (2b) 



PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG ĐỂ TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/07/2024 v/v Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, chào bán chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký Công ty đại chúng và hủy tư cách Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG ĐỂ TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
2. Mã cổ phiếu: PDV.
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Vốn điều lệ hiện hành: 430.873.310.000 đồng.
5. Số lượng cổ phiếu đã chào bán tại ngày lập phương án: 43.087.331 cổ phiếu,
Trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu phổ thông: 43.087.331 cổ phiếu.
 - + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 43.087.331 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm: 23.008.635 cổ phiếu.
8. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
9. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
10. Căn cứ xác định giá chào bán:

- + Căn cứ giá trị sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2023 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 là 13.797 đồng/cổ phiếu;
- + Giá đóng cửa của cổ phiếu PDV tại thời điểm 28/06/2024: 15.400 đồng/ Cổ phiếu

Để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thành công, Hội đồng quản trị kính trình ĐHQCT thông qua mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

11. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
12. Giá trị cổ phiếu chào bán thêm theo mệnh giá: 230.086.350.000 đồng.
13. Số tiền thu được dự kiến thu được từ đợt chào bán: 230.086.350.000 đồng.
14. Tỷ lệ số cổ phiếu chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 53,4%
15. Thời gian chào bán dự kiến: Trong năm 2024
16. Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến: 1.000:534 (Cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền được hưởng 01 quyền mua, cứ 1.000 quyền mua được quyền mua 534 cổ phiếu mới của đợt chào bán này), giao HĐQT chủ động điều chỉnh tỷ lệ thực hiện quyền đảm bảo số cổ phần thực tế chào bán không vượt quá số cổ phần dự kiến chào bán đã được ĐHQCT thông qua theo Phương án chào bán này.
17. Phương án xử lý Cổ phiếu lẻ phát sinh và Cổ phiếu còn dư do Cổ đông không thực hiện quyền (nếu có):
 - Thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
 - Đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bao gồm: cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng từ chối mua hoặc không nộp tiền mua hết cổ phiếu chào bán: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động giữ chức danh chủ chốt hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu nêu trên khi được chào bán tiếp theo quyết định của Hội đồng quản trị theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
18. Quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng.
19. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:
 - Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.
 - Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp kết thúc đợt chào bán mà tỷ lệ chào bán thấp hơn tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, để bổ sung nguồn vốn thực hiện dự án, HĐQT cân nhắc thực hiện các giải pháp sau:

- + Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại. Trường hợp sau khi kết thúc thời gian gia hạn đợt chào bán mà tỷ lệ chào bán thấp hơn 70%, đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ theo quy định;
 - + Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, nguồn khấu hao lũy kế tính đến thời điểm thực hiện đầu tư và các nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng.
20. Hủy bỏ đợt chào bán: Đối với trường hợp không đảm bảo tỷ lệ chào bán tối thiểu là 70%, Công ty tiến hành các thủ tục trả lại tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư và hủy bỏ kết quả chào bán theo quy định của Pháp luật. ĐHĐCĐ Giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục hủy bỏ đợt chào bán và quyết định mức lãi suất phải trả cho nhà đầu tư đã tham gia nộp tiền mua cổ phần (nếu có).
 21. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ủy quyền cho HĐQT xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và lên phương án cụ thể đảm bảo việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cũng sẽ không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận.
 22. Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh Điều lệ hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ tiến hành thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu.
 23. Đăng ký giao dịch và lưu ký cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công ra công chúng sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký lưu ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) sau khi hoàn tất việc chào bán.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để: bổ sung vốn hoặc bù đắp vốn đã sử dụng để đầu tư đội tàu theo kế hoạch đầu tư 2024 cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VND)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn để đầu tư mua thêm 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (PDV-HR-04/24)	150.000.000.000	Từ Quý III, IV năm 2024
2	Bổ sung vốn để đầu tư mua thêm 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22)	80.086.350.000	Từ Quý III, IV năm 2024
	Tổng cộng	230.086.350.000	

- Trường hợp thời gian chào bán kéo dài và thị trường mua bán tàu biển động (giá bán, tỷ giá...) ảnh hưởng đến chi phí dự kiến mua tàu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT tạm thời sử dụng các nguồn vốn khác (vốn lưu động, dòng tiền nhân rồi, dòng tiền khác...) để thực hiện việc mua tàu. Sau khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo UBCKNN, HĐQT sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để bù đắp nguồn vốn đã sử dụng;
- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán sau khi sử dụng để đầu tư tàu còn dôi dư, HĐQT bổ sung vốn dôi dư đó cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. THÔNG QUA VIỆC GIAO/ỦY QUYỀN HĐQT:

Ngoài các nội dung Giao/ủy quyền cụ thể tại từng phần trong phương án, ĐHĐCĐ Giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến đợt chào bán, cụ thể:

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai thực hiện đợt chào bán và chốt ngày thực hiện quyền;
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán chi tiết và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Phương án chào bán đã được duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh phương án chào bán này, lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu nhằm đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;
- Thực hiện việc xử lý Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu Cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua, cổ phiếu dôi dư: ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động giữ chức danh chủ chốt hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Thực hiện các thủ tục hủy bỏ đợt chào bán và quyết định mức lãi suất phải trả (nếu có) cho nhà đầu tư đã tham gia nộp tiền mua cổ phần trong trường hợp kết quả của đợt chào bán không đảm bảo tỷ lệ chào bán tối thiểu là 70%;
- Giao cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Sửa đổi các điều liên quan đến Vốn điều lệ, Cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán Cổ phiếu theo đúng vốn điều lệ và số lượng cổ phiếu chào bán thực tế;

Handwritten signature or mark

- Triển khai toàn bộ các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần chào bán thêm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Chủ động triển khai thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc chào bán cổ phiếu phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, lợi ích Công ty.

VIỆT NAM

Số: 29/NQ-HĐQT

Tp. HCM, ngày 01 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 Công ty;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng quản trị số 22/BB-HĐQT, ngày 01/07/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt bao gồm:

1. Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
2. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/4/2007, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2023;
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 24/4/2024 đính kèm Phụ lục 06, Phụ lục 10, Phụ lục 11, Phụ lục 12, Phụ lục 15;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2023 đính kèm Phụ lục 06;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 28/3/2022 đính kèm Phụ lục 06;

5. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/NQ-HĐQT, ngày 23/4/2024 về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000-35.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22);
6. Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT, ngày 01/07/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán;
7. Điều lệ tổ chức và hoạt động;
8. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, 2023 và Báo cáo tài chính Quý I/2024;
9. Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng số 04/2023/VCBS-TVTCND ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/12/2023 và Phụ lục số 01, ngày 24/6/2024;
10. Văn bản số 21/TSG.PKH ngày 03/05/2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn về việc Xác nhận phong tỏa tài khoản nhận tiền chào bán cổ phiếu ra công chúng;
11. Văn bản số 172/PDV-TCKT ngày 24/06/2024 về việc Cam kết đáp ứng điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và đăng ký giao dịch cổ phiếu;
12. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 được kiểm toán tại ngày 25/04/2024;

Điều 2. Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 24/06/2024. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: HĐQT, TH (2b)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LÊ TRÚC LÂM

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/NQ - HĐQT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: **Phê duyệt kết quả lựa chọn tàu chở hàng rời**
trọng tải khoảng 55.000-65.000 DWT (Mã số Dự án: PDV-HR-04/24)
của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Căn cứ quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Căn cứ Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty;
- Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 thông qua Dự án mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-04/24) hoặc tàu hàng rời 25.000 -75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) thuộc kế hoạch năm 2024;
- Căn cứ Nghị quyết số: 22/NQ-HĐQT, ngày 14/6/2024 về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 55.000-65.000 DWT thuộc kế hoạch năm 2024 (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số: 23/NQ-HĐQT, ngày 14/6/2024 về việc Phê duyệt Kế hoạch mua tàu Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 55.000-65.000 DWT thuộc kế hoạch năm 2024 (Mã số dự án: PDV-HR-04/24) của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;
- Xét Tờ trình số 23/TTr-GĐ ngày 08/07/2024 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 55.000-65.000 DWT (Mã số Dự án: PDV-HR-04/24);
- Căn cứ biên bản họp số 24/BB-HĐQT ngày 10/07/2024 của các thành viên Hội đồng Quản trị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn tàu thuộc Dự án mua tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 55.000-65.000 DWT (Mã số Dự án: PDV-HR-04/24) của Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt theo Tờ trình số 23/TTr-GĐ ngày 08/07/2024 của Giám đốc công ty với các nội dung chính như sau:

- Tên tàu: CEBIHAN - IMO No. 9504308
- Chủ tàu: ORCA SHIPPING B.V.
- Các thông số kỹ thuật chính của tàu:
 - + Trọng tải: 57.318 DWT
 - + Năm đóng: 2009

- + Nơi đóng: Hàn Quốc
- + Treo cờ: Bồ Đào Nha
- + Loại tàu: Hàng rời
- + Hầm hàng: 5 hầm; 04 cần cẩu * 4 grab loại 12 CBM
- + Đăng kiểm: NKK
- Giá mua tàu: 15.250.000 USD (Bằng chữ: Mười lăm triệu, hai trăm năm mươi ngàn Đôla Mỹ);
- Đặt cọc: 10% giá trị mua tàu vào tài khoản Escrow Account trong vòng ba (03) ngày làm việc (không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ của Mỹ, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ, Hà Lan và Việt Nam) kể từ ngày ký MOA; 90% tiền mua tàu còn lại cùng với chi phí nhiên liệu, dầu nhớt ước tính sẽ được thanh toán khi hoàn thành các thủ tục nhận bàn giao tàu nhưng không muộn hơn (03) ngày làm việc (không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ của Mỹ, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ, Hà Lan và Việt Nam) trước thời điểm giao tàu;
- Địa điểm và thời gian bàn giao tàu dự kiến: từ 00h01' ngày 10/08/2024 đến 23h59' 10/09/2024 (giờ địa phương), địa điểm bàn giao tàu tại 01 cảng an toàn trong phạm vi khu vực Singapore/Japan theo lựa chọn của Người bán. Giám đốc Công ty có trách nhiệm đàm phán và thống nhất với Người bán về địa điểm và thời gian bàn giao tàu phù hợp để đưa tàu vào khai thác an toàn, hiệu quả sau khi nhận bàn giao, đồng thời đảm bảo không làm vượt Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt;
- Các điều khoản và điều kiện khác áp dụng theo thông lệ của việc mua bán tàu biển quốc tế trên cơ sở mẫu hợp đồng mua bán tàu Norwegian Sales Form 2012.

Điều 2. Giao cho Ông Hồ Sĩ Thuận, Giám đốc Công ty (số hộ chiếu C7010615) và/hoặc người được Giám đốc Công ty chỉ định tiếp tục triển khai: đàm phán và ký kết Hợp đồng mua tàu (MOA) với chủ tàu không thấp hơn các điều kiện cơ bản được phê duyệt nêu trên, đảm bảo hiệu quả dự án không thấp hơn các chỉ tiêu đã được ĐHCĐ/HĐQT Công ty phê duyệt; thu xếp vốn cho dự án đảm bảo tiến độ mua tàu; ký kết các văn bản liên quan đến việc mua tàu, mở tài khoản Escrow Account, các thủ tục closing/nhận tàu và các thủ tục hoàn tất việc mua tàu theo quy định của pháp luật, của Công ty và phù hợp với thông lệ quốc tế mua bán tàu biển.

Điều 3. Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các Bộ phận/Phòng chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, TH (2b)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Trúc Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
(PVT LOGISTICS)**



ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

SÁO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....



CHỦ TỊCH HĐQT

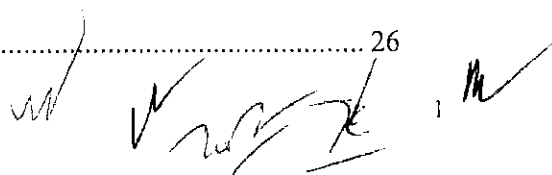
Lê Trúc Lâm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2024

[Handwritten signature]

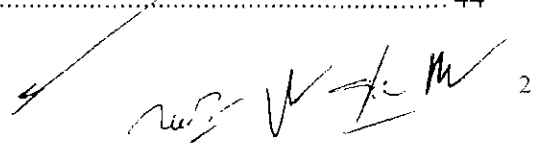
Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 11. Quyền của cổ đông:	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 30. Các tiêu bản thuộc Hội đồng Quản trị	32
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	33
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	35
Điều 33. Người điều hành Công ty	35
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	35
IX. BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	36
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	37
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	38
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	38
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	39
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	39
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	38
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	42
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	42
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	43
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	43
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	43
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 47. Năm tài chính	43
Điều 48. Chế độ kế toán.....	44
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	44
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	44
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	44

 2

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 51. Kiểm toán	44
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	45
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	45
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	45
Điều 53. Giải thể Công ty.....	45
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 55. Thanh lý.....	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 57. Điều lệ Công ty.....	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	47
Điều 58. Ngày hiệu lực	47

W

W
3

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-DHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 07 năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày 27/5/2002 theo Quyết định số 358/QĐ-VPCP của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ có liên quan của Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

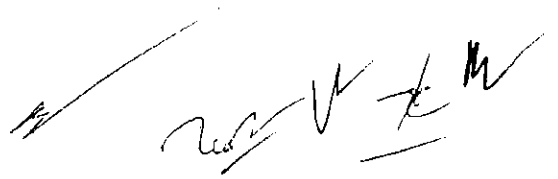
k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
- Tên tiếng Anh: PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION
- Tên giao dịch: PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION
- Tên viết tắt: PVT LOGISTICS

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của công ty:

- Địa chỉ: Lầu 8, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 6291 1281 ; Fax: (84-28) 6291 1280
- Email: info@pvtlogistics.vn ; Website: www.pvtlogistics.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

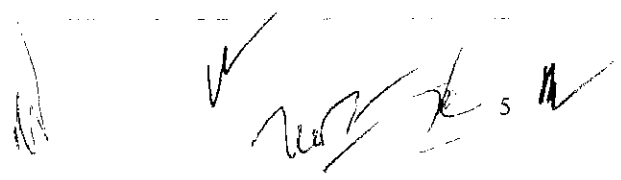
Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

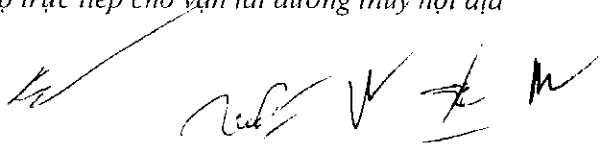
1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
01	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan (ngoại trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến)
02	4312	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)
03	5012 (Chính)	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển</i>
04	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

		<i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải hàng hóa bằng xe bốn chõ chát lỏng (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)</i>
05	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá đường thủy nội địa</i>
06	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá <i>Chi tiết: Dịch vụ môi giới hải quan</i>
07	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Đại lý hàng hải (Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)</i>
08	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) <i>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở)</i>
09	7710	Cho thuê xe có động cơ <i>Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải; tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới</i>
10	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)
11	0910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
12	4632	Bán buôn thực phẩm <i>(không hoạt động tại trụ sở) (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</i>
13	4633	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: bán buôn đồ uống không cồn</i>
14	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</i>
15	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn xi măng, clanhke</i>
16	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc mạnh); Sản xuất vật liệu bảo ôn cách nhiệt, chế tạo các thiết bị nhiệt - (không hoạt động tại trụ sở).</i>
17	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa</i>



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

		(Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)
18	5224	Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển</i>
19	7020	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn quản lý, kỹ thuật</i>
20	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết:</i> - Tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải; - Cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH). (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
21	3700	Thoát nước và xử lý nước thải <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
22	3812	Thu gom rác thải độc hại <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i> <i>(trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình)</i>
23	3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
24	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
25	3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>
26	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển</i>
27	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa. Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp. Bán buôn vật liệu bảo ôn cách nhiệt</i> (Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
28	7820	Cung ứng lao động tạm thời (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
29	7810	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm <i>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.</i> (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
30	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)

(Chữ ký và dấu)

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

31	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
32	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
33	5820	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)
34	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Phát triển kinh doanh theo hướng đa ngành nghề trong đó lấy hoạt động dịch vụ vận tải dầu khí và dịch vụ hàng hải là ngành nghề kinh doanh chính, đồng thời phát triển mạnh lĩnh vực vận tải đường thủy, đường bộ, các dịch vụ khác, kinh doanh thương mại nhằm đưa Công ty trở thành một hãng tàu vận tải hoạt động hiệu quả và mạnh trong nước và trong khu vực, đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông, nâng cao điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, tích cực đóng góp an sinh xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **430.873.310.000 VND**.

(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm mười nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **43.087.331** (Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi một) **cổ phần** với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm:

43.087.331 (Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi mốt) **cổ phần phổ thông**, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông:

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

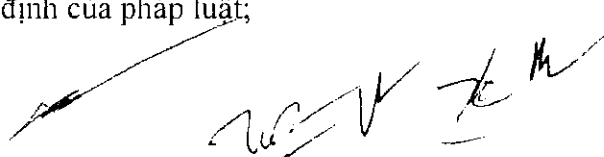
c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công ty và các cổ đông dự họp năm (05) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại

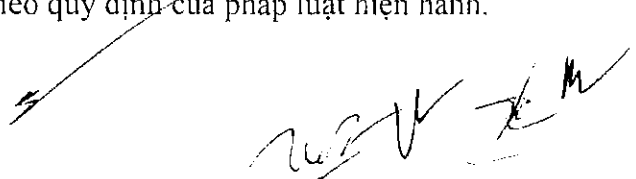
Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 24 và Điều 35 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

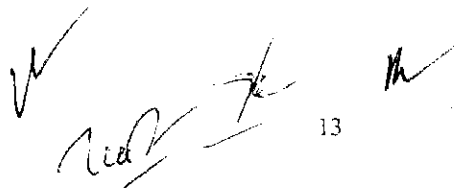
đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;





Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc cổ phần của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

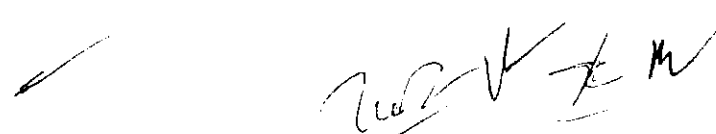
c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

đồng dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

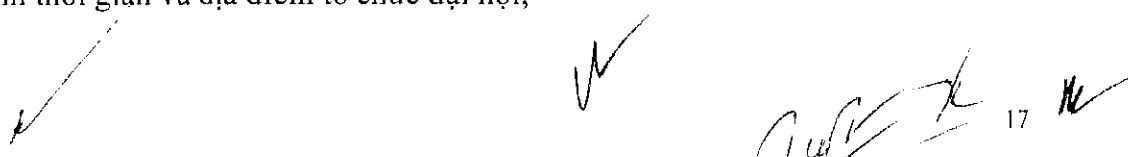
a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 4 Điều này;

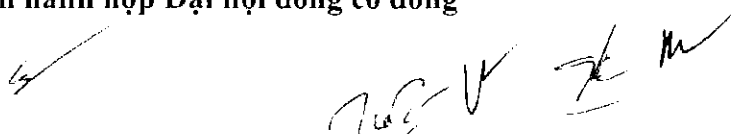
b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.



3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo uỷ quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được uỷ quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào mục tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến nghị quyết theo hướng dẫn của ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

 19 

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

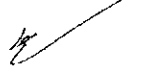
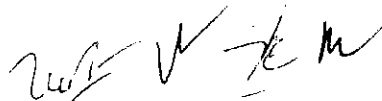
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường

  20

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty khác với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 10 Điều lệ này và các thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

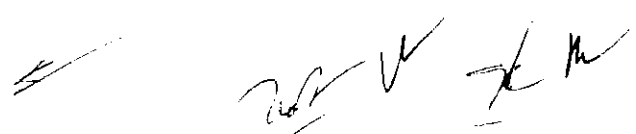
7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu, và Người đại diện pháp luật công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

6. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Tòa án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc Đại hội.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

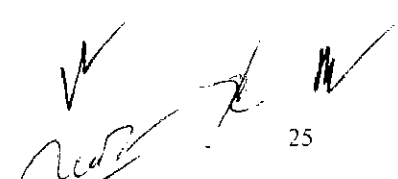
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực hành vi dân sự;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;


27

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

b) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, quy định của Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ và quy định nội bộ của các Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế nội bộ của Công ty;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

r) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phát triển hàng năm của Công ty.

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

c) Thành lập công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.

d) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

e) Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

f) Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i.) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và căn cứ quy định nội bộ của Công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các

thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị/người được ủy quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là (03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. (Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

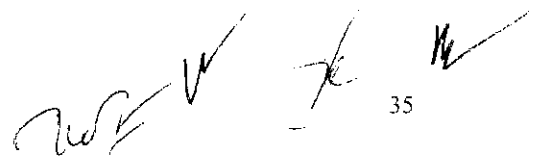
Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ quy định nội bộ của Công ty.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Tuyển dụng lao động;

f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g) Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

h) Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

i) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

k) Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty.

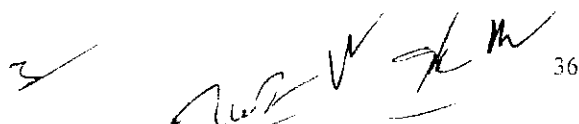
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.


36

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán; tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi tới Công ty và được chấp thuận;
- c) Kiểm soát viên mất năng lực hành vi dân sự;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

đồng có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50,0% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.


5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường


40

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

✓

✓

✓

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

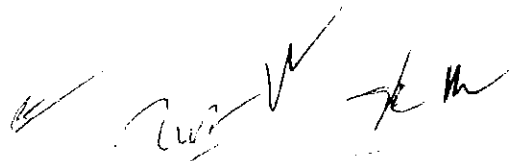
5. Điều lệ Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.



XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

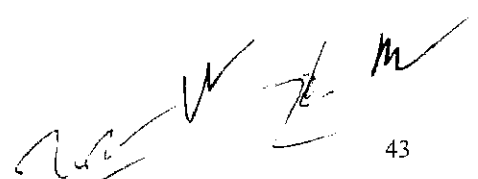
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.



Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

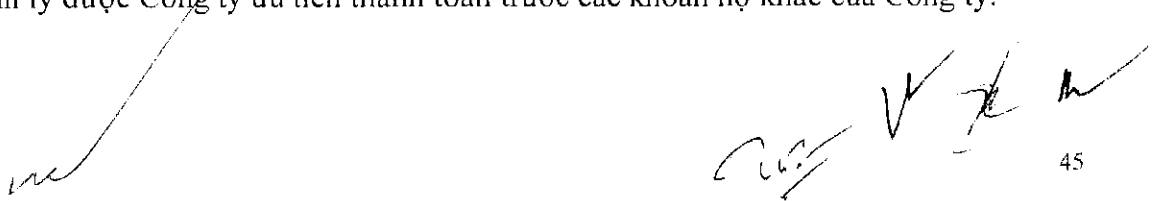
1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.



Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

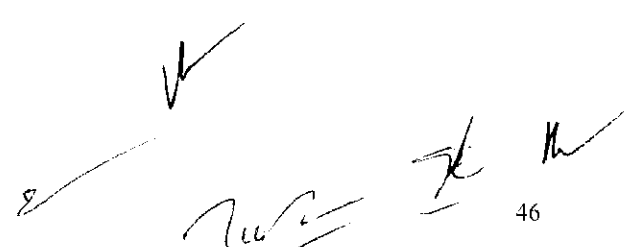
a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT
CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG TĂNG
VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 311.099.860.000 ĐỒNG LÊN
430.873.310.000 ĐỒNG
TẠI NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

S.Đ.V.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 311.099.860.000 ĐỒNG LÊN 430.873.310.000 ĐỒNG TẠI NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2024	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	7 - 8



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng tại ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Công ty (gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Trọng Quý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Bà Vũ Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty được lập phù hợp với cơ sở lập được trình bày tại Thuyết minh số 02 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn. Trong việc lập báo cáo này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn hay không;
- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về việc chào bán thêm cổ phiếu và sử dụng vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

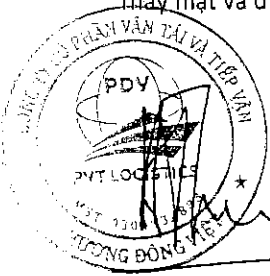
Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về việc chào bán thêm cổ phiếu và sử dụng vốn thu được từ chào bán thêm cổ phiếu phù hợp với cơ sở lập được trình bày tại Thuyết minh số 02 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sĩ Thuận

Giám đốc

Ngày 24 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng tại ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 6 năm 2024, từ trang 5 đến trang 8, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng tại ngày 25 tháng 4 năm 2024 và bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn"). Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập phù hợp với cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số 02 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty phù hợp với cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số 02 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số 02 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở kế toán và giới hạn mục đích sử dụng

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 và Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn mô tả cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn mà Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu. Vì thế, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 25 tháng 4 năm 2024 và cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2024, cũng như bất kỳ thời điểm nào trong kỳ, chưa được kiểm toán.


Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0733-2023-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 6 năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Thị Lan
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 5402-2022-001-1



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

*Thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ
từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng tại ngày 25 tháng 4 năm 2024*

Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chứng khoán: PDV
Điện thoại: (028) 6291 1281

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu chào bán: cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
2. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
3. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán đăng ký chào bán: 11.977.345 cổ phiếu.
5. Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán: 119.773.450.000 đồng.
6. Mục đích chào bán: toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được dùng để bổ sung vốn đầu tư mua 01 tàu chở dầu/ hóa chất size khoảng 19.000-25.000 DWT phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
7. Hình thức chào bán: chào bán thêm ra công chúng.
8. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu: Tài khoản số 7976777879 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (sau đây gọi chung là “tài khoản ngân hàng nhận tiền mua cổ phiếu đợt chào bán”).
9. Ngày hoàn thành đợt chào bán: ngày 19 tháng 10 năm 2023.
10. Số cổ phiếu đã chào bán thành công: 11.977.345 cổ phiếu.
11. Tổng giá trị cổ phiếu đã chào bán thành công: 119.773.450.000 đồng.
12. Số cổ phiếu còn lại: 0 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ
từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng tại ngày 25 tháng 4 năm 2024 (Tiếp theo)

**II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN HUY ĐỘNG TỪ ĐỢT CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ TỪ 311.099.860.000 ĐỒNG LÊN 430.873.310.000 ĐỒNG TẠI NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2024**

1. Các văn bản có liên quan

- Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2022 ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư 01 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng Đợt 1; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.
- Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2023 ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc báo cáo và đề xuất thực hiện chuyển tiếp đầu tư tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc thông qua việc tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.
- Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2024 ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn và Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư tàu PVT Jupiter.

2. Những thay đổi, điều chỉnh (nếu có) và nguyên nhân, lý do điều chỉnh:

Theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt Điều chỉnh phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm 11.977.345 cổ phiếu ra công chúng, mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán là 119.773.450.000 đồng được dùng để bù đắp nguồn vốn đã sử dụng để mua 01 tàu chở dầu/ hóa chất size khoảng 19.000-25.000 DWT phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty (PVT Jupiter).

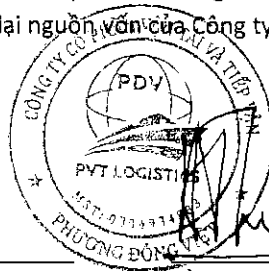
3. Tình hình thực hiện và sử dụng vốn tại ngày 25 tháng 4 năm 2024:

Vào tháng 5 năm 2023, Công ty đã sử dụng nguồn vốn của Công ty và nguồn vốn vay để đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.832 DWT (tàu PVT Jupiter) với tổng giá trị là 432.567.807.700 đồng để phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng để bù đắp lại nguồn vốn của Công ty đã sử dụng để mua tàu PVT Jupiter.

Trần Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 24 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

1. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Báo cáo này được lập trên cơ sở thực thu – thực chi từ nguồn vốn góp của chủ sở hữu. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, được lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán" và phù hợp các chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 3.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ban Giám đốc Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng tại ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Số tiền thu-chi từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán phản ánh số tiền thực thu mà Công ty thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 311.099.860.000 đồng lên 430.873.310.000 đồng được ghi nhận theo số tiền thực tế được ghi có vào tài khoản ngân hàng nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán. Số tiền chi từ đợt chào bán phản ánh số tiền Công ty đã sử dụng để bù đắp lại nguồn vốn của Công ty đã sử dụng để mua tàu PVT Jupiter.

11/07/24 - 13/1/24

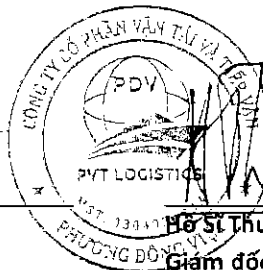
166 -
CÔNG
ỨNG
CHI
CH

4. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tình hình sử dụng vốn yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn này.

Trần Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 24 tháng 6 năm 2024

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 032732... Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 26-06-2024

Công chứng viên
Văn Phòng Công Chứng Nguyễn Kim Chi



Lê Thị Hải

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.28) 6291 1281 Fax: (84.28) 6291 1280



Trần Hồng Kiên
PHÓ GIÁM ĐỐC

PVT LOGISTICS
TOGETHER WE GO FURTHER

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

QUÝ 02 NĂM 2024

Tp.HCM, năm 2024





PVT LOGISTICS
CORPORATION

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Phòng 806, Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 01-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390.634.389.947	351.658.877.497
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		169.906.590.053	99.440.958.302
1. Tiền	111	<u>VII 1</u>	79.906.590.053	9.440.958.302
2. Các khoản tương đương tiền	112	<u>VII 1</u>	90.000.000.000	90.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	81.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<u>VII 2</u>	50.000.000.000	81.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.016.273.626	78.259.036.015
1. Phải thu của khách hàng	131		40.178.125.673	45.950.153.028
2. Trả trước cho người bán	132		8.124.049.245	4.494.998.829
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	<u>VII 3</u>	58.970.610.915	47.070.396.365
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<u>VII 4</u>	(19.256.512.207)	(19.256.512.207)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		24.041.471.914	22.644.603.004
1. Hàng tồn kho	141	<u>VII 5</u>	24.041.471.914	22.644.603.004
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.670.054.354	70.314.280.176
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<u>VII 11a</u>	12.864.794.285	16.537.070.992
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<u>VII 14b</u>	45.794.993.914	53.767.443.029
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	<u>VII 14b</u>	10.266.155	9.766.155
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		901.426.643.768	959.727.584.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.793.640.000	14.793.640.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		14.793.640.000	14.793.640.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		756.131.536.351	803.216.537.735
1. Tài sản cố định hữu hình	221		756.041.054.871	803.102.722.921
- Nguyên giá	222	<u>VII 7</u>	1.034.782.472.086	1.034.782.472.086
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	<u>VII 7</u>	(278.741.417.215)	(231.679.749.165)

(Handwritten mark)

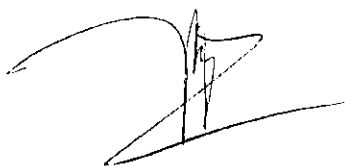
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Quý	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227		90.481.480	113.814.814
- Nguyên giá	228	VII 8	358.000.000	358.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	VII 8	(267.518.520)	(244.185.186)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.038.277.938	12.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VII 6	1.038.277.938	12.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		129.463.189.479	141.705.406.916
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VII 11b	127.510.866.566	139.753.084.003
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.952.322.913	1.952.322.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.292.061.033.715	1.311.386.462.148
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		647.806.083.421	716.914.502.870
I. Nợ ngắn hạn	310		239.585.351.921	266.473.374.267
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		69.085.423.710	101.429.853.677
2. Người mua trả tiền trước	312		1.082.354.677	38.329.802
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	VII 14a	7.334.055.020	2.359.897.832
4. Phải trả người lao động	314		34.115.850.858	32.682.303.074
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VII 15	11.566.798.172	7.123.961.417
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.286.075.756	18.828.784.667
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VII 16a	20.431.238.340	16.116.218.683
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VII 12a	72.445.153.647	82.864.946.668
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.238.401.741	5.029.078.447
II. Nợ dài hạn	330		408.220.731.500	450.441.128.603
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VII 12b	408.220.731.500	450.441.128.603
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		644.254.950.294	594.471.959.278
I. Vốn chủ sở hữu	410	VII 20	644.254.950.294	594.471.959.278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.873.310.000	430.873.310.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(167.054.545)	(162.054.545)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.866.482.254	97.849.574.017
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.682.212.585	65.911.129.806
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.487.458.275	1.843.496.858
b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.194.754.310	64.067.632.948
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.292.061.033.715	1.311.386.462.148

NGƯỜI LẬP

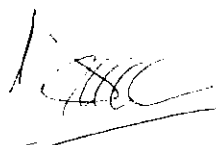
KÊ TOÁN TRƯỞNG

TP. HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2024

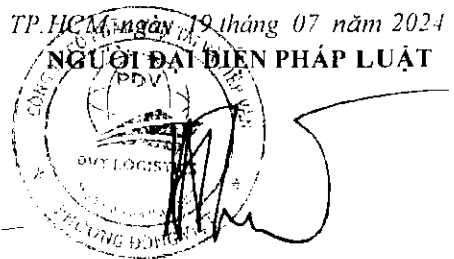
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TĂNG KIM THUY VI



NGUYỄN THÁI ĐẠO



HỒ SĨ THUẬN

Mẫu số B 02-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 02 NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm Nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VIII.1	386.245.379.494	184.694.833.610	703.729.629.686	365.400.713.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VIII.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-01-02)	10		386.245.379.494	184.694.833.610	703.729.629.686	365.400.713.625
4. Giá vốn hàng bán	11	VIII.3	321.670.353.347	157.024.290.240	580.835.663.458	302.856.557.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		64.575.026.147	27.670.543.370	122.893.966.228	62.544.155.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VIII.4	4.476.410.074	8.288.205.865	7.178.189.256	15.292.376.672
7. Chi phí tài chính	22	VIII.5	15.980.413.416	9.825.009.409	31.319.580.159	15.799.639.578
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		10.010.240.388	9.105.877.445	20.986.282.382	14.675.202.992
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.327.422.267	15.654.727.076	30.127.587.688	25.666.965.893
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		36.743.600.538	10.479.012.750	68.624.987.637	36.369.927.198
11. Thu nhập khác	31	VIII.6	1.198.864.544	361.788.210	1.319.624.103	4.862.568.496
12. Chi phí khác	32	VIII.7	205.244.192	464	211.010.252	16.054
13. Lợi nhuận khác (40-31-32)	40		993.620.352	361.787.746	1.108.613.851	4.862.552.442
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50-30+40)	50		37.737.220.890	10.840.800.496	69.733.601.488	41.232.479.640
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VIII.9	7.550.036.419	2.118.082.768	13.538.847.178	8.217.564.691
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VIII.10	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60-50-51-52)	60		30.187.184.471	8.722.717.728	56.194.754.310	33.014.914.949

Tp.HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2024


NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

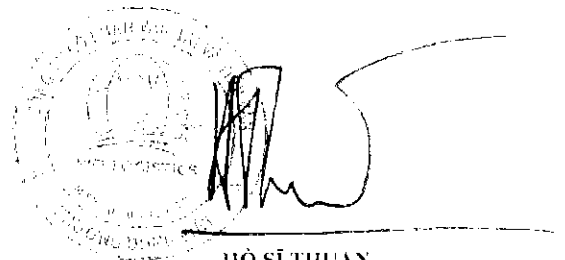
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TANG KIM THY VI



NGUYỄN THÁI ĐẠO



HỒ SĨ THUAN



PVT LOGISTICS

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Phòng 806, Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 03-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.733.601.488	41.232.479.640
2. Điều chỉnh cho các khoản			66.697.075.732	36.823.964.819
- Khấu hao TSCĐ	02		47.085.001.384	29.622.853.468
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4.304.697.762	590.107.611
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.678.905.796)	(8.064.199.252)
- Chi phí lãi vay	06		20.986.282.382	14.675.202.992
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		136.430.677.220	78.056.444.459
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.763.523.728	(4.237.138.775)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.396.868.910)	(107.108.581)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(26.989.284.157)	(18.716.345.532)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		15.914.494.144	(18.729.961.906)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.504.716.594)	(14.390.048.583)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.620.083.009)	(18.770.284.687)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17		(1.807.740.000)	(658.489.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		95.790.002.422	2.447.067.395
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	(435.392.963.119)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		161.000.000.000	135.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.930.304.674	7.750.029.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.930.304.674	(302.642.933.731)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	345.263.282.201
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(59.419.783.095)	(36.486.409.817)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.419.783.095)	308.776.872.384
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		70.300.524.001	8.581.006.048
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		99.440.958.302	50.125.745.540
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		165.107.750	24.578.658
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		169.906.590.053	58.731.330.246

Lập, Ngày 19 tháng 07 năm 2024

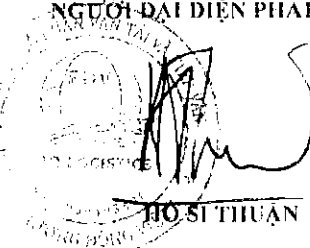
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TĂNG KIM THUY VI

NGUYỄN THÁI ĐẠO



HỒ SĨ THUẬN



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Phòng 806, Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 02 NĂM 2024

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh Nghiệp

- Hình thức sở hữu vốn :** Vốn thuộc sở hữu Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh :** Vận tải - Dịch vụ - Thương mại
- Ngành nghề kinh doanh:**

Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Đại lý hàng hải; Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại Trụ sở); Cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng.

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**
- Cấu trúc doanh nghiệp**
- 6.1 Danh sách các công ty con:**
- 6.2 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:**
- 6.3 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 31/12/2024
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng:**
- Công ty tuân thủ thực hiện báo cáo tài chính theo qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Công ty bảo đảm đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam.

- Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính**

IV. Thông tin chung

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các giấy Chứng nhận điều chỉnh, giấy Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 18 số: 0304934883, ngày 27/11/2023. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 401 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 390 người).

2. Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển)

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hải Phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304934883-004 cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2018 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 1 ngày 17/05/2022, địa chỉ của VPĐD đặt tại khách sạn Dầu khí, Số 227 Đà Nẵng, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (đã chấm dứt hoạt động vào ngày 03/07/2024 theo Quyết định số: 30/QĐ-HĐQT, ngày 03/07/2024). Và Công ty có 01 chi nhánh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số chi nhánh 0304934883-005 ngày 18 tháng 8 năm 2023, địa chỉ của Chi nhánh đặt tại 232 Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo điền, thành phố Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam.

V. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
Tiền để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh có thu bằng ngoại tệ khác được quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:
Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):
TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và giá trị còn lại được phân theo nhóm: Nhà cửa - vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và chuyên dùng; thiết bị dụng cụ quản lý. TSCĐ vô hình là chương trình phần mềm quản lý.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):
Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25/04/2013.
- Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:
Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước dài hạn có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm kể từ ngày phát sinh.
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả trước, dự phòng:

- Chi phí trả trước được ghi nhận khi các nghiệp vụ phát sinh đã hoàn thành, có chứng từ hợp lệ, tuân thủ nguyên tắc chi phí phù hợp doanh số sẽ thu.
- Các khoản dự phòng chỉ thực hiện khi có phát sinh phù hợp quy định của Bộ Tài Chính cho phép.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Căn cứ điều lệ hoạt động, cổ phiếu đang lưu hành được mua lại là cổ phiếu ngân quỹ được hạch toán giảm nguồn vốn cổ phần.
- Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ đăng ký trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.
- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.
- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Chi phí tài chính trong kỳ: là các khoản chi phí phát sinh do chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua hàng hóa dịch vụ và thời điểm thanh toán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tại thời điểm ghi nhận trong sổ sách kế toán theo tỷ giá liên ngân hàng.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

- Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính.
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.
Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con.
- Hợp nhất kinh doanh
Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.
Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.
- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

- Giá vốn hàng bán: được ghi nhận khi các giao dịch về mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, và chuyển giao quyền sở hữu.



22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

25. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

VI. Các chính sách kế toán áp dụng:

- Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn
- Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá trị hiện hành...)
- Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:
 - Các khoản dự phòng;
 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền	30/06/2024	31/12/2023
- Tiền mặt	387.975.770	418.142.064
- Tiền gửi ngân hàng	79.518.614.283	9.022.816.238
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	169.906.590.053	99.440.958.302

2 Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b1) Ngắn hạn	50.000.000.000	-	81.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000.000	-	81.000.000.000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
b2) Dài hạn	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
	50.000.000.000	-	81.000.000.000	-

8

3 Phải thu khác

	30/06/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b1) Ngắn hạn	58.970.610.915	80.400.424	47.070.396.365	80.400.424
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	3.109.899.223	-	3.214.302.845	-
- Ký cược, ký quỹ	25.302.155.530	-	26.048.467.800	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-
- Phải thu khác	30.558.556.162	80.400.424	17.807.625.720	80.400.424
b2) Dài hạn	-	-	-	-
	58.970.610.915	80.400.424	47.070.396.365	80.400.424

4 Nợ xấu

DIỄN GIẢI	30/06/2024			31/12/2023		
	Giá trị trích lập	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng Nợ	Giá trị trích lập	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng Nợ
Tiền cấp dầu (trích lập 100%)	240.110.231		Cty CP vận tải biển Gia Hải	240.110.231		Cty CP vận tải biển Gia Hải
Vận tải (trích lập 100%)	470.085.809		Công ty CP DVTM Vận Tải Phương Mai	470.085.809		Công ty CP DVTM Vận Tải Phương Mai
Tiền cảng phí đại lý (trích lập 100%)	80.400.424		Công ty TNHH một thành viên vận tải biển đương Vinashin	80.400.424		Công ty TNHH một thành viên vận tải biển đương Vinashin
Tiền cấp dầu (trích lập 100%)	175.820.000		Công ty TNHH một thành viên vận tải biển đương Vinashin	175.820.000		Công ty TNHH một thành viên vận tải biển đương Vinashin
Tiền cấp dầu (trích lập 100%)	182.306.943		Cty xăng dầu khu vực II TNHH MTV	182.306.943		Cty xăng dầu khu vực II TNHH MTV
Hao hụt tàu năm 2010 (trích lập 100%)	263.113.139		Tàu PDS	263.113.139		Tàu PDS
Cước tàu (trích lập 100%)	404.828.608		STELLA TANKERS (SINGAPORE) PTE LTD	404.828.608		STELLA TANKERS (SINGAPORE) PTE LTD
Hao hụt tàu 2014-2015 (trích 100%)	307.629.711		Tàu PDS	307.629.711		Tàu PDS
Tiền thuê cước tàu (trích lập 100%)	70.487.100		JVL OVERSEAS PTE LTD	70.487.100		JVL OVERSEAS PTE LTD
Vệ sinh hầm hàng tàu (trích lập 100%)	101.684.000		Victory Tankers LTD	101.684.000		Victory Tankers LTD
Cước tàu (trích lập 100%)	5.861.080.914		PRUDENSOL INC	5.861.080.914		PRUDENSOL INC
Cước tàu (trích lập 100%)	1.201.399.233		Victory Tankers LTD	1.201.399.233		Victory Tankers LTD
Tiền bảo lãnh để release tàu Jupiter	6.528.040.420		BHATT & SALDANHA	6.528.040.420		BHATT & SALDANHA
Tiền bảo lãnh để release tàu Pvoil Venus	3.233.574.145		BHATT & SALDANHA	3.233.574.145		BHATT & SALDANHA
CP lập trình phần mềm	135.951.530		HELINTEC MARINE LIMITED	135.951.530		HELINTEC MARINE LIMITED
Tổng cộng	19.256.512.207	-		19.256.512.207	-	

5 Hàng Tồn Kho

	30/06/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	11.791.341.855	-	10.771.423.113	-
- Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	12.250.130.059	-	11.873.179.891	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
	24.041.471.914	-	22.644.603.004	-

(Handwritten mark)

30/06/2024

31/12/2023

6 Tài sản dở dang dài hạn

1.038.277.938

12.000.000

7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	-	1.309.777.717	1.033.472.694.369	-	-	1.034.782.472.086
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư (-)	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1.309.777.717	1.033.472.694.369	-	-	1.034.782.472.086
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	879.468.378	230.800.280.787	-	-	231.679.749.165
- Khấu hao trong kỳ	-	81.103.108	46.980.564.942	-	-	47.061.668.050
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư (-)	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	960.571.486	277.780.845.729	-	-	278.741.417.215
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	430.309.339	802.672.413.582	-	-	803.102.722.921
- Tại ngày cuối kỳ	-	349.206.231	755.691.848.640	-	-	756.041.054.871

8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	-	-	-	358.000.000	-	358.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	358.000.000	-	358.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	244.185.186	-	244.185.186
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	23.333.334	-	23.333.334
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	267.518.520	-	267.518.520
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	113.814.814	-	113.814.814
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	90.481.480	-	90.481.480

9 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính: - -

10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư - -

11 Chi phí trả trước

30/06/2024

31/12/2023

a) Ngắn hạn

12.864.794.285

16.537.070.992

- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có thể)

12.864.794.285

16.537.070.992

+ Vật tư đội tàu công ty

1.157.660.575

1.790.868.954

+ Phí bảo hiểm đội tàu công ty

6.447.713.233

5.459.019.906

+ Khác

5.259.420.477

9.287.182.132

b) Dài hạn

127.510.866.566

139.753.084.003

- Một phần cước thuê tàu trả trước 6 năm tàu PVT Flora

21.389.828.845

24.254.397.535

- Một phần cước thuê tàu trả trước 7 năm tàu PVT Diamond

12.585.812.979

14.229.010.945

- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Synergy

10.489.782.583

14.415.536.226

- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Neptune

13.404.281.934

16.896.153.700

- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Diamond

20.714.381.497

4.355.832.556

- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Flora

14.638.111.763

18.673.046.642

- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Jupiter

11.153.835.808

14.361.009.044

- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Venus

8.476.963.165

11.223.853.667

- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Saturn

14.558.871.888

21.184.128.099

- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có thể)

98.996.104

160.115.589

140.375.660.851

156.290.154.995

12 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2024		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2023	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	72.445.153.647	72.445.153.647	25.281.000.338	10.419.793.021	82.864.946.668	82.864.946.668
HDDTD 570-2020 (TP Bank)-PVT Venus	16.771.988.724	16.771.988.724	-	-	16.771.988.724	16.771.988.724
HDDTD 0675-2019 (OCB)-Neptune	15.624.323.064	15.624.323.064	666.117.648	-	14.958.205.416	14.958.205.416
HDDTD 017-23-02-0085 (VC Bank)-PVT Jupiter	23.952.660.000	23.952.660.000	23.952.660.000	-	-	-
VCB-Tây Sài Gòn	-	-	-	35.700.793.359	35.700.793.359	35.700.793.359
HDDTD 301-2019 (TP Bank)-Synergy	16.096.181.859	16.096.181.859	662.222.690	-	15.433.959.169	15.433.959.169
b) Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)	408.220.731.500	408.220.731.500	-	42.220.397.103	450.441.128.603	450.441.128.603
HDDTD 017-23-02-0085 (VC Bank)-PVT Jupiter	239.526.600.000	239.526.600.000	-	23.952.660.000	263.479.260.000	263.479.260.000
HDDTD 570-2020 (TP Bank)-PVT Venus	41.929.971.812	41.929.971.812	-	8.385.994.362	50.315.966.174	50.315.966.174
HDDTD 0675-2019 (OCB)-Neptune	66.403.474.914	66.403.474.914	-	4.648.098.360	71.051.573.274	71.051.573.274
HDDTD 301-2019 (TP Bank)-Synergy	60.360.684.774	60.360.684.774	-	5.233.644.381	65.594.329.155	65.594.329.155
	480.665.885.147	480.665.885.147	25.281.000.338	52.640.190.124	533.306.075.271	533.306.075.271

13 Trái phiếu phát hành

14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2024
a) Phải nộp	2.359.897.832	16.767.529.950	11.793.372.762	7.334.055.020
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	286.752.595	286.752.595	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	176.351.751	176.351.751	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.983.435.282	13.538.847.178	8.620.083.009	6.902.199.451
Thuế thu nhập cá nhân	376.462.550	1.253.190.464	1.197.797.445	431.855.569
Thuế nhà thầu nộp thay	-	1.141.915.810	1.141.915.810	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Các loại thuế khác	-	365.472.152	365.472.152	-
b) Phải thu	9.766.155	500.000	-	10.266.155
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	9.766.155	-	-	9.766.155
Thuế môn bài	-	500.000	-	500.000

	30/06/2024	31/12/2023
15 Chi phí phải trả		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	2.409.731.624	2.827.536.350
- Các khoản trích trước khác (*)	9.157.066.548	4.296.425.067
Cộng	11.566.798.172	7.123.961.417
b) Dài hạn		
- Chi phí lãi vay	-	-
- Các khoản trích trước khác	-	-
Cộng	-	-
16 Phải trả khác		
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	576.416.585	505.296.917
- Bảo hiểm xã hội	-	130.689.655
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	26.519.482	25.022.884
- Phải trả về tiền giữ hộ thuyền viên	8.674.358.418	7.290.182.418
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.153.943.855	8.165.026.809
Cộng	20.431.238.340	16.116.218.683
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	-	-
17 Doanh thu chưa thực hiện		
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	15.286.075.756	18.828.784.667
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
Cộng	15.286.075.756	18.828.784.667
b) Dài hạn		
- Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-
Cộng	-	-
18 Dự phòng phải trả		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hành	-	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ (phân loại CP < 1 năm)	-	-
- Dự phòng phải trả khác	-	-
Cộng	-	-
b) Dài hạn		
- Chi phí bảo hành	-	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ (phân loại trên 1 năm)	-	-
- Dự phòng phải trả khác	-	-
Cộng	-	-

✓

19 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/06/2024	31/12/2023
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.952.322.913	1.952.322.913
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.952.322.913	1.952.322.913

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

20 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	CỘNG
Số dư đầu năm trước	311.099.860.000	9.545.455	-	10.150.494.993	125.360.472.584	446.620.373.032
- Tăng vốn trong kỳ	119.773.450.000	-	-	-	-	119.773.450.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	64.067.632.948	64.067.632.948
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ (-)	-	(171.600.000)	-	87.699.079.024	(87.699.079.024)	(171.600.000)
- Lỗ trong kỳ (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	(35.817.896.702)	(35.817.896.702)
Số dư cuối năm trước	430.873.310.000	(162.054.545)	-	97.849.574.017	65.911.129.806	594.471.959.278
Số dư đầu kỳ này	430.873.310.000	(162.054.545)	-	97.849.574.017	65.911.129.806	594.471.959.278
- Tăng vốn trong kỳ (*)	-	-	-	16.016.908.237	-	16.016.908.237
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	56.194.754.310	56.194.754.310
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ (-)	-	(5.000.000)	-	-	(22.423.671.531)	(22.423.671.531)
- Lỗ trong kỳ (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	430.873.310.000	(167.054.545)	-	113.866.482.254	99.682.212.585	644.254.950.294

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2024	31/12/2023
- Vốn góp của Công ty mẹ	223.502.440.000	223.502.440.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	207.370.870.000	207.370.870.000
- Số lượng Cổ phiếu quỹ:	-	-
	430.873.310.000	430.873.310.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	311.099.860.000	311.099.860.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	311.099.860.000	311.099.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

	30/06/2024	31/12/2023
d) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-
đ) Cổ phiếu	30/06/2024	31/12/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.087.331	43.087.331
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.087.331	43.087.331
+ Cổ phiếu phổ thông	43.087.331	43.087.331
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.087.331	43.087.331
+ Cổ phiếu phổ thông	43.087.331	43.087.331
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/Cổ phiếu</i>		
e) Các quỹ của doanh nghiệp:	30/06/2024	31/12/2023
- Quỹ đầu tư phát triển	113.866.482.254	97.849.574.017
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

21 Nguồn kinh phí

22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/06/2024	31/12/2023
a) Tài sản thuê ngoài	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	2.993.652,85	300.832
- EUR	1.936,15	1.936
- JPY	-	-
- SGD	-	-
đ) Nợ khó đòi đã xử lý:	-	-

23 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình

- ...

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 2/2024	Quý 2/2023
1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu dịch vụ vận tải	283.140.786.446	179.249.395.962
- Doanh thu thương mại	98.787.272.724	-
- Doanh thu đại lý	156.531.996	93.400.000
- Doanh thu khác	4.160.788.328	5.352.037.648
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	386.245.379.494	184.694.833.610
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 2/2024	Quý 2/2023
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

☺

3 Giá vốn hàng bán	Quý 2/2024	Quý 2/2023
- Giá vốn dịch vụ vận tải	218.228.459.164	152.787.568.466
- Giá vốn thương mại	98.704.654.542	-
- Giá vốn đại lý	168.278.411	113.529.700
- Giá vốn khác	4.568.961.230	4.123.192.074
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	321.670.353.347	157.024.290.240
4 Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 2/2024	Quý 2/2023
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.265.300.248	3.229.017.083
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	3.211.109.826	6.082.534.835
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	(1.023.346.053)
Cộng	4.476.410.074	8.288.205.865
5 Chi phí tài chính	Quý 2/2024	Quý 2/2023
- Lãi tiền vay	10.010.240.388	9.105.877.445
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	3.381.420.326	129.024.353
- Chi phí tài chính khác	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	2.588.752.702	590.107.611
Cộng	15.980.413.416	9.825.009.409
6 Thu nhập khác	Quý 2/2024	Quý 2/2023
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Tiền bồi thường thu được	-	-
- Các khoản khác	1.198.864.544	361.788.210
Cộng	1.198.864.544	361.788.210
7 Chi phí khác	Quý 2/2024	Quý 2/2023
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản bị phạt	-	-
- Chi phí khác	205.244.192	464
Cộng	205.244.192	464
8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 2/2024	Quý 2/2023
a) Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.492.220.877	29.578.411.738
- Chi phí nhân công	34.875.313.451	25.190.147.149
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.490.282.471	17.360.231.842
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.734.133.779	100.319.345.472
- Chi phí khác bằng tiền	5.405.825.036	230.881.115
Cộng	337.997.775.614	172.679.017.316
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 2/2024	Quý 2/2023
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa; tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		

4

	Năm 2024	Năm 2023
9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ báo cáo:	69.733.601.488	41.232.479.640
- Điều chỉnh trong kỳ:	(2.039.365.599)	(144.656.185)
+ Thu nhập không chịu thuế	(2.474.375.851)	(340.672.239)
+ Các khoản chi phí không được khấu trừ	435.010.252	196.016.054
- Thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo	67.694.235.889	41.087.823.455
- Lỗi năm trước mang sang (-)	-	-
- Thuế suất trong kỳ báo cáo	20%	20%
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.538.847.178	8.217.564.691

	Năm 2024	Năm 2023
10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (-)	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng;	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả;	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

IX. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2024	Năm 2023
a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	-	-
c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	-	-

X. Những thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

a) Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết:	30/06/2024	31/12/2021
- Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo KQKD trong kỳ:	-	-
b) Công cụ tài chính:		
b.1 Hệ số đòn bẩy tài chính :	30/06/2024	31/12/2023
+ Các khoản vay	480.665.885.147	533.306.075.271
Trừ : Tiền và tương đương tiền	169.906.590.053	99.440.958.302
+ Nợ thuần	310.759.295.094	433.865.116.969
+ Vốn chủ sở hữu	644.254.950.294	594.471.959.278
Tỷ lệ nợ thuần trên Vốn chủ sở hữu	0,48	0,73

b.2 Quản lý rủi ro thanh khoản :**30/06/2024****31/12/2023****Tài sản tài chính**

- + Tiền và các khoản tương đương tiền.
- + Phải thu khách hàng và phải thu khác
- + Đầu tư tài chính

169.906.590.053

99.440.958.302

99.148.736.588

93.020.549.393

Tổng cộng**269.055.326.641****192.461.507.695****Công nợ tài chính**

- + Các khoản vay
- + Phải trả người bán và phải trả khác
- + Chi phí phải trả

480.665.885.147

533.306.075.271

89.516.662.050

117.546.072.360

11.566.798.172

7.123.961.417

Tổng cộng**581.749.345.369****657.976.109.048****Chênh lệch thanh khoản thuần****(312.694.018.728)****(465.514.601.353)**

- *Tình thanh khoản này cho thấy mức chênh lệch giữa công nợ và tài sản khi đến hạn trong kỳ (dài hạn);*

- *Chênh lệch trên được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.*

b.3 Quản lý rủi ro tỷ giá:**2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:****3 Thông tin về các bên liên quan:***Cổ tức:*

-	-
-	-

Nghiệp vụ, số dư Tổng Công ty với các đơn vị thành viên:

Quý 02/2024	Doanh thu hoạt động	Doanh thu tài chính/khác	Phải thu thương mại	Phải thu khác	Phải trả thương mại	Phải trả khác
- Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí	-	-	-	19.055.103.058	5.841.465.213	1.512.052.373
- Cty CP vận tải dầu khí Quảng Ngãi	-	-	-	-	-	-
- Cty CP vận tải dầu khí Hà Nội	3.324.080.542	-	1.333.603.941	-	-	-
- Cty CP Hàng Hải Thăng Long	-	-	-	-	-	-
- Cty CP vận tải dầu khí Thái Bình Dương	31.500.000	-	-	-	-	-
- Cty CP vận tải xăng dầu Phương Nam	14.000.000	-	-	-	-	-
- Cty CP vận tải sản phẩm khí Quốc tế	66.729.217	-	418.233.450	-	-	-
- Cty CP vận tải và TV Phương Đông Việt	-	-	-	-	-	-
- Cty CP vận tải dầu khí Đông Dương	3.500.000	-	-	-	31.320.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.500.000	-	-	-	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	3.500.000	-	-	-	-	-
	3.446.809.759	-	1.751.837.391	19.055.103.058	5.872.785.213	1.512.052.373

Nghiệp vụ, số dư Công ty với các đơn vị của Tập đoàn Dầu khí Việt nam:**Quý 2/2024****Quý 2/2023**

- Doanh thu dịch vụ - thương mại
- Chi phí lãi vay
- Phải thu thương mại
- Phải thu khác
- Phải trả thương mại
- Phải trả khác

-

-

-

-

-

-

80.547.945

-

-

456.121.600

1.188.702.932

1.961.222.932

✍

4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: a) Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải; b) Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý; c) Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác và d) Hoạt động thương mại.

a) Tài sản theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 30/06/2024	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ OFS/FPSO	Dịch vụ khác	Thương mại	TỔNG
Tài sản bộ phận	1.018.360.427.907	-	4.187.367.233	15.935.500	1.022.563.730.640
Tài sản không phân bổ	-	-	-	269.497.303.075	269.497.303.075
Tổng tài sản					1.292.061.033.715

Nợ phải trả bộ phận	613.373.898.135	-	17.648.071.067	198.520.700	631.220.489.902
Nợ phải trả không bộ phận	-	-	-	16.585.593.519	16.585.593.519
Tổng nợ phải trả					647.806.083.421

Tại ngày 30/06/2024	Dịch vụ vận tải	Thương mại	Dịch vụ đại lý	Dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu gộp	534.097.059.883	157.648.454.539	289.601.811	11.694.513.453	703.729.629.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần	534.097.059.883	157.648.454.539	289.601.811	11.694.513.453	703.729.629.686

b) Doanh thu theo lĩnh vực bộ phận

	Quý 2/2024	Quý 2/2023
+ Dịch vụ vận tải	283.140.786.446	179.249.395.962
+ Dịch vụ khác	4.317.320.324	5.445.437.648
+ Thương mại	98.787.272.724	-
	386.245.379.494	184.694.833.610

c) Giá vốn theo lĩnh vực bộ phận

	Quý 2/2024	Quý 2/2023
+ Dịch vụ vận tải	218.228.459.164	152.787.568.466
+ Dịch vụ khác	4.737.239.641	4.236.721.774
+ Thương mại	98.704.654.542	-
	321.670.353.347	157.024.290.240

d) Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực bộ phận

	Quý 2/2024	Quý 2/2023
+ Dịch vụ vận tải	64.912.327.282	26.461.827.496
+ Dịch vụ khác	(419.919.317)	1.208.715.874
+ Thương mại	82.618.182	-
	64.575.026.147	27.670.543.370

Đ

5 Thông tin so sánh:

.1. Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế tăng so với Quý báo cáo cùng kỳ năm trước :

Đvt: đồng Việt Nam

Nội dung	Quý 02/2024	Quý 02/2023	Chênh lệch	%CL 2024/2023
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	386.245.379.494	184.694.833.610	201.550.545.884	109.13%
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	30.187.184.471	8.722.717.728	21.464.466.743	246,08%

Nguyên nhân chênh lệch:

Trong Báo cáo Tài chính Quý 02/2024:

† Doanh thu trong Quý 02/2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023: do trong quý 02/2024, doanh thu mảng vận tải tăng do Công ty đầu tư mua thêm 01 tàu chở dầu/ hóa chất (PVT Jupiter) đưa vào khai thác từ tháng 05/2023 và thuê Bareboat thêm 01 tàu hàng rời Supramax (PVT Pearl) đưa vào khai thác từ tháng 09/2023, ngoài ra trong kỳ doanh thu hoạt động thương mại cũng tăng. Vì vậy, doanh thu tăng hơn so với cùng kỳ quý 02 năm 2023:

† Lợi nhuận trong Quý 02/2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023: thị trường vận tải khởi sắc hơn với giá cước tăng trong Quý 02/2024, và lợi nhuận tăng thêm từ các tàu đầu tư/ thuê Bareboat. Vì vậy, làm tăng lợi nhuận sau thuế trong Quý 02/2024 so với cùng kỳ năm 2023.

6 Thông tin về hoạt động liên tục: Không phát sinh

7 Những thông tin khác: Không phát sinh

NGƯỜI LẬP

TẶNG KIM THUY VI

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THÁI ĐẠO

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

HỒ SĨ THUẬN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

(Trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt)

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

CÔNG TY

*

S.Đ.Đ.

X

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022)
Bà Bùi Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022)
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022)
Bà Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022)
Ông Hà Hữu Anh	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

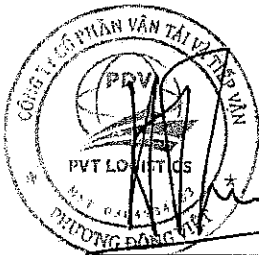
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

112
CH
ĐN
KIẾ
ĐE
VI
/7-

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2023, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

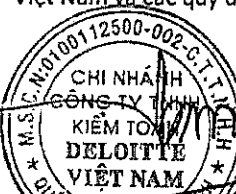
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng thực bản sao đúng với bản chính.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Quý Sang, H.D. 41020066
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 3 năm 2023, P. HỒ CHÍ MINH
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Công chứng viên

Phòng Công Chứng Nguyễn Kim Chi

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2023-001-1

Bùi Xuân Việt Hưng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		411.670.488.318	278.538.465.673
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	50.125.745.540	57.030.137.506
1. Tiền	111		15.125.745.540	7.030.137.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		196.000.000.000	50.247.945.205
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	196.000.000.000	50.247.945.205
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.825.487.898	140.841.060.874
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	62.431.220.475	109.845.867.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	20.763.301.083	3.985.753.204
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	45.887.478.547	36.368.386.169
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(19.256.512.207)	(9.358.946.112)
IV. Hàng tồn kho	140	10	17.415.145.605	12.154.151.509
1. Hàng tồn kho	141		17.415.145.605	12.154.151.509
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.304.109.275	18.265.170.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	7.510.626.524	3.140.539.807
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.783.716.596	15.114.864.617
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	9.766.155	9.766.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		509.593.141.275	596.947.818.766
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.000.000	4.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		4.000.000	4.000.000
II. Tài sản cố định	220		431.593.412.437	546.469.277.988
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	431.593.412.437	546.469.277.988
- Nguyên giá	222		586.811.698.834	849.197.316.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.218.286.397)	(302.728.038.589)
2. Tài sản vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		218.000.000	218.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.000.000)	(218.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.636.165.558	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.636.165.558	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		72.359.563.280	50.474.540.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	70.407.240.367	43.516.913.855
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.952.322.913	6.957.626.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		921.263.629.593	875.486.284.439

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


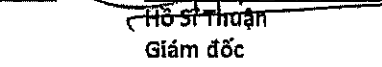
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		474.643.256.561		531.325.324.076	
I. Nợ ngắn hạn	310		245.335.380.590		262.313.446.157	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	95.301.656.669		140.908.710.075	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	9.344.324.673		6.986.028.390	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	12.644.697.204		3.383.102.475	
4. Phải trả người lao động	314		25.781.964.092		14.689.399.246	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	21.054.773.435		8.786.083.354	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.807.153.600		-	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	13.574.021.549		12.968.294.893	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	59.954.929.823		74.590.922.996	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		871.859.545		904.728	
II. Nợ dài hạn	330		229.307.875.971		269.011.877.919	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	229.307.875.971		269.011.877.919	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446.620.373.032		344.160.960.363	
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	446.620.373.032		344.160.960.363	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.099.860.000		311.099.860.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		251.099.860.000		251.099.860.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		60.000.000.000		60.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.545.455		104.545.455	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.150.494.993		8.206.500.656	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.360.472.584		24.750.054.252	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		76.073.978		450.125.038	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		125.284.398.606		24.299.929.214	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		921.263.629.593		875.486.284.439	


 Tăng Kim Thụy Vi
 Người lập biểu


 Nguyễn Thái Đạo
 Kế toán trưởng



 Hồ Sĩ Thuận
 Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

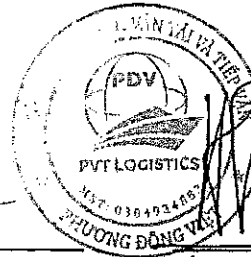
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		972.995.102.652	824.443.458.908
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	972.995.102.652	824.443.458.908
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	750.773.254.959	757.767.933.274
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		222.221.847.693	66.675.525.634
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	13.412.775.396	12.192.394.408
6. Chi phí tài chính	22	28	27.765.211.218	17.632.563.610
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.938.339.970	14.616.417.492
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	64.580.159.340	32.793.304.100
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		143.289.252.531	28.442.052.332
9. Thu nhập khác	31	30	14.548.434.387	2.136.857.445
10. Chi phí khác	32		196.175.882	143.344.312
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.352.258.505	1.993.513.133
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		157.641.511.036	30.435.565.465
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	27.351.808.420	8.473.643.906
14. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	5.005.304.010	(2.338.007.655)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		125.284.398.606	24.299.929.214
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	4.570	870



Tăng Kim Thụy Vi
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
 Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
 VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
 PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

DI
 VI
 /T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

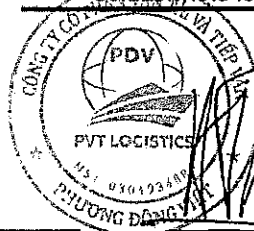
CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	157.641.511.036	30.435.565.465
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	56.434.346.890	88.273.255.303
Các khoản dự phòng	03	9.897.566.095	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.044.363.220	(5.810.225.244)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.045.976.877)	(5.862.678.363)
Chi phí lãi vay	06	16.938.339.970	14.616.417.492
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	225.910.150.334	121.652.334.653
Thay đổi các khoản phải thu	09	6.637.117.791	(110.681.356.066)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.260.994.096)	3.210.018.864
Thay đổi các khoản phải trả	11	(19.600.336.529)	92.060.182.276
Thay đổi chi phí trả trước	12	(31.260.413.229)	(33.740.664.989)
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.148.163.534)	(14.947.988.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.560.747.942)	(6.053.567.655)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.573.039.520)	(1.667.035.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	140.143.573.275	49.831.923.168
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(113.341.630)	(20.374.744.529)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	73.888.750.000	37.664.797.500
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(216.000.000.000)	(50.247.945.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.247.945.205	19.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.927.396.224	2.043.473.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.049.250.201)	(11.914.418.426)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32	(95.000.000)	(60.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	35.262.581.444	39.370.379.230
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(97.506.629.609)	(67.111.406.012)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(18.579.823.020)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(80.918.871.185)	(27.801.026.782)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.824.548.111)	10.116.477.960
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.030.137.506	46.875.315.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(79.843.855)	38.343.944
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	50.125.745.540	57.030.137.506



Tăng Kim Thụy Vi
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuần
 Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, các Giấy chứng nhận điều chỉnh và điều chỉnh gần nhất vào ngày 20 tháng 4 năm 2022, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UPCOM vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 338 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 275 người).

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

Trong năm 2022, Công ty thuê thêm tàu PVT Flora từ cổ đông lớn, Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans"), nâng tổng số tàu thuê sử dụng cho dịch vụ vận chuyển lên 3 tàu (PVT Saturn, PVT Diamond, PVT Flora). Đồng thời, Công ty đã bán tàu Phuong Dong Star trong quý 1 năm 2022, giảm số tàu do Công ty sở hữu xuống còn 3 tàu (PVT Venus, PVT Neptune, PVT Synergy).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi nhận hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	08 - 16
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm, vật tư và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm đến ba năm.

0112
CHI
ÔNG
KIẾ
DEI
VIỆ
7-7

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

10-00
HÀN
Y TÍN
TOÁN
ITTT
NAT
HỒ CH

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	378.069.503	339.529.429
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.747.676.037	6.690.608.077
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	50.000.000.000
	50.125.745.540	57.030.137.506

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn một tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn một đến hai tháng với lãi suất được hưởng từ 3,4%/năm đến 3,85%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng và mười hai (12) tháng với lãi suất được hưởng là từ 4,4%/năm đến 11%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là từ 5%/năm đến 5,4%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản tiền gửi với số tiền là 21.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 172.2022/HDTG-TSG.DVKH ký ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương – Chi nhánh Tây Sài Gòn được sử dụng để đảm bảo cho các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào của Công ty phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa Công ty với ngân hàng kể cả nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt và bồi thường thiệt hại, các loại phí, lệ phí của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 017/22/02/0351/HMNH ký ngày 09 tháng 12 năm 2022 như trình bày tại Thuyết minh số 19. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số tiền gửi được dùng để đảm bảo các nghĩa vụ vay, trả nợ và bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng là 20.247.945.205 đồng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Marida Tankers INC	27.242.121.721	12.767.420.027
Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Hoàng Anh	16.627.714.098	-
Prudensol Inc.	5.832.340.268	5.832.340.268
Công ty TNHH Khí đốt Thăng Long	-	77.132.037.686
Các đối tượng khác	8.447.903.486	11.039.036.845
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	2.114.702.379	902.988.500
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	2.166.438.523	2.172.044.287
	62.431.220.475	109.845.867.613

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Chengxi Shipyard Co.Ltd	5.712.789.120	-
Man Energy Solutions SE	5.624.515.880	-
Framo Singapore Pte Ltd.	2.118.288.448	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	470.085.809
Helintec Marine Limited	144.925.000	146.004.815
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Hàng hải Thảo Linh	-	492.861.600
Các đối tượng khác	4.065.071.826	576.793.480
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.627.625.000	2.300.007.500
	20.763.301.083	3.985.753.204

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Tạm ứng cho nhân viên	2.747.005.589	2.292.172.122
Ký cược, ký quỹ (i)	19.504.219.594	11.010.813.000
Bhatt & Saldanha (ii)	9.441.451.085	9.313.230.247
Thuế giá trị gia tăng được hoàn	-	11.299.027.919
Khác	3.548.825.254	2.453.142.881
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	10.645.977.025	-
	45.887.478.547	36.368.386.169

(i) Đây là khoản tiền ứng trước để đảm bảo thực hiện hợp đồng khí cho khách hàng thuê tàu PVT Neptune, PVT Venus và PVT Flora tham gia thị trường Word Pool theo hợp đồng Pool Agreement ngày 05 tháng 5 năm 2021, ngày 01 tháng 11 năm 2021 và ngày 22 tháng 02 năm 2022 với tổng giá trị là 803.000 Đô la Mỹ tương đương với 18.798.230.000 đồng trong 12 tháng; và tiền đặt cọc thuê văn phòng theo hợp đồng số 1157/HĐ-QLVP-PL13 ngày 04 tháng 5 năm 2021 với giá trị là 589.893.000 đồng; và các khoản tiền đặt cọc khác với giá trị 116.096.594 đồng.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc giải phóng tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ bởi tòa Monjasa tại Kolkata và tòa Bunkernet tại Hylinda của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Singapore) PTE.Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ, Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi vụ kiện. Dựa trên các thông tin mới nhất về tình hình vụ kiện, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này khó có khả năng thu hồi được và Công ty đã lập dự phòng 100% cho khoản tiền này.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đối tượng Nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị lập dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	62.431.220.475	7.883.238.986	109.845.867.613	7.883.238.986
Marida Tankers INC	27.242.121.721	-	12.767.420.027	-
Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Hoàng Anh	16.627.714.098	-	-	-
Prudensol Inc	5.832.340.268	5.832.340.268	5.832.340.268	5.832.340.268
Phải thu khách hàng khác	8.447.903.486	2.050.898.718	88.171.074.531	2.050.898.718
Bên liên quan	4.281.140.902	-	3.075.032.787	-
Khác	45.887.478.547	11.373.273.221	36.368.386.169	1.475.707.126
Bhatt & Saldanha	9.441.451.085	9.441.451.085	9.313.230.246	-
Các khoản phải thu khác	36.446.027.462	1.931.822.136	27.055.155.923	1.475.707.126
	108.318.699.022	19.256.512.207	146.214.253.782	9.358.946.112

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ. Ban Giám đốc Công ty đánh giá không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	3.596.166.106	2.446.984.783
Các khoản khác	3.914.460.418	693.555.024
	7.510.626.524	3.140.539.807
b. Dài hạn		
Chi phí thuê tàu		
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Flora	29.999.274.303	-
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Diamond	17.524.435.440	20.819.859.937
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Diamond	7.530.123.488	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Saturn	5.690.676.832	10.299.224.817
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Neptune	5.581.898.316	2.520.463.110
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Synergy	3.804.744.510	7.930.371.087
Chi phí sửa chữa lớn tàu Phương Đông Star	-	1.423.969.911
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	403.650.276
Các khoản khác	276.087.478	119.374.717
	70.407.240.367	43.516.913.855

12/11/18 HI VG IET IET

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	848.443.924.000	753.392.577	849.197.316.577
Tăng trong năm	-	556.385.140	556.385.140
Thanh lý, nhượng bán	(262.942.002.883)	-	(262.942.002.883)
Số dư cuối năm	585.501.921.117	1.309.777.717	586.811.698.834
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	302.135.932.682	592.105.907	302.728.038.589
Khấu hao trong năm	56.358.817.215	75.529.675	56.434.346.890
Thanh lý, nhượng bán	(203.944.099.082)	-	(203.944.099.082)
Số dư cuối năm	154.550.650.815	667.635.582	155.218.286.397
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	546.307.991.318	161.286.670	546.469.277.988
Số dư cuối năm	430.951.270.302	642.142.135	431.593.412.437

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 581.174.344.892 đồng và 427.302.551.610 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: lần lượt là 843.250.090.939 đồng và 542.240.474.914 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 381.192.579 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.212.713.050 đồng).

Trong Quý 1 năm 2022, Công ty đã bán tàu Phương Đông Star với giá bán là 73.888.750.000 đồng (giá trị còn lại 58.997.903.801 đồng), theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 03/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 01 năm 2022.

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.952.322.913	6.957.626.923
	1.952.322.913	6.957.626.923

Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	Khấu hao tài sản cố định VND	Dự phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	4.619.619.268	-	4.619.619.268
Ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	2.338.007.655	-	2.338.007.655
Số dư đầu năm nay	6.957.626.923	-	6.957.626.923
Ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	(6.957.626.923)	1.952.322.913	(5.005.304.010)
Số dư cuối năm nay	-	1.952.322.913	1.952.322.913

200

PH
CH
NK

P H

0-01
HÀN
Y TI
TOÁ
IT
NA
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần đầu tư AMN	19.019.198.729	-
International Marine & Energy DMCC	4.346.320.356	4.221.497.280
Cambrian Bulk Limited	4.694.466.746	-
Công ty TNHH Gas Venus	-	77.105.790.850
Công ty TNHH HD Shipping	-	5.296.500.000
Phải trả cho các đối tượng khác	55.862.642.548	48.487.287.038
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	11.335.014.780	5.765.734.907
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. HCM	33.912.000	31.900.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.101.510	-
	95.301.656.669	140.908.710.075

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã thu/ nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
	9.766.155	-	-	9.766.155
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	22.248.693	22.248.693	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	5.473.485	5.473.485	-
Thuế nhập khẩu	-	8.924.160	8.924.160	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.197.157	1.743.966.317	1.273.432.066	621.731.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.231.905.318	27.351.808.420	18.560.747.942	12.022.965.796
Thuế nhà thầu	-	2.944.126.739	2.944.126.739	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế khác	-	162.547.097	162.547.097	-
	3.383.102.475	32.243.094.911	22.981.500.182	12.644.697.204

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ampol Shipping & Logistics Pte. Ltd	4.490.337.264	-
Petco Trading Labuan Company Limited	4.820.198.163	-
Các đối tượng khác	33.789.246	6.986.028.390
	9.344.324.673	6.986.028.390

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	2.463.008.611	1.619.405.038
Chi phí phải trả khác	18.591.764.824	7.166.678.316
	21.054.773.435	8.786.083.354

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	7.374.250.984	5.654.596.903
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	583.266.323	573.890.004
Kinh phí công đoàn	486.596.710	127.158.943
Phải trả khác	3.291.313.520	2.445.101.111
b. Bên liên quan		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	1.014.750.000
Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí (Lô 01/97& 02/97) - Công ty TNHH	-	805.350.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	296.972.932	296.972.932
Công ty TNHH MTV điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước- Lô 05.1a	-	1.257.025.000
Tổng Công ty thăm dò khai thác Dầu Khí - Công ty TNHH	-	793.450.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	40.900.000	-
Cổ đông Công ty	1.500.721.080	-
	13.574.021.549	12.968.294.893

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn (*)	13.668.386.267	29.316.220.006
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	46.286.543.556	45.274.702.990
	59.954.929.823	74.590.922.996

(*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/22/02/0351/HMHN ký ngày 09 tháng 12 năm 2022 với hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo mỗi khoản vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như trình bày ở Thuyết minh số 5. Lãi suất vay áp dụng sẽ được ghi trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)		
- Vay dài hạn	78.633.102.073	90.518.514.331
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.977.733.232	14.482.961.890
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (ii)		
- Vay dài hạn	67.087.954.898	83.859.943.622
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.724	16.771.988.724
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (iii)		
- Vay dài hạn	83.586.819.000	94.633.419.966
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.536.821.600	14.019.752.376
	275.594.419.527	314.286.580.909
Trong đó:		
- Vay dài hạn	229.307.875.971	269.011.877.919
- Nợ dài hạn đến hạn trả	46.286.543.556	45.274.702.990

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 301/2018/HDTD/TTKD Q3/01 ký ngày 02 tháng 01 năm 2019 với số tiền vay là 138.990.000.000 đồng (tương đương 6.000.000 Đô la Mỹ theo hợp đồng hoán đổi tỷ giá hai đồng tiền) để đầu tư mua tàu PVT Synergy. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Synergy. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,5%/năm.

- (ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HĐTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 03 tháng 12 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở lãi suất cơ sở dài hạn đồng USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.
- (iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,2%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	46.286.543.556	45.274.702.990
Trong năm thứ hai	46.286.543.556	45.274.702.990
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	138.859.630.669	135.824.108.970
Sau năm năm	44.161.701.746	87.913.065.959
	275.594.419.527	314.286.580.909
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(46.286.543.556)	(45.274.702.990)
	229.307.875.971	269.011.877.919

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	31.109.986	311.099.860.000	31.109.986	311.099.860.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	31.109.986	311.099.860.000	31.109.986	311.099.860.000

Cổ phần	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	31.109.986		31.109.986	
+ Cổ phần phổ thông	25.109.986		25.109.986	
+ Cổ phần ưu đãi	6.000.000		6.000.000	
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	31.109.986		31.109.986	
+ Cổ phần phổ thông	25.109.986		25.109.986	
+ Cổ phần ưu đãi	6.000.000		6.000.000	

Công ty đã phát hành 25.109.986 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 6.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức (trong đó có 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,4 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cổ tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông).

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	295.000.000.000	164.545.455	5.640.832.100	20.270.876.446	321.076.254.001
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.299.929.214	24.299.929.214
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	16.099.860.000	-	-	(16.099.860.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(60.000.000)	-	-	(60.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	2.565.668.556	(2.565.668.556)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(855.222.852)	(855.222.852)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư đầu năm nay	311.099.860.000	104.545.455	8.206.500.656	24.750.054.252	344.160.960.363
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	125.284.398.606	125.284.398.606
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(95.000.000)	-	-	(95.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	1.943.994.337	(1.943.994.337)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.943.994.337)	(1.943.994.337)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(20.285.991.600)	(20.285.991.600)
Số dư cuối năm	311.099.860.000	9.545.455	10.150.494.993	125.360.472.584	446.620.373.032

Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311.099.860.000 đồng lên 511.099.860.000 đồng (phát hành thêm 20.000.000 cổ phiếu phổ thông). Việc phát hành cổ phiếu này sẽ được chia làm 02 đợt: đợt 1 dự kiến phát hành 12.000.000 cổ phiếu và đợt 2 dự kiến phát hành 8.000.000 cổ phiếu, để bổ sung vốn đầu tư 02 tàu gồm 01 tàu đầu/hóa chất trọng tải 19.000-25.000 DWT và 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax trọng tải 25.000-75.000 DWT. Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã xây dựng phương án triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo từng đợt theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 11 năm 2022 và đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho đợt 1. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để phát hành thêm cổ phiếu đợt 1 và Công ty vẫn đang triển khai thực hiện kế hoạch này.

Trong năm 2022, Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt cho cổ đông theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 8 năm 2022. Tỷ lệ thực hiện chia cổ tức đối với cổ phiếu phổ thông là 6%, đối với cổ phiếu ưu đãi cổ tức bằng 1,5 lần cổ phiếu phổ thông là 9% và đối với cổ phiếu ưu đãi cổ tức bằng 1,4 lần cổ phiếu phổ thông là 8,4%.

Chi tiết các cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	161.373.610.000	51,87	161.373.610.000	51,87
Công ty TNHH Tân Long	80.400.000.000	25,84	80.400.000.000	25,84
Các cổ đông khác	69.326.250.000	22,29	69.326.250.000	22,29
	311.099.860.000	100	311.099.860.000	100

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	397.450	223.923
Euro ("EUR")	810	1.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>102.595.110.115</u>	<u>56.891.131.000</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	111.711.776.500	50.923.026.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	404.961.100.900	182.295.940.900
Trên năm năm	<u>67.896.221.400</u>	-
	<u>584.569.098.800</u>	<u>233.218.967.400</u>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê như sau:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và được gia hạn tiếp trong vòng 03 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong năm;
- Thuê tàu từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans"):
 - Thuê tàu PVT Saturn theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng ký ngày 18 tháng 10 năm 2022 với thời hạn thuê là 7 (bảy) năm + 4 (bốn) năm (theo quyền lựa chọn của bên cho thuê) tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 (bảy) năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.
 - Thuê tàu PVT Diamond theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021 và thuê tàu PVT Flora theo hợp đồng số 143/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 29 tháng 10 năm 2021 với thời hạn thuê lần lượt là 7 năm và 6 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo hợp đồng thuê PVTrans có quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, Công ty sẽ tham gia mua tàu PVT Diamond với giá mua tại thời điểm năm thứ 7 sau thời điểm bàn giao tàu là 4.500.000 Đô la Mỹ và mua tàu PVT Flora với giá mua tại thời điểm năm thứ 5 hoặc năm thứ 6 sau thời điểm bàn giao tàu với giá lần lượt là 6.750.000 Đô la Mỹ và 5.000.000 Đô la Mỹ. Đồng thời, trong năm 2021 Công ty cũng đã ký kết Biên bản thỏa thuận bán tàu PVT Diamond và tàu PVT Flora với cổ đông lớn là Công ty TNHH Tân Long ("Tân Long"), trong đó quy định khi Công ty có nhu cầu bán, Tân Long cam kết mua lại. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

Cam kết vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tờ trình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư năm 2022 bao gồm đầu tư thêm 2 tàu từ nguồn vốn phát hành thêm cổ phiếu như đã trình bày ở Thuyết minh số 21 và đầu tư thêm 01 tàu dầu/hóa chất trọng tải 13.000 DWT để thay thế tàu PV Oil Jupiter. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang triển khai thực hiện kế hoạch này.

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tải bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.
- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.
- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí, v.v. được thực hiện ở cả thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thông tin bổ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

SỐ CUỐI NĂM	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	609.700.501.883	18.950.949.143	67.515.575	7.265.931.491	635.984.898.092
Tài sản không phân bổ					285.278.731.501
Tổng tài sản					921.263.629.593
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	425.947.354.006	19.217.719.429	1.755.562.321	12.800.918.854	459.721.554.610
Nợ phải trả không phân bổ					14.921.701.951
Tổng nợ phải trả					474.643.256.561

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM NAY	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	811.078.150.537	114.414.283.007	384.140.895	47.118.528.213	972.995.102.652
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác					-
Tổng doanh thu	811.078.150.537	114.414.283.007	384.140.895	47.118.528.213	972.995.102.652
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	215.634.130.758	90.339.493	(27.286.707)	6.524.664.149	222.221.847.693
Chi phí không phân bổ					(64.580.159.340)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					157.641.688.353
Doanh thu hoạt động tài chính					13.412.775.396
Lợi nhuận khác					14.352.258.505
Chi phí tài chính					(27.765.211.218)
Lợi nhuận trước thuế					157.641.511.036
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(27.351.808.420)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(5.005.304.010)
Lợi nhuận trong năm					125.284.398.606

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Bảng cân đối kế toán

SỐ ĐẦU NĂM	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	640.439.744.856	77.036.618.110	241.900.082	5.832.136.001	723.550.399.049
Tài sản không phân bổ					151.935.885.390
Tổng tài sản					<u>875.486.284.439</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	437.921.286.544	77.304.311.550	5.457.968.344	6.007.266.838	526.690.833.276
Nợ phải trả không phân bổ					4.634.490.800
Tổng nợ phải trả					<u>531.325.324.076</u>
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>					
NĂM TRƯỚC	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	554.355.754.911	239.152.918.637	441.016.057	30.493.769.303	824.443.458.908
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	<u>554.355.754.911</u>	<u>239.152.918.637</u>	<u>441.016.057</u>	<u>30.493.769.303</u>	<u>824.443.458.908</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	63.097.651.874	67.330.941	48.451.104	3.462.091.715	66.675.525.634
Chi phí không phân bổ					(32.793.304.100)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					33.882.221.534
Doanh thu hoạt động tài chính					12.192.394.408
Lợi nhuận khác					1.993.513.133
Chi phí tài chính					(17.632.563.610)
Lợi nhuận trước thuế					30.435.565.465
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(8.473.643.906)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.338.007.655
Lợi nhuận trong năm					<u>24.299.929.214</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thương mại	114.414.283.007	239.152.918.637
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	811.078.150.537	554.355.754.911
Doanh thu dịch vụ đại lý tàu biển	384.140.895	441.016.057
Doanh thu hoạt động khác	47.118.528.213	30.493.769.303
	972.995.102.652	824.443.458.908

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thương mại	114.323.943.514	239.085.587.696
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	595.444.019.779	491.258.103.037
Giá vốn dịch vụ đại lý tàu biển	411.427.602	392.564.953
Giá vốn hoạt động khác	40.593.864.064	27.031.677.588
	750.773.254.959	757.767.933.274

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.153.719.366	85.338.245.962
Chi phí nhân công	136.472.613.520	82.900.273.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.434.346.890	88.273.255.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.285.012.092	210.190.992.947
Chi phí dự phòng	9.897.566.095	-
Chi phí khác bằng tiền	72.786.212.822	84.772.881.816
	701.029.470.785	551.475.649.678

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	7.155.130.678	2.662.722.916
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.257.644.718	9.529.671.492
	13.412.775.396	12.192.394.408

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	16.938.339.970	14.616.417.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.826.871.248	3.016.146.118
	27.765.211.218	17.632.563.610

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	31.513.343.005	20.812.809.822
Chi phí mua ngoài	20.417.509.403	9.912.471.693
Chi phí trích lập dự phòng	9.897.566.095	-
Các khoản khác	2.751.740.837	2.068.022.585
	64.580.159.340	32.793.304.100

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	1.358.386.076	340.237.917
Thu từ thanh lý tài sản cố định	12.843.021.173	959.017.483
Thu nhập khác	347.027.138	837.602.045
	14.548.434.387	2.136.857.445

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	26.955.083.063	8.467.291.270
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	396.725.357	6.352.636
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.351.808.420	8.473.643.906

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	157.641.511.036	30.435.565.465
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	11.922.038.885	27.309.356.349
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(34.788.134.606)	(15.408.465.465)
Thu nhập chịu thuế	134.775.415.315	42.336.456.349
<i>Thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	26.955.083.063	8.467.291.270

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	125.284.398.606	24.299.929.214
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	10.022.751.888	1.943.994.337
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	500.000.000	500.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	114.761.646.718	21.855.934.877
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	25.109.986	25.109.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.570	870

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 8% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng Ban điều hành trích 500.000.000 đồng.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2021 lần lượt là 8% trên lợi nhuận sau thuế và 500.000.000 đồng.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phân phối từ lợi nhuận năm. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số sau trình bày lại VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.943.994.337	1.943.994.337
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	500.000.000	500.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.299.929.214	(2.443.994.337)	21.855.934.877
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	25.109.986	-	25.109.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	968	(98)	870

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long (Tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	Thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.754.363.849	3.719.080.120

Chi tiết thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm theo từng đối tượng như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Hoàng Đức Chính	Chủ tịch	-	280.886.000
Ông Nguyễn Trọng Quý	Chủ tịch	857.842.667	449.403.600
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	120.000.000	24.000.000
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	970.774.333	875.798.626
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT	120.000.000	24.000.000
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	120.000.000	24.000.000
Ông Phạm Huy Hiệp	Phó Giám đốc	-	348.965.970
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc	118.975.372	618.079.534
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	794.698.864	607.422.652
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	796.450.315	270.367.987
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng	725.122.298	591.559.351
Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm Soát	36.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm Soát	22.500.000	-
Bà Bùi Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm Soát	39.500.000	18.000.000
Ông Hà Hữu Anh	Thành viên Ban Kiểm Soát	12.500.000	12.000.000
Bà Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm Soát	7.500.000	12.000.000
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên Ban Kiểm Soát	12.500.000	12.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày trong các Thuyết minh số 6, 7, 8, 14, 18 và 21.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 2.463.008.611 đồng (năm 2021: 1.619.405.038 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, và đã bao gồm số tiền 1.619.405.038 đồng (năm 2021: 1.975.636.347 đồng) là số tiền lãi vay phải trả chưa thanh toán vào cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 2.435.997.261 đồng (năm 2021: 1.208.262.807 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa nhận được, và đã bao gồm số tiền 1.208.262.807 đồng (năm 2021: 589.013.699 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận được trong năm nay.

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 443.043.510 đồng (2021: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm đồng 1.500.721.080 đồng (2021: 0) là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

35. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

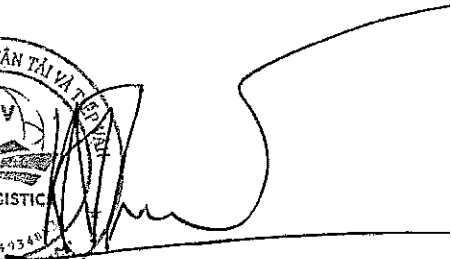
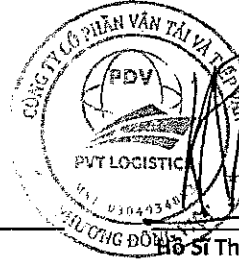
Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình xử lý vụ việc va chạm tàu PVT Saturn vào tháng 11 năm 2022 tại Trung Quốc và đang chờ đơn phán quyết từ công vụ Trung Quốc. Công ty chưa xác định được nghĩa vụ bồi thường (nếu có) phát sinh từ vụ va chạm này. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin rằng sẽ không phát sinh các nghĩa vụ bồi thường mà Công ty cần phải trích lập dự phòng.



Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu

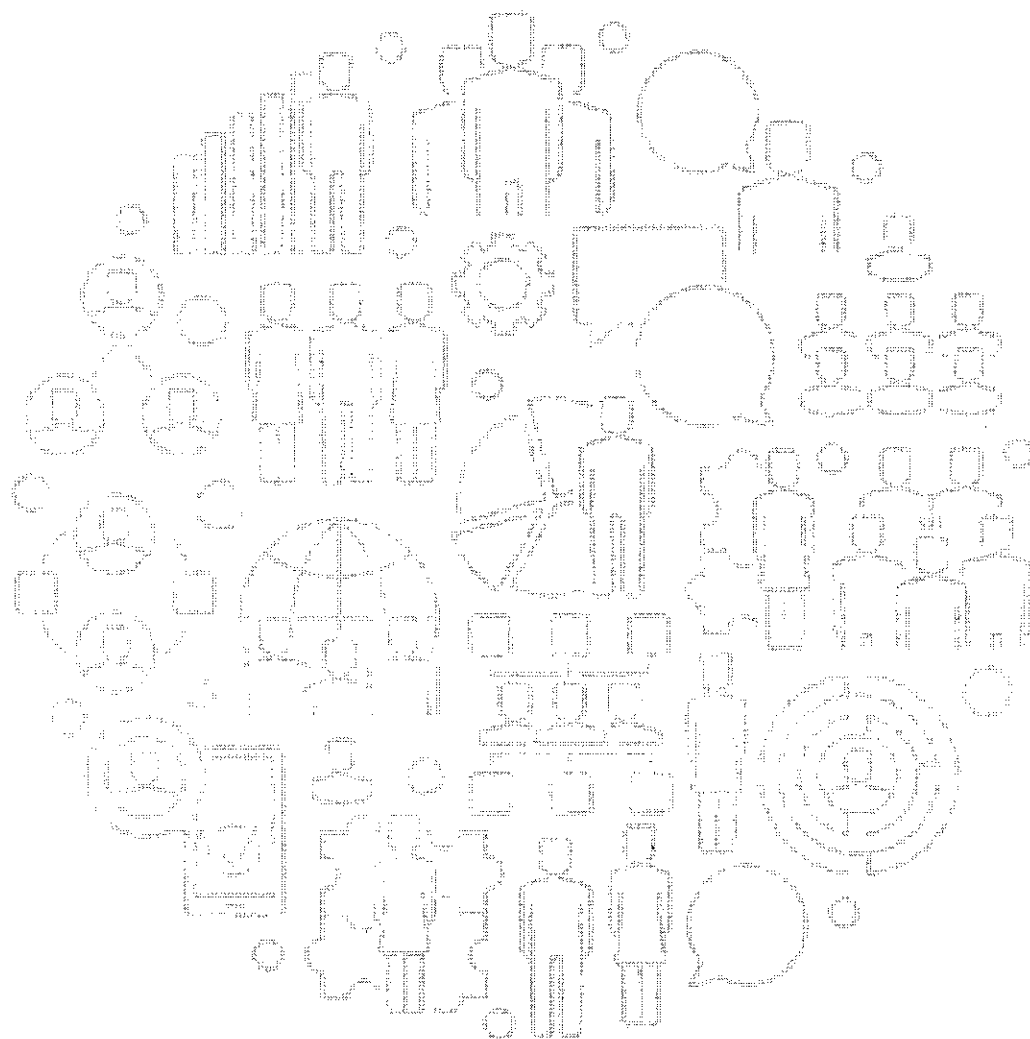


Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng


Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2023





Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57 - 69F Đồng Khởi, P. Bến Nghé,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com

© 2022 Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

(Trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt)

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MAKING AN
IMPACT THAT
MATTERS**

since 1845

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**
(Trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt)

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Quý	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2023) Thành viên từ ngày 29 tháng 11 năm 2023
Ông Lê Trúc Lâm	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023) Phụ trách Hội đồng Quản trị Công ty từ ngày 29 tháng 11 năm 2023
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2023)
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Bùi Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

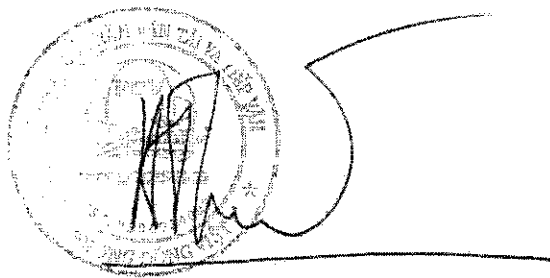
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

A circular stamp of the company is visible on the left, containing the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT'. A handwritten signature is written over the stamp and extends to the right.

Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

PHẦN C
BAN
T M
LC
ST
TP.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

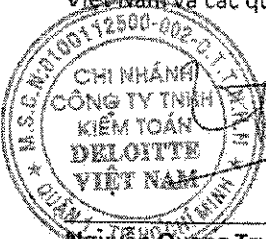
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Ngày: 07-05-2024

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0733-2023-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2110-2023-001-1

Nguyễn Kim Chi

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		351.658.877.497	411.670.488.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	99.440.958.302	50.125.745.540
1. Tiền	111		9.440.958.302	15.125.745.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.000.000.000	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		81.000.000.000	196.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	81.000.000.000	196.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.259.036.015	109.825.487.898
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.950.153.028	62.431.220.475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.494.998.829	20.763.301.083
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	47.070.396.365	45.887.478.547
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(19.256.512.207)	(19.256.512.207)
III. Hàng tồn kho	140	10	22.644.603.004	17.415.145.605
1. Hàng tồn kho	141		22.644.603.004	17.415.145.605
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.314.280.176	38.304.109.275
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	16.537.070.992	7.510.626.524
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.767.443.029	30.783.716.596
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	9.766.155	9.766.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		959.727.584.651	509.593.141.275
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.793.640.000	4.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	14.793.640.000	4.000.000
II. Tài sản cố định	220		803.216.537.735	431.593.412.437
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	803.102.722.921	431.593.412.437
- Nguyên giá	222		1.034.782.472.086	586.811.698.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(231.679.749.165)	(155.218.286.397)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	113.814.814	-
- Nguyên giá	228		358.000.000	218.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.185.186)	(218.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.000.000	5.636.165.558
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.000.000	5.636.165.558
V. Tài sản dài hạn khác	260		141.705.406.916	72.359.563.280
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	139.753.084.003	70.407.240.367
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.952.322.913	1.952.322.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.311.386.462.148	921.263.629.593

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

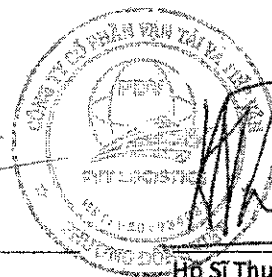
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		716.914.502.870	474.643.256.561
I. Nợ ngắn hạn	310		266.473.374.267	245.335.380.590
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	101.429.853.677	95.301.656.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	38.329.802	9.344.324.673
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.359.897.832	12.644.697.204
4. Phải trả người lao động	314		32.682.303.074	25.781.964.092
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.123.961.417	21.054.773.435
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	18.828.784.667	6.807.153.600
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	16.116.218.683	13.574.021.549
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	82.864.946.668	59.954.929.823
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.029.078.447	871.859.545
II. Nợ dài hạn	330		450.441.128.603	229.307.875.971
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	450.441.128.603	229.307.875.971
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		594.471.959.278	446.620.373.032
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	594.471.959.278	446.620.373.032
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.873.310.000	311.099.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.873.310.000	251.099.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(162.054.545)	9.545.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		97.849.574.017	10.150.494.993
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.911.129.806	125.360.472.584
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.843.496.858	76.073.978
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		64.067.632.948	125.284.398.606
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.311.386.462.148	921.263.629.593



Tăng Kim Thụy Vi
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
 Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

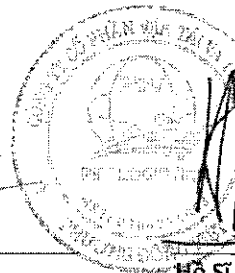
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.076.582.474.185	972.995.102.652
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	1.076.582.474.185	972.995.102.652
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	936.403.079.970	750.773.254.959
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		140.179.394.215	222.221.847.693
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	22.733.549.306	13.412.775.396
6. Chi phí tài chính	22	30	45.270.406.196	27.765.211.218
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.250.849.378	16.938.339.970
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	52.582.627.136	64.580.159.340
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		65.059.910.189	143.289.252.531
9. Thu nhập khác	31	32	15.644.848.227	14.548.434.387
10. Chi phí khác	32		551.379.656	196.175.882
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		15.093.468.571	14.352.258.505
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		80.153.378.760	157.641.511.036
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	16.085.745.812	27.351.808.420
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	-	5.005.304.010
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		64.067.632.948	125.284.398.606
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.987	4.363

Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

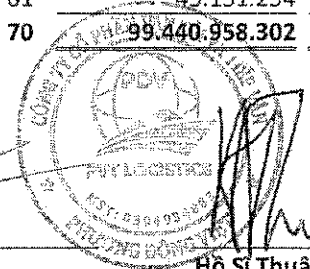
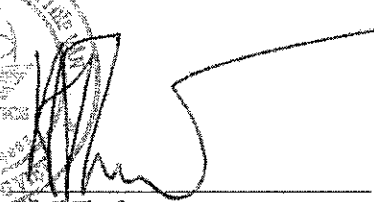
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.153.378.760	157.641.511.036
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	76.487.647.954	56.434.346.890
Các khoản dự phòng	03	-	9.897.566.095
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.580.604.379	7.044.363.220
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.142.923.309)	(22.045.976.877)
Chi phí lãi vay	06	35.250.849.378	16.938.339.970
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	184.329.557.162	225.910.150.334
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.342.839.166)	6.637.117.791
Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.229.457.399)	(5.260.994.096)
Thay đổi các khoản phải trả	11	9.012.701.326	(19.600.336.529)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(78.372.288.104)	(31.260.413.229)
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.389.899.142)	(16.148.163.534)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.125.276.326)	(18.560.747.942)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.413.689.000)	(1.573.039.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.468.809.351	140.143.573.275
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(448.550.816.762)	(113.341.630)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	73.888.750.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.000.000.000)	(216.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	185.000.000.000	70.247.945.205
5. Thu lãi tiền gửi	27	13.616.265.777	5.927.396.224
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(319.934.550.985)	(66.049.250.201)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	119.773.450.000	-
2. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32	(171.600.000)	(95.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	380.318.948.091	35.262.581.444
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(142.692.075.849)	(97.506.629.609)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.492.919.100)	(18.579.823.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	331.735.803.142	(80.918.871.185)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	49.270.061.508	(6.824.548.111)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	50.125.745.540	57.030.137.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	45.151.254	(79.843.855)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	99.440.958.302	50.125.745.540


Tăng Kim Thụy Vĩ
Người lập biểu


Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc
Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, các Giấy chứng nhận điều chỉnh và điều chỉnh gần nhất vào ngày 20 tháng 4 năm 2022, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UPCOM vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 390 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 338 người).

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

Trong năm 2023, Công ty thuê thêm tàu PVT Pearl từ Cổ đông lớn là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTTrans"), nâng tổng số tàu thuê sử dụng cho dịch vụ vận chuyển lên 4 tàu (PVT Saturn, PVT Diamond, PVT Flora và PVT Pearl). Đồng thời, Công ty đã mua thêm tàu mới PVT Jupiter trong quý 2 năm 2023, nâng tổng số tàu do Công ty sở hữu lên 4 tàu (PVT Venus, PVT Neptune, PVT Synergy và PVT Jupiter).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã quyết định thành lập chi nhánh phụ thuộc với tên là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt- Trung tâm thuyền viên PV Trans (gọi tắt là "Chi nhánh"), tại địa chỉ số 232 đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chi nhánh được thành lập vào ngày 18 tháng 8 năm 2023 với hoạt động kinh doanh chính của chi nhánh bao gồm giáo dục nghề nghiệp; Hoạt động tư vấn quản lý; Cung ứng và quản lý nguồn lao động: tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải, dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH), cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH); Bán buôn vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Giáo dục khác; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm); Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi nhận hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	08 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI SẢN

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm, vật tư và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm trả trước thuê tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	418.142.064	378.069.503
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.022.816.238	14.747.676.037
Các khoản tương đương tiền	90.000.000.000	35.000.000.000
	99.440.958.302	50.125.745.540

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 3,8%/năm đến 4,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn một tháng với lãi suất được hưởng là 6%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng với lãi suất được hưởng là từ 3,8%/năm đến 5,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng và mười hai (12) tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là từ 4,4%/năm đến 11%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi với số tiền là 21.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 139.2023/HĐTG-TSG.DVKH ký ngày 29 tháng 05 năm 2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương – Chi nhánh Tây Sài Gòn được sử dụng để đảm bảo cho các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào của Công ty phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa Công ty với ngân hàng kể cả nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt và bồi thường thiệt hại, các loại phí, lệ phí của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 017/22/02/0351/HMNH ký ngày 09 tháng 12 năm 2022 như trình bày tại Thuyết minh số 21.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Marida Tankers INC	20.950.715.144	27.242.121.721
Jade Union Shipping Co., Ltd	9.315.236.268	-
Prudensol Inc.	5.861.080.914	5.832.340.268
Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Hoàng Anh.	-	16.627.714.098
Các đối tượng khác	8.312.368.300	8.447.903.486
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.510.752.402	2.114.702.379
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	-	2.166.438.523
	45.950.153.028	62.431.220.475

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
SAACKE GmbH	552.727.851	72.708.095
Musasino Marine and Offshore Pte Ltd	533.452.132	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	470.085.809
Fleet Ship Management Inc.	460.736.149	-
Chengxi Shipyard Co.Ltd	-	5.712.789.120
MAN Energy Solutions SE	-	5.624.515.880
Framo Singapore Pte Ltd.	-	2.118.288.448
Các đối tượng khác	2.477.996.888	4.137.288.731
b. Bên liên quan		
Tổng công ty Cổ phần Vận tải dầu khí	-	2.627.625.000
	4.494.998.829	20.763.301.083

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
a. Bên thứ ba		
Tạm ứng cho nhân viên	3.214.302.845	2.747.005.589
Ký cược, ký quỹ (i)	26.048.467.800	19.504.219.594
Bhatt & Saldanha (ii)	9.761.614.565	9.441.451.085
Bồi thường bảo hiểm (iii)	5.900.000.000	-
Khác	1.843.097.185	3.548.825.254
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	65.229.038	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	237.684.932	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	10.645.977.025
	47.070.396.365	45.887.478.547
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ từ bên thứ ba	22.000.000	4.000.000
Ký cược, ký quỹ từ bên liên quan (iv)	14.771.640.000	-
	14.793.640.000	4.000.000

(i) Đây là khoản tiền ứng trước để đảm bảo thực hiện hợp đồng khi cho khách hàng thuê tàu PVT Neptune, PVT Venus, PVT Flora và PVT Saturn tham gia Womar Pool theo hợp đồng Pool Agreement lần lượt ngày 05 tháng 5 năm 2021, ngày 01 tháng 11 năm 2021, ngày 22 tháng 02 năm 2022 và ngày 21 tháng 02 năm 2023 với tổng giá trị là 1.053.000 Đô la Mỹ tương đương với 25.356.240.000 đồng trong 12 tháng; và tiền đặt cọc thuê văn phòng theo hợp đồng số 1157/HĐ-LG ngày 01 tháng 10 năm 2008 và các phụ lục với giá trị là 633.975.000 đồng; và các khoản tiền đặt cọc khác với giá trị 58.252.800 đồng.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc giải phóng tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ bởi tòa Monjasa tại Kolkata và tòa Bunkernet tại Hylinda của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Singapore) PTE.Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ, Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi vụ kiện. Dựa trên các thông tin mới nhất về tình hình vụ kiện, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản đặt cọc này khó có khả năng thu hồi được và Công ty đã lập dự phòng 100% cho khoản tiền này.

(iii) Đây là khoản bồi thường liên quan đến tổn thất tuabin máy chính của tàu PVT Synergy từ Công ty Bảo hiểm PJIICO Bạch Đằng theo công văn số 189/2023/BDA/HHA/TBBT ngày 28 tháng 12 năm 2023.

(iv) Đây là khoản tiền đặt cọc để đảm bảo thuê tàu PVT Saturn và PVT Pearl từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí lần lượt theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của hợp đồng thuê tàu số 100/HD2017/PVT-PDV và hợp đồng thuê tàu số 152/HD2023/PVT-PVTL ngày 27 tháng 9 năm 2023.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đối tượng Nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số lập dự phòng	Giá gốc	Số lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	45.950.153.028	7.883.238.986	62.431.220.475	7.883.238.986
Marida Tankers INC	20.950.715.144	-	27.242.121.721	-
Jade Union Shipping Co., Ltd	9.315.236.268	-	-	-
Prudensol Inc.	5.861.080.914	5.861.080.914	5.832.340.268	5.832.340.268
Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Hoàng Anh	-	-	16.627.714.098	-
Phải thu khách hàng khác	8.312.368.300	2.022.158.072	8.447.903.486	2.050.898.718
Bên liên quan	1.510.752.402	-	4.281.140.902	-
Khác	46.832.711.433	11.373.273.221	45.887.478.547	11.373.273.221
Văn phòng luật sư Bhatt & Saldanha	9.761.614.565	9.761.614.565	9.441.451.085	9.441.451.085
Các khoản phải thu khác	37.071.096.868	1.611.658.656	36.446.027.462	1.931.822.136
	92.782.864.461	19.256.512.207	108.318.699.022	19.256.512.207

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên các tàu tại ngày kết thúc niên độ, được sử dụng trong quá trình vận hành tàu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	5.459.019.906	3.596.166.106
Vật tư đội tàu	1.790.868.954	1.059.448.126
Các khoản khác	9.287.182.132	2.855.012.292
	16.537.070.992	7.510.626.524
b. Dài hạn		
Chi phí thuê tàu		
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Flora	24.254.397.535	29.999.274.303
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Diamond	14.229.010.945	17.524.435.440
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Jupiter	14.361.009.044	-
Chi phí sửa chữa tàu lớn PVT Flora	18.673.046.642	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Synergy	14.415.536.226	3.804.744.510
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Venus	11.223.853.667	-
Chi phí sửa chữa tàu lớn PVT Saturn	21.184.128.099	5.690.676.832
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Diamond	4.355.832.556	7.530.123.488
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Nepturn	16.896.153.700	5.581.898.316
Các khoản khác	160.115.589	276.087.478
	139.753.084.003	70.407.240.367

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	585.501.921.117	1.309.777.717	586.811.698.834
Tăng trong năm	447.970.773.252	-	447.970.773.252
Số dư cuối năm	1.033.472.694.369	1.309.777.717	1.034.782.472.086
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	154.550.650.815	667.635.582	155.218.286.397
Khấu hao trong năm	76.249.629.972	211.832.796	76.461.462.768
Số dư cuối năm	230.800.280.787	879.468.378	231.679.749.165
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	<u>430.951.270.302</u>	<u>642.142.135</u>	<u>431.593.412.437</u>
Số dư cuối năm	<u>802.672.413.582</u>	<u>430.309.339</u>	<u>803.102.722.921</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 1.029.145.118.144 đồng và 799.442.492.553 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lần lượt là 581.174.344.892 đồng và 427.302.551.610 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 381.192.579 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 381.192.579 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	218.000.000
Tăng trong năm	140.000.000
Số dư cuối năm	358.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	218.000.000
Khấu hao trong năm	26.185.186
Số dư cuối năm	244.185.186
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	<u>113.814.814</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 218.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 218.000.000 đồng).

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.952.322.913	1.952.322.913
	1.952.322.913	1.952.322.913

Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	Khấu hao tài sản cố định VND	Dự phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	6.957.626.923	-	6.957.626.923
Ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	(6.957.626.923)	1.952.322.913	(5.005.304.010)
Số dư đầu năm nay và cuối năm nay	-	1.952.322.913	1.952.322.913

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư GLC	4.167.034.796	1.219.830.640
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hoàng Sa	4.288.518.543	1.445.620.350
The Swedish Club	3.627.610.292	-
Cty TNHH MTV Đóng Tàu và Công Nghiệp Hàng Hải Sài Gòn	4.495.432.014	-
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Đại Dương Xanh	4.676.474.130	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Hàng hải Bách Lâm	3.606.269.247	-
Công ty Cổ phần đầu tư AMN	-	19.019.198.729
International Marine & Energy DMCC	-	4.346.320.356
Cambrian Bulk Limited	-	4.694.466.746
Phải trả cho các đối tượng khác	70.077.973.804	53.197.191.558
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.447.632.451	11.335.014.780
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. HCM	31.320.000	33.912.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	11.588.400	10.101.510
	101.429.853.677	95.301.656.669

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã thu/nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
	9.766.155	-	-	9.766.155
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	307.257.599	307.257.599	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	231.361.864	231.361.864	-
Thuế thu nhập cá nhân	621.731.408	2.149.282.335	2.394.551.193	376.462.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.022.965.796	16.085.745.812	26.125.276.326	1.983.435.282
Thuế nhà thầu	-	1.689.328.566	1.689.328.566	-
Thuế môn bài	-	4.500.000	4.500.000	-
Thuế khác	-	60.071	60.071	-
	12.644.697.204	20.467.536.247	30.752.335.619	2.359.897.832

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ampol Shipping & Logistics Pte. Ltd	-	4.490.337.264
Petco Trading Labuan Company Limited	-	4.820.198.163
Các đối tượng khác	38.329.802	33.789.246
	38.329.802	9.344.324.673

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	2.827.536.350	2.463.008.611
Chi phí phải trả khác	4.296.425.067	18.591.764.824
	7.123.961.417	21.054.773.435

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện giá trị cước thuê tàu mà Công ty đã nhận trước từ các khách hàng thuê tàu PVT Diamond, PVT Synergy và PVT Jupiter (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: tàu PVT Synergy).

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	7.290.182.418	7.374.250.984
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	155.712.539	583.266.323
Kinh phí công đoàn	505.296.917	486.596.710
Phải trả khác	4.562.302.299	3.291.313.520
b. Bên liên quan		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	296.972.932	296.972.932
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	527.046.798	40.900.000
Các cổ đông công ty	2.778.704.780	1.500.721.080
	16.116.218.683	13.574.021.549

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	35.700.793.359	13.668.386.267
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	47.164.153.309	46.286.543.556
	82.864.946.668	59.954.929.823

(*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/22/02/0351/HMHN ký ngày 09 tháng 12 năm 2022 với hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo mỗi khoản vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như trình bày ở Thuyết minh số 5. Lãi suất vay áp dụng sẽ được ghi trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)		
- Vay dài hạn	263.479.260.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)		
- Vay dài hạn	65.594.329.155	78.633.102.073
- Nợ dài hạn đến hạn trả	15.433.959.169	14.977.733.232
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành (iii)		
- Vay dài hạn	50.315.966.174	67.087.954.898
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.724	16.771.988.724
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (iv)		
- Vay dài hạn	71.051.573.274	83.586.819.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.958.205.416	14.536.821.600
	497.605.281.912	275.594.419.527
Trong đó:		
- Vay dài hạn	450.441.128.603	229.307.875.971
- Nợ dài hạn đến hạn trả	47.164.153.309	46.286.543.556

- (i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/23/02/0085 ký ngày 17 tháng 5 năm 2023 với hạn mức tín dụng tối đa là tương đương 12.740.000 Đô la Mỹ nhưng tối đa không quá 309.523.200.000 Việt Nam đồng để đầu tư mua tàu PVT Jupiter. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là ngày 17 tháng 5 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Jupiter. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm theo thỏa thuận giữa ngân hàng và Công ty tại thời điểm nhận nợ.
- (ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 301/2018/HDTD/TTKD Q3/01 ký ngày 02 tháng 01 năm 2019 với số tiền vay là 138.990.000.000 đồng (tương đương 6.000.000 Đô la Mỹ theo hợp đồng hoán đổi tỷ giá hai đồng tiền) để đầu tư mua tàu PVT Synergy. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 07 tháng 01 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Synergy. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SOFR 6 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng α (0,42%/năm) cộng 3,5%/năm.
- (iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HDTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 03 tháng 12 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở lãi suất cơ sở dài hạn đồng USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.
- (iv) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTĐ-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SOFR 6 tháng cộng α (0,17028%/năm) cộng biên độ 3,2%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	47.164.153.309	46.286.543.556
Trong năm thứ hai	95.069.473.309	46.286.543.556
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	268.436.431.205	138.859.630.669
Sau năm năm	86.935.224.089	44.161.701.746
	497.605.281.912	275.594.419.527
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(47.164.153.309)	(46.286.543.556)
	450.441.128.603	229.307.875.971

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	43.087.331	430.873.310.000	31.109.986	311.099.860.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	43.087.331	430.873.310.000	31.109.986	311.099.860.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	43.087.331	31.109.986
+ Cổ phần phổ thông	43.087.331	25.109.986
+ Cổ phần ưu đãi	-	6.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	43.087.331	31.109.986
+ Cổ phần phổ thông	43.087.331	25.109.986
+ Cổ phần ưu đãi	-	6.000.000

Công ty đã phát hành 37.087.331 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 6.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức (trong đó có 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,4 lần so với cổ phần phổ thông) đã được chuyển thành cổ phần phổ thông kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2023, sau 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức.

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	311.099.860.000	104.545.455	8.206.500.656	24.750.054.252	344.160.960.363
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	125.284.398.606	125.284.398.606
Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần	-	(95.000.000)	-	-	(95.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.943.994.337	(1.943.994.337)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.943.994.337)	(1.943.994.337)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(20.285.991.600)	(20.285.991.600)
Số dư đầu năm nay	311.099.860.000	9.545.455	10.150.494.993	125.360.472.584	446.620.373.032
Tăng vốn trong năm	119.773.450.000	-	-	-	119.773.450.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	64.067.632.948	64.067.632.948
Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần	-	(171.600.000)	-	-	(171.600.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	87.699.079.024	(87.699.079.024)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.264.219.930)	(6.264.219.930)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(2.505.687.972)	(2.505.687.972)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(27.047.988.800)	(27.047.988.800)
Số dư cuối năm nay	430.873.310.000	(162.054.545)	97.849.574.017	65.911.129.806	594.471.959.278

Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 03 năm 2022. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn lần 1 với 11.977.345 cổ phiếu chào bán ra công chúng. Công ty đang tiếp tục thực hiện đợt tăng vốn lần 2 (80 tỷ đồng) để kịp thời bổ sung nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư đã được phê duyệt của Công ty.

Trong năm 2023, Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt cho cổ đông theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2023 và đã thực hiện chi trả trong quý 3 và 4 năm 2023. Tỷ lệ thực hiện chia cổ tức đối với cổ phiếu phổ thông là 8%, đối với cổ phiếu ưu đãi cổ tức bằng 1,5 lần cổ phiếu phổ thông là 12% và đối với cổ phiếu ưu đãi cổ tức bằng 1,4 lần cổ phiếu phổ thông là 11,2%.

Chi tiết các cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	223.502.440.000	51,87	161.373.610.000	51,87
Công ty TNHH Tân Long	111.354.000.000	25,84	80.400.000.000	25,84
Các cổ đông khác	96.016.870.000	22,29	69.326.250.000	22,29
	430.873.310.000	100	311.099.860.000	100

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	300.832	397.450
Euro ("EUR")	1.936	810

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	126.814.634.780	102.595.110.115

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	171.145.775.800	111.711.776.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	596.558.709.600	404.961.100.900
Trên năm năm	101.264.699.000	67.896.221.400
	868.969.184.400	584.569.098.800

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê như sau:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và được gia hạn tiếp trong vòng 03 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong năm;
- Thuê tàu từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans"):
 - Thuê tàu PVT Saturn theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng ký ngày 18 tháng 10 năm 2022 với thời hạn thuê là 7 (bảy) năm + 4 (bốn) năm (theo quyền lựa chọn của bên cho thuê) tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 (bảy) năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

- Thuê tàu PVT Diamond theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021 và thuê tàu PVT Flora theo hợp đồng số 143/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 29 tháng 10 năm 2021 với thời hạn thuê lần lượt là 7 năm và 6 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo hợp đồng thuê PVTrans có quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, Công ty sẽ tham gia mua tàu PVT Diamond với giá mua tại thời điểm năm thứ 7 sau thời điểm bàn giao tàu là 4.500.000 Đô la Mỹ và mua tàu PVT Flora với giá mua tại thời điểm năm thứ 5 hoặc năm thứ 6 sau thời điểm bàn giao tàu với giá lần lượt là 6.750.000 Đô la Mỹ và 5.000.000 Đô la Mỹ. Đồng thời, trong năm 2021 Công ty cũng đã ký kết 02 Biên bản thỏa thuận bán tàu PVT Diamond và tàu PVT Flora với cổ đông lớn là Công ty TNHH Tân Long ("Tân Long"), trong đó quy định khi Công ty có nhu cầu bán, Tân Long cam kết mua lại. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.
- Thuê tàu PVT Pearl theo hợp đồng số 152/HD2023/PVT-PVTL ký ngày 27 tháng 9 năm 2023 với thời hạn thuê là 7 (bảy) năm + 4 (bốn) năm (theo quyền lựa chọn của PVTrans) tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 (bảy) năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

Cam kết vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt kế hoạch tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu từ 311,1 tỷ đồng lên 511,1 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn đầu tư thêm tàu nhằm mở rộng và trẻ hóa đội tàu, tăng năng lực vận tải và sức cạnh tranh trên thị trường trong năm 2023. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn lần 1 từ 311,1 tỷ đồng lên 431 tỷ đồng để đầu tư mua tàu PVT Jupiter. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đang trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn lần hai.

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.
- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.
- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí, v.v. được thực hiện ở cả thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

SỐ CUỐI NĂM	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.067.854.298.869	-	6.599.997.692	1.074.454.296.561
Tài sản không phân bổ				236.932.165.587
Tổng tài sản				1.311.386.462.148
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	695.748.639.693	198.520.700	12.620.383.810	708.567.544.203
Nợ phải trả không phân bổ				8.346.958.667
Tổng nợ phải trả				716.914.502.870

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM NAY	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	775.088.759.208	271.957.642.038	29.536.072.939	1.076.582.474.185
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	775.088.759.208	271.957.642.038	29.536.072.939	1.076.582.474.185
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	134.204.521.002	465.242.671	5.509.630.542	140.179.394.215

Chi phí không phân bổ	(52.582.627.136)			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	87.596.767.079			
Doanh thu hoạt động tài chính	22.733.549.306			
Lợi nhuận khác	15.093.468.571			
Chi phí tài chính	(45.270.406.196)			
Lợi nhuận trước thuế	80.153.378.760			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.085.745.812)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-			
Lợi nhuận trong năm	64.067.632.948			



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Bảng cân đối kế toán

SỐ ĐẦU NĂM	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	609.700.501.883	18.950.949.143	7.333.447.066	635.984.898.092
Tài sản không phân bổ				285.278.731.501
Tổng tài sản				921.263.629.593
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	425.947.354.006	19.217.719.429	14.556.481.175	459.721.554.610
Nợ phải trả không phân bổ				14.921.701.951
Tổng nợ phải trả				474.643.256.561

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM TRƯỚC	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	811.078.150.537	114.414.283.007	47.502.669.108	972.995.102.652
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	811.078.150.537	114.414.283.007	47.502.669.108	972.995.102.652
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	215.634.130.758	90.339.493	6.497.377.442	222.221.847.693
Chi phí không phân bổ				(64.580.159.340)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				157.641.688.353
Doanh thu hoạt động tài chính				13.412.775.396
Lợi nhuận khác				14.352.258.505
Chi phí tài chính				(27.765.211.218)
Lợi nhuận trước thuế				157.641.511.036
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(27.351.808.420)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(5.005.304.010)
Lợi nhuận trong năm				125.284.398.606

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thương mại	271.957.642.038	114.414.283.007
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	775.088.759.208	811.078.150.537
Doanh thu hoạt động khác	29.536.072.939	47.502.669.108
	1.076.582.474.185	972.995.102.652

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thương mại	271.492.399.367	114.323.943.514
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	640.884.238.206	595.444.019.779
Giá vốn hoạt động khác	24.026.442.397	41.005.291.666
	936.403.079.970	750.773.254.959

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.848.310.467	69.153.719.366
Chi phí nhân công	138.622.527.437	136.472.613.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.487.647.954	56.434.346.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.363.092.862	356.285.012.092
Chi phí dự phòng	-	9.897.566.095
Chi phí khác bằng tiền	116.171.729.019	72.786.212.822
	717.493.307.739	701.029.470.785

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	12.142.923.309	7.155.130.678
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.590.625.997	6.257.644.718
	22.733.549.306	13.412.775.396

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	35.250.849.378	16.938.339.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.019.556.818	10.826.871.248
	45.270.406.196	27.765.211.218

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	28.685.228.466	31.513.343.005
Chi phí mua ngoài	21.061.630.444	20.417.509.403
Chi phí trích lập dự phòng	-	9.897.566.095
Các khoản khác	2.835.768.226	2.751.740.837
	52.582.627.136	64.580.159.340

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	12.639.305.676	1.358.386.076
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	12.843.021.173
Thu nhập khác	3.005.542.551	347.027.138
	15.644.848.227	14.548.434.387

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	15.377.663.026	26.955.083.063
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	708.082.786	396.725.357
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.085.745.812	27.351.808.420

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	80.153.378.760	157.641.511.036
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	936.092.089	11.922.038.885
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.201.155.720)	(34.788.134.606)
Thu nhập chịu thuế	76.888.315.129	134.775.415.315
<i>Thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.377.663.026	26.955.083.063

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	64.067.632.948	125.284.398.606
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	3.203.381.647	6.264.219.930
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	1.281.352.659	2.505.687.972
Cổ tức cổ phiếu ưu đãi	-	6.960.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.582.898.642	109.554.490.704
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	29.991.774	25.109.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.987	4.363

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 5% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng Ban điều hành được trích theo tỷ lệ là 2% trên lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2022 lần lượt là 5% và 2% trên lợi nhuận sau thuế.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế và cổ tức cổ phiếu ưu đãi được phân phối từ lợi nhuận năm 2022. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số sau trình bày lại VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.022.751.888	(3.758.531.958)	6.264.219.930
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	500.000.000	2.005.687.972	2.505.687.972
Cổ tức cổ phiếu ưu đãi	-	6.960.000.000	6.960.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	114.761.646.718	(5.207.156.014)	109.554.490.704
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	25.109.986	-	25.109.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.570	(207)	4.363

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	Thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải
 Công ty TNHH Tân Long

Mối quan hệ

Thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu quản lý tàu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	16.622.207.070	22.149.348.330
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	4.281.744.759	23.934.925.492
Doanh thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.224.043.303	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	3.000.000	-
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	336.450.023	-
Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	142.476.472.275	103.126.814.068
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	383.820.000	382.800.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	175.669.427	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	45.181.200	45.852.250
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	38.451.495	37.314.792
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	6.165.801	304.580.604
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	-	5.983.093.575
Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông lớn:		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	62.128.830.000	-
Công ty TNHH Tân Long	30.954.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	6.125.890.252	4.754.363.849

Chi tiết thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm theo từng đối tượng như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Lê Trúc Lâm	Phụ trách HĐQT/Thành viên HĐQT độc lập	80.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Quý	Thành viên HĐQT	1.005.898.651	857.842.667
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	1.418.490.908	970.774.333
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	260.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	290.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT	20.000.000	120.000.000
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc	-	118.975.372
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	929.055.054	794.698.864
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	919.208.254	796.450.315
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc	365.830.605	-

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng	643.406.780	725.122.298
Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm Soát	85.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm Soát	51.000.000	22.500.000
Bà Bùi Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm Soát	58.000.000	39.500.000
Ông Hà Hữu Anh	Thành viên Ban Kiểm Soát	-	12.500.000
Ông Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm Soát	-	7.500.000
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên Ban Kiểm Soát	-	12.500.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày trong các Thuyết minh số 6, 7, 8, 15, 20 và 23.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 2.827.536.350 đồng (năm 2022: 2.463.008.611 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, và đã bao gồm số tiền 2.463.008.611 đồng (năm 2022: 1.619.405.038 đồng) là số tiền lãi vay phải trả chưa thanh toán vào cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

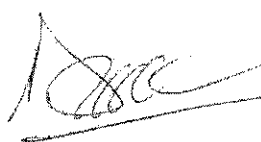
Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 962.654.793 đồng (năm 2022: 2.435.997.261 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa nhận được, và đã bao gồm số tiền 2.435.997.261 đồng (năm 2022: 1.208.262.807 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận được trong năm nay.

Tiền chi mua tài sản trong năm không bao gồm 0 đồng (2022: 443.043.510 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

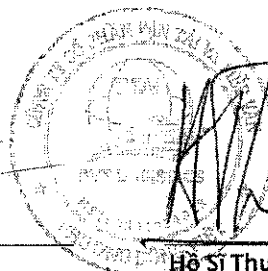
Tiền chi trả cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm đồng 2.778.704.780 đồng (2022: 1.500.721.080 đồng) là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024



